

JAN-PHILIPP SENDKER

Đỗ Phan Thu Hà dịch

*Lặng nhìn đời
qua những thanh âm*

NHÀ XUẤT BẢN
HONG ĐỨC



JAN-PHILIPP SENDKER

Lặng nhìn đời
qua những thanh âm

ĐỖ PHAN THU HÀ *dịch*

Phát hành: IPM
Nhà xuất bản Hồng Đức 10/2017

ebook©vctvegroup

27/06/2019

*Dành tặng Anna, Florentine cùng Jonathan
Và tưởng nhớ Vivian Wong (1969-2000)*

1

Tôi bắt gặp ánh mắt của người đó. Hai con người trũng sâu, ông ta lom lom nhìn tôi. Thật ra, mấy người trong quán trà đều đang tọc mạch dõi theo tôi, nhưng ông ta là kẻ táo tợn hơn cả. Chừng như tôi là thứ sinh vật ngoại lai ông ta chưa thấy bao giờ.

Tôi cố lờ đi và liếc quanh quán trà. Một cái lán nhỏ, vài ba bộ bàn ghế trên nền đất khô bụi bặm. Sát bức vách phía xa kê chiếc tủ kính bày bánh ngọt và bánh gạo bám đầy ruồi. Cạnh đó, nước pha trà đang sôi sùng sục trong chiếc ấm đặt trên bếp ga. Những chai soda màu cam được chất trong mấy thùng gỗ ở góc. Tôi chưa từng tới nơi nào tồi tàn đến thế. Nóng như đổ lửa. Mồ hôi mẹ, mồ hôi con túa ra từ thái dương và cổ. Quần jeans bết vào người. Tôi ngồi trên ghế, bản khoăn chưa biết làm gì thì ông ta đứng dậy, tiến lại gần.

“Cô gái trẻ, tôi thành thật xin lỗi vì sự mạo muội này,” ông ta lên tiếng và ngồi xuống bàn tôi. “Tôi biết như vậy thực khiếm nhã, nhất là khi chúng ta chưa hề quen biết, hoặc ít nhất, với cô, tôi hoàn toàn xa lạ. Tên tôi là U Ba. Tôi đã được nghe rất nhiều về cô. Tôi biết chứ, điều đó cũng không có nghĩa tôi được phép hành xử lỗ mãng thế này. Hẳn cô khó chịu lắm khi bị một kẻ lạ hoắc bắt chuyện trong một quán trà ở thành phố lạ, tại một vùng đất cũng xa lạ nốt. Tôi hiểu chứ, thực đó, nhưng tôi mong, đúng hơn là tôi cần được hỏi cô một câu. Tôi đã chờ đợi cơ hội này bao lâu nay, giờ cô đang ở ngay đây, tôi thật không thể chỉ ngồi nhìn và im lặng.

“Chính xác thì tôi đã đợi bốn năm. Bao buổi chiều, tôi cứ đi đi lại lại trên con đường chính bụi mịt mù, nơi xe buýt sẽ thả xuống vài vị

khách du lịch lạc bước đến nơi đây. Thi thoảng, vào những ngày hiếm hoi có máy bay đáp xuống từ thủ đô, nếu thu xếp được, tôi sẽ tới cái phi trường tin hìn ấy để kiểm tìm cô.

“Đăng đăng bao tháng ngày.

“Tôi không có ý trách cô đâu. Xin đừng hiểu lầm. Tôi chỉ là một lão già chẳng biết mấy nữa sẽ nhắm mắt xuôi tay. Người dân nước tôi mau già, lại còn chết trẻ. Cái kết của cuộc đời tôi sắp sửa gần kề. Nhưng tôi còn một câu chuyện chưa kể, câu chuyện dành riêng cho cô.

“Cô cười. Có lẽ cô nghĩ tôi mất trí, khùng điên, không thì cũng lập dị? Cô có lý do để tin như vậy. Nhưng tôi xin cô, xin cô đừng quay mặt đi. Đừng để vẻ ngoài của tôi đánh lừa.

“Ánh mắt cô đang mất dần kiên nhẫn. Làm ơn, hãy giúp tôi thỏa nguyện. Không có ai đang đợi cô, đúng chứ? Cô tới một mình, tôi cũng đoán vậy. Cho tôi xin ít phút. Hãy ngồi đây cùng tôi thêm chút nữa thôi, Julia.

“Cô bất ngờ phải không? Đôi mắt nâu xinh đẹp của cô đang mở to, và lần đầu tiên, cô nhìn thẳng vào tôi. Ất cô kinh ngạc lắm. Cô đang tự hỏi làm thế nào tôi biết tên cô khi chúng ta còn chưa hề gặp mặt, chưa kể, đây là lần đầu tiên cô đến đất nước này. Cô thầm nghĩ hay tôi thấy nhãn tên của cô đâu đó, trên áo khoác hoặc chiếc ba lô nhỏ. Không đâu. Tôi biết tên cô, ngày và thậm chí cả giờ cô cất tiếng khóc chào đời. Tôi biết tất cả về cô bé Jule thích nhất được nghe cha kể chuyện. Tôi còn có thể nói ngay tác phẩm cô bé yêu thích nhất: *Chuyện chàng hoàng tử, công chúa và cá sấu*.

“Julia Win. Sinh ngày 28 tháng Tám năm 1968 tại thành phố New York. Mẹ người Mỹ. Cha người Myanmar. Họ của cô là một phần câu chuyện của tôi, một phần cuộc đời tôi từ khi tôi sinh ra. Suốt bốn năm qua, không một ngày nào tôi không nghĩ về cô. Tôi sẽ tuần tự giải thích tất cả, nhưng hãy để tôi hỏi cô một câu trước đã: Cô có tin vào tình yêu không?

“Cô cười kìa. Trông cô đẹp quá. Tôi nghiêm túc đấy. Cô có tin vào tình yêu không, Julia?”

“Dĩ nhiên, tôi không nhắc tới niềm đam mê bất chợt khiến ta làm những việc, nói những lời để sau này hối tiếc, khiến ta tưởng rằng ta không thể sống nếu thiếu ai kia, khiến ta run rẩy trong âu lo vì rất có thể ta sẽ mất đi người ấy. Loại cảm xúc bòn rút tâm hồn, bởi muốn sở hữu thứ nằm ngoài tầm với, muốn níu chặt thứ sẽ vụt bay.

“Không. Tôi muốn nói về thứ tình yêu khiến kẻ mù thấy rạng. Thứ tình yêu mạnh hơn sợ hãi. Thứ tình yêu thổi hồn vào cuộc sống, chống lại quy luật lụi tàn của tạo hóa, giúp ta thăng hoa, thách thức mọi giới hạn. Tôi nói đến chiến thắng của tinh thần trước đa đoan và chết chóc.

“Cô lắc đầu. Cô không tin. Cô không biết tôi đang lái nhải điều gì. Tôi chẳng bất ngờ đâu. Nhưng khoan đã. Cô sẽ hiểu ngay thôi khi nghe xong câu chuyện, những điều tôi ấp ủ trong lòng suốt bốn năm qua. Tôi chỉ xin cô kiên nhẫn thêm một chút. Trời đã tối, còn cô ắt đã mệt nhoài vì chuyến đi xa. Nếu cô muốn, ngày mai, ta hãy gặp lại nhau, vào đúng lúc này, tại chiếc bàn này, trong quán trà này. Nhân tiện, đây là nơi tôi đã gặp cha cô. Ông ngồi đó, trên chính chiếc ghế đầu cô đang ngồi và bắt đầu câu chuyện. Khi ấy, tôi cũng đang ngồi trên chiếc ghế này đây. Thật lòng, tôi đã rất sửng sốt, nghi ngờ, thậm chí là bối rối. Tôi chưa từng được nghe câu chuyện nào như vậy. Ngôn từ có thể mọc cánh được chăng? Liệu chúng có thể lướt bay trong không trung như loài bướm? Khiến ta đắm say, đưa ta phiêu du đến những miền đất mới? Liệu chúng có thể mở ra những ngăn khóa thăm sâu trong hồn ta? Tôi không rõ, riêng mình ngôn từ thì có đủ hay chăng, nhưng Julia à, giọng nói của ông ngày hôm đó, hẳn đời người cũng chỉ được một lần lắng nghe.

“Chất giọng trầm khàn, khiến tất cả mọi người trong quán trà đều cảm động đến rơi nước mắt. Lời nói góp nhặt thành câu chuyện, từ đó sinh ra một cuộc đời, tỏa rạng sức mạnh và phép nhiệm màu của nó.

Những điều tôi được nghe ngày hôm đó đã hun đúc niềm tin trong tôi, giống như trong cha cô.

“Ta không theo đạo, và U Ba à, tình yêu là thứ duy nhất ta tin tưởng trong cuộc đời này.” Đó là lời cha cô đã nói.”

U Ba đứng dậy. Ông chấp hai tay trước ngực, khẽ cúi đầu, rồi nhẹ nhàng rời khỏi quán trà.

Tôi dõi theo đến khi ông ta biến mất giữa phố phường tấp nập.

Không, tôi muốn gọi với theo. Tôi có tin vào tình yêu không ư? Hỏi gì thật lạ. Như thế tình yêu là một thứ tôn giáo, ta tin hoặc không tin. Không, tôi muốn nói với người đàn ông ấy, không có thứ gì quyền uy hơn sợ hãi. Không có chiến thắng nào vượt qua được cái chết. Không.

Tôi uể oải ngồi chờ người trên chiếc ghế đầu thấp tũn, cảm thấy giọng nói của ông ta vẫn vang vọng bên tai. Chất giọng ôn hòa và du dương, khác với cha tôi.

Hãy ngồi đây cùng tôi thêm chút nữa thôi, Julia, Julia, Julia...

Cô có tin vào tình yêu, tình yêu...

Lời cha cô đã nói, lời cha cô...

Đầu tôi ong lên, sức lực cạn kiệt. Như vừa tỉnh dậy khỏi cơn ác mộng kinh hoàng. Ruồi vo ve xung quanh, chúng đậu lên tóc, lên trán, lên tay tôi. Nhưng tôi chẳng còn sức đuổi chúng đi. Trước mắt tôi là ba chiếc bánh khô khốc. Mặt bàn phủ đầy đường nâu dính dính.

Tôi cố nhấp một ngụm trà. Trà nguội ngắt, tay tôi run lấy bầy. Có sao tôi lại lắng nghe vị khách lạ đó lâu đến thế? Tôi đã có thể yêu cầu ông ta dừng lại. Đã có thể bỏ đi. Nhưng có thứ gì đó níu chân tôi ở lại. Khi tôi định quay đi, ông ta đã nói: Julia, Julia Win. Tôi chưa từng nghĩ, tiếng gọi tên tôi lại có thể khiến chính tôi thảng thốt đến nhường ấy. Làm thế nào ông ta biết được? Có thật ông quen cha tôi không?

Ông ta gặp ông lần cuối khi nào? Liệu ông ta có biết ông còn sống hay đã mất, nếu còn sống thì giờ đang ở nơi đâu không?

Người phục vụ không nhận tiền.

“Quán chúng tôi chào đón bạn của U Ba,” ông cúi đầu nói.

Tôi vẫn rút một tờ kyat* từ túi quần ra. Tờ tiền cũ mềm và bẩn thỉu. Tôi đặt nó dưới đĩa. Người phục vụ dọn bàn nhưng không động đến tờ tiền. Tôi chỉ vào nó. Ông mỉm cười.

Tiền ít quá ư? Hay dơ quá? Tôi để một tờ mệnh giá lớn hơn và sạch sẽ hơn lên bàn. Ông lại cúi đầu và mỉm cười, để mặc tờ tiền ở đó.

Bên ngoài còn oi bức hơn. Cái nóng khiến tôi tê liệt. Tôi đứng trước quán trà, chân không nhấc nổi. Mặt trời thiêu đốt da thịt, những tia nắng chói chang chiếu thẳng vào mắt. Tôi đội mũ lưỡi trai lên và kéo sụp xuống.

Đường phố đông nghịt nhưng yên tĩnh lạ lùng. Hiếm lắm mới thấy ô tô hay xe máy. Mọi người đa phần đi bộ hoặc đạp xe. Có ba chiếc xe ngựa và một cỗ xe bò đỗ ở ngã tư. Số ô tô ít ỏi trên đường đều là xe bán tải cũ của Nhật, móp méo và gỉ sét, chật như nêm với những thanh niên đang ôm cứng gác túi xách hay giỏ mây.

Hai bên đường là dãy hàng quán dựng bằng ván, mái lợp tôn thấp lè tè, nơi người ta bán đủ mọi thứ, từ gạo, lạc, bột mì, dầu gội đầu đến Coca-Cola và bia. Không có một trật tự nào cả, hoặc có mà tôi không nhìn ra.

Cách hai hàng lại có một quán trà, khách ngồi trên những chiếc ghế đầu gỗ con con. Họ chít khăn đỏ và xanh quanh đầu, không mặc quần mà quần váy longyi*.

Trước mặt tôi là vài người phụ nữ với đôi má, hàng lông mày và mũi đều bôi thứ gì đó màu vàng, họ đang phì phèo những điếu thuốc dài ngoằng xanh thẫm. Tất cả đều gầy gò nhưng không hề khắc khổ,

bước đi thanh thoát và nhẹ bẫng, mang phong thái tôi luôn ngưỡng mộ ở cha.

Cả cái cách họ quan sát tôi, nhìn thẳng vào mặt và mắt tôi chẳng ngại ngần rồi mỉm cười nữa. Tôi không hiểu ý nghĩa ẩn sau nụ cười ấy. Chỉ cần họ khúc khích thôi cũng đủ khiến tôi chột dạ.

Những người khác gật đầu chào tôi. Gì vậy, họ biết tôi ư? Tất cả bọn họ, giống như U Ba, đều biết tôi sẽ đến sao? Tôi cố không nhìn họ. Tôi rảo bước thật nhanh xuống đường cái, hai mắt dán vào vài điểm vô định phía xa xăm.

Tôi nhớ New York, nhớ sự ồn ào và dòng xe qua lại. Nhớ những khuôn mặt lãnh đạm của người qua đường, chẳng màng đến bất kì ai khác. Tôi muốn trở về nơi tôi biết rõ cách đi đứng và hành xử.

Đi được trăm mét thì gặp ngã ba. Tôi không nhớ khách sạn của mình ở đâu. Trước mắt chỉ thấy những giàn hoa giấy um tùm và những ngôi nhà lụp xụp nép bên dưới. Ruộng đồng nứt nẻ, vĩa hè bụi mù, ổ voi ổ gà sâu hoắm. Nhìn đâu cũng thấy những thứ lạ lẫm, đầy ma mị.

“Chị Win, chị Win ơi,” ai đó cất tiếng gọi.

Tôi chẳng dám quay người lại mà chỉ liếc qua vai. Một thanh niên đang đứng đó. Trông anh ta giống nhân viên hành lý ở khách sạn. Cũng có thể là người đẩy va li ở sân bay Rangoon. Hay tài xế taxi nhỉ? Anh ta phục vụ trong quán trà chẳng?

“Chị Win, chị đang tìm gì phải không? Tôi có thể giúp gì cho chị?”

“Không, cảm ơn anh.” Tôi giật lùi, chẳng hề muốn nhờ vả kẻ lạ mặt này, nhưng rồi đành nói. “Thật ra... tôi đang tìm đường về khách sạn.” Giờ tôi chỉ cần một chỗ trốn, tốt nhất là căn phòng tôi vừa đặt sáng nay.

“Chị đi lên đồi, đằng này, phía tay phải. Chừng năm phút là tới.”

“Cảm ơn anh.”

“Chúc chị có khoảng thời gian vui vẻ ở thị trấn của chúng tôi. Chào mừng chị đến Kalaw.” Anh đứng đó, mỉm cười vui vẻ khi tôi quay đi.

Tôi lướt nhanh qua cô lễ tân đang tươi cười, leo hết chiếc cầu thang gỗ khổng lồ lên tầng hai và buông mình xuống giường.

Chuyến bay từ New York đến Rangoon mất hơn bảy mươi hai tiếng đồng hồ. Sau đó, tôi phải chịu đựng nguyên một đêm và nửa ngày trời trên chiếc xe tồi tàn nhồi nhét đầy hành khách bốc mùi. Họ đều mặc mấy chiếc váy màu cháo lòng, áo thun cũ và đi xăng đan nhựa mòn vẹt. Chưa kể gà ròi lợn. Một chuyến đi hai chục tiếng trên con đường chẳng ra đường. Đó là lòng sông cạn khô thì đúng hơn. Tôi căn rằng chịu đựng tất cả để đi từ New York phồn hoa đến ngôi làng nhỏ bé hẻo lánh này.

Hắn tôi đã thiếp đi. Mặt trời khuất bóng, màn đêm buông xuống. Căn phòng nhập nhoạng. Va li của tôi vẫn đóng kín, vứt trên chiếc giường còn lại. Tôi nhìn quanh, mắt đảo tới đảo lui như thể phải định thần để ý thức được nơi mình đang ở. Cây quạt trần cũ bằng gỗ lơ lửng phía trên đầu. Căn phòng rộng thênh thang, đồ đạc tối giản, tạo cảm giác như trong tu viện. Cạnh cửa ra vào dựng một cái tủ trơn, gần cửa sổ có bộ bàn ghế, giữa hai chiếc giường là cây đèn ngủ nhỏ. Tường quét vôi trắng không treo tranh ảnh lẫn gương. Ván gỗ lát cũ mềm đã nhẵn thín. Vật dụng sang trọng nhất là chiếc tủ lạnh mini Hàn Quốc nhưng nó không chạy. Khí trời mát mẻ ủa vào qua khung cửa sổ để ngỏ.

Trong ánh chạng vạng, cuộc gặp gỡ giữa tôi và người đàn ông luống tuổi vài tiếng trước trở nên kì dị và bí hiểm hơn so với ban ngày. Kí ức ấy rất mơ hồ, nửa mơ nửa thực. Những hình ảnh mờ ảo lướt qua tâm trí, tôi không giải thích nổi, chúng thật vô nghĩa. Tôi lược loại trí nhớ. Ông ta mặc chiếc áo thun trắng đã ố vàng theo năm tháng, váy longyi xanh lá và đôi dép cao su xỏ ngón. Tóc mọc dày, bạc trắng, cắt ngắn ngắn. Khuôn mặt đầy nếp nhăn. Tôi không đoán được tuổi của ông ta. Sáu mươi, bảy mươi cũng nên. Một nụ cười bí hiểm trên môi. Ông ta

đang khinh thường, chế nhạo tôi chẳng? Hay đó là lòng thương hại? Ông ta muốn gì ở tôi kia chứ?

Tiền? Hay gì khác? Ông ta không xin tôi đồng nào, nhưng nhìn hàm răng và chiếc áo kia là đủ hiểu. Rõ rồi. Ất hẳn ông ta biết được tên tôi từ khách sạn. Có lẽ ông ta và đám tiếp tân đã bắt tay nhau. Một kẻ lừa đảo muốn kích thích trí tò mò của tôi, gây ấn tượng trước khi dụ dỗ tôi sa vào trò bói toán. Hoặc tử vi. Tôi không dễ lừa vậy đâu. Ông ta chỉ phí thời gian mà thôi.

Lời ông ta nói có gì chứng minh ông ta thực sự quen biết cha tôi? Theo như ông ta kể, cha tôi đã nói, “Ta không theo đạo, và U Ba à, tình yêu là thứ duy nhất ta tin tưởng trong cuộc đời này.” Không đời nào cha tôi lại có những suy nghĩ như thế, huống chi là phát biểu thành lời. Nói với người lạ lại càng không. Hay tôi đang lừa dối bản thân? Liệu đó có phải lời quy chụp lỗi bịch từ phía tôi khi cho rằng tôi biết rõ suy nghĩ hay cảm xúc của cha mình? Tôi hiểu ông được bao nhiêu? Người cha mà tôi hằng biết liệu có biến mất mà chẳng để lại lời nào như vậy hay không? Ông có thể bỏ mặc vợ và hai con, không lời giải thích, không một lá thư sao?

Cảnh sát cho biết, ông mất dấu ở Bangkok. Có khả năng ông đã bị cướp và giết tại Thái Lan.

Có khi nào ông đã gặp tai nạn ở vịnh Thái Lan? Ông muốn thư thái nghỉ đôi tuần để đổi gió chẳng? Có lẽ ông đi tắm biển và chết đuối lúc đang bơi. Mọi người trong gia đình đình ninh như thế, hoặc ít ra, đó là điều chúng tôi nói với nhau.

Cảnh sát hình sự nghi ngờ cha tôi còn có một thân phận khác. Họ không chấp nhận lời khai của mẹ về việc chẳng biết chút gì về hai mươi năm đầu đời của ông, cho rằng như vậy thật vô lý. Thậm chí ban đầu, họ còn nghi ngờ bà dính líu đến việc ông mất tích, không là đồng phạm thì cũng là kẻ thủ ác. Phải đến khi chứng minh rõ chẳng có hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được ăn cả ngã về không nào liên quan, cũng chẳng có ai được lợi lộc gì về mặt vật chất trong trường hợp cha tôi

chết, thì cảnh sát mới gạt bỏ mọi nghi ngờ. Rất có thể sau bức màn đầy bí ẩn của hai mươi năm đầu đời kia ẩn chứa một khía cạnh khác của cha tôi, một khía cạnh mà chúng tôi, gia đình ông chưa từng thấy.

Kí ức cuối cùng của tôi về cha là từ bốn năm trước. Đó là buổi sáng sau ngày tôi tốt nghiệp trường luật. Tối trước đó, chúng tôi ăn mừng lễ tốt nghiệp và tôi không muốn trở về căn hộ riêng. Chẳng rõ tại sao nhưng tôi lại muốn bắt đầu ngày mới bằng những điều thân thuộc như thuở bé. Để lại được bao bọc trong cảm giác an toàn ấy. Thêm một lần nữa.

Dường như tôi đã có một dự cảm.

Cha đánh thức tôi từ sớm, ông đứng ở cuối giường, vận chiếc áo măng tô xám kiểu cũ và đội mũ phớt Borsalino màu nâu. Ngày còn bé, tôi hay tiễn ông đi làm trong bộ trang phục ấy. Sáng nào cũng vậy, tôi sẽ đứng bên bậu cửa sổ vẫy chào ông, thỉnh thoảng tôi khóc nhè vì không muốn ông đi. Thậm chí vài năm sau, dù ông có tài xế đưa đón và chỉ việc bước vài ba bước qua vỉa hè để lên xe limo, ông vẫn đội mũ và mặc chiếc áo kia. Ông không thay đổi phong cách ăn mặc của mình suốt những năm tháng ấy mà đều đặn mua thêm áo khoác và mũ mới, riêng mũ luôn là hãng Borsalino. Ông có tận sáu cái: hai đen, hai nâu, hai xanh hải quân. Khi không thể tìm mua được áo măng tô, kể cả ở những cửa tiệm bán đồ nam thủ cựu nhất New York, ông chuyển sang đặt may.

Mũ Borsalino là bùa may mắn của ông. Ông đã mua chiếc mũ của Ý ấy đến buổi phỏng vấn xin việc đầu tiên và được tuyển dụng. Thời điểm đó, chiếc mũ là bằng chứng rõ ràng nhất cho gu thời trang và sở thích tinh tế của ông. Nhưng năm tháng qua đi, nó trở nên lỗi thời, rồi hóa lập dị, cuối cùng, trông ông chẳng khác nào một diễn viên quần chúng trên phim ảnh những năm 1950. Hồi mới lớn, cách ăn mặc của cha khiến tôi xấu hổ không biết giấu mặt vào đâu. Trông ông chẳng giống ai, ông còn chào mẹ của đám bạn tôi bằng cách cúi đầu nữa chứ.

Đám bạn tôi rúc rích cười khi thấy ông đưa tôi đến trường. Ông chẳng bao giờ đi giày thể thao, mặc quần jeans hay áo nỉ. Ông khinh thường lối ăn vận xuề xòa của người Mỹ. Ông cho rằng chúng nuông chiều những khía cạnh hạ tiện của con người, một trong số đó là thói mong cầu thoải mái.

Cha đứng cạnh giường và thì thầm gọi tên tôi. Ông bảo có cuộc hẹn ở Boston và chưa biết khi nào mới trở về. Có lẽ sẽ nhiều hơn vài ngày, song điều này quả bất thường bởi lịch hẹn của ông luôn chặt chẽ từng phút từng giây. Thêm nữa, ông bay tới Boston như đi chợ và không bao giờ ở lại qua đêm. Nhưng lúc ấy tôi quá mệt nên chẳng để tâm. Cha hôn lên trán tôi và nói, “Cha yêu con, con gái bé bỏng. Đừng bao giờ quên, con nhé.”

Tôi gật đầu ngái ngủ. “Con cũng yêu cha.”

Tôi xoay người, vùi mặt vào gối rồi ngủ tiếp. Sau đó tôi không gặp lại ông nữa.

Mãi đến 10 giờ sáng hôm ấy mới có một dấu hiệu bất thường. Ngủ nướng chán chê, tôi đi xuống bếp. Mẹ đang đợi tôi cùng ăn sáng. Bà ngồi đọc tạp chí *Vogue* và sưởi nắng, bên cạnh là một tách cà phê. Hai chúng tôi vẫn khoác áo choàng tắm. Trên bàn là những chiếc bánh mì cuộn quế còn nóng hổi và bánh vòng mới ra lò. Tôi ngồi ở vị trí quen thuộc, lưng dựa tường, co chân lên thành ghế, tay ôm chặt đầu gối, nhâm nhi nước cam ép và kể với mẹ về dự định trong hè. Đúng lúc ấy, điện thoại reo. Susan thư kí của cha gọi hỏi liệu ông có bị ốm chẳng. Vị khách hẹn lúc 10 giờ - vốn là một nhân vật rất tầm cỡ - đang thắc mắc tại sao ông chưa tới. Không nghe ai nhắc gì đến Boston.

Tôi và mẹ đều nghĩ có lẽ đã phát sinh vấn đề gì đột xuất. Cha không thể gọi điện thoại vì đang mắc kẹt trong cuộc họp nào đó, tầm vài tiếng nữa chắc hẳn ông sẽ liên lạc thôi.

Chúng tôi ăn nốt bữa sáng. Tôi hơi nóng ruột, nhưng mẹ vẫn vô cùng điềm tĩnh nên tôi cũng không để tâm nữa. Ăn sáng xong, hai mẹ

con đi mát xa mặt, băng qua công viên trung tâm để đến trung tâm thương mại Bergdorf Goodman. Hôm ấy là một ngày đầu hạ ẩm áp, khí trời New York cực kì dễ chịu. Công viên ngai ngái mùi cỏ mới cắt, mọi người đang tắm nắng ở Sheep Meadow, một vài cậu trai cởi trần chơi ném đĩa. Hai người đàn ông đứng tuổi tay trong tay cùng trượt patin trước mặt hai chúng tôi.

Mẹ huých tay tôi. Đến Bergdorf Goodman, bà mua cho tôi chiếc đầm mùa hè in hoa màu vàng, sau đó y như rằng chúng tôi đến Plaza thường trà.

Tôi chẳng thích thú gì khách sạn ấy. Đối với tôi, phong cách Phục hưng Pháp giả tạo của nó quá khoa trương, thậm chí kệch cỡm, nhưng từ lâu, tôi đã biết có cố gắng thuyết phục mẹ uống trà chỗ khác cũng tốn công vô ích. Bà mê mẩn trần nhà cao rộng với những bức tường thạch cao dát vàng cùng cột nhà trang trí tinh xảo, lộng lẫy như thể điêu khắc trên băng. Bà đắm mình trong lối cư xử hoa hòe hoa sói của đám nhân viên và thích mê cái cách người quản lý chào đón (“Chào buổi sáng, phu nhân Win!”). Chúng tôi ngồi dưới hai tán cọ, gần quầy buffet nhỏ xếp bánh trái, đồ ngọt và kem. Hai nghệ sĩ violon nhàn nhà chơi điệu valse Vienna. Mẹ tôi gọi bánh blini* nhân trứng cá muối và hai ly champagne.

“Mình ăn mừng chuyện gì sao mẹ?”

“Lễ tốt nghiệp của con đấy, con yêu.”

Chúng tôi nếm thử bánh blini. Bánh quá mặn, còn champagne thì quá ấm. Mẹ tôi ra hiệu cho người bồi bàn.

“Bỏ qua đi mẹ,” tôi cản bà. “Có gì đâu mà.”

“Có chứ sao không,” bà ôn hòa nói, như thể tôi quá đồi ngu ngơ.

Bà quở trách người bồi bàn, anh ta bèn xin lỗi rồi rút rồi dọn lại phần ăn. Giọng bà lạnh lùng và đanh thép. Có một dạo tôi rất sợ. Nhưng giờ, tôi chỉ thấy khó chịu.

Bà nhìn tôi. “Con sẽ ăn luôn phải không?”

Tôi gật.

“Cha con cũng sẽ làm như vậy. Quả là cha nào con nấy.”

Câu nói chẳng giống lời khen cho lắm. “Ý mẹ là sao?” Tôi thắc mắc.

“Do con nhún nhường, quá thụ động, sợ xung đột? Hay đấy là thái độ kiêu ngạo của con?”

“Kiêu ngạo thì liên quan gì ở đây ạ?”

“Hai cha con chẳng bao giờ muốn nói chuyện phải trái với đám bồi bàn,” mẹ tôi đáp. Tôi không hiểu nổi cơn thịnh nộ đè nén trong giọng bà. Nó chẳng liên quan gì đến champagne ấm hay bánh blini cho muối quá tay.

“Không đáng bận tâm. Ấy là kiêu ngạo chứ là gì.”

“Đơn giản vì con thấy sao cũng được,” tôi nói. Song điều đó chỉ đúng một nửa. Tôi rất ngại phải than phiền bất cứ điều gì, dù ở nhà hàng, khách sạn hay cửa tiệm. Nhưng thực ra, tôi để tâm hơn về phốt tình bên ngoài. Chúng cứ thế mà âm ỉ mãi, chưa kể về sau tôi sẽ dẫn vật bản thân vì đã quá dễ dãi. Còn cha tôi thì khác. Thái độ im lặng của ông trong những trường hợp đó hoàn toàn thành thực. Với ông, chúng chẳng hề quan trọng. Ông mỉm cười dù người ta chen hàng ngay trước mặt. Ông không bao giờ đếm tiền thừa. Ngược lại, mẹ tôi đếm từng đồng. Tôi ganh tị trước phong thái điềm tĩnh của cha. Mẹ tôi chẳng hiểu nổi ông. Bà thuộc dạng khắt khe với chính bà lẫn người khác, trong khi cha chỉ nghiêm khắc với bản thân mình.

“Tiền mình bỏ ra mà sao cũng được à? Mẹ thật chẳng tin nổi.”

“Mình bỏ qua chuyện này được không mẹ?” Tôi hỏi, nài nỉ hơn là đề nghị. “Mẹ không lo cho cha à?”

“Không. Sao phải lo?”

Giờ ngẫm lại, chẳng biết sự bình thản đó của mẹ là thật hay giả. Chúng tôi không đủ động gì đến chuyện cha lỡ buổi hẹn. Bà cũng chẳng buồn gọi đến văn phòng xem cha tôi có liên lạc hay không. Làm

sao bà dám chắc chuyện xui rủi không ập xuống đầu ông? Hay bà chẳng quan tâm? Hoặc có lẽ bao năm qua, bà đã linh cảm đây chỉ là chuyện sớm muộn? Thái độ vô âu vô lo ngày hôm ấy của bà mạnh mẽ niềm thư thái, thậm chí là hạnh phúc, của một người khi tai họa rình rập bao lâu nay đã đi qua.

Vài hôm sau khi cha tôi mất tích, *Thời báo New York* giật tít “Luật sư Wall Street đầy quyền lực biến mất không tăm tích”. Suốt mấy ngày sau, báo chí liên tục đưa ra phỏng đoán. Một vụ giết người, khách hàng trả thù? Kế hoạch bắt cóc đầy kịch tính? Hollywood liệu có liên quan? Tất cả những gì cảnh sát điều tra được trong hai tuần đầu chỉ như đổ thêm dầu vào lửa. Sáng sớm hôm cha tôi biến mất, ông có lái xe đến phi trường John F. Kennedy, nhưng thay vì bay đi Boston, ông lại chọn chuyển đi Los Angeles. Ông mua vé trực tiếp ở sân bay, không xách theo hành lý. Từ Los Angeles, ông bay hạng thương gia đến Hong Kong trên chuyến bay 888 của hãng United Airlines. Một tiếp viên hàng không nhớ mặt ông, vì ông chẳng uống chút champagne nào, lại còn đọc một tập thơ của Pablo Neruda* thay vì đọc báo. Nữ tiếp viên miêu tả cha tôi là một người điềm tĩnh và lịch thiệp đến lạ lùng. Ông ăn rất ít, không ngủ bao nhiêu, không xem phim ảnh, phần lớn thời gian chỉ chăm chú đọc sách.

Cha tôi ngủ lại một đêm tại Hong Kong trong khách sạn Peninsula, phòng 218, ông gọi cà ri gà với nước khoáng thông qua dịch vụ phòng, và theo như nhân viên ở đây, ông không rời phòng nửa bước. Ngày hôm sau, ông lên chuyến bay số hiệu 615 của hãng Cathay Pacific đến Bangkok, ông trú lại một đêm trong khách sạn Mandarin Oriental. Ông không cố xóa bỏ dấu vết. Ông ở những khách sạn thường ở trong những chuyến công tác, trả mọi hóa đơn bằng thẻ tín dụng, như thế biết rằng đây sẽ là điểm kết thúc cuộc hành trình của

mình, ít nhất với nhóm điều tra là như vậy. Bốn tuần sau, một thợ xây tìm thấy hộ chiếu của ông gần sân bay Bangkok.

Một loạt bằng chứng cho thấy ông vẫn chưa rời Thái Lan. Cảnh sát lục tung danh sách hành khách của tất cả các chuyến bay rời Bangkok. Tên ông không xuất hiện. Vài thanh tra suy luận ông xoay xở được hộ chiếu giả ở Thái Lan, sau đó bay đi nơi khác bằng tên giả. Một số tiếp viên hãng hàng không Thai Airways khai báo đã thấy ông: người đầu tiên bảo ông ở trên chuyến bay đi London, người khác lại nói đi Paris, thậm chí người thứ ba bảo điểm đến là Phnom Penh. Những manh mối này chẳng dẫn tới đâu.

Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh cho biết cha tôi từ Myanmar đến Hoa Kỳ bằng Visa du học vào năm 1942. Ông học luật ở New York và trở thành công dân Mỹ năm 1959. Ông kê khai nơi sinh là Rangoon, thủ đô thuộc địa của nước Anh một thời. Công cuộc điều tra của FBI và lãnh sự quán Mỹ ở Rangoon đều xôi hỏng bỏng không. Họ Win quá phổ biến ở Myanmar, thêm nữa, chẳng ai biết gì về gia đình cha tôi.

Phải chăng trong đời luôn có một bước ngoặt đầy táo bạo, khi thế giới thân thuộc của ta không còn nữa. Giây phút ấy biến ta thành một kẻ hoàn toàn khác chỉ trong vòn vẹn một nhịp đập của trái tim. Khoảnh khắc khi người ta yêu thú nhận chuyện gian dối và rời bỏ ta. Cái ngày ta phải chôn cất cha, mẹ hoặc người bạn tri kỉ. Bác sĩ thông báo trong não ta có một khối u ác tính.

Hay những phút giây ấy chỉ đơn thuần là kết thúc đầy kịch tính của cả quá trình dài, thứ đáng ra ta có thể biết trước nếu để tâm đến những điềm báo thay vì nhắm mắt làm ngơ?

Và nếu những bước ngoặt đó có thật, khi chúng xảy ra, ta có ý thức được chẳng, hay phải rất lâu sau đó, ta mới muộn màng nhận ra sự đứt quãng?

Những câu hỏi ấy, trước đây tôi chẳng buồn quan tâm, cũng không có lời đáp. Dẫu sao, việc cha tôi mất tích cũng không thuộc loại đó.

Tôi yêu cha mình, tôi nhớ ông, nhưng đầu lúc này ông vẫn bên cạnh chúng tôi chẳng nữa, cuộc đời tôi suốt bốn năm qua cũng chẳng đổi khác là bao, sẽ chẳng xê xích bất cứ một quyết định quan trọng nào. Hoặc ít nhất tôi đã từng nghĩ vậy.

Khoảng một tuần trước, hơn 8 giờ tối, tôi đi làm về, đang bước vào thang máy thì bảo vệ gọi lại. Bên ngoài trời mưa như trút. Giày tôi sũng nước. Tôi lạnh cóng và chỉ muốn đi lên phòng.

“Có chuyện gì vậy?” Tôi sốt ruột hỏi.

“Có bưu phẩm,” ông đáp.

Tôi liếc nhìn quang cảnh bên ngoài những ô cửa kính khổng lồ ở tiền sảnh. Đèn hậu của xe hơi loang loáng trên mặt đường nhựa ướt át. Tôi khao khát được tắm nước nóng và uống một tách trà. Bảo vệ đưa cho tôi chiếc túi đựng gói hàng màu nâu cỡ hộp giày. Tôi kẹp dưới cánh tay rồi lên căn hộ của mình ở tầng 35. Cha đã mua căn hộ này cho tôi trước khi tôi tốt nghiệp trường luật.

Tôi kiểm tra máy trả lời tự động: có hai tin nhắn. Trên bàn là xấp hóa đơn và tờ rơi quảng cáo. Mùi nước lau nhà còn lưu lại trong phòng nên tôi mở cửa ban công. Trời vẫn mưa không ngớt, mây sà xuống thấp đến độ tôi không thể nhìn rõ bờ bên kia sông Đông. Bên dưới, xe cộ đang kẹt cứng ở Đại lộ số 2 và cầu Queensboro.

Tắm xong, tôi lấy bưu kiện khỏi túi. Ngay lập tức, tôi nhận ra chữ viết tay của mẹ. Thỉnh thoảng bà hay gửi tôi thiệp chúc mừng hay các mẫu báo mà bà cho rằng tôi sẽ hoặc đáng ra phải thích. Bà căm ghét máy trả lời tự động và đây là cách bà để lại lời nhắn. Tuy thế, đã lâu lắm rồi bà mới gửi đồ cho tôi. Bên trong, tôi thấy một xấp hình, tài liệu cùng giấy tờ của cha kèm vài dòng nhắn từ mẹ:

Julia,

Mẹ phát hiện cái hộp này lúc dọn gác xép. Nó rơi đằng sau chiếc tủ Trung Quốc cũ. Có lẽ con sẽ thích. Mẹ gửi kèm bức hình cuối cùng chụp bốn người nhà mình. Mẹ không cần nó nữa. Gọi lại cho mẹ nhé.

Thương con,

Judith

Tôi trải xấp giấy tờ ra bàn. Trên cùng là chân dung gia đình chụp ngày tôi tốt nghiệp. Tôi đứng giữa, khoác tay cha và mẹ, cười tỏa nắng. Anh trai đứng phía sau, tay đặt lên vai tôi. Mẹ nhìn thẳng vào máy ảnh, rạng rỡ tự hào. Cha tôi cũng cười rất tươi. Gia đình hạnh phúc đúng chuẩn. Hình chụp thật biết lòe người. Chẳng có gì chỉ ra đây sẽ là bức hình cuối cùng đủ mọi thành viên, hay tệ hơn, một người trong số đó đã lên kế hoạch để biến mất. Mẹ tôi gửi kèm hai tấm hộ chiếu hết hạn, giấy chứng nhận nhập quốc tịch Mỹ của cha, vài tập lịch ghi chú cũ, đầy nhóc đóng giấy nhớ be bé. Boston. Washington. Los Angeles. Miami. London. Hong Kong. Paris. Có những năm cha tôi bay vòng quanh thế giới mấy lượt liền, ông quần quật làm việc, trở thành một trong tám cổ đông tại công ty. Với tư cách luật sư, ngay từ đầu ông đã tập trung vào ngành công nghiệp giải trí. Ông làm cố vấn cho các hãng phim Hollywood khi họ kí kết hợp đồng điện ảnh, mua lại hay sáp nhập. Thậm chí, ông còn có vài khách hàng là sao hạng A.

Tôi không rõ nguyên nhân nào giúp cha có được sự nghiệp lẫy lừng như thế. Cha tôi chăm chỉ làm việc nhưng ông chẳng bao giờ tỏ ra tham vọng. Ông không phù phiếm, cũng không bao giờ muốn dựa hơi danh tiếng của khách hàng. Tên ông chưa từng xuất hiện trong cột báo lá cải. Ông không dự tiệc, kể cả những vũ hội từ thiện đầy xa hoa mà mẹ tôi và bạn của bà tổ chức. Nhu cầu hòa mình vào đâu đó, nét tính cách thường có ở dân nhập cư, với ông quá đối xa lạ. Ông sống khép kín và trái ngược hoàn toàn với hình ảnh vị luật sư nổi danh mà công chúng tưởng tượng. Có lẽ chính phẩm chất ấy lại càng củng cố lòng tin và khiến ông trở thành nhà đàm phán được săn đón. Điềm đạm và bình lặng, không hề giả tạo. Nhưng ở ông cũng có những điều thỉnh thoảng khiến đối tác kinh doanh và số bạn bè ít ỏi cảm thấy khó chịu. Chẳng hạn, trí nhớ quá tốt, ông đọc vị người khác rất lạ. Một cái liếc mắt cũng đủ để ông ghi nhớ mọi thứ, ông dẫn lại những ghi chú và thư

từ nhiều năm trước không sai một chữ. Khi bắt đầu nói chuyện, ông sẽ nhắm mắt lại và tập trung vào giọng nói của người đối diện tựa hồ đang đắm mình vào bản nhạc, và ngay lập tức, như thể ông đã biết chính xác thái độ của người đó, họ tự tin đến mức nào và đang nói thật hay bịa chuyện. Cứ cho rằng có thể rèn luyện được khả năng ấy đi chẳng nữa, rốt cuộc ai đã dạy ông, lúc nào và ở đâu, ông không bao giờ tiết lộ dù tôi ra sức năn nỉ. Tôi chưa từng qua mắt được ông, đầu chỉ mảy may.

Tập lịch cũ nhất là từ năm 1960. Tôi lật qua, chẳng có gì ngoài một đồng cuộc hẹn công việc, những cái tên xa lạ, địa điểm kèm thời gian. Có một ghi chú cha viết tay trên đó:

Kiếp người trải nổi mấy hồi đây
Sống đến ngàn hôm, vòn vẹn ngày
Được tuần tròn hay vài thế kỉ
Bao năm chờ nhắm mắt xuôi tay
Vĩnh viễn là chi, tự hỏi mình.*

Pablo Neruda

Tít mãi sau là một phong thư mỏng màu xanh gửi đường hàng không, gấp gọn gàng thành hình chữ nhật nhỏ. Tôi cầm lên rồi mở ra xem. Địa chỉ gửi tới: *Mi Mi, 38 đường Circular, Kalaw, bang Shan, Myanmar.*

Tôi ngần ngừ. Phải chăng tờ giấy màu xanh mỏng tang như vỏ hành này là chìa khóa dẫn đến cha tôi? Tôi mang lá thư đến cạnh bếp. Đốt đi là xong. Ngọn lửa sẽ biến nó thành tro bụi trong tích tắc. Tôi vặn nút, nghe tiếng ga xì ra, tách, lửa phụt lên. Tôi đưa phong thư đến gần ngọn lửa. Chỉ một cử động và gia đình tôi sẽ được yên ổn. Tôi không nhớ mình đã đứng bao lâu trước bếp, tôi chỉ biết bỗng dưng mình bật khóc. Nước mắt lăn dài trên má. Tôi chẳng rõ tại sao mình khóc,

nhưng lệ cứ thế tuôn rơi, lã chã như mưa. Thế rồi, tôi thấy mình nằm trên giường, tức tưởi và nước nở như cô bé con.

Lúc tôi thức giấc, đồng hồ để trên kệ đầu giường chỉ 5 giờ 20 phút. Tôi vẫn cảm nhận được nỗi đau tận xương tủy. Trong khoảng vài nhịp thở, tôi chẳng nhớ lý do và thậm mong tất cả chỉ là một giấc mơ. Tôi đi tới bàn, mở lá thư thật khẽ, như sợ nó sẽ vỡ tan trong tay tôi tựa bong bóng xà phòng.

New York

Ngày 24 tháng Tư năm 1955

Mi Mi thương yêu,

Đã 5864 ngày trôi qua kể từ lần cuối cùng tôi được nghe nhịp đập trái tim em. Em có hay gần ấy ngày là bao nhiêu giờ? Bao nhiêu phút không? Em có biết con chim không thể cất tiếng hót, đóa hoa không thể bung nở thì sẽ mòn mỏi đến nhường nào, con cá rời nước sẽ ngoi ngóp ra sao không?

Mi Mi, viết một lá thư cho em sao khó khăn quá chừng. Tôi đã viết rất nhiều, những lá thư chẳng bao giờ đến được tay em. Tôi có thể kể điều gì mà em chưa biết? Như thế ta chỉ cần bút mực, ngôn từ là hiểu được nhau. Em đã bên tôi trong từng khoảnh khắc suốt 140.736 giờ qua - phải, đã nhiều như thế đấy - và em sẽ tiếp tục bên tôi đến khi ta hội ngộ. (Một lần duy nhất thôi, hãy tha thứ cho tôi vì đã nói rõ ra như thế.) Thời điểm chín muồi, tôi sẽ trở về. Những lời lẽ đẹp đẽ nhất có thể trở nên nông cạn và trống rỗng xiết bao. Hẳn đời ta sẽ nhạt nhẽo và khổ sở lắm khi phải viện đến từ ngữ, xúc giác, thị giác, thính giác mới hiểu được nhau, khi tình yêu mà cần phải chứng minh thậm chí là xác nhận. Những dòng này hẳn cũng chẳng đến tay em đâu. Bởi từ lâu em đã thấu tỏ bất cứ lời nào tôi viết, và những lá thư suy cho cùng là dành cho tôi, một nỗ lực nghèo nàn để dịu đi khao khát.

Tôi đọc lần thứ hai, lần thứ ba, rồi gấp lại và nhét vào bì thư. Tôi xem đồng hồ. Sáng thứ Bảy. Mới hơn 7 giờ một chút. Mưa đã ngừng rơi, mây nhường lối cho bầu trời xanh thẳm. Bên dưới, Manhattan đang từ từ thức giấc. Văng dương ló dạng bên kia sông Đông. Hôm nay sẽ là một ngày trời trong và lạnh.

Tôi với lấy một mảnh giấy, định viết vài ghi chú, phân tích tình hình rồi đề ra đường đi nước bước như tôi hay làm ở văn phòng. Nhưng tôi chẳng nghĩ ra gì hết. Tôi đã đi quá xa để quay đầu lại. Quyết định đã được đưa ra cho tôi, dù tôi còn chẳng biết người đó là ai nữa.

Tôi nắm lòng số điện thoại hãng United Airlines. Chuyến bay kế tiếp đến Rangoon sẽ khởi hành vào Chủ nhật, quá cảnh ở Hong Kong rồi đến Bangkok. Tôi sẽ phải xin visa ở đó để lên máy bay hãng Thai Airways tiếp tục hành trình đến Myanmar vào thứ Tư.

“Chiều về thì sao ạ?”

Tôi suy nghĩ một lát.

“Để trống giúp tôi.”

Rồi tôi gọi điện cho mẹ.

Khi tôi đến, mẹ đang uống cà phê và đọc tờ *Thời báo*.

“Ngày mai con rời thành phố.” Giọng tôi nghe còn nhu nhược hơn tôi lo ngại. “Đi Myanmar.”

“Nói linh tinh,” mẹ đáp mà chẳng buồn rời mắt khỏi trang giấy.

Bằng những câu như thế, bà đã có thể khiến tôi câm lặng suốt bao năm qua. Tôi uống ngụm nước khoáng rồi nhìn mẹ. Bà lại vừa nhuộm mái tóc bạc thành màu vàng sậm và cắt ngắn. Tóc ngắn giúp bà trông trẻ hơn nhưng cũng lạnh lùng hơn. Năm tháng trôi qua, mũi của bà còn cao hơn trước. Môi trên như sắp biến mất, khóe miệng trễ sâu xuống, khiến gương mặt bà mang vẻ đả độn cay. Đôi mắt xanh đã mất đi những tia lấp lánh tôi nhớ hồi còn bé. Là do tuổi tác hay bởi bà không có tình yêu, ít nhất không phải thứ tình cảm bà cần hay mong muốn?

Bà có biết về Mi Mi và giấu nhem chuyện đó với con cái không? Bà nhấp một ngụm cà phê; tôi không đọc được biểu cảm của bà.

“Con đi bao lâu?”

“Con chưa biết.”

“Công việc tính sao?”

“Con chưa biết.”

“Con đang đánh liều sự nghiệp đấy.”

Mẹ nói đúng. Tôi không biết Mi Mi là ai, ở đâu, có vai trò gì trong cuộc đời cha tôi, thậm chí người này còn sống hay không tôi cũng chẳng rõ. Tôi có một cái tên và địa chỉ cũ ở ngôi làng nào đó tôi cũng mù mờ. Tôi không phải kiểu người hành xử bốc đồng. Tôi tin vào lý trí hơn bản năng.

Dù vậy...

“Con mong sẽ tìm được gì?” Mẹ hỏi.

“Sự thật,” tôi đáp. Đáng ra đây phải là một lời khẳng định, nhưng nghe lại giống câu hỏi hơn.

“Sự thật về ai? Cha con? Hay con? Nếu con muốn, mẹ có thể nói cho con sự thật về mẹ, ngay lúc này, tại đây, trong ba câu ngắn ngủi.” Giọng bà mệt mỏi và trống rỗng.

“Con muốn biết những chuyện đã xảy ra với cha.”

“Giờ còn quan trọng ư?”

“Biết đâu cha còn sống.”

“Còn sống thì sao? Con không nghĩ, nếu còn, dẫu chỉ chút ít luyện lữ với chúng ta, ông ấy sẽ liên lạc à?”

Thấy rõ vẻ mặt sững sốt của tôi, bà bèn thêm vào, “Hay con muốn chơi trò thám tử?”

Tôi lắc đầu, nhìn mẹ.

“Con muốn biết gì?”

“Sự thật.”

Bà chậm rãi buông tờ báo xuống và chăm chú nhìn tôi một lúc. “Cha con đã rời bỏ mẹ từ rất lâu rồi trước khi biến mất. Ông ta đã phản bội mẹ. Không chỉ một hay hai lần. Ông ta phản bội mẹ từng phút, từng giây trong suốt ba mươi lăm năm chung sống. Không phải cùng một ả nhân tình lén lút cặp kè trong chuyến công tác xa hay những tối ở lại công ty làm việc. Mẹ không biết ông ta thậm chí đã từng ngoại tình chưa nữa. Nhưng chẳng quan trọng. Ông ta đã hứa những lời giả dối. Ông ta đã hứa trao mẹ bản thân mình. Ông ta cải đạo Công giáo vì mẹ. Ông ta lặp lại lời cha xứ trong lễ thành hôn: ‘Cả lúc vui sướng lẫn khổ đau.’ Song ông ta chỉ nói mà không làm. Đức tin của ông ta là giả dối, tình yêu dành cho mẹ cũng không hơn. Chưa bao giờ ông ta trao cho mẹ bản thân mình, Julia à, ngay cả trong những phút hoan lạc.” Bà ngưng lại.

“Con nghĩ mẹ chưa từng hỏi cha con về quá khứ sao? Con thực sự nghĩ mẹ mặc xác hai mươi năm đầu đời của ông ta à? Lần đầu tiên mẹ hỏi, cha con đã vỗ về mẹ, nhìn mẹ với ánh mắt dịu dàng và thấu hiểu, ánh mắt mà đến giờ mẹ vẫn chưa học được cách chối từ, rồi hứa hẹn một ngày sẽ bộc bạch tất cả. Đó là trước khi kết hôn, và mẹ tin ông ta, mẹ nghe theo. Sau này, mẹ nản nì. Mẹ khóc lóc, gào thét, dọa dẫm ly hôn. Mẹ nói sẽ chuyển ra ngoài và chỉ quay lại khi ông ta thôi giấu giếm những bí mật của mình. Cha con bảo yêu mẹ, và hỏi như vậy còn chưa đủ hay sao? Nhưng ai có thể tin một người nói yêu mình thật lòng khi bản thân người ấy chưa sẵn sàng để sẻ chia tất cả, hiện tại lẫn những điều đã qua đây?

“Sau khi con chào đời, mẹ phát hiện ra một lá thư cũ kẹp trong sách của cha con. Viết không lâu trước đám cưới. Đó là thư tình dành cho một người phụ nữ ở Myanmar. Ông ta muốn giải thích với mẹ, nhưng mẹ chẳng muốn nghe lời nào nữa. Thật kì quặc, Julia à, nhưng thú nhận hay tiết lộ cũng vô dụng khi không đúng thời điểm. Nếu quá sớm, nó sẽ chôn vùi ta. Ta chưa sẵn sàng và chưa thể thực sự trân trọng nó. Nếu quá trễ, cơ hội sẽ mất đi. Sự ngờ vực và nỗi thất vọng

đã quá lớn, cánh cửa khép lại. Trong cả hai trường hợp, thứ đáng lý phải bồi đáp thương yêu lại tạo ra khoảng cách. Với mẹ, mọi sự đã muộn màng. Mẹ không hứng thú với những câu chuyện nữa. Chúng chẳng thể đưa cha và mẹ xích lại gần nhau, chúng chỉ cào sâu vào những vết thương mà thôi. Mẹ bảo mẹ sẽ bỏ đi nếu còn tìm thấy dấu chỉ một lá thư như vậy, bất kể nó đã cũ chừng nào, và ông ta đừng mơ gặp lại mẹ hay hai con nữa. Nhưng mẹ không tìm thấy lá thư nào khác, dù cứ vài tuần, mẹ lại kĩ lưỡng đảo qua đồ đạc một lần.”

Bà ngừng lời, uống hết ly nước rồi chăm chú nhìn tôi. Tôi cố cầm tay mẹ nhưng bà rút lại và lắc đầu. Vì cử chỉ này cũng đã quá trễ.

“Làm sao mẹ có thể bảo vệ bản thân? Làm sao mẹ có thể bắt ông ta trả giá cho những việc đã làm với mẹ đây? Mẹ quyết định giữ bí mật cho riêng mình. Mẹ chia sẻ ít dần và tự ôm lấy tâm tư. Ông ta không bao giờ hỏi, vì luôn nghĩ mẹ sẽ chủ động nếu thật lòng muốn kể hay chia sẻ điều gì. Và cứ thế, cha mẹ con sống ở hai thế giới song song cho đến buổi sáng hôm ông ta biến mất.”

Mẹ đứng dậy, lấy thêm một ly nước, bước vòng vòng trong bếp một hồi rồi lại ngồi xuống ghế. Tôi vẫn lặng im.

“Mẹ còn trẻ, chưa đầy 22 tuổi, quá đôi ngây thơ vào buổi đầu gặp nhau. Ở tiệc sinh nhật của một người bạn. Cha con bước qua cánh cửa, dong dỏng cao, bờ môi đầy đặn, khuôn miệng tươi tắn. Rất tuấn tú, đám con gái đều mê mẩn, bất kể ông ta quan tâm hay không. Có lẽ ông ta còn chẳng nhận ra. Cô bạn nào của mẹ cũng sẽ hạnh phúc vô ngần nếu được lọt vào mắt cha con. Cánh mũi dày, trán cao, gò má hẹp khiến khuôn mặt ấy mang vẻ khổ hạnh rất thu hút. Cặp kính gọng tròn màu đen càng tôn lên đôi mắt tuyệt đẹp. Có nét thư thái trong cử động, vẻ tao nhã trên khuôn mặt và giọng nói cùng một thứ hào quang khiến ông bà ngoại con cũng phải ấn tượng. Học thức, thông minh, cư xử khéo, tự tin mà không hề kiêu ngạo... một chàng rể hoàn hảo, nếu là người da trắng. Đến tận lúc hấp hối, ông bà ngoại vẫn không tha thứ

cho mẹ vì đã kết hôn với một ‘gã da màu’. Đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng mẹ thực sự chống đối họ.

“Con biết đấy, mẹ vốn không phải kiểu người như vậy. Chỉ một lần bước ra khỏi lề lối và mẹ phải trả giá bằng suốt phần đời còn lại.”

Mẹ kể với tôi cha không hề muốn cưới mẹ.

“Mới đầu ông ta bảo hai bên chưa hiểu rõ về nhau, cần thêm ít nhiều thời gian nữa. Sau đó lấy cớ cha mẹ còn quá trẻ, chẳng việc gì phải vội vã. Trước đám cưới không lâu, lại cảnh báo mẹ rằng ông ta không thể yêu mẹ theo cái cách mẹ mong đợi.

“Nhưng mẹ bỏ ngoài tai. Mẹ không tin mấy lời đó. Thái độ lưỡng lự và ngập ngừng ấy chỉ càng khiến mẹ quyết tâm hơn. Mẹ muốn có được người đàn ông này, ông ta, chỉ ông ta mà thôi. Vài tháng đầu, mẹ nghi ngờ cha con đã có vợ ở Myanmar, song ông ta nói mình chưa kết hôn. Đó là tất cả những gì cha con kể với mẹ về những ngày tháng ở quê nhà. Thật ra lúc ấy với mẹ chuyện đó thế nào cũng được. Mẹ tin chắc rằng về lâu về dài người này không thể chối từ mình và tình yêu của mình. Myanmar đã là quá khứ rồi. Mẹ mới là người đầu gối tay ấp hiện tại.

“Mẹ muốn chinh phục ông ta. Là do lòng tự tôn của mẹ bị tổn thương? Hay phút ngông cuồng của một tiểu thư ngoan ngoãn trong gia đình danh giá? Có đòn phản kháng nào chí mạng với ông ngoại con hơn việc mẹ cưới một người đàn ông da màu cơ chứ. Mẹ không biết lý do thực sự là gì. Đến giờ cũng không.

“Bao năm qua, mẹ đã cố gắng trả lời những câu hỏi ấy. Nhưng vô vọng. Có lẽ là tổng hòa tất cả. Đến lúc nhận ra mẹ chẳng thể thay đổi cha con như mong muốn thì đã quá trễ. Ban đầu, cha mẹ ở với nhau vì hai anh em con. Về sau, chúng ta thiếu mất dũng khí để ly thân. Ít nhất là mẹ. Còn cha con, mẹ thực sự không hiểu lý do.”

“Cứ đi Myanmar nếu đó là điều con muốn,” cuối cùng bà bất lực nói. “Khi con quay lại, mẹ sẽ không hỏi lời nào và cũng chẳng muốn nghe gì hết. Bất chấp mọi thứ con tìm ra, mẹ đều không quan tâm.”

Tôi lên đường vào sáng hôm sau. Chiếc limo đến sân bay đang đợi ngoài chung cư. Trời trong và lạnh. Hơi thở của tài xế taxi hóa khói trắng trong bầu không khí buốt giá khi ông đi đi lại lại trước xe. Bảo vệ xách túi của tôi ra ô tô và chất vào cốp. Tôi thấy không được khỏe. Tôi sợ hãi, lo âu và buồn bã. Chưa bao giờ tôi nhận ra mẹ mình bất hạnh đến vậy trong cuộc hôn nhân này. Tôi nhớ lại một câu nói hôm trước của mẹ, “Cha con đã rời bỏ mẹ từ rất lâu rồi trước khi biến mất.” Còn mình thì sao, tôi tự hỏi. Cha đã rời bỏ tôi bao lâu?

Dù cả người bải hoải vì mệt mỏi và kiệt sức, tôi vẫn chẳng tài nào chợp được mắt, mãi sau mới thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn. Những nghi vấn không buông tha tôi. Nhiều lần trong đêm, tôi giật mình tỉnh giấc, ngồi bật dậy, nhìn chiếc đồng hồ du lịch nhỏ để bên cạnh. 2 giờ 30 phút. 3 giờ 10 phút. 3 giờ 40 phút.

Sáng ra tôi cũng chẳng thấy khá hơn. Đầu tôi ong lên, tim đập thình thịch như có ai đang đè lên ngực. Tôi biết cảm giác ấy khi ở New York, đêm trước những buổi tranh luận hay đàm phán quan trọng.

Cơn gió dịu dàng thoảng qua ô cửa sổ, cái lạnh buổi sớm tinh sương thấm vào chăn. Một mùi hương tinh khôi và lạ lẫm tràn ngập cả căn phòng.

Trời đã sáng trưng. Tôi đứng dậy đi đến bên cửa sổ. Vòm trời xanh đen, không một gợn mây. Mặt trời vẫn nán lại đâu đó sau rặng núi. Bãi cỏ phía trước khách sạn có cây cối, hoa và những bụi cây bung nở như trong truyện cổ tích, màu sắc hoang sơ và dữ dội hơn bất cứ thứ gì tôi từng thấy. Ngay cả hoa anh túc cũng thắm hơn sắc đỏ bình thường.

Vòi sen không có nước nóng.

Tường và trần gian phòng phục vụ bữa sáng ốp gỗ tối màu, gần như đen. Một bàn gần cửa sổ được chuẩn bị sẵn. Tôi là vị khách duy nhất trong khách sạn.

Nhân viên phục vụ tiến lại, đầu cúi thật thấp. Tôi được chọn giữa trà hoặc cà phê, giữa ốp la và trứng rán. Anh ta chưa từng nghe đến cốm ngô. Không có xúc xích và phô mai.

“Ốp la hay trứng rán?” Anh lặp lại.

“Trứng rán,” tôi nói. “Cà phê.”

Tôi nhìn anh ta khuất dạng sau cánh cửa mở hai chiều phía bên kia căn phòng thênh thang. Anh ta bước thật nhẹ, đến mức tôi không nghe thấy tiếng chân chạm xuống, chỉ như trôi qua căn phòng vậy.

Còn lại một mình. Sự tĩnh lặng khiến tôi ngọt ngạt. Đồng bàn ghế trống như đang giương mắt chăm chăm nhìn tôi, dõi theo từng cử động và hơi thở của tôi. Tôi không quen yên ắng thế này. Pha cà phê sẽ mất bao lâu? Làm trứng nữa? Tại sao chẳng có âm thanh hay tiếng động nào từ nhà bếp? Không gian đè nặng lên tôi. Càng lúc càng ma mị. Tôi tự hỏi liệu có thể vịn to sự im lặng như vịn volume hay không. Như để đáp lại câu hỏi ấy, không gian mỗi lúc một tĩnh mịch thêm, khiến tai tôi đau nhói, không thể chịu đựng nổi. Tôi dang hăng và chạm dao vào đĩa chỉ để nghe thấy một âm thanh.

Tôi đứng dậy, đi đến cánh cửa thông tới vườn, mở cửa và bước ra ngoài. Gió ào ào. Chưa khi nào tiếng cây lá xào xạc, tiếng ong vo ve và tiếng châu chấu kêu ri ri lại dễ chịu đến thế.

Cuối cùng bữa sáng cũng được mang ra, cà phê chỉ hơi âm ỉm, trứng thì cháy. Nhân viên phục vụ đứng ở một góc, miệng mỉm cười và gật đầu trong lúc tôi ăn trứng cháy, uống cà phê nguội và gật đầu cười lại. Tôi gọi thêm một tách cà phê rồi lật qua cuốn cẩm nang du lịch của mình. Thông tin về Kalaw chưa tới một trang.

Tọa lạc ở rìa phía Tây cao nguyên Shan, từng là địa điểm nghỉ dưỡng trên núi được người Anh ưa thích. Ngày nay, nó là một thị trấn yên bình và trầm lặng, còn vương lại bầu không khí thuộc địa. Độ cao 1.300 mét, thời tiết mát mẻ, điểm đến lý tưởng để đi dạo trong rừng trúc và rừng thông. Quang cảnh núi đồi bang Shan rất hùng vĩ.

Dân cư: tổng hòa độc đáo của người Shan, người Miến, các bộ lạc trên núi, người Miến và người Ấn theo đạo Hồi, người Nepal (vốn là những binh sĩ Gurkha* từng phục vụ trong quân đội Anh), phần đông theo học trường dòng. Trước thập niên 1970, giáo viên ở đó là các nhà truyền giáo người Mỹ, nên đến giờ, nhiều người ở thế hệ trước vẫn nói tiếng Anh.

Ba ngôi chùa và khu chợ được đánh dấu là địa điểm đáng tham quan. Có ba nhà hàng, một Myanmar, một Hoa và một Nepal, rạp chiếu phim với vài quán trà. Một người Anh đã thiết kế khách sạn phong cách Tudor* nơi tôi ở. Ngay từ những năm tháng thuộc địa, đây đã là một kiến trúc bề thế trong vùng. Ngoài ra, còn nhiều khách sạn nhỏ và nhà nghỉ “thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu” khác.

Ăn sáng xong, tôi ra vườn và ngồi xuống băng ghế gỗ dưới tán thông. Chẳng còn chút dấu vết nào của cái se lạnh ban sáng. Mặt trời lên mang theo hơi nóng. Mùi ngai ngái thoảng trong không gian.

Bắt đầu tìm kiếm từ đâu đây? Mạnh mỗi duy nhất trong tay tôi là địa chỉ trên phong thư mỏng màu xanh:

38 đường Circular
Kalaw, bang Shan
Myanmar

Nhưng đã gần bốn mươi năm trôi qua.

Tôi cần có phương tiện đi lại và một người bản địa dẫn đường. Gì nữa nhỉ?

Tôi ghi chú lại vào sổ tay:

Thuê ô tô và tài xế
Tìm hướng dẫn viên
Kiếm danh bạ điện thoại
Mua bản đồ địa phương

Tìm địa chỉ

Hỏi han hàng xóm và/hoặc cảnh sát

Hỏi cảnh sát thông tin về cha

Xác nhận với ủy ban và/hoặc cơ quan quản lý cư trú

Thử tìm vài người Mỹ hoặc Anh nếu có thể

Đưa các quán trà, khách sạn và nhà hàng xem hình cha

Tìm kiếm ở tất cả nhà hàng, quán bar...

Đó là thói quen của tôi khi chuẩn bị cho các buổi hội thảo hay đàm phán với khách hàng: lập danh sách, tìm hiểu bài bản. Nó thân thuộc và giúp tôi yên lòng.

Khách sạn giới thiệu cho tôi một tài xế kiêm hướng dẫn viên. Hiện tại ông ta đang đồng hành với hai du khách Đan Mạch nhưng chưa có lịch những ngày tới. Ông sẽ có mặt tại khách sạn tầm 8 giờ tối nay. Suy đi tính lại thì đợi ông ta vẫn hơn, dẫu vậy nghĩa là tôi phải dời cuộc tìm kiếm đến tận hôm sau. Thêm nữa, hỏi U Ba về địa chỉ này cũng chẳng mất mát gì, dù ông ta lừa đảo đi chăng nữa. Nhìn qua là biết ông ta đã sống ở Kalaw suốt cuộc đời mình.

Chỉ mới quá trưa, tôi quyết định chạy bộ một chút. Sau chuyến hành trình dài, cơ thể tôi thêm khát được vận động. Quả thật trời khá oi nhưng không khí miền núi khô ráo lại có gió nên cái nóng dễ chịu hơn. Tôi rất chăm thể dục, dù vào những buổi tối mùa hè nóng nhất, độ ẩm cao nhất, tôi vẫn sẽ chạy vài cây số trong Công viên Trung tâm.

Hoạt động thể chất khiến tôi thư thái, giúp giải tỏa tâm trạng. Tôi không để ý đến những ánh nhìn nữa. Tôi không cần tránh né vì tập trung vào đôi chân đã đủ hết hơi. Tôi cảm thấy mình có thể trốn chạy tất cả những thứ lạ lùng và hung hiểm, tựa như tôi có thể nhìn và quan sát trong khi bản thân không bị dòm ngó. Tôi chạy vào làng, chạy dọc đường cái, ngang một nhà thờ Hồi giáo và một ngôi chùa, làm một vòng quanh chợ, vượt qua vài cái xe bò, xe ngựa và mấy nhà sư trẻ. Đến giờ tôi mới phát hiện những người dân địa phương đi lại thong

thả và từ tốn thế nào. Tôi đã sẵn sàng đối đầu với họ rồi. Tôi có nhịp độ của riêng tôi, không cần thiết phải hòa cùng phong thái của họ.

Tắm xong, tôi nằm ra giường nghỉ ngơi, thấy sáng khoái hẳn. Nhưng trên đường đến quán trà, cơn mệt mỏi lại ập đến. Theo từng bước chân. Tôi lo lắng và nôn nao, tự hỏi điều gì đang đợi mình phía trước. Tôi không phải kiểu người thích bất ngờ. U Ba sẽ kể gì với tôi và tôi có thể tin bao nhiêu phần trăm? Tôi định sẽ hỏi ông ta những câu cụ thể. Nếu ông ta ngắc ngứ và mâu thuẫn, tôi sẽ đứng lên ngay tức khắc.

U Ba đã có mặt từ lúc nào. Ông ta đứng dậy, cúi đầu và bắt tay tôi. Làn da mềm và lòng bàn tay ấm áp. Ông ta gọi hai cốc trà và vài chiếc bánh. Lát sau, ông ta nhắm hai mắt, hít một hơi thật sâu và bắt đầu kể câu chuyện của mình.

2

Tháng Mười hai ở Kalaw rất lạnh lẽo. Trời xanh và không có mây. Vầng dương dạo chơi dọc đường chân trời nhưng không lên đủ cao để sưởi ấm không gian. Không khí trong lành, tinh khôi, duy chỉ những người nhạy cảm nhất mới có thể nhận thấy chút mùi ngai ngái còn sót lại của mùa mưa vùng nhiệt đới. Khi những đám mây sà xuống ngôi làng và thung lũng, mưa từ trên trời đổ xuống xối xả như xoa dịu cơn khát của thế giới cần khô. Mùa mưa nóng và ẩm. Chợt nồng nặc mùi thịt ôi, ruồi trâu đen sì bu lấy lòng mề và thủ cừu, thủ gia súc. Mặt đất cũng như đang đổ mồ hôi. Sâu cùng côn trùng bò ra từ lỗ chân lông của nó. Những con suối vô hại hóa thành dòng nước lũ ngẫu nhiên đám heo sữa, cừu non và mấy đứa trẻ con bất cẩn, để rồi ọc cái xác vô hồn của chúng ra thung lũng phía dưới.

Nhưng với người dân ở Kalaw, tháng Mười hai lại hứa hẹn một quãng nghỉ, tách khỏi tất thảy những điều trên. Tháng Mười hai hứa hẹn những đêm lạnh và ngày thanh mát. Tháng Mười hai, theo Mya Mya, thật giả nhân giả nghĩa.

Bà đang ngồi trên chiếc ghế đầu trước hiên nhà, phóng tầm mắt ngắm ruộng đồng và thung lũng, đến tận đỉnh đồi phía xa. Trời trong đến mức bà có cảm giác mình đang dùng kính viễn vọng nhìn đến tận cùng thế giới. Bà không tin thời tiết. Dù chẳng nhớ nổi mình đã từng thấy một đám mây trên bầu trời tháng Mười hai bao giờ chưa, bà vẫn không loại trừ khả năng một trận mưa sẽ ào xuống. Hoặc một cơn bão, dù theo ghi nhận, chưa cơn bão nào đến từ vịnh Bengal có thể vượt qua những ngọn núi bao bọc Kalaw. Đó là điều bất khả. Nhưng chừng nào đông bão còn hoành hành đâu đó trên thế giới này, chừng ấy

chúng còn có thể tàn phá mảnh đất quê nhà của Mya Mya. Hoặc động đất chẳng hạn. Ngay cả, hoặc nhất là vào những ngày như hôm nay, khi chẳng có điềm gì cảnh báo tai ương. Tự mãn vốn xảo trá, còn tự tin là thứ xa xỉ Mya Mya không thể chấp đổi. Sâu thẳm trái tim bà biết rõ điều đó. Đối với bà, không có an lành hay bình yên. Không phải trên thế giới này. Không phải trong kiếp sống này.

Bà đã rút ra bài học ấy mười bảy năm về trước. Vào một ngày tháng Tám nóng như thiêu như đốt, khi bà cùng cậu em trai sinh đôi đùa nghịch bên sông. Khi nó trượt chân do đá trơn. Khi nó mất thăng bằng và quơ quào loạn xạ, vô vọng như con ruồi trong cái ly bị lật úp. Khi nó ngã xuống và bị dòng nước cuốn đi. Cuốn vào cuộc hành trình. Một hành trình vĩnh hằng. Bà đứng trên bờ, bất lực nhìn, thấy mặt em mình trôi lên mặt nước thêm một lần, lần cuối.

Mục sư sẽ gọi đó là ý Chúa, với sự thông sáng vô tận, người muốn thử thách đức tin của gia đình. Người hành động theo những nước đi huyền bí.

Các nhà sư lại lý giải bi kịch này bằng cách viện đến kiếp trước của nó. Ất hẳn nó đã hành ác ở tiền kiếp để rồi cái chết là quả báo bản thân phải gánh chịu.

Sau hôm tai nạn, thầy bói trong vùng lại giảng giải theo cách riêng: hai đứa trẻ đi chơi theo hướng Bắc, lẽ ra chúng không được làm thế, ngày sinh tháng đẻ không hợp, càng không nên ra khỏi nhà vào hôm đó, một ngày thứ Bảy trong tháng Tám. Vướng vào tai ương là điều hiển nhiên. Nếu hỏi trước thì thầy đã căn dặn cho. Đời giản đơn mà cũng phức tạp thế đấy.

Một phần trong bà đã chết cùng người em, nhưng phần ấy làm gì được ma chay. Gia đình bà còn chẳng hề hay biết. Cha mẹ bà chỉ là nông dân quần quanh đồng ruộng, đầu tắt mặt tối lo cho đàn con bốn đứa. Trang trải đủ cơm rau cho chừng ấy miệng ăn đã đủ kiệt sức rồi.

Mya Mya, đứa trẻ đã chết một nửa, hoàn toàn cô độc. Những năm sau đó, bà phải vật lộn để thiết lập lại trật tự trong thế giới méo mó.

Chiều nào cũng như chiều nào, bà ra bờ sông, ngồi ở chỗ nhìn thấy em trai lần cuối để đợi nó trôi lên. Dòng nước đã tước đoạt thân xác nó đi mà không trả lại. Đêm đến, trước khi đi ngủ, bà lại kể cho nó những chuyện trong ngày, bà biết nó nghe thấy. Bà nắm phần chiếu nó từng ngủ, đắp chăn của nó, và tận mấy năm sau, bà vẫn ngửi thấy mùi hương thân thuộc của nó.

Bà từ chối phụ mẹ giặt giũ dưới sông. Nói đúng hơn, bà tránh xa nước và chỉ tắm khi có cha mẹ đi cùng. Như thế bà sẽ chết đuối trong một xô nước. Bà mặc những bộ đồ nhất định vào những ngày nhất định, không chịu hé nửa lời vào thứ Bảy đến tận năm 15 tuổi, luôn nhịn ăn vào Chủ nhật. Bà dặt cho mình tấm mạng tinh vi của lễ nghi và cư ngụ hoàn toàn trong ấy.

Lễ nghi cho bà cảm giác an toàn. Từ ngày em trai chết, nhà bà không đến gặp thầy bói hằng năm nữa. Mà gần như hàng tuần. Cha mẹ bà quỳ mọp dưới chân thầy. Họ răm rắp tin theo lời thầy phán. Họ nghe mà nuốt từng từ, những mong được phù hộ khỏi mọi tai ương. Mya Mya còn sùng tín hơn cả cha mẹ, nhất nhất coi đó là lời vàng ý ngọc. Bà sinh ra vào thứ Năm, nên phải cẩn trọng vào những ngày thứ Bảy, đó là ngày tai kiếp, đặc biệt vào tháng Tư, tháng Tám và tháng Mười hai. Cẩn tắc vô ưu, bà kiêng ra khỏi nhà dù chỉ nửa bước vào thứ Bảy, nhưng người tính không bằng trời tính, một ngày tháng Tư nọ, tấm chăn để sát bếp lò nhà bà bén lửa. Ngọn lửa hung hãn. Vài phút ngắn ngủi, nó đã ngẫu nhiên cái lều gỗ và cướp đi của Mya Mya chút niềm tin còn sót lại rằng trên đời vẫn có chốn dung thân cho bà.

Giờ nghỉ lại, bà vẫn lạnh cả người. Lửa lách tách trong bếp, bà đứng dậy. Mặt nước trong chiếc xô trước mặt đông lại thành một lớp băng mỏng, mong manh dễ vỡ. Bà huých nó và nhìn những mảnh đá vỡ li ti tan vào trong nước.

Bà hít một hơi thật sâu, dùng hai tay ôm bụng và nhìn xuống cơ thể mình. Bà là một người phụ nữ nhan sắc mặn mà, dù chưa bao giờ bà

cảm thấy như thế và cũng chưa có ai nói với bà điều đó. Bà thắt sườn tóc đen tuyền óng ả thành bím dài đến thắt lưng. Đôi mắt to đen láy gần như tròn xoe và đôi môi đầy đặn tạo cho khuôn mặt nét gợi tình. Bà có những ngón tay thon dài, chân tay chắc nịch nhưng mảnh dẻ. Bụng bà tròn vo, to đến mức dù đã bao tháng trôi qua, bà vẫn thấy nó thật lạ lẫm. Một cú đập, một cú hích và bà biết chúng sẽ lại đến.

Cơn đau bắt đầu từ tối qua, cách tiếng một lần. Nhưng giờ thì chỉ vài phút. Những đợt sóng liên tục dội lại, càng lúc càng cao và dữ dội hơn. Bà cố nắm chặt lấy bất cứ thứ gì, một cánh tay, cành cây, cục gạch. Chẳng có gì. Bà không muốn đứa con này, không phải hôm nay, không phải một ngày thứ Bảy tháng Mười hai.

Bà hàng xóm có bốn mụn con khăng khăng đây là một ca dễ sinh, nhất là với con đầu lòng. Mya Mya thì chẳng nhớ nổi điều gì. Vài tiếng liền bà sống trong một thế giới khác, nơi tay chân không nghe lời bà nữa, nơi thân thể cũng không còn thuộc về bà. Bà chẳng là gì ngoài một vết thương khổng lồ. Bà thấy những đám mây đen sì trĩu nước và một con bướm đậu lên trán mình. Bà thấy cậu em trai giữa dòng nước. Lần cuối. Một suy nghĩ lướt qua như cọng lông gà cuốn theo cơn gió. Đứa trẻ này. Vào ngày thứ Bảy. Điềm báo chẳng? Em trai bà đầu thai chẳng?

Bà nghe thấy tiếng trẻ con khóc. Không phải thút thít mà ngang ngạnh và tức tối. Là con trai, ai đó lên tiếng. Mya Mya mở mắt và tìm em trai mình. Không, không phải thứ xấu xí, nhăn nhoe vương đầy máu me này. Không phải đống bầy hầy ẻo uột với cái đầu và bộ mặt méo mó này.

Mya Mya chẳng biết trẻ con cần gì. Bà trở thành một người mẹ với trái tim trống rỗng. Tình thương bà từng có giờ đã mất, dường như bị cuốn trôi từ rất lâu rồi, vào một ngày tháng Tám nóng như thiêu như đốt.

Những ngày tháng đầu đời của đứa con thơ, Mya Mya đã phải nỗ lực rất nhiều. Hàng xóm bảo gì bà cũng làm theo. Bà đặt đứa trẻ trên bầu ngực căng tròn, cho nó bú hoàn toàn bằng sữa mẹ. Bà ru con ngủ và bế loanh quanh khi nó thức. Bà ẵm con khi đi ra ngoài mua đồ. Đêm đến, bà nằm giữa chồng và thằng bé mà thức trắng, lắng nghe tiếng thở của đứa con bé bỏng, dõi theo từng nhịp thở ngắn và nhanh của nó, ao ước phải chi bà rung động. Phải chi bà mỉm cười khi thấy nó ti, khi nó nắm lấy ngón tay bà bằng đôi tay nhỏ xíu mũm mĩm. Bà ước mong một thứ gì đó sẽ đến và lấp đầy trống rỗng trong bà. Bất cứ thứ gì.

Bà xoay người sang bên, ghì con vào lòng, cái ôm ở ranh giới giữa hững hờ và mãnh liệt. Bà siết chặt hơn nữa, đôi mắt nâu to tròn ngơ ngác nhìn bà. Mya Mya không cảm thấy gì. Mẹ và con như hai cục nam châm đẩy xa nhau. Dù gắng sức siết chặt đến đâu cũng chẳng bao giờ chạm tới.

Hoặc có lẽ chỉ là vấn đề thời gian. Rồi cơ hội sẽ đến với bà, bản năng làm mẹ sẽ biến thành tình thương, và tình thương ấy sẽ hóa tình yêu kì diệu. Không may, lũ gà khiến mọi điều sụp đổ.

Đó là một ngày thứ Bảy, hai tuần sau khi bà hạ sinh. Bình minh vừa ló dạng, Mya Mya ra sân lấy củi để nhóm bếp. Sáng hôm ấy rất lạnh nên bà vội làm thật nhanh. Bà ra sau nhà tìm cành khô và vài khúc gỗ. Xác một con gà nằm chỏng chơ ngay trước đồng củi. Suýt nữa thì bà đã giẫm lên. Chừng 12 giờ, giờ bà sinh con, bà lại phát hiện xác con gà thứ hai, con thứ ba và thứ tư không lâu sau đó, đến buổi chiều là xác con gà trống, chồng bà xem xét đám gà chết nhưng cũng chẳng tìm ra manh mối. Mới tối hôm trước, chúng còn đi quanh nhà, cục ta cục tác rộn ràng, lại không có dấu vết gì cho thấy chó hay mèo, chứ đừng nói đến hổ, đã cắn chúng. Nhưng Mya Mya chắc như đinh đóng cột, xác chết của lũ gà là minh chứng cho nỗi ám ảnh tột cùng của bà. Chúng chính là cơn mưa bất chợt - không, tồi tệ hơn - là cơn bão trong tháng Mười hai, là cơn địa chấn bà luôn khiếp đảm: Lời nguyện giáng

xuống con trai bà. Thằng bé chính là điềm báo tai ương. Thầy bói đã phán như vậy. Lý ra bà không được sinh con vào ngày thứ Bảy, vào tháng Mười hai.

Mấy hôm sau, hơn chục con gà của mấy nhà hàng xóm cũng chết một cách kì lạ như thế, song điều đó cũng không thể xoa dịu Mya Mya. Ngược lại, nó như đổ thêm dầu vào lửa. Bà tin chắc đây mới chỉ là bắt đầu và vận hạn thằng bé đem đến sẽ không giới hạn trong phạm vi gia đình.

Giờ đây, đêm nào bà cũng trằn trọc, thấp thỏm sợ tai ương kế tiếp. Chỉ là vấn đề sớm muộn. Từng tiếng ho, tiếng hỗn hển, tiếng thở dài đều như sấm dội từ phía chân trời. Bà không dám cử động, chỉ căng tai lắng nghe mỗi khi đứa bé cựa quậy. Như thể hơi thở của nó là tiếng bước chân của thứ tai ương đang lén lút tiến lại.

Một tuần sau đó, bà hết sữa. Bầu ngực bà chảy xệ xuống như hai quả bóng xẹp lép. Người quen của nhà hàng xóm, một phụ nữ cũng vừa sinh con, cho đứa trẻ bú nhờ. Mya Mya hoan hỉ từng phút giây con bà không có ở nhà. Bà muốn bàn chuyện với chồng. Không thể tiếp tục thế như vậy được. Hai người phải làm gì đó.

Khin Maung cho rằng vợ mình chỉ đang làm quá. Tất nhiên ông cũng tin vào sức mạnh của tử vi. Ai chẳng biết ngày, giờ, thậm chí là phút sinh có thể quyết định vận số của một người, hiển nhiên là vậy. Có những điều ta phải nghe theo, những ngày tốt nhất không nên làm gì cả, những lễ nghi phải tuân thủ để giải trừ tai ương. Khin Maung đồng tình với vợ những điểm đó. Chẳng ai vui thú gì khi để con vào đúng thứ Bảy trong tháng Mười hai, chắc chắn là thế. Ai cũng biết tử vi sẽ không mỉm cười với những đứa trẻ này, rồi cuộc đời chúng sẽ trải qua nhiều tai kiếp, linh hồn chúng khó mà mọc cánh bay. Nhà nào cũng quen một ông chú hay bà dì, không thì người hàng xóm hay bạn của người hàng xóm nào đó có quen biết một người có họ hàng, sinh ra vào một trong những ngày đại hung để rồi sống lay lắt qua ngày

như con chó què, mãi nhỏ thó và còi cọc như cái cây ưa bóng râm. Khin Maung đã xác định tinh thần con ông sẽ phải qua nhiều kiếp nạn, nhưng chưa gì đã kết luận thằng bé bị nguyên rửa thì hơi quá (ngay cả khi lũ gà chết khiến ông như ngồi trên đồng lửa, dù ông không chịu thừa nhận với vợ điều này). Khi Mya Mya đề nghị tới gặp thầy bói, Khin Maung đồng ý ngay tắp lự. Không chỉ bởi ông là kiểu người khó từ chối ai điều gì, ông cũng mong thầy sẽ dùng sự thông tuệ trấn an được vợ ông, và nếu theo tử vi, nỗi lo của bà là đúng thì ông sẽ hỏi cách giảm thiểu tối đa trong trường hợp không thể chặn trước những tai ương đe dọa con mình.

Thầy sống trong căn lán gỗ giản dị ở rìa làng. Người dân trong vùng tôn sùng thầy hết mực. Họ không bao giờ xây nhà mà không hỏi ý thầy xem vị trí miếng đất đã đúng phong thủy hay động thổ đã nhằm ngày lành tháng tốt chưa. Trước khi dựng vợ gả chồng, cặp đôi trai gái hoặc cha mẹ hai bên sẽ đến nhờ thầy xem tuổi của cô dâu và chú rể có hợp nhau không. Thầy bói sẽ xem hoàng đạo rồi chọn ra ngày tốt để đi săn hay xuất hành. Bao năm qua, lời thầy phán chính xác đến nỗi cả dân sống ở những vùng xa xôi hẻo lánh của bang cũng kéo đến xem. Danh tiếng thầy nổi như cồn, đến độ - riêng phần này là dân tình đồn chứ chưa biết đúng sai - nhiều người Anh sống ở Kalaw và đám người dám buông lời phỉ báng lý số Myanmar là mê tín dị đoan cũng đến gặp thầy đều đều.

Ông thầy già ngồi xếp bằng giữa căn phòng bé tẹo. Diện như mãn nguyệt, Khin Maung nghĩ bụng. Cặp mắt, sống mũi và miệng thầy đều rất hài hòa, chỉ có đôi tai to lớn thò ra là phá hỏng khuôn mặt đầy đặn cân đối ấy. Chẳng ai rõ thầy bao nhiêu tuổi. Ngay cả những bậc cao niên trong làng cũng bảo không hay biết gì về thầy của độ xuân xanh, nên người ta đoán ắt thầy phải thọ 80 tuổi là ít. Thầy lại chẳng đá động gì đến chuyện ấy. Thần thái và trí tuệ tinh thông của thầy tựa hồ chống lại sự khắc nghiệt của thời gian. Từ xưa, giọng thầy đã bình lặng và nhẹ nhàng, thính giác và thị lực như của đứa trẻ mới 12. Tháng năm in

hắn lên khuôn mặt nhưng không khiến da dẻ thầy chảy nhão như người già bình thường.

Khin Maung và Mya Mya cúi đầu chào, rón rén đứng nơi bậc cửa. Từ thuở bé, Mya Mya đã ngồi đối diện thầy thường xuyên đến mức bà chẳng buồn đếm, nhưng lần nào bà cũng có cảm giác gì đó nơi đầu gối và dạ dày. Không phải thân tình mà chỉ có kính sợ. Thậm chí là tôn sùng.

Đây là lần đầu tiên Khin Maung đến gặp thầy, lòng kính trọng pha lẫn tò mò. Trước giờ, chỉ có cha mẹ ông đến, thậm chí lúc tổ chức hôn sự của ông với Mya Mya, họ cũng là người tới hỏi xem liệu có phải họ đã tìm được cô dâu phù hợp cho con trai mình chưa.

Khin Maung liếc nhìn xung quanh trước khi cúi đầu lần nữa. Sàn nhà và tường làm bằng gỗ tẻch đen. Những hạt bụi nhảy múa trong vạt sáng chiếu qua hai khung cửa sổ để ngỏ. Mặt trời vẽ nên hai hình chữ nhật trên sàn, sáng lóa cả tấm gỗ nhãn thín qua năm tháng. Rực rỡ đến mức khiến Khin Maung phát run. Rồi ông thấy một pho tượng Phật bằng gỗ thếp vàng sáng lấp lánh. Cả đời ông chưa từng thấy thứ gì mỹ lệ nhường ấy. Ông khụy một chân rồi quỳ xuống, cúi rạp người đến khi trán chạm mặt sàn. Trước pho tượng Phật là hai bình hoa và mâm xếp đồ cúng. Ai đó đã tỉ mỉ xếp bốn quả cam thành hình kim tự tháp. Bên cạnh xếp hai quả chuối, một quả đu đủ, ít trà được bày biện khéo léo thành một đụn nhỏ. Tường dán giấy trắng viết chi chít những con số và chữ cái liti nhít. Vài cây nhang cháy dở cắm trong bát đồ đầy cát đặt ở bốn góc phòng.

Thầy gật đầu. Khin Maung và Mya Mya quỳ xuống hai tấm chiếu trước mặt thầy. Mya Mya không nghe hay cảm thấy gì ngoài tiếng tim mình đập loạn. Khin Maung sẽ nói chuyện với thầy và đặt câu hỏi, hai người đã dặn nhau rõ ràng từ trước. Mya Mya về làm dâu chưa tròn năm nhưng hiểu rõ tính chồng, ông là kiểu người trầm tính, cả tối chỉ nói vài ba câu. Bà chưa bao giờ thấy chồng sùng cồ, cáu tiết hay kích

động. Ngay cả biểu hiện hạnh phúc hay mãn nguyện cũng chưa từng rõ rệt. Nụ cười mỉm thoáng qua là toàn bộ biểu cảm của ông.

Chồng bà không phải loại ù lì lười biếng. Ngược lại, ông chăm chỉ làm lụng nhất làng, từ sáng sớm tinh mơ khi thiên hạ còn êm giấc, ông đã ra đồng cày sâu cuốc bẫm. Đối với ông, cuộc đời như con sông bình lặng mà dòng chảy chừng như đã định trước. Cố công bẻ ngoặt cũng chỉ chuốc lấy thất bại. Khin Maung hay lam hay làm nhưng không tham vọng, hiểu kì nhưng chẳng hỏi han, hạnh phúc nhưng không hân hoan rạng ngời.

“Bẩm thầy,” Mya Mya nghe chồng mình khẽ khàng cất tiếng sau một hồi im lặng, “chúng con đến xin được phép thỉnh thầy.”

Thầy gật đầu.

“Con trai chúng con sinh ra vào thứ Bảy ba tuần trước, kính nhờ thầy xem liệu có tai ương rình rập thẳng bé chăng.”

Thầy cầm phần và phiến đá nhỏ, hỏi ngày giờ sinh chính xác.

“Ngày mùng 3 tháng Mười hai, 11 giờ 40 phút sáng,” Khin Maung đáp.

Thầy bói viết số vào những ô nhỏ và bắt đầu tính toán. Thầy viết thêm số và kí tự, gạch bớt vài số, vẽ hình tròn và hình bán nguyệt trên nhiều đường kẻ như thể đang viết nhạc.

Sau vài phút, thầy đặt phiến đá xuống, ngẩng đầu và chăm chú nhìn Mya Mya cùng Khin Maung. Nụ cười tắt ngúm trên khuôn mặt.

“Đứa trẻ này sẽ mang lại đau khổ cho cha mẹ,” thầy phán. “Đau khổ tận tâm can.”

Mya Mya cảm thấy mình đang chìm xuống đầm lầy. Thứ gì đó kéo bà xuống, chẳng có ai giúp bà, cũng chẳng có gì để níu lại. Không một bàn tay. Không một cành cây. Bà nghe thấy giọng nói của thầy và của chồng nhưng bà chẳng còn hiểu hai người đang nói gì nữa. Âm thanh như nghẹt lại và xa xôi, tựa hồ ở một căn phòng khác, một kiếp người khác. *Đau khổ tận tâm can. Đau khổ tận tâm can.*

“Đau khổ gì thừa thầy?” Khin Maung thắc mắc.

“Nhiều vô kể, nhất là về mặt bệnh tật,” thầy bói đáp.

Thầy cầm phiến đá lên xem xét lại.

“Trong đầu đứa trẻ,” cuối cùng thầy nói.

“Phần nào của đầu ạ?” Khin Maung hỏi rành mạch, như thể ghép từng kí tự từ những phần tách biệt. Sau này nghĩ lại, ông rất đổi kinh ngạc trước thái độ hiếu kì dai dẳng của mình, một sự bột phát không giống ông chút nào.

Thầy nhìn phiến đá, thứ tiết lộ cho thầy mọi bí mật của vũ trụ. Nó chính là cuốn sổ sinh tử, cuốn sổ của thương yêu. Thầy còn có thể nói với họ những điều khác mà thầy thấy, như khả năng vượt trội mà đứa trẻ này sẽ có, phép thuật cùng tài năng ẩn tàng trong cậu và món quà của tình yêu. Nhưng thầy biết Mya Mya chẳng nghe nữa, còn Khin Maung thì không thể hiểu. Nên thầy chỉ đáp, “Trong đôi mắt.”

Mya Mya hoàn toàn mù mờ về đoạn hội thoại ấy, lần đoạn tiếp theo. Trên đường về nhà, chồng bà tuôn ra một tràng liên tu bất tận những điều trước giờ bà chưa từng nghe qua miệng ông. Bà lê bước, rồi bời. Lời nói ong ong trong đầu bà như ruồi vo ve. *Đau khổ tận tâm can.*

Suốt nhiều tháng sau đó, Khin Maung năm lần bảy lượt giải thích với vợ đúng là thầy bói có nói về đau khổ, thậm chí là đau khổ tận tâm can, nhưng chủ yếu là đau khổ về bệnh tật chứ không đề cập đến lời nguyện hay điềm báo tai ương. Bà bỏ ngoài tai. Ông thấy điều đó trong mắt bà, trong cách bà đối xử với con, bế con nhưng không chạm vào nó, nhìn con nhưng không thấy nó.

Tin Win sống trên đời chưa tròn hai mươi một ngày nhưng số mệnh cậu đã được an bài, ít nhất với mẹ cậu là vậy. Sống. Trả giá. Giờ bà chỉ mong tai qua nạn khỏi nốt phần đời còn lại.

Mỗi vậy thôi mà sao khó quá.

Giờ đây, số trời đã định, Mya Mya có thể yên tâm ngủ kĩ. Bà biết cái gì sẽ tới. Bà đã quá quen thuộc với vận hạn hay tai họa. Hạnh phúc cùng vui sướng khiến bà lo sợ, chúng kì dị và xa lạ xiết bao. Bà không cần tự lừa dối bản thân nữa. Không còn những ảo tưởng gặm nhấm tâm hồn, không còn những giấc mơ khiến bà tưởng tượng linh tinh nữa. Điều đó khiến bà yên lòng.

Giờ đây, sau buổi tối thăm thầy bói, suốt nhiều ngày, nhiều tuần, Khin Maung thao láo nằm cạnh người vợ và đứa con say ngủ, những suy nghĩ tồi tệ nhất khiến đầu óc ông quay cuồng. Lỡ thầy phán sai thì sao? Chẳng lẽ ta không thoát khỏi số phận được ư? Nếu ta không thể làm chủ đời mình thì ai có thể? Ông chẳng muốn nghe đến bói toán nữa.

“Mya Mya. Mya Mya,” ông khẽ gọi và ngồi dậy trên giường trong cái đêm đầu tiên khi nghe thầy phán. Vợ ông ngủ say bên cạnh.

“Mya Mya.” Nghe như lời niệm chú.

Bà mở mắt.

Trăng tròn vành vạnh, trời đêm trong vắt, ánh sáng mờ ảo rọi vào từ cửa sổ, ông thấy đường nét trên khuôn mặt vợ, cử động của đôi mắt, chiếc mũi dọc dừa. Ông thầm nhủ bà đẹp xiết bao, vậy mà trước giờ ông không hay. Ông lấy bà về do cha mẹ sắp đặt. Tình yêu tự khắc đến, hai cụ trấn an ông, và ông tin tưởng họ, một phần vì ông luôn vâng lời họ, phần khác bởi ông chỉ hiểu mù mờ về tình yêu. Ông xem ấy là một món quà, một ân huệ ban cho người này chứ không phải người kia. Chẳng ai có sẵn.

“Mya Mya, chúng ta phải, ta nên, ta không được phép...” Có quá nhiều điều ông muốn nói với bà.

“Em hiểu, Khin Maung à,” bà đáp rồi ngồi dậy. “Em hiểu.”

Bà lần qua chỗ chồng, vòng hai tay ôm đầu ông và siết vào lồng ngực. Một cử chỉ âu yếm hiếm hoi của Mya Mya, bởi với bà, dịu dàng là thứ xa xỉ, như nước nóng buổi sớm mai, như nụ cười giây phút chia

xa vậy. Ấy là sở hữu của những kẻ mộng mơ hay những người dư thời gian, quyền lực và xúc cảm. Bà không nằm trong cả hai loại đó.

Mya Mya nghĩ bà biết chồng mình đang nghĩ gì, và bà thương hại ông. Từ nhịp tim đập, những cơn run rẩy, từ cách ông vòng tay qua ôm bà, bà biết ông cần thời gian. Ông vẫn tin hai vợ chồng có thể bảo vệ bản thân, rằng biết đâu vẫn còn cơ hội thay đổi những điều không thể thay đổi.

Khin Maung nằm trong tay vợ và nói. Khe khẽ, chẳng phải để bà nghe. Bà không hiểu một lời nào của chồng. Ông độc thoại, liên thoág không ngưng nghỉ. Tiếng thì thầm của ông tựa ra lệnh, phản kháng, gần như đe dọa, rồi van nài, khẩn khoản, nghi ngờ, một dòng chảy chẳng bao giờ cạn khô. Như thế ông đang ngồi bên giường một kẻ hấp hối và chỉ giọng nói của ông mới giữ cho người bệnh sống sót.

Ông muốn đấu tranh vì con. Cuộc đời nào cũng có triển vọng, ông tự nhủ, và trong trường hợp con ông, ông, Khin Maung, sẽ đi đến cùng trời cuối đất để hiện thực hóa triển vọng ấy. Nếu vợ ông không chung lưng đấu cật cùng ông thì đành chịu.

Đó là điều đầu tiên ông muốn nói với vợ vào sáng hôm sau, thậm chí trước bữa ăn. Rồi ông thiếp đi.

Nhưng cơ hội đó không bao giờ gõ cửa, dù trước bữa sáng hay là tối muộn, sau một ngày làm việc.

Đêm hôm sau, ông nhớ lại từng chi tiết khi hai vợ chồng đến thỉnh thầy bói. Ngôi nhà hiện ra trước mắt ông, ban đầu chỉ mờ mờ, sau rõ dần, tựa khung cảnh khi sương đã tan đi. Ông thấy căn phòng, nển, nhang, phiến đá tiết lộ bí ẩn trong đời. Cuốn sách vĩ đại của thương yêu. Ông nghe những lời thầy phán, để chúng nhẹ bước qua tâm trí, chậm rãi, từng từ một. Không có lời nào về nguyên rủa. Ông sẽ nói với vợ mình. Sáng sớm hôm sau. Cơ hội đó không bao giờ gõ cửa.

Đêm qua, ngày tới. Nếu Khin Maung là một người khác, có lẽ ông đã không đợi chờ một cơ hội, ông sẽ đi tìm và chộp lấy nó. Nhưng đó

lại không phải bản tính của ông. Ông sẽ phải vượt qua những giới hạn, những vòng kèm tỏa của bản thân, và ông lại chẳng phải anh hùng. Ông có thể ép mình chỉ nghĩ theo hướng đó, nhưng rồi cũng nhanh chóng rã rời. Hồ nghi trở lại, khi bức tường chống đỡ sụp đổ, chúng vồ lấy ông như chuột và kền kền bu quanh xác thối. Lý số chẳng thể sai. Thứ Bảy trong tháng Mười hai. *Đau khổ tận tâm can*. Rành rành ra đây.

Tiếp nối vụ gà chết, một bà dì của ông qua đời, tám tuần sau khi đứa trẻ sinh ra. Thì đúng là bà dì đã già khụ, ốm yếu lắm rồi, mấy năm nay bà còn chẳng rời khỏi chòi. Một khoảnh khắc ngắn ngủi, Khin Maung đã muốn chỉ ra cho vợ những điểm ấy. Nhưng chỉ một khoảnh khắc thôi, sau đó, ông cũng thấy là điềm và không buồn tranh cãi.

Thế rồi ông rút khỏi cuộc đời con trai mình, tự an ủi bản thân với ý nghĩ, suy cho cùng, đứa trẻ này chỉ là đứa con đầu lòng trong đàn con của ông và Mya Mya. Không phải đứa nào cũng sẽ chào đời vào thứ Bảy trong tháng Mười hai, tháng Tư hoặc tháng Tám. Ông cho người ta thuê ruộng rồi chuyển sang làm vườn và phục vụ trong sân golf của người Anh. Lương lậu tốt hơn làm ruộng nhiều, nó cũng cho phép ông không phải về nhà cả vào mùa khô, thời điểm nhà nông nhàn rỗi. Golf thì chơi quanh năm.

Mya Mya khiến bản thân bận rộn với việc quán xuyến nhà cửa. Gia đình bà sống trong một căn chòi gỗ đập bùn phía sau ngôi biệt thự hai tầng hoành tráng thuộc về người họ hàng xa của Khin Maung. Nó nằm trên đỉnh đồi, cao hơn ngôi làng, và giống như hầu hết nhà cửa của mấy tay địa chủ ở Kalaw, cũng xây theo phong cách Tudor. Thị trấn đông đúc nhất vào mùa khô. Khi nhiệt độ ở thủ đô Rangoon và ở Mandalay vượt ngưỡng 38 độ thì Kalaw, cao nguyên nằm ở độ cao 1200 mét so với mực nước biển là chốn tránh nóng tuyệt vời. Nhiều người dân Anh ở lại Myanmar sau khi về hưu và chuyển đến sống tại một trong những khu resort trên núi như Kalaw. Một viên chức người

Anh đã xây biệt thự này để an hưởng tuổi già, khổ nỗi ông ta không bao giờ trở lại sau vụ săn hổ tổ chức hai tuần sau ngày về hưu.

Bà góa bán ngôi nhà cho chú của Khin Maung, ông trùm buôn gạo ở Rangoon dư uy tín và thừa của cải. Vốn là một trong số ít những người tìm được chỗ đứng trong thị trường đã bị người Ấn thâm tóm, ông thuộc nhóm người Myanmar giàu nứt đổ đổ vách. Biệt thự chẳng đem lại cho ông giá trị thực tế nào. Suốt sáu năm sở hữu, ông còn chưa tới đó một lần. Nó chỉ là minh chứng cho sự giàu có của ông, là biểu tượng của địa vị, là thứ vốn được tính toán để gây ấn tượng với đối tác làm ăn ở thủ đô. Nhiệm vụ của Mya Mya và Khin Maung là coi sóc ngôi nhà và giữ nó trong trạng thái chủ nhân có thể đến bất cứ khi nào. Từ lúc sinh con ra, Mya Mya dồn hết tâm sức vào công việc này. Bà lau sàn gỗ hằng ngày, như thế phải biến chúng thành gương soi mới chịu. Sáng ra, bà quét bụi ngăn kệ, tối đến, bà lại quét lần nữa, dù chưa thấy có hạt bụi nào rơi xuống trong mười hai tiếng ấy. Bà lau cửa sổ hằng tuần và cắt cỏ bằng kéo, bởi như vậy kĩ hơn so với dùng máy cắt. Bà giữ cho giàn hoa giấy không rậm rịt và tận tâm chăm sóc luống hoa.

Giữa lúc đứng trong bếp bào cà rốt, Mya Mya trông thấy hai viên cảnh sát đi lên đồi. Hôm ấy là một ngày tháng Mười hai lạnh lẽo, trời trong, Mya Mya thì đang vắt chân lên cổ. Bà đã tốn quá nhiều thời gian chà sàn tầng hai, giờ bà lo lắng không biết có kịp dọn dẹp nhà bếp trong chiều nay chẳng. Rủi sáng mai ông chủ về mà thấy dinh thự không sạch sẽ tinh tươm, mọi công sức suốt những năm qua sẽ đổ sông đổ bể vì ông chủ ắt nghĩ rằng trước giờ Mya Mya không gìn giữ cơ ngơi này đáng hoàng. Một lần bất tín vạn lần bất tin, bà nghĩ, ánh mắt hướng xuống thung lũng.

Hai viên sĩ quan trong bộ đồng phục xanh lên đồi nhưng không đi con đường mà xe bò và vài chiếc ô tô họa hoằn vẫn đi. Thay vào đó, họ men theo lối mòn nhỏ hẹp ngoằn ngoèo đâm ngang rừng thông rồi

băng qua đồng ruộng tiến lên đỉnh đồi. Mya Mya nhìn họ tiến lại, thấy khuôn mặt hai người mà nổi sợ hãi dâng trào. Hôm nay là sinh nhật lần thứ sáu của Tin Win, và trước giờ, bà luôn có một niềm tin thâm căn cố đế rằng sinh nhật cậu chính là dịp bà càng phải lên tinh thần để chuẩn bị cho bất kì tai ương nào giáng xuống.

Chỉ trong hai nhịp thở, khiếp đảm đã ngốn lấy bà, cả linh hồn, tâm trí và cơ thể. Ruột gan bà quặn lại như bị vặn xoắn bởi đôi bàn tay khổng lồ. Càng lúc càng chặt. Bà thở hỗn hển. Bà nghe mình rên rỉ. Bà nghe mình cầu xin. Bà nghe mình van nài. Xin đừng là thật.

Hai người đàn ông mở cổng, bước vào sân rồi đóng cổng lại. Họ chậm rãi tiến đến chỗ Mya Mya. Bà cảm nhận được một thoáng lưỡng lự trong cử động của họ. Mỗi bước chân tựa hồ một cú đá vào người bà. Người trẻ hơn cúi gằm. Người già hơn nhìn thẳng vào mắt bà. Bà đã thấy ông này vài lần trong làng. Ánh mắt hai người giao nhau, rồi trong vồn vện một nhịp tim đập, Mya Mya đọc được ánh nhìn của ông ta. Vậy là đủ. Bà đoán ra tất cả, và nỗi khiếp đảm, con quái vật trước giờ vẫn gặm nhấm bà biến mất một cách chóng vánh. Bà biết một tai họa khủng khiếp đã ập xuống đầu mình, chẳng ai đủ sức khiến nó biến mất, chẳng thứ gì trong đời bà sẽ lại như cũ. Đây đã là lần thứ ba và bà cạn kiệt sức chịu đựng rồi.

Hai viên cảnh sát đứng trước mặt bà, người trẻ hơn vẫn chưa dám ngẩng đầu lên.

“Chồng bà mới gặp tai nạn,” người lớn tuổi hơn lên tiếng.

“Vâng,” Mya Mya đáp.

“Ông nhà đã chết.”

Mya Mya không nói gì. Bà chẳng buồn ngồi xuống. Cũng chẳng rơi lệ. Hay kêu than. Bà không nói gì cả.

Hai người đàn ông kể lại vụ tai nạn, một quả bóng golf bị gió quạt khỏi đường bay. Trúng giữa thái dương. Chết ngay lập tức. Ông người Anh sẽ lo tiền ma chay. Bồi thường chút đỉnh. Không ai phạm tội. Một cử chỉ của lòng thương cảm. Không hơn. Mya Mya gật đầu.

Cảnh sát đi rồi, bà quay người tìm con trai. Tin Win ngồi sau nhà chơi một mình. Cạnh cậu bé là một đồng quả thông. Cậu đang cố ném chúng vào cái lỗ cậu đào cách đó chừng vài mét. Hầu hết đều bị ném quá tay.

Mya Mya muốn gọi con lại để báo tin cha nó mất. Nhưng sao chứ? Nó biết cả rồi không chừng. Rốt cuộc, chính nó là kẻ đã mang đến tai ương. Đây là lần đầu tiên bà thừa nhận mình đang đổ lỗi cho thằng bé. Không phải chỉ là điềm gỡ theo lý số, vấn đề nằm ở Tin Win. Thằng bé mang lại xui xẻo với mái tóc đen, đôi mắt bí hiểm khó dò mà bà chẳng khi nào biết nó có đang nhìn mình hay không. Bà không đọc được gì ở đôi mắt ấy. Thằng oắt con là kẻ đem đến tai ách này, gây ra vận hạn này. Nó tạo nghiệp chướng trong khi những đứa trẻ khác đào hang hay chơi trốn tìm.

Mya Mya muốn bỏ lại tất cả. Bà không muốn nhìn thấy đứa trẻ này lần nào nữa.

Suốt ba mươi sáu tiếng tiếp theo, bà hành xử theo cách người ta thường làm khi có duy nhất một mục tiêu trong trí óc. Ưu tiên cho nó. Được nó thúc đẩy. Bà đóng vai góa phụ than khóc chồng, tiếp đón hàng xóm bằng hữu đến phúng viếng, tổ chức mai táng vào ngày hôm sau, đứng cạnh huyệt chồng nhìn người ta hạ linh cữu xuống.

Sáng hôm sau, bà sắp vài món đồ - dăm ba chiếc áo và váy longyi, đôi xăng đan dự phòng, lược, kẹp tóc - vào cái túi cũ đựng bóng golf mà chồng bà đem về từ chỗ làm. Tin Win chỉ im lặng đứng cạnh mẹ và nhìn theo.

“Mẹ phải đi xa vài ngày,” bà nói mà không ngược lên.

Con trai không nói gì.

Bà rời khỏi nhà. Thằng con chạy theo. Bà quay người, cậu bé đứng khựng lại.

“Mày không được đi theo,” bà tiếp.

“Khi nào mẹ về?” Cậu hỏi.

“Chóng thôi,” bà đáp.

Mya Mya quay lưng bước ra cổng. Bà nghe thấy tiếng chân thoăn thoắt phía sau. Bà xoay người lại.

“Mày có nghe mẹ bảo không?” Bà lớn tiếng, giọng sắc lạnh.

Cậu bé gật đầu.

“Mày ở lại đây,” bà trở cái gốc thông trơ trọi sau khi bị đốn. “Ngồi đấy đợi mẹ.”

Tin Win chạy lại gốc cây và vụng về leo lên. Từ đó, cậu có thể phóng tầm mắt dọc theo con đường dẫn vào nhà. Mya Mya đi tiếp, bà mở rồi đóng cổng mà không ngoái đầu lại. Bà rảo bước thật nhanh trên con đường dẫn xuống ngôi làng bên dưới.

Tin Win nhìn theo bóng mẹ. Cậu thấy mẹ băng qua ruộng đồng, mất hút vào rừng. Chỗ này thật tốt. Từ đây, cậu có thể thấy mẹ trở về từ tí tận đằng xa.

Tin Win chờ đợi.

Suốt ngày hôm ấy và cả khi đêm buông. Ngồi chồm hồm trên gốc cây bằng phẳng, cậu không thấy đói hay khát, cũng chẳng cảm nhận được cái lạnh giá bao trùm núi rừng và thung lũng. Rét buốt lướt qua mà không chạm vào người cậu, như con chim vụt qua khoảng rừng thưa.

Ngày hôm sau cậu vẫn đợi. Cậu nhìn bóng tối ủa về rồi dõi theo hàng rào, bụi cây và ruộng đồng hiện lên từ bóng tối. Cậu phóng tầm mắt, tận cùng phía xa là một hàng cây. Từ nơi đó mẹ cậu sẽ trở về trong chiếc áo khoác đỏ. Cậu sẽ nhận ra mẹ ngay từ đằng xa, rồi tuột xuống gốc cây, trèo qua hàng rào chạy về phía mẹ. Cậu sẽ hét toáng lên hạnh phúc, còn mẹ sẽ quỳ xuống, ôm cậu trong vòng tay và ghi chặt vào lòng. Chặt thật chặt.

Cậu vẫn thường vẽ ra cảnh tượng ấy những lúc chơi một mình hay ngồi mơ mộng, dù cha mẹ chưa bao giờ cúi xuống bế cậu lên, ngay cả khi cậu đứng trước mặt và ôm lấy chân hai người. Cậu cảm thấy họ lưỡng lự, thậm chí không muốn chạm vào cậu. Là lỗi của cậu, không

còn nghi ngờ gì nữa. Đó là hình phạt cậu phải chịu, nhưng vì tội lỗi gì thì cậu không rõ. Song dù thế nào, cậu mong thời hạn sẽ sớm qua đi. Hi vọng ấy còn mãnh liệt hơn khi giờ đây, người ta đã đặt cha cậu, cứng nhắc và lạnh lẽo, vào chiếc quan tài gỗ rồi chôn xuống huyết sâu. Nỗi nhớ mẹ cùng niềm mong ngóng tình thương của bà buộc cậu phải cắn răng chịu đựng ngồi trên gốc cây, kiên nhẫn chờ đợi chấm đỏ phía chân trời.

Ngày thứ ba, bác hàng xóm mang cho cậu nước với một tô cơm rau và hỏi cậu có muốn đợi trong nhà bác không. Cậu lắc đầu nguây nguẩy. Như thế nếu đi, cậu sẽ lỡ mất mẹ. Cậu không đụng vào đồ ăn. Cậu muốn để dành cho mẹ, muốn hai mẹ con cùng ăn khi mẹ cậu trở về. Hẳn bà đã đói lắm sau một chuyến đi dài.

Ngày thứ tư, cậu nhấp ngụm nước.

Ngày thứ năm, Su Kyi, chị gái bác hàng xóm đến, mang theo một ấm trà, cơm và chuối. Lo cho mẹ nên cậu cũng chẳng buồn ăn. Không lâu nữa đâu. Chóng thôi, mẹ cậu đã bảo thế.

Ngày thứ sáu, cậu chẳng nhìn rõ hàng cây nữa. Khu rừng cứ nhòe đi như có nước trong mắt cậu. Quang cảnh tựa tấm vải đung đưa trong gió, điểm vài chấm đỏ li ti. Chúng tiến lại gần cậu rồi to lên, nhưng không phải áo khoác mà là những quả bóng đỏ lao vun vút về phía cậu. Chúng vụt bên trái, bên phải và qua đầu cậu, gần đến mức cậu cảm nhận được luồng gió rít. Những quả khác bay thẳng vào cậu nhưng đều mất đà khi chỉ còn vài mét và rớt thẳng xuống đất, cách mặt cậu mấy phân.

Ngày thứ bảy, cậu ngồi thu lu một chỗ, không cựa quậy. Lúc Su Kyi bắt gặp, bà cứ tưởng cậu đã chết. Người cậu lạnh ngắt và trắng bệch. Hôm ấy là một ngày tháng Giêng rét buốt, sương muối đã phủ ướt đầm bãi cỏ phía trước nhà. Mặt cậu hóp lại, thân thể tựa cái vỏ rỗng hay bọc kén vô hồn. Đến khi lại gần bà mới thấy cậu vẫn còn thở, lồng ngực phảng phiu phập phồng dưới lần áo, như con cá bà mua ngoài chợ đang thoi thóp trong gian bếp.

Tin Win không nghe cũng chẳng nhìn thấy bà. Thế giới xung quanh cậu phủ một lớp sương mù trắng sữa, còn cậu đang tan biến vào đó, từ từ, từng chút một. Tim cậu đang đập. Vẫn còn chút sự sống, nhưng hi vọng đã héo tàn, khiến cậu chẳng khác nào cái xác không hồn.

Cậu cảm thấy một đôi tay chạm vào người, bế cậu lên, ôm lấy cậu và mang cậu đi.

Bà Su Kyi chăm sóc cậu. Người phụ nữ đã già nhưng vẫn dẻo dai, với giọng nói trầm trầm và điệu cười không bị sóng gió cuộc đời làm vẩn đục. Đứa con duy nhất của bà chết lúc mới sinh. Một năm sau, chồng bà cũng mắc sốt rét rồi qua đời. Bà buộc phải bán căn chòi hai vợ chồng mới dựng chưa được bao lâu. Từ đó, họ hàng cho bà tá túc, vì nghĩa vụ chứ chẳng vui vẻ gì. Gia đình bà xem bà như một mụ già quái gở có phần yếu đuối, mang đồng suy nghĩ rồ dại về sinh tử. Trái ngược với những người khác, bà chẳng thấy ý nghĩa sâu xa gì trong những tai họa mình phải gánh chịu. Bà không tin sao xấu đã khiến người thân bà chết. Thay vào đó, mất mát cho thấy vận may chỉ là thứ thất thường, một sự thật ai cũng phải chấp nhận để yêu lấy cuộc đời. Và bà rất yêu đời. Chẳng có thứ gì là tiền định. Hạnh phúc có thể đến với tất cả mọi người. Bà chưa từng dám lớn tiếng nói ra, nhưng ai cũng biết những niềm tin kiên định ấy và họ cho bà là người đầu tiên về phe Tin Win.

Nhiều năm liền, bà vẫn thường quan sát đứa trẻ nhà hàng xóm mà không khỏi kinh ngạc trước nước da sáng như đám lá nhạt màu của cây thông đã chết, như đám lá bạch đàn. Thằng bé trắng hơn cha mẹ nhiều. Bà nhìn đứa trẻ lớn dần thành một cậu bé dong dỏng cao, gầy như lênh khênh, nhút nhát chẳng khác nào lũ cú bà vẫn nghe được tiếng mà chưa lần nào rình được, một cậu bé bà chẳng thấy đứng chung hội với những đứa trẻ khác bao giờ.

Bà gặp Tin Win một lần trong rừng. Lúc ấy bà đang trên đường xuống thị trấn, còn thằng bé đang ngồi dưới gốc thông nhìn một con sâu bướm màu xanh bò trên tay.

“Tin Win, con làm gì trong rừng vậy?” Bà hỏi.

“Con đang chơi,” cậu bé nói mà không ngước lên.

“Sao con toàn chơi một mình thế?”

“Con không một mình.”

“Bạn con đâu?”

“Ở xung quanh này. Bác không thấy à?”

Bà Su Kyi nhìn quanh nhưng chẳng thấy ai.

“Không,” bà đáp.

“Những chú bọ cánh cứng, sâu bướm và bướm là bạn của con đấy. Cả hàng cây nữa. Họ là bạn thân nhất của con.”

“Hàng cây sao?” Bà ngỡ ngàng hỏi.

“Cây không chạy đi nơi khác. Chúng lúc nào cũng ở đó, đã vậy còn kể chuyện rất hay nữa. Bác không có bạn ạ?”

“Có chứ,” bà nói, ngưng một lát rồi nói thêm. “Em gái bác chẳng hạn.”

“Không, những người bạn thực sự cơ ạ.”

“Bác không có bạn là cây cối hay động vật, nếu ý con là thế.”

Cậu bé ngẩng đầu lên, khuôn mặt cậu khiến bà hết hoảng. Là do trước nay bà chưa bao giờ thực sự nhìn cậu hay ánh sáng trong rừng đã khiến các đường nét đổi thay? Khuôn mặt như đẽo ra từ đá, cân đối hoàn mỹ nhưng lại vô hồn đến đáng sợ. Rồi bốn mắt chạm nhau, cậu nhìn bà, ánh nhìn quá đổi lạnh lùng và cương nghị đối với một đứa bé. Bà giật mình lần nữa khi nhận ra cậu biết quá nhiều về cuộc đời so với lứa tuổi của mình. Vài giây sau, một nụ cười dịu dàng vương tiếc nuôi bà chưa từng thấy lướt qua khuôn mặt sắt đá. Nụ cười ấy đọng lại trong bà. Nó để lại ấn tượng sâu đậm đến mức phải mất mấy ngày bà mới gạt đi được. Bà thấy nụ cười ấy khi nhắm mắt lúc đêm về và tỉnh giấc buổi bình minh.

“Có thật sâu bướm sẽ biến thành bướm không ạ?” Đột nhiên cậu cất lời, ngay lúc bà sắp bỏ đi.

“Đúng rồi con à.”

“Thế chúng ta biến thành gì?”

Su Kyi khựng lại và ngẫm nghĩ.

“Bác không biết.”

Cả hai im lặng.

“Bác từng thấy động vật khóc chưa?” Cậu hỏi.

“Chưa,” bà đáp.

“Cây và hoa thì sao ạ?”

“Chưa.”

“Con thấy rồi. Chúng khóc không rơi lệ.”

“Thế sao con biết chúng đang khóc?”

“Vì nhìn chúng rất buồn. Bác ngó lại gần sẽ thấy.”

Cậu đứng dậy rồi chìa con sâu bướm trên tay ra. “Bạn ấy có đang khóc không?” Cậu hỏi.

Bà Su Kyi xem xét con côn trùng hồi lâu.

“Không,” cuối cùng bà đáp.

“Đúng rồi. Nhưng là bác đoán mò.”

“Sao con biết?”

Cậu bé lại cười mà chẳng nói gì, như thể câu trả lời quá sức hiển nhiên.

Vài tuần sau khi mẹ cậu bé bắt tắm, bà Su Kyi trông nom Tin Win, chăm sóc cho cậu phục hồi sức khỏe. Một tháng trôi qua mà chẳng thấy động tĩnh gì từ gia đình thẳng bé ở Rangoon và Mandalay, bà chuyển đến ở với cậu, hứa sẽ lo cho cậu và coi sóc nhà cửa của ông chú đảng hoàng đến khi mẹ cậu về. Tin Win không phản đối. Thay vào đó, cậu càng thu mình lại, đến nỗi lòng nhiệt thành và niềm lạc quan của một người như bà Su Kyi cũng không thể chạm đến. Tâm trạng cậu lên xuống thất thường, hôm thế này hôm thế khác, tiếng trước tiếng sau đã thay đổi hoàn toàn. Có khi cả ngày cậu im bất không nói

một lời, chỉ lúi thúi một mình trong vườn hoặc trong khu rừng gần nhà. Vào những hôm như thế, buổi tối, hai bác cháu ngồi cạnh đồng lửa trong bếp ăn cơm, cậu sẽ cúi gằm mặt mà im thin thít. Nếu bà Su Kyi có hỏi cậu chơi trò gì trong rừng, cậu chỉ nhìn bà chăm chăm với đôi mắt trong veo.

Buổi đêm lại là một câu chuyện hoàn toàn khác. Trong giấc ngủ, cậu sẽ bò qua chỗ bà rồi nép vào cơ thể tròn trịa và mềm mại của bà. Thỉnh thoảng, cậu vòng tay ôm và siết chặt đến mức khiến bà tỉnh giấc.

Lại có những ngày cậu dẫn bà ra vườn và vào rừng chơi, kể cho bà nghe những gì bạn cây nói với cậu. Cậu đặt tên cho mỗi cái cây. Hoặc cậu sẽ chạy đến khoe với bà đám bọ, ốc sên hoặc những chú bướm xinh đẹp đậu trên tay và chỉ bay đi khi cậu vươn tay lên trời. Động vật không e sợ cậu.

Màn đêm buông xuống, trước khi đi ngủ, cậu sẽ đòi bà Su Kyi kể chuyện cho nghe. Cậu nằm bất động đến khi bà kể hết câu chuyện rồi nói, “Bác hát nữa đi.” Bà Su Kyi cười xòa, “Bác có hát đâu.”

Tin Win sẽ đáp, “Có mà. Nghe như bài hát ấy ạ. Bác hát nữa đi mà.”

Su Kyi kể thêm một câu chuyện, lại một câu chuyện nữa, bà kể mãi đến khi cậu chìm vào giấc ngủ.

Bà nghĩ, có lẽ ngôn từ của bà chỉ có thể chạm đến cậu bằng cách này, khi đã được mã hóa. Có lẽ cậu sống trong một thế giới khép kín với bà, bà phải tiến lại thật từ tốn và nghiêm cẩn. Bà từng trải qua nhiều đau thương, của chính bà, của cuộc đời, nên bà hiểu tốt nhất không nên cố tìm mọi cách bước vào vùng trời riêng của cậu. Có bao kẻ đã trở thành tù nhân trong những thành lũy tự tạo dựng, của nỗi cô độc, để rồi bị trói buộc đến tận lúc cuối đời. Bà mong rằng Tin Win sẽ học được điều bà mất bao năm mới nghiệm ra: Có những vết thương, xoa dịu được, nhưng mãi mãi chẳng thể chữa lành.

Bà Su Kyi không nhớ nổi lần đầu tiên bà phát hiện ra là khi nào. Có phải sáng hôm bà đứng trước cửa nhà không nhỉ? Tin Win đang đứng bên hàng rào. Bà gọi, cậu bé nhìn xung quanh, quay tới quay lui như đang tìm kiếm bà. Hay sau đó vài bữa, khi hai bác cháu ngồi trên thanh gỗ gần bếp dùng cơm tối. Bà chỉ một chú chim sà xuống trước mặt, cách họ dăm ba mét trên bãi cỏ.

“Đâu ạ?” Cậu hỏi.

“Kìa kìa, cạnh tảng đá đấy.”

“Ồ,” cậu nói, gật đầu về một hướng khác.

Dường như cậu bé luôn đi những lối quen thuộc trong sân, trong nhà, trong những bãi cỏ và ruộng đồng gần đấy. Nếu chệch khỏi lộ trình quen thuộc là y như rằng cậu lại vấp phải nhánh cây hay sỏi đá. Khi bà đưa bát hay cốc, cậu sẽ vươn tay ra, lần mò trong một khắc mà đối với bà như cả thiên thu. Cậu khẽ nheo mắt khi phải nhìn vật gì cách xa vài mét, y như nhìn qua lớp sương mù dày đặc bao phủ khắp thung lũng buổi sớm mai.

Ngay cả bản thân Tin Win cũng không biết tình trạng này bắt đầu từ khi nào. Không phải núi non và những đám mây phía chân trời vẫn luôn mịt mờ như thế sao?

Tình trạng ngày càng tồi tệ sau khi mẹ cậu biến mất. Có lúc đứng từ sân, cậu còn chẳng nhìn được tới khu rừng. Những đường mảnh sậm màu của hàng cây tụ lại, nhòe nhoẹt thành biển màu xanh nâu xa xăm. Một màn sương xám dần dần bao phủ thầy cô ở trường. Tuy giọng họ rành rọt như thể đang đứng ngay bên cạnh nhưng cậu lại không thấy được dáng hình, giống y như hàng cây, ruộng đồng, nhà cửa, hay Su Kyi khi bà đứng cách cậu vài sải tay.

Thế là Tin Win học cách không để ý đến vật thể và chi tiết nữa. Thay vào đó, giờ cậu sống trong một thế giới cấu thành từ những mảng màu. Lục là rừng, đỏ là nhà, lam là trời, nâu là đất, tím là hoa giấy, đen là hàng rào quanh sân. Nhưng rồi cũng chẳng thể dựa vào màu sắc nữa. Chúng dần nhạt phai, cuối cùng chỉ còn lại mảnh vải

trắng sữa vắt quanh cậu, chắn mọi thứ vượt quá phạm vi vài mét. Dần dà, thế giới biến mất khỏi đôi mắt cậu, hấp hối như chút lửa tàn không còn tỏa ra hơi ấm hay ánh sáng.

Tin Win tự thấy chuyện đó chẳng phiền cậu lắm. Cậu không sợ màn đêm vĩnh hằng, hoặc bất cứ thứ gì thế chỗ cho những khung cảnh mà đôi mắt từng thấy. Cậu còn nghĩ, nếu khiếm thị bẩm sinh thì với cậu cũng chẳng mất mát gì. Giờ bị mù hoàn toàn cũng vậy, và cậu mù thật. Ba ngày sau sinh nhật lần thứ mười, cậu tỉnh dậy, mở mắt, màn sương đã nuốt chửng cả thế giới.

Sáng hôm ấy, Tin Win nằm yên trên giường, thở thật khẽ. Hít vào, thở ra. Cậu nhắm mắt rồi lại mở. Không có gì. Cậu nhìn lên nơi mới đây vẫn là trần nhà nhưng chẳng thấy gì ngoài cái hố trắng toát. Cậu ngồi dậy, xoay đầu bên này bên kia. Bức tường gỗ với những cây đinh gỉ sét đâu rồi? Cửa sổ đâu? Cái bàn cũ kĩ cậu để miếng xương hổ cha tìm được trong rừng từ hồi xưa hồi xưa đâu? Xung quanh chỉ thấy một vòm trắng trơn, không gần cũng chẳng xa. Vô hạn. Như thế cậu đang nhìn vào bất tận.

Cậu biết bà Su Kyi đang nằm bên cạnh. Bà đang ngủ nhưng sắp trở mình. Cậu nghe điều ấy trong hơi thở của bà.

Bên ngoài trời đã rạng, tiếng chim hót véo von nói với cậu như thế. Cậu cẩn thận ngồi dậy, dùng ngón chân mò mẫm mép chiếu. Cậu cảm nhận được chân của Su Kyi, và bước qua, đứng trong phòng, phán đoán vị trí nhà bếp trong khoảnh khắc. Bước vài bước, cậu tìm ra cánh cửa mà không bị va đập. Cậu vào bếp, vòng qua chỗ nhóm lò, đi ngang tủ chạn xếp mấy chiếc bát bằng thiếc rồi ra ngoài sân. Cậu không vấp ngã lần nào cũng chẳng cần đưa tay ra sờ soạng. Dừng lại ngoài cửa, cậu cảm nhận ánh mặt trời trên khuôn mặt, kinh ngạc khi có thể tự tin di chuyển trong màn sương mù, trong miền đất không người này như vậy.

Có điều, cậu đã quên bég mất cái ghế đầu gỗ. Mặt cậu đập mạnh xuống đất, cơn đau nơi ống quyển khiến cậu ré lên. Mặt cậu bị cửa

rách, nước dãi nhều ra và máu me bết bết.

Cậu nằm im, không động đậy. Thứ gì đó trườn trên má, qua mũi, lên trán trước khi biến mất vào mớ tóc của cậu. Sâu bướm đâu thể bò nhanh như thế. Hay kiến? Bọ? Cậu chịu không đoán nổi, cứ thế khóc, khe khẽ, không rơi lệ. Như những con vật. Cậu không muốn ai thấy mình khóc lóc nữa.

Cậu mò mẫm trên mặt đất, ghi nhớ những chỗ gồ ghề, đưa ngón tay qua như đang khám phá phần lãnh địa chưa dấu chân người. Mặt đất thô ráp, sần sùi đầy sỏi đá. Sao trước đây cậu không hề nhận ra nhỉ? Cậu xoay xoay nhành cây giữa ngón cái và ngón trỏ, tưởng chừng cậu thực sự thấy được. Hình ảnh ấy với tất cả những ấn tượng thị giác lưu lại trong tâm trí cậu rồi cũng sẽ phai nhòa ư? Sau này cậu chỉ còn nhìn thấy thế giới qua ô cửa sổ của hồi ức và tưởng tượng thôi sao?

Cậu căng tai lắng nghe. Mặt đất ẩm ỉ, dịu dàng hát, văng lại thật khẽ.

Su Kyi nâng cậu dậy.

“Ghế ở ngay trước mặt con mà,” bà nói. Một lời nhận xét đơn thuần chứ không hề mắng mỏ.

Bà lấy nước và khăn. Cậu súc miệng, bà lau mặt cho cậu. Hơi thở hỗn hển đủ biết bà kinh hãi nhường nào.

“Đau không con?” Bà hỏi.

Cậu gật. Vị máu tanh tươi trong miệng.

“Mình vào bếp nào,” bà đứng dậy dẫn đường.

Tin Win vẫn ngồi yên, mất phương hướng. Vài giây sau, Su Kyi quay lại.

“Con còn làm gì thế?”

Tiếng gào thét của bà vang vọng vào thị trấn, đến tận vài năm sau đó, người dân Kalaw vẫn kể với nhau họ hoảng sợ đến nhường nào khi nghe thấy.

Viên bác sĩ ở bệnh viện nhỏ cuối đường vô cùng bối rối. Chứng này tuổi lại bị mù dù chẳng chấn thương gì.

Đời ông chưa gặp trường hợp nào như vậy. Ông chỉ có thể phỏng đoán. Khả năng u não khá thấp, vì bệnh nhân không có dấu hiệu chóng mặt hay nhức đầu. Có thể là một dạng rối loạn thần kinh hay nhiễm sắc thể. Nhưng không biết nguyên nhân chính xác thì ông khó lòng đưa ra phác đồ điều trị. Không có thuốc chữa. Giờ chỉ còn nước cầu trời khẩn Phật cho thị lực của cậu bé quay lại một cách lạ kì như khi nó mất đi mà thôi.

Những tháng đầu tiên, Tin Win phải chiến đấu để tìm lại thế giới của mình, từ nhà cửa, sân vườn đến đồng ruộng gần đó. Cậu ngồi hàng giờ trong sân, nơi hàng rào, chỗ gốc thông, dưới tán cây bơ, trước đám anh túc, xem từng nơi, từng loài cây có hương thơm đặc trưng riêng giống con người không. Mùi của vườn cây phía sau nhà có khác so với ngày xưa không nhỉ?

Cậu đi khắp các lối, ước lượng khoảng cách và vẽ trong đầu tấm bản đồ ghi lại vị trí mọi thứ chân tay cậu chạm vào, từng bụi rậm, từng cái cây hay hòn đá. Cậu muốn lưu giữ tất cả. Chúng sẽ thay thế đôi mắt. Nhờ sự trợ giúp của chúng, cậu sẽ thiết lập một trật tự trong màn sương mờ đục quanh mình.

Nhưng vô ích.

Ngày hôm sau, chẳng thứ gì còn ở vị trí cậu nhớ. Như thể qua một đêm, ai đó đã sắp xếp lại đồ đạc trong nhà. Vạn vật trong thế giới này chẳng chịu đứng yên. Tất cả đều vận động không ngừng.

Viên bác sĩ đã cam đoan với bà Su Kyi những giác quan còn lại rồi sẽ bù đắp cho thị giác bị mất. Người mù học cách tận dụng đôi tai, mũi, hai bàn tay. Nhờ đó, sau một khoảng thời gian thích nghi và điều chỉnh, họ sẽ nắm được cách tái định hướng trong môi trường.

Trường hợp của Tin Win thì hoàn toàn ngược lại. Cậu vấp phải những hòn đá quá đỗi quen thuộc. Va vào những thân cây cùng nhánh

cây cậu từng leo trèo. Thậm chí cả ở trong nhà, cậu cũng đâm phải khung cửa và tường. Hai lần nếu không nhờ bà Su Kyi kịp thời kêu to ngăn cản, cậu đã bước vào bếp lửa.

Vài tuần sau, cậu đánh liều đi vào thị trấn lần đầu tiên nhưng suýt bị ô tô cán qua. Cậu đứng bên rìa đường, lắng nghe tiếng động cơ tiến lại. Tiếng trò chuyện, tiếng bước chân, tiếng ngựa hí. Cậu nghe chim hót líu lo, đám gà quang quác, một con bò đang ỉa. Song mọi thứ loạn lên, chẳng âm thanh nào chỉ ra được hướng đi. Đôi tai còn vô dụng hơn cả mũi, ít ra mũi vẫn ngửi được mùi của lửa, hoặc hai tay, khi cảnh báo cho cậu về chướng ngại trên đường. Không ngày nào trôi qua mà không có thêm vết rách trên đầu gối, vết bầm, cục u trên đầu, vết xây xát trên bàn tay và khuỷu tay.

Ở trường cậu lại càng chật vật với các xơ và cha người Ý. Dù họ cho phép cậu ngồi bàn đầu, chốc chốc lại hỏi cậu có theo kịp bài không, nhưng càng ngày cậu càng chẳng hiểu họ nói gì. Có mặt thầy cô, cậu còn cảm thấy cô độc hơn bao giờ hết. Cậu nghe được tiếng, cảm nhận được hơi thở nhưng không thể thấy hình dáng họ. Thầy cô đứng cạnh, chỉ cách cậu một cánh tay, thậm chí một gang tay, nhưng sao quá đổi xa xôi, vượt ngoài tầm với.

Khoảng cách với những đứa trẻ khác còn kinh khủng hơn. Đêm về, khi nằm trên giường, giọng đám bạn khiến cậu nhut chí, điệu cười của chúng vẫn vang vọng bên tai. Khi đám trẻ nô đùa nghịch ngợm trên khoảnh sân cạnh nhà thờ, cậu ngồi mà như bị cột cứng vào băng ghế dưới tán cây anh đào, từng tiếng bước chân, tiếng la hét, reo hò, dù nhỏ đến đâu cũng khiến cậu cảm thấy gông cùm như càng siết chặt.

Bà Su Kyi không rõ là thế giới này thực sự tan biến trước mắt Tin Win hay bằng cách nào đó, cậu bé tách mình xa khỏi thế giới. Cứ để vậy thì chuyện gì sẽ xảy ra? Đôi tai cậu cũng sẽ ngừng hoạt động ư? Cả mũi nữa? Mấy ngón tay thon dài sẽ không còn cảm giác rồi thoái hóa thành những bộ phận trơ lì, vô dụng hay sao? Cậu bé rất mạnh mẽ, mạnh mẽ hơn cậu tưởng, dù vẻ ngoài mảnh khảnh có thể đánh lừa kẻ

khác. Qua nhiều năm, bà đã hiểu ra điều ấy. Rõ ràng, Tin Win sở hữu khả năng thu mình đến tận cùng. Nếu muốn, cậu hoàn toàn có thể ra lệnh cho tim mình ngừng đập, giống như hai mắt ngừng thấy. Tận nơi sâu thẳm nhất trong tâm hồn, bà cảm nhận được cậu sẽ kết liễu đời mình bằng đúng phương thức ấy.

3

U Ba im lặng.

Ông ta nói bao lâu rồi? Ba tiếng? Bốn? Hay năm tiếng? Mắt tôi dán chặt vào ông ta, giờ mới chợt nhận ra khách hàng đã về hết cả. Bàn trống trơn. Căn phòng tĩnh mịch. Không có âm thanh gì ngoài tiếng ngáy khe khẽ của người đàn ông ngồi sau tủ kính bày bánh ngọt. Hơi thở ông ta rít lên rồi phì ra như hơi nước phụt từ ấm đun trà. Hai ngọn nến được thắp trên chiếc bàn ngăn giữa tôi và U Ba. Tôi nhận ra mình đang run lên. Xung quanh tối thui.

“Cô không tin tôi, đúng không Julia?”

“Tôi không tin truyện cổ tích.”

“Đó là truyện cổ tích sao?”

“Nếu ông biết tôi rõ như ông bảo, đáng ra ông thừa hiểu tôi không tin vào phép thuật. Hay năng lực siêu nhiên. Thậm chí cả Chúa. Nói gì đến trăng sao hay hoàng đạo. Cha mẹ ruồng bỏ con cái chỉ vì ba cái vị trí của sao vào ngày sinh ư? Họ đúng là bệnh hoạn.”

Tôi hít thật sâu. Chẳng hiểu sao tôi lại mất tự chủ. Tôi gắng bình tĩnh lại. Tôi không muốn ông ta thấy bộ dạng tức giận của mình.

“Cô đã đặt chân đến khắp nẻo, Julia, còn tôi chẳng mấy khi rời ngôi làng này. Hiếm hoi lắm mới tới cái thủ phủ bé tẹo của tỉnh mà thôi, hành trình dài một ngày bằng xe ngựa. Lần cuối cùng cũng nhiều năm trước rồi. Còn cô đã chiêm ngưỡng cả thế giới. Tôi đâu có tư cách gì để phủ nhận cô?”

Sự nhún nhường ở ông ta càng khiến tôi sôi máu.

“Nếu cô đã bảo vậy, tôi sẽ vui vẻ tin rằng trong thế giới của cô chẳng có cha mẹ nào không yêu thương con dù vì bất cứ lý do gì. Họ chẳng những kẻ ấu trĩ và vô học mới làm thế, thêm một bằng chứng cho sự lạc hậu của đất nước tôi. Chỉ có thể xin cô độ lượng bỏ qua cho.”

“Tất nhiên tôi không có ý đó. Chỉ là với chúng tôi, nguyên nhân không phải bởi trăng sao.”

Ông ta nhìn tôi và lại lặng im.

“Tôi không đi gần mười ngàn cây số để nghe kể chuyện, cha tôi ở đâu?”

“Xin cô nhẫn nại thêm một chút. Đây là chuyện về cha cô.”

“Ông nói vậy nhưng chứng cứ đâu? Nếu có khi nào đó trong đời cha tôi mù lòa, ông nghĩ rằng chúng tôi, những người thân thích, lại không hề hay biết ư? Cha phải kể với mẹ con tôi chứ.”

“Có vẻ cô rất chắc chắn.”

Ông ta biết là không phải.

Tôi bảo với ông ta, tôi chẳng cần đến phương pháp nội quan và tự phân tích*. Có lẽ tôi là một trong số ít những người New York chưa đi trị liệu tâm lý bao giờ. Tôi không phải kiểu sẽ vạch lá tìm sâu lần tìm nguyên nhân các vấn đề thời ấu thơ, tôi cũng chẳng ngưỡng mộ kẻ nào làm vậy. Tôi nhắc lại rằng, tôi không tin cha tôi từng bị mù, nhưng càng nói, câu chuyện lại càng như ám chỉ ai đó khác chứ chẳng phải tôi nữa. Ông ta lắng nghe rồi gật đầu. Chừng như ông ta hiểu chính xác hàm ý câu nói và đồng ý với tôi. Khi tôi dứt lời, ông ta bảo muốn biết trị liệu là gì.

Ông ta nhấp một ngụm trà.

“Julia à, e là tôi phải cáo lỗi với cô. Từ lâu, tôi không còn quen nói nhiều thế này nữa. Thường thì cả ngày của tôi trôi qua trong tĩnh lặng. Đến tuổi này rồi, chẳng còn bao nhiêu để nói. Tôi biết cô muốn hỏi tôi về Mi Mi, người phụ nữ cha cô biên thư. Cô còn muốn biết tên tuổi,

nơi ở, vai trò của bà trong cuộc đời cha cô và có lẽ là của cô nữa.” Ông ta đứng dậy rồi cúi đầu. “Tôi sẽ tiễn cô ra đường.”

Chúng tôi đi tới cửa. Tôi cao hơn U Ba những một cái đầu nhưng dường như ông ta không hề nhỏ bé. Ngược lại, chính tôi là người quá to lớn. Sải chân nhanh nhẹn và thanh thoi của ông khiến tôi cảm thấy mình thật vụng về và thô cứng.

“Cô biết đường về khách sạn chứ?”

Tôi gật.

“Nếu cô muốn, sau bữa sáng ngày mai tôi sẽ đón cô tại đó và đưa cô về thăm nhà tôi. Ở đây chúng ta sẽ không bị làm phiền. Tôi có thể cho cô xem vài bức hình.”

Ông ta rời đi sau khi cúi đầu chào.

Tôi vừa quay gót bước xuống đường thì chợt nghe thấy giọng ông ta vang lên phía sau lưng. Tiếng thì thầm, “Và cha cô, Julia ạ, ông ấy đang ở đây, rất gần. Cô có thấy không?”

Tôi xoay người lại nhưng U Ba đã tan biến vào đêm đen.

Về đến khách sạn, tôi liền nằm xuống giường. Tôi lại là cô bé con chừng bốn, năm tuổi. Cha đang ngồi ở mép giường. Căn phòng sơn màu hồng nhạt. Trên cao treo giá trang trí với những con ong sọc đen vàng. Cạnh giường là hai chiếc kệ chứa đầy sách, bộ xếp hình và đồ chơi. Bên kia phòng là một xe đẩy em bé với ba cô búp bê nằm ngủ bên trong. Trên giường tôi xếp đầy thú nhồi bông: Thỏ Hopsy màu vàng năm nào cũng cho tôi trứng sô cô la. Hươu cao cổ Dodo với chiếc cổ dài tôi thầm ghen tị. Tinh tinh Arika mà tôi biết tổng là khi vắng người sẽ đi tới đi lui. Hai chú chó đốm, một cô mèo, một bác voi, ba bác gấu, cả gấu Pooh nữa.

Búp bê Dolores tôi cưng nhất đang nằm trong tay tôi, mái tóc đen rối bù. Cô mất một tay. Anh trai tôi cắt mất để ăn miếng trả miếng vụ gì đó. Hôm ấy thời tiết hơi oi bức, một đêm mùa hạ êm ả ở New York.

Cha vừa mở cửa sổ, cơn gió nhẹ ùa vào phòng khiến đàn ong nhảy múa phía trên đầu tôi.

Cha có mái tóc đen, đôi mắt tối màu, làn da bánh mật và sống mũi cao, bên trên gác cặp kính dày cộp tròn tròn gọng đen. Vài năm sau đó, tôi trông thấy hình Gandhi và vô cùng kinh ngạc trước nét tương đồng này.

Cha ngả người về phía tôi, mỉm cười và hít một hơi thật sâu. Tôi nghe thấy tiếng ông. Hơn cả một giọng nói, nó du dương như tiếng nhạc cụ, đàn violon hay đàn hạc. Chưa bao giờ cha tôi to tiếng. Tôi chưa từng thấy ông la hét. Giọng ông có thể vỗ về và dỗ dành tôi, chờ che và ru tôi ngủ, khiến tôi tươi cười thức giấc. Đến tận bây giờ, giọng của cha vẫn là âm thanh duy nhất trên đời xoa dịu được lòng tôi.

Ví như ngày tôi mất thăng bằng trên chiếc xe đạp mới mua trong Công viên Trung tâm và đập đầu vào tảng đá. Máu tuôn xối xả từ hai vết cắt toang hoác. Xe cứu thương đưa tôi tới bệnh viện trên Phố 70. Hộ lý băng bó cho tôi nhưng máu vẫn rỉ qua lớp gạc, chảy xuống mặt, xuống cổ tôi. Tôi vẫn nhớ tiếng còi hụ, nét mặt hốt hoảng của mẹ và viên bác sĩ trẻ với hàng lông mày rậm. Ông ta khâu vết thương nhưng máu vẫn không ngừng chảy.

Cha đã đến bên tôi từ lúc nào. Tôi nghe giọng ông trong phòng chờ từ lúc nãy. Ông nắm tay tôi, vuốt tóc và kể chuyện cho tôi nghe. Chưa đầy một phút sau, máu đã ngừng chảy. Như thế giọng nói của cha vừa nhẹ nhàng ôm lấy vết thương, bao bọc và cầm máu lại.

Ít khi những câu chuyện cha kể kết thúc có hậu. Mẹ tôi ghét lắm. Bà bảo như thế thật tàn nhẫn và độc ác. Không phải truyện cổ tích nào cũng thế sao? Cha tôi hỏi lại. Phải, mẹ thừa nhận, nhưng truyện ông kể rồi rằm, dị thường, chẳng có quy chuẩn đạo đức nào, sao hợp với trẻ con được chứ.

Nhưng tôi yêu chúng xiết bao, chính xác bởi vì chúng kì dị và quá đổi khác biệt so với những truyện tôi từng được nghe hay đọc. Chúng

đều là truyện Myanmar. Chúng cho tôi một cái nhìn hiem hoi vào quá khứ bí ẩn của ông. Có lẽ đó là lý do chúng mê hoặc tôi đến vậy.

Tôi thích nhất *Chuyện chàng hoàng tử, công chúa và cá sấu*. Cha tôi đã kể đi kể lại không biết bao lần đến khi tôi thuộc nằm lòng từng câu, từng chữ, từng chỗ ngắt quãng, lên xuống.

Ngày xưa ngày xưa, có một cô công chúa vô cùng xinh đẹp. Cô sống cùng vua cha với hoàng hậu trong một lâu đài cũ bên bờ con sông lớn. Những bức tường bao quanh vừa cao vừa dày, bên trong thì lạnh lẽo, tối tăm và yên ắng. Do không có anh chị em nên công chúa vô cùng cô đơn. Vua cha và hoàng hậu chẳng mấy khi trò chuyện với cô. Người hầu chỉ biết, “Vâng, thưa công chúa” hoặc “Không, thưa công chúa” mà thôi. Cô chẳng có ai để chuyện trò hay chơi đùa trong cung điện cả. Cô cảm thấy buồn chán khủng khiếp và khao khát có bạn bè. Thời gian dần trôi, cô trở thành cô công chúa đơn độc u sầu, thậm chí chẳng nhớ lần cuối mình cười là khi nào nữa. Đôi lúc cô tự hỏi, lẽ nào mình đã quên cách cười rồi sao. Cô bèn nhìn vào gương và gượng cười. Cô nhăn mặt lại. Chẳng vui chút nào. Mỗi khi buồn chán quá đỗi, cô lại thả bộ dọc con sông. Ngồi dưới bóng cây sung, cô lắng nghe nước chảy róc rách, chim hót líu lo và ve kêu râm ran. Cô mê mẩn hằng hà sa số những ngôi sao li ti mà ánh nắng rót lên sóng nước. Rồi như thế, cô lấy lại tinh thần và tiếp tục mơ về một người bạn có thể khiến cô cười.

Bờ bên kia của dòng sông do một vị vua nổi tiếng hà khắc trị vì. Thần dân của ngài không ai dám chây lười hay mơ mộng. Nông dân nai lưng cày bừa, thợ thủ công luôn tay trong xưởng. Thậm chí, nhà vua còn gửi tai mắt đi khắp đất nước để theo dõi xem thần dân có chăm chỉ làm lụng hay không. Ai bị phát hiện ngồi chơi trong lúc làm việc sẽ lãnh mười nhát roi tre. Hoàng tử điện hạ cũng không được thiên vị. Hoàng tử phải học từ sáng đến tối, ngày này qua ngày khác. Vị vua mời đến cung điện những học giả nghiêm khắc nhất cả nước để

dạy cho hoàng tử. Ngài muốn con mình phải là hoàng tử thông minh nhất từ trước đến nay.

Nhưng một ngày nọ, hoàng tử lên khỏi hoàng cung. Chàng phi ngựa tới bờ sông và thấy cô công chúa đang ngồi ở bờ bên này. Cô cài lên suối tóc đen nhánh những đóa hoa vàng. Chưa lần nào trong đời chàng thấy một thiếu nữ yêu kiều nhường ấy. Ngay lập tức, trong chàng trào dâng thôi thúc vượt qua sông.

Khổ nỗi không có cầu hay phà để băng qua dòng nước. Thật ra, vua của hai nước vốn rất căm ghét nhau nên đã cấm thần dân của mình không được đặt chân sang đất nước bên kia sông. Kẻ nào phá luật đều phải trả giá bằng mạng sống. Không những thế, cư ngụ dưới lòng sông là đàn cá sấu chực chờ bất cứ người đánh cá hay nông dân nào dám cả gan thò chân xuống.

Ban đầu, hoàng tử nghĩ tới việc bơi qua sông nhưng nước chưa ngập tới đầu gối thì những con cá sấu đã lao đến, mõm há hoác. May mà hoàng tử kịp leo lên bờ. Không được nói chuyện với công chúa, chàng đành dõi theo cô vậy.

Từ đó, hằng ngày, chàng đều bí mật ra bờ sông, ngồi trên một tảng đá và nhìn ngắm cô công chúa với đôi mắt chứa chan tình cảm. Nhiều tuần, rồi nhiều tháng trôi qua, đến ngày nọ, một con cá sấu bơi về phía chàng.

“Ta đã dõi theo người từ lâu, thưa hoàng tử,” nó cất tiếng. “Ta biết người bất hạnh đến nhường nào nên lấy làm thương cảm. Ta muốn giúp người một tay.”

“Nhưng người giúp ta bằng cách nào?” Hoàng tử kinh ngạc hỏi lại.

“Hãy trèo lên lưng ta, ta sẽ đưa người sang bờ bên kia.”

Hoàng tử dè chừng nhìn cá sấu.

“Đó là một trò bịp,” chàng nói. “Cá sấu các người vốn khát máu và tham ăn. Các người chưa từng để ai toàn thân thoát khỏi dòng nước cả.”

“Không phải con cá sấu nào cũng thế,” cá sấu đáp. “Hãy tin ta.”

Hoàng tử ngần ngừ.

“Hãy tin ta,” cá sấu lặp lại.

Hoàng tử không còn cách nào khác. Muốn chạm tới cô công chúa xinh đẹp, chàng buộc phải tin con cá sấu. Chàng leo lên lưng, và nó đưa chàng sang bờ bên kia như đã hứa.

Công chúa không tin nổi vào mắt mình khi hoàng tử đột nhiên xuất hiện trước mặt cô. Cô cũng đã bí mật ngắm nhìn hoàng tử bấy lâu và âm thầm hi vọng cuối cùng chàng sẽ tìm được cách vượt qua sông. Hoàng tử bối rối chẳng biết nói gì. Chàng lắp bắp, lúng túng như gà mắc tóc, rồi cả chàng và cô cùng phá lên cười. Công chúa cười như thể đã lâu, lâu lắm rồi cô không được cười vậy. Đến lúc hoàng tử phải về, cô buồn rầu cầu xin chàng ở lại.

“Ta không thể,” chàng nói. “Vua cha sẽ nổi cơn thịnh nộ nếu biết ta ở bên cạnh nàng. Người sẽ giam cầm ta và ta chẳng còn cơ hội ra sông một mình nữa. Nhưng ta hứa với nàng rồi ta sẽ quay lại.”

Con cá sấu tốt bụng đưa hoàng tử quay về bờ bên kia.

Ngày hôm sau, công chúa lại chờ đợi, lòng bao mong ngóng. Khi sắp sửa từ bỏ hi vọng thì cô trông thấy hoàng tử đang cười trên bạch mã. Cá sấu cũng có mặt, ngỏ ý giúp chàng như một bề tôi trung thành. Từ hôm ấy, hoàng tử và công chúa gặp nhau hằng ngày.

Những con cá sấu khác giận dữ. Một ngày nọ, chúng vây lấy cá sấu cùng hoàng tử ở giữa dòng sông. “Đưa hân đây, đưa hân đây!” Chúng thét gào, há mồm thật to nhằm đớp lấy hoàng tử.

“Để chúng ta yên,” con cá sấu vĩ đại gầm lên, vận hết sức bình sinh bơi qua sông thật nhanh. Nhưng giây lát sau, nó lại bị những con cá khác vây quanh. “Hãy bỏ vào miệng ta,” cá sấu hét lên với người bạn của mình. “Người sẽ được an toàn.” Nó há miệng thật rộng, hoàng tử bèn chui vào. Không phút giây nào những con cá sấu khác để họ lọt ra khỏi tầm mắt. Họ bơi đến đâu, chúng bám theo đến đấy, chờ đợi và chờ đợi. Sớm muộn gì hoàng tử cũng phải chui ra. Nhưng cá sấu tốt bụng vô cùng kiên nhẫn, sau vài tiếng đồng hồ, đàn cá sấu bỏ cuộc rồi

bơi đi. Cá sấu bò lên bờ và há miệng ra. Hoàng tử không động đậy. Cá sấu lắc mình và van nài. “Bạn của ta, bạn của ta, người hãy chạy lên bờ, chạy nhanh hết mức có thể.”

Hoàng tử vẫn bất động.

Cả công chúa cũng hét lên từ bờ bên kia. “Hoàng tử của thiếp, chàng hãy bước ra đi.”

Nhưng vô ích, vì hoàng tử đã chết. Chàng nghẹt thở trong miệng bạn của mình.

Khi công chúa nhận ra điều đó, cô đổ rạp xuống đất, cõi lòng nát tan mà chết.

Hai vị vua quyết định không chôn cất con mình mà hỏa táng ở bờ sông. Tình cờ thế nào, hai tang lễ rơi vào cùng ngày, cùng giờ. Hai vị vua phỉ báng và đe dọa lẫn nhau, đổ lỗi cho đối phương về cái chết của con mình.

Một lát sau, lửa bùng lên dữ dội và hai thi hài rực cháy. Cháy hết, ngọn lửa bắt đầu lụi tàn. Hôm ấy là một ngày lặng gió, hai cột khói cao và khổng lồ bốc thẳng lên thiên đường. Rồi bỗng dừng, tất cả lắng đọng. Lửa thôi lách tách, chỉ còn cháy âm ỉ. Sông thôi ào ạt cuộn trào. Cả hai vị vua cũng lặng thinh.

Rồi các con vật cất tiếng hát. Đầu tiên là đàn cá sấu.

Nhưng cá sấu làm gì biết hát. Tối nào đến đoạn này tôi cũng cãi.

Được chứ con, cha tôi ôn tồn đáp. Cá sấu sẽ hát nếu con để chúng hát. Con chỉ cần im lặng để lắng nghe chúng thôi.

Voi cũng vậy hả cha?

Phải, voi cũng vậy.

Vậy ai hát tiếp ạ?

Những con rắn và thằn lằn. Chó cũng cất tiếng hát, rồi mèo, sư tử và báo. Đàn voi cùng hòa ca, tiếp theo là ngựa và khỉ. Và không thể không nhắc đến đàn chim. Tất cả các loài động vật hòa nhịp hát vang, giai điệu đẹp hơn bao lần chúng từng cất giọng, và bất chợt, không ai

hiếu tại sao nhưng hai cột khói dần dần trôi về phía nhau. Khúc hát của những con vật càng to và càng trong, hai cột khói càng sát lại, đến cuối cùng, chúng ôm lấy nhau rồi quyện làm một như những cặp tình nhân.

Tôi nhắm mắt lại, lắng nghe tiếng động vật và thầm nhủ, cha nói đúng. Chúng biết hát. Chúng khe khẽ ru tôi vào giấc ngủ.

Mẹ không thích câu chuyện này vì kết thúc không có hậu. Cha lại cho rằng kết như vậy đã đẹp rồi. Họ khác xa nhau như vậy đấy.

Còn về phần mình, tôi không rõ.

Màn đêm tĩnh lặng khiến tôi khổ sở. Tôi nằm trên giường khách sạn, khao khát những tiếng ồn quen thuộc. Còi hụ. Xe cứu hỏa. Nhạc rap hoặc tiếng ti vi rì rầm từ nhà bên. Chuông thang máy. Nhưng chẳng có gì. Cả tiếng cầu thang cọt két lẫn tiếng bước chân của những vị khách khác ở hành lang đều không có.

Một lúc sau, tôi nghe thấy giọng U Ba. Như một vị khách không mời vô hình, nó tha thẩn khắp phòng, bắt chuyện với tôi từ bàn hay tủ, rồi chùng như phát ra từ chiếc giường bên cạnh. Câu chuyện ông ta kể cứ luẩn quẩn trong đầu tôi. Tôi nghĩ về Tin Win. Dẫu đã vài tiếng trôi qua, tôi vẫn chẳng thấy được bóng hình cha tôi trong cậu bé đó. Nhưng vậy thì có sao? Chúng ta biết gì về cha mẹ mình, ngược lại, họ biết gì về chúng ta? Và nếu ta còn chẳng rõ những người đã đồng hành bên ta từ thuở lọt lòng, ta không hiểu họ, họ chẳng hiểu ta, thì suy cho cùng, ta biết gì về bất kì ai khác? Theo đó, chẳng phải con người có khả năng làm ra mọi chuyện, kể cả những tội ác tày đình nhất hay sao? Rốt cuộc ta có thể đặt lòng tin vào điều gì? Vào ai? Vào sự thật nào đây? Có ai để ta tin tưởng một cách vô điều kiện không? Một người như thế có tồn tại trên đời?

Cả giấc ngủ cũng không buông tha tôi. Trong mơ, tôi thấy Tin Win. Cậu ngã xuống, đôi mắt mù lòa, sông soài dưới đất ngay trước mặt tôi. Tôi cúi xuống định đỡ cậu dậy song cậu nặng đến không tưởng dù

thân hình nhỏ bé. Tôi cầm hai tay cậu và kéo. Tôi vòng tay quanh cơ thể bé bỏng của cậu, mà như đang gắng nâng một con bò sắt. Tôi quỳ xuống cạnh cậu như cạnh một nạn nhân trong tai nạn xe hơi đang máu me bê bết bên vệ đường. Tôi trấn an cậu rằng xe cứu thương đang đến. Cậu cầu xin tôi đừng đi, đừng để cậu một mình. Rồi đột ngột, cha đứng cạnh chúng tôi. Cha bế cậu bé lên rồi thì thầm vào tai cậu. Cuối cùng, Tin Win dịu lại trong vòng tay cha tôi. Cậu ngả đầu lên vai cha, thút thút khóc và chìm vào giấc ngủ. Hai người họ quay lưng và bước đi.

Khi tôi thức giấc, trời đã hơi nóng, thoảng đưa hương ngọt ngào như mùi kẹo bông mới làm. Tôi nghe thấy tiếng côn trùng rì rầm bên ngoài và giọng hai người đàn ông nói chuyện dưới cửa sổ phòng mình. Bắp chân đau tức lúc tôi đứng dậy, nhưng đỡ hơn nhiều so với hôm qua. Giấc ngủ dài đã giúp tôi hồi phục. Trời nóng nên tắm nước lạnh cũng không quá tệ. Đến cả cà phê cũng ngon và nóng hơn hôm trước. Tôi thấy mục đích của mình trở lại, thậm chí trong một khoảnh khắc, tôi có cảm giác mình đã sẵn sàng đi tìm Mi Mi, song có gì đó níu chân tôi. Là câu chuyện U Ba kể. Nó bỏ bùa mê tôi mất rồi.

Tôi ngồi bất động trước khách sạn nhìn một ông cụ cầm kéo dài cắt cỏ. Anh túc mọc um tùm chen giữa lan Nam Phi, lay ơn và địa lan vàng rực rỡ. Phía trên, những nhành cây bung nở cả trăm đóa dâm bụt màu đỏ, trắng, hồng đang sà xuống. Giữa bãi cỏ là một cây lê, bông lê trắng vương vãi trên trắng cỏ dưới tán cây. Xa hơn một chút trông hai cây cọ cùng một cây bơ trĩu quả. Ngoài ra, trong vườn còn có cây đậu, củ cải, cà rốt, dâu, phúc bồn tử.

Tầm 10 giờ, U Ba đến đón tôi. Tôi nhìn ông ta từ xa tiến lại. Ông bước dọc theo con đường, chào một người đi xe đạp và rẽ vào cổng khách sạn. Như người phụ nữ mặc chiếc váy dài đi ngang vũng nước, ông ta dùng hai tay khẽ nâng váy longyi cho dễ cử động. Ông ta mỉm cười với tôi rồi nháy mắt tinh nghịch, như thể chúng tôi quen biết nhau

từ lâu lắm rồi và chút khó chịu vào lần trước chia tay chưa từng xảy ra.

“Chào cô, Julia. Đêm qua cô ngủ đầy giấc chứ?” Ông ta hỏi.

Tôi mỉm cười với cách nói có phần xưa cũ của ông.

“Ôi chao, đôi mắt cô long lanh thật diễm lệ! Hệt như cha cô! Bờ môi đầy đặn và hàm răng trắng của cô cũng được thừa hưởng từ ông. Mong cô thứ lỗi vì tôi cứ lải nhải mãi mấy lời này. Chẳng phải là tôi ấu trĩ mà do sắc đẹp của cô khiến tôi không khỏi nhắc lại lời mình.”

Lời khen của ông ta khiến tôi ngượng ngùng. Chúng tôi đi xuống phố, rẽ vào con đường mòn dẫn xuống sông. Hai bên rìa, cây cỏ mọc um tùm, ra hoa tua tủa y như khu vườn ở khách sạn. Chúng tôi đi qua những cây chà là, cây xoài và hàng chuối cao, trĩu ra những nải vàng ươm be bé. Không khí ẩm áp có mùi hoa nhài tinh khôi xen lẫn trái cây chín mọng.

Một tốp phụ nữ đang đứng dưới sông, nước cao đến đầu gối, họ vừa giặt giũ vừa cất tiếng hát. Họ trải những chiếc áo cùng váy longyi đã vắt kiệt lên đá để hong khô dưới ánh mặt trời. Vài người chào U Ba và tò mò nhìn tôi. Chúng tôi băng qua cây cầu nhỏ bằng gỗ, trèo lên triền đê bên kia sông, và men theo con đường mòn khá dốc. Tiếng hát ca của các chị, các mẹ theo chúng tôi lên tận đỉnh dốc.

Chẳng hiểu tại sao, khung cảnh thung lũng lẫn đỉnh núi phía xa lại khiến tôi bồn chồn. Quang cảnh thường thấy trên bưu thiếp này có gì đó không đúng. Sườn núi lác đác vài cây thông non. Dưới đất là đám cỏ cháy sém màu nâu.

“Trước kia, nhìn từ đây, ta sẽ chẳng thấy gì ngoài những rừng thông bạt ngàn,” U Ba nói như đọc được suy nghĩ của tôi. “Song vào những năm 1970, người Nhật đến đây rồi đồn hạ tất cả.”

Tôi những muốn hỏi tại sao họ lại cho phép và chẳng lẽ không có ai kháng cự, nhưng lại thôi.

Chúng tôi nặng nề lê bước ngang dãy biệt thự kiểu Anh đổ nát cùng những căn chòi âm u xiêu vẹo không cửa sổ, tường làm bằng rơm rạ.

Đi mãi đi mãi, cuối cùng chúng tôi dừng chân trước một ngôi nhà gỗ hiếm hoi. Dựng bằng gỗ tẻch xám đen, căn nhà sàn cách mặt đất chừng mét rưỡi, mái lợp tôn, đằng trước có khoảng hiên nhỏ. Một con lợn đang dũi đất phía dưới. Đàn gà chạy lung tung trong vườn.

U Ba dẫn tôi lên hiên nhà, bước vào gian phòng rộng có bốn cửa sổ không lắp kính. Nội thất trông như đồ cũ truyền lại từ thời thuộc địa. Lò xo chĩa ra tua tua trên chiếc ghế bành bằng da nâu đặt bên cạnh hai đi văng tàn tạ, có một bàn uống nước và một chiếc chạn bếp tối màu. Trên bức tường phía sau ghế treo bức tranh sơn dầu vẽ Tháp London.

“Cô ngồi chơi. Để tôi đi pha chút trà,” U Ba nói và biến mất.

Đang dợm ngồi xuống, tôi bỗng nghe thấy âm thanh vo ve kì lạ. Một đàn ong nhỏ bay vào từ cửa sổ, băng ngang căn phòng đến chạn bếp để ngó rồi lại bay ra. Lúc ấy tôi mới phát hiện tổ của chúng đang lủng lẳng ở kệ trên cùng, to hơn quả bóng. Tôi cẩn thận lui về góc phòng, ngồi xuống mà không dám cựa quậy.

“Tôi mong cô không sợ ong,” U Ba hỏi, ông trở lại với một ấm trà và hai chiếc cốc trong tay.

“Tôi ngại ong bắp cày thôi,” tôi nói dối.

“Đàn ong của tôi không đốt đâu.”

“Ông phải nói chúng chưa đốt ai mới đúng.”

“Có gì khác nhau sao?”

“Ông dùng mật làm gì vậy?”

“Mật gì cơ?”

“Của đám ong ấy.”

U Ba nhìn tôi. “Tôi không đụng vào. Đây là của đàn ong.”

Tôi dõi theo những con ong bay tới bay lui với ánh nhìn nghi ngại, ông ta nghiêm túc à? “Vậy sao ông không dời tổ ong đi?”

Ông ta cười. “Vì sao tôi cần đuổi chúng đi? Chúng có làm hại gì tôi đâu. Ngược lại, tôi còn thấy vinh dự khi ong chọn nhà tôi để cư ngụ.

Chúng tôi chung sống yên bình được năm năm rồi. Người dân Myanmar chúng tôi tin rằng ông đem lại điềm lành.”

“Điều đó có đúng không?”

“Đàn ông vào nhà tôi được một năm thì cha cô trở về. Giờ cô lại đang ngồi đối diện tôi.”

Nụ cười nở trên môi, ông rót trà.

“Câu chuyện của chúng ta đang dừng ở đâu nhỉ? Tin Win bị mù lòa, Su Kyi cố chạy chữa, có phải không?”

Và rồi ông tiếp tục kể.

4

Mưa âm âm trút xuống mái tôn, tưởng chừng căn nhà sắp sập tới nơi dưới cơn mưa đá. Tin Win chui sâu vào góc bếp. Cậu chẳng thích mưa xối xả thế này. Tiếng nước mưa đập vào mái tôn to quá, sự hung tợn khi mưa xé toạc bầu trời khiến cậu không yên. Cậu nghe thấy giọng Su Kyi nhưng cơn mưa đã nuốt chửng những lời bà nói.

“Con ở đâu vậy hả?” Bà lại cất tiếng gọi rồi ngó đầu vào từ cửa bếp. “Nào, mình đi thôi. Mưa sắp tạnh rồi.”

Su Kyi nói đúng, bà luôn đúng khi nói về thời tiết. Bà bảo mình cảm nhận được những cơn bão với mưa rào trong bụng và đặc biệt là trong tai. Đầu tiên, hai tai bà sẽ ấm lại, nhột nhột rồi cuối cùng ngứa ngáy kinh khủng, ấy là khi những giọt mưa đầu tiên rơi xuống. Từ rất lâu, Tin Win không còn nghi ngờ gì dự báo của bà. Chưa đầy hai phút sau, hai bác cháu đứng trước cửa nhà, mưa vừa tạnh, chỉ còn tiếng nước tí tách nhỏ giọt từ mái tôn, kẽ lá và ào ào chảy trong rãnh nước bên kia sân.

Bà Su Kyi nắm tay cậu. Mặt đất nhão nhoẹt, sinh lầy nhoe nhoét qua kẽ chân theo mỗi bước đi. Trời còn sớm, mới hơn 7 giờ. Mặt trời xuyên qua tầng mây tỏa ánh nắng ấm áp lên mặt cậu, dù lát nữa thôi, mặt trời sẽ thiêu da cậu bỏng rát, khiến hơi nước bốc lên và mặt đất phải đổ mồ hôi. Hai người lội trong bùn lầy, đi ngang những căn lều vắng vắng âm thanh buổi sớm: tiếng trẻ con khóc, chó sủa, xoong thiếc kêu lanh canh.

Bà định đưa Tin Win đến tịnh xá trong thị trấn, trụ trì là vị hòa thượng tên U May. Bà biết sư thầy từ lâu và bà tin rằng thầy có thể

giúp mình. Thầy là người duy nhất Su Kyi tin tưởng, bà cảm nhận được sự đồng điệu trong suy nghĩ nơi thầy. Không nhờ ơn thầy, có lẽ bà đã không vượt qua nổi cái chết của chồng và con gái. Thầy U May đã già lắm rồi, chừng hơn tám mươi tuổi. Bà cũng không dám chắc. Vài năm trước, sau khi mù lòa, thầy mở một lớp học nhỏ dạy cho đám trẻ trong vùng mỗi sáng. Bà Su Kyi mong rằng hòa thượng cũng sẽ cứu mang Tin Win, để dần dần dẫn dắt cậu bé khỏi màn đêm đang vây chặt lấy cậu, để dạy cho cậu điều thầy đã dạy cho bà: rằng đời người luôn xen lẫn khổ đau. Rằng chẳng ai tránh được mọi bệnh tật. Rằng con người ai rồi cũng già đi, không ai chạy thoát khỏi cái chết. Sinh lão bệnh tử vốn là quy luật và điều kiện để con người tồn tại, thầy U May đã giảng giải cho bà như thế. Dù nhân gian vật đổi sao dời, quy luật ấy vẫn đúng với tất cả mọi người ở khắp mọi nơi. Theo đó, chẳng sức mạnh nào có thể giải phóng ta khỏi phiền não khổ đau ngoài chính bản thân mình. Và vượt trên tất cả, thầy U May đã bao lần nhắc đi nhắc lại với bà, rằng cuộc đời là món quà không ai được coi khinh. Thầy U May nói cuộc đời là một món quà chứa đầy những bí ẩn trong đó đau khổ và hạnh phúc bện chặt vào nhau. Bất cứ cố gắng nào nhằm đoạt được chỉ một trong hai đều sẽ chuốc lấy thất bại.

Tịnh xá nằm cách đường cái không xa, bao quanh bởi bức tường đá rất cao, bên trong là sáu ngôi chùa nhỏ sơn trắng trang trí những chuỗi cờ đuôi nheo và chuông vàng be bé. Để đề phòng lũ lụt, phần móng được đổ cao chừng ba mét so với mặt đất. Nhiều năm trôi qua, xung quanh chính điện đã xây thêm nhiều gian nhà phụ. Ngay chính giữa là ngọn tháp tứ giác bảy tầng, càng lên cao càng thu hẹp, trên cùng là một đỉnh tháp bằng vàng có thể trông thấy từ xa. Các bức tường dựng từ gỗ thông, sẫm lại thành màu nâu dưới ánh mặt trời, mái lợp bằng ngói gỗ màu đen. Từ cửa chính bước vào là pho tượng Phật khổng lồ bằng gỗ, dát vàng, cao gần chạm trần nhà, đang yên vị trong bóng tối nhờ nhờ. Dưới chân tượng có bàn thờ xếp đầy đồ cúng: trà, hoa, chuối, xoài, cam. Bức tường phía sau tượng Phật treo kệ bày những tượng

Phật nhỏ hơn, lung linh ánh vàng, nhiều tượng bọc trong áo cà sa màu vàng, nhiều tượng lại cầm những chiếc lọng giấy màu đỏ, trắng hoặc vàng. Tất nhiên, Tin Win không nhìn thấy bất cứ thứ nào.

Cậu và bà Su Kyi nắm tay nhau băng qua khoảnh sân rộng mênh mông dẫn đến cầu thang trung tâm, trên đường họ đi ngang hai nhà sư đang quét mặt sân ướt át. Những chiếc áo cà sa màu đỏ sậm phơ trên dây. Không khí quanh khuôn viên chùa lách tách tiếng gỗ cháy và sự mùi khói.

Sư thầy U May ngồi xếp bằng bất động trên bệ ở cuối sảnh, đôi tay gầy guộc chắp trong lòng. Một ấm trà, chiếc tách con con cùng đĩa đựng hạt rang đặt trên bộ bàn thấp trước mặt thầy. Đầu thầy cạo trọc. Đôi mắt thầy trũng sâu trong hốc mắt. Gò má gầy song không hốc hác. Lần nào gặp sư thầy, bà Su Kyi cũng cảm thấy kinh ngạc. Khuôn mặt thầy góc cạnh và mộc mạc đến lạ. Dáng hình mảnh dẻ nhưng không héo hon, da thầy nhăn nheo nhưng không rúm ró. Còn khuôn mặt chính là tấm gương phản chiếu tâm hồn thầy. Không vương chút bụi trần.

Những kí ức về lần đầu tiên gặp sư thầy ủa về trong tâm trí bà Su Kyi. Bước xuống chuyến tàu xuất phát từ thủ đô, thầy đứng trước nhà ga. Hơn hai mươi lăm năm đã trôi qua. Khi đó bà đang trên đường từ chợ về nhà. Thầy đi chân đất, nở một nụ cười với bà. Khuôn mặt thầy khiến bà rưng rưng ngay từ lúc ấy. Thầy nhờ bà chỉ đường. Bà cảm thấy rất tò mò nên đã đưa thầy đến tận tịnh xá. Trên đường đi, hai thầy trò nói chuyện qua lại, rồi tình bạn nảy nở. Trong những năm sau đó, thỉnh thoảng, thầy U May lại kể cho bà nghe thời thơ ấu, tuổi thanh xuân và cuộc đời thầy trước khi thầy quy y cửa Phật. Cũng chẳng nhiều nhận gì, chỉ là vài ba mẫu chuyện mà bà Su Kyi gom góp lại, để từ đó, một bức tranh đầy mâu thuẫn dần dần hiện ra.

U May sinh ra và lớn lên trong một gia đình khá giả sở hữu nhiều xưởng xay xát lúa ở Rangoon trước thuộc về những người Ấn Độ đến

Myanmar sau khi quân Anh thôn tính vùng đồng bằng vào năm 1852. Cha anh đứng đầu dòng tộc, ông vô cùng gia trưởng và nóng tính, cả họ ai cũng sợ những trận lôi đình khủng khiếp của ông. Con cái né ông như tránh tà, vợ ông lâm trọng bệnh nhưng cả bác sĩ người Anh ở Rangoon cũng chẳng tìm ra căn nguyên. Sau khi đưa con thứ ba ra đời, người cha mệt mỏi với bà vợ bệnh tật triền miên nên đã gửi bà và hai đứa con nhỏ về nhà họ hàng ở Calcutta*. Ông lấy cớ rằng ở đó chăm sóc y tế tốt hơn. U May là con cả nên gánh trên vai trọng trách tiếp quản việc làm ăn của gia đình, do đó, anh buộc phải ở lại với cha. Nếu không nhờ những cánh thư cứ vài tháng lại được gửi từ Calcutta cho hay sức khỏe của người mẹ đang hồi phục nhanh chóng và báo bà đang thu xếp về nhà, có lẽ cha anh đã quên sạch sành sanh về người vợ và hai đứa con trai khác. Mỗi lần đọc thư là một lần niềm hạnh phúc khôn tả lại dâng tràn trong tim anh. Tuy nhiên, năm này qua năm khác, thư thưa dần, rồi U May hiểu ra, cái ngày anh lên bảy, say sưa nhìn theo con tàu đi Ấn chính là lần cuối cùng được thấy mẹ và các em mình.

Kể từ đó, người làm cùng các vú em trong nhà chăm lo cho anh, đặc biệt phải kể tới bà đầu bếp và bác làm vườn đã luôn bên anh từ khi anh chập chững bước đi. U May là một đứa trẻ ít nói, có phần khép kín, với biệt tài đoán được kì vọng của mọi người và làm mọi thứ trong khả năng để đáp lại.

Ngày đó, anh thích nhất chơi đùa trong vườn. Được bác thợ làm vườn chừa cho một khoảnh đất ở góc trong cùng của khuôn viên, U May dành trọn tâm sức để chăm bẵm cây cối. Nhưng khi người cha biết chuyện, ông ra lệnh nhổ tất, không chừa cây nào và cho người xới lại đất. Làm vườn là chuyện của đám tá điền. Hoặc lũ đàn bà.

U May không cãi lại nửa lời, như anh đã chấp nhận và răm rắp làm theo lời cha bảo đến tận bây giờ. Song chỉ đến cái ngày người cha tuyên bố hôn sự của U May với ái nữ một ông trùm buôn hàng khi anh

chưa tròn 20 tuổi. Cuộc hôn nhân sẽ đem lại lợi ích kinh doanh cho cả hai bên gia đình. Ngay sau đó, người cha phát hiện con trai mình qua lại với Ma Mu, con gái bà đầu bếp. Nhưng ông không buồn bận tâm đến tình tiết sự việc, chuyện kiểu này là thường tình. Thậm chí nếu bây giờ con bé 16 tuổi ấy dính bầu, thì vẫn có cách giải quyết. Nhưng chẳng ra thể thống gì khi thằng con ông cứ khẳng khẳng một lòng một dạ. Lúc chuyện đến tai, tiếng cười sảng sặc của ông vang vọng cả ngôi nhà suốt mấy phút. Tận vài năm sau, bác thợ làm vườn vẫn thề thốt rằng hàng trăm đóa hoa đã lụi tàn trước âm thanh ấy.

U May đơn giản giải thích với cha rằng dù trời có sập, anh cũng quyết không cưới một cô dâu do gia đình sắp đặt. Ngay ngày hôm ấy, cha anh thu xếp cho bà đầu bếp cùng cô con gái đến phục vụ cho gia đình một đối tác ở Bombay, và nhất định không tiết lộ thông tin gì về nơi chốn của họ cho con trai, U May bỏ nhà đi tìm. Mấy năm liền, anh bôn ba khắp các thuộc địa Anh ở Đông Nam Á. Có một lần, anh những tưởng mình đã thấy Ma Mu hoặc ít nhất nghe được giọng người thương. Lúc ấy, anh sắp sửa lên tàu từ cảng Bombay đi Rangoon. Anh cảm giác như có ai đó gọi tên, nhưng khi quay lại, đập vào mắt anh chỉ là những khuôn mặt xa lạ và một đám người đang khoa tay múa chân nhốn nháo trên bến tàu phía xa. Nghe đâu một đứa bé vừa ngã xuống nước.

Tháng ngày trôi qua nhưng Ma Mu cùng mẹ cô vẫn bất vô âm tín, U May càng lúc càng tuyệt vọng và tức giận. Một cơn giận mớ hồ khó định nghĩa trào dâng. Không tên và chẳng có hình dung, nó trút lên bản thân anh. Anh tìm đến rượu chè, đắm mình trong lạc thú ở những nhà thổ nằm giữa Calcutta và Singapore, nhờ buôn thuốc phiện mà một tháng kiếm được tiền nhiều hơn cha làm lụng cả năm, rồi lại ném sạch vào đồ đen. Trong chuyến đi từ Colombo đến Rangoon, anh làm quen với một tay buôn gạo người Bombay kì quặc mồm mép tép nhảy. Một đêm, trên thuyền, gã kể cho anh nghe chuyện bà đầu bếp người Myanmar trước làm ở nhà gã cùng cái chết thảm khốc của cô con gái

và đưa cháu ngoại bà ta. Hai người ngã xuống cảng mà đuối nước khi cô gái cố đuối theo một người đàn ông sắp sửa lên tàu. Các nhân chứng kể lại, cô ấy tưởng nhầm đó là người quen cũ ở Rangoon. Từ đó, cơm bà đầu bếp nấu càng ngày càng khó nuốt, không còn cách nào khác, gã buôn gạo đành đuối bà ta đi.

U May chưa bao giờ kể với bà Su Kyi hay bất cứ ai những gì thầy trải qua đêm hôm ấy. Tàu vừa đến Rangoon, thầy liền bỏ lại hành lý và đi thẳng từ bến cảng đến tịnh xá Shwegyin nằm ở chân Chùa Shwedagon. Sau vài năm tu tập tại đây, thầy hành hương đến Sikkim*, Nepal và Tây Tạng, học giáo pháp nhà Phật từ một số bậc cao tăng. Thầy sống hơn hai mươi năm trong một tịnh xá nhỏ ở Darjeeling Ấn Độ, sau quyết định trở về Kalaw, nơi chôn rau cắt rốn của Ma Mu. Đôi trai gái đã mơ về Kalaw suốt những lần hẹn hò ở hầm rượu, trong khu vườn um tùm cỏ hoa hay gian nhà cho người làm. Họ từng dự định đưa con trốn đi. Suốt khoảng thời gian rong ruổi khắp nơi, thầy U May chưa bao giờ đủ can đảm đặt chân đến đó. Giờ thầy cảm thấy thời điểm đã chín muồi. Thầy cũng đã ngoại ngũ tuần nên muốn chọn Kalaw làm nơi nhắm mắt xuôi tay.

Đứng trước thầy U May, Tin Win nắm chặt tay bà Su Kyi. Cậu leo đèo theo bà bước qua căn phòng, hai bác cháu cùng quỳ gối. Tin Win buông tay bà, họ cùng cúi xuống đến khi tay và trán chạm nhẹ xuống sàn.

Nhà sư già chăm chú lắng nghe bà Su Kyi giải thích chuyện của Tin Win. Có vài lúc, thầy khẽ lắc mình và lặp lại vài từ đơn lẻ. Bà kể xong, thầy im lặng một hồi lâu. Sau rốt, thầy hướng về Tin Win, cậu bé vẫn cúi rạp bên cạnh bà Su Kyi suốt từ nãy tới giờ.

Thầy U May cất tiếng, chậm rãi, từng câu ngắn. Thầy mô tả về cuộc đời của các tì kheo*, những người chịu sống lang thang không nhà, không của cải, chỉ có chiếc áo cà sa và bình bát* các vị dùng để nhận

đồ cúng dường. Thầy giảng giải các chú tiểu sẽ đi khất thực vào mỗi buổi sáng khi mặt trời vừa lên như thế nào, các vị yên lặng đứng đợi trước cổng hay dừng chân trước cửa nhà, nhận tất thấy đồ cúng dường với lòng biết ơn mà không hề phân biệt. Thầy cũng nói về việc giảng dạy học trò cách đọc, cách viết, cách làm toán với sự trợ giúp của một sư thầy trẻ tuổi. Tuy nhiên, mục đích thực sự của thầy là truyền lại bài học từ chính cuộc đời mình: tuệ giác trong tâm là vốn quý nhất của con người.

Tin Win bất động quỳ gối trước nhà sư già, chăm chú lắng tai nghe. Chẳng phải những điều thầy nói khiến cậu sửng sờ. Mà là chất giọng. Du dương nhẹ tựa lông hồng, êm ả và dịu dàng như tiếng chuông tịnh xá trong trẻo, chỉ cần cơn gió thoảng cũng đủ cất tiếng ngân nga. Âm hưởng ấy gợi nhớ tiếng chim ca buổi sớm mai, hơi thở khe khẽ đều đều của bà Su Kyi mỗi khi bà nằm cạnh cậu. Cậu không chỉ đơn thuần nghe mà còn cảm nhận trên da thịt như đôi bàn tay. Sâu thẳm, cậu muốn phò thác sức nặng xác phàm cho giọng nói ấy. Cả sức nặng của tâm hồn nữa. Một chuyển biến đột nhiên chớm nở, một chuyển biến về sau sẽ trở nên rất đổi thường tình: Tin Win thấy được âm thanh, như thấy làn khói bay vào không trung từ ngọn lửa, lan khắp gian phòng, dập dềnh như sóng vỗ, nhịp nhàng tựa tay đưa, cuộn tròn, nhảy múa rồi từ từ tản mát.

Trên đường về nhà, cả Tin Win lẫn bà Su Kyi không ai nói lời nào. Cậu nắm tay bà. Bàn tay ấm áp và mềm mại.

Hôm sau, Tin Win lo sốt vó suốt chặng đường đến tịnh xá từ sớm tinh mơ. Vài tuần tới đây, cậu sẽ vào tịnh xá sống với các sư thầy. Cậu sẽ khoác áo cà sa, đi khất thực quanh khu chùa cùng với các chú tiểu. Mới nghĩ thôi mà bụng cậu đã quặn lại và phiền não tăng dần theo mỗi bước chân. Làm sao cậu mò mẫm được đường đi lối về trong thị trấn khi chẳng bước nổi vài mét mà không vấp ngã, dù nơi đó cậu đã thuộc nằm lòng? Cậu đòi bà Su Kyi cứ mặc xác cậu, để cho cậu yên. Cậu thà

ở nhà, nằm ì ra chiếu hoặc thừ người trên chiếc ghế đầu trong góc bếp, hai nơi duy nhất cậu thấy an toàn, hay chí ít là không nơm nớp lo sợ.

Nhưng bà Su Kyi đã quyết thì còn lâu mới lung lạc được. Hết cách, Tin Win đành phải nghe theo, chân nặng như chì lê từng bước vào thị trấn. Bà Su Kyi có cảm giác đang lôi một con thú cứng đầu. Bỗng đâu, tiếng các chú tiểu hát ca trong tịnh xá khiến họ khựng lại. Giọng ca khiến lòng Tin Win bằng lặng. Tựa hồ ai đó đang xoa mặt, xoa bụng, vỗ về cậu. Cậu ngây ra như tượng, lắng lòng nghe. Lá cây xào xạc hòa âm cùng giọng hát. Song không phải tiếng xào xạc đơn thuần. Tin Win nhận thấy từng chiếc lá lại có một âm sắc riêng biệt, tựa như giọng nói của con người. Như màu sắc, xào xạc cũng có sắc thái. Cậu nghe nhành cây cựa vào nhành cây, lá vờn trên lá. Cậu nghe từng chiếc lá buông mình thật êm xuống mặt đất phía trước. Dù chúng là là giữa không trung, không lá nào phát ra tiếng giống lá nào. Cậu nghe tiếng vo ve và rì rầm, chiêm chiếp và lú lo, ào ào và xào xạc. Một sự giác ngộ lớn lao nảy mầm trong cậu. Phải chăng, song song với thế giới của hình hài và màu sắc, tồn tại một thế giới khác của giọng nói và âm thanh, của tiếng động và âm hưởng? Một địa hạt ẩn của giác quan, xung quanh ta nhưng ta lại không bước vào được? Có lẽ nào thế giới ấy còn sống động và kì ảo hơn thế giới hữu hình này?

Nhiều năm sau đó, ở New York, Tin Win được nghe hòa nhạc lần đầu tiên trong đời, khoảnh khắc dàn nhạc bắt đầu chơi luôn in đậm trong tâm trí cậu. Cậu say trong hơi men hạnh phúc giây phút tiếng trống khê khởi đầu bản nhạc, rồi violin hòa âm, kết hợp cùng viola và cello, kèn oboe và sáo. Chúng cất tiếng tựa những chiếc lá buổi sáng mùa hạ ở Kalaw. Ban đầu, nhạc cụ tách biệt với nhau rồi cùng xướng lên bản nhạc hào hùng đến mức các giác quan của cậu vỡ òa, mồ hôi chảy giọt và nghẹn thở.

Bà Su Kyi dắt cậu tới tịnh xá, đi giữa vườn âm thanh. Cậu lững chững bước theo bà như một kẻ say. Lát sau, cảm xúc ấy vơi đi nhanh như khi ulla đến. Cậu nghe thấy tiếng bước chân của mình cùng tiếng

Su Kyi thở nặng nhọc, dàn hòa ca lẫn tiếng gà trống gáy, nhưng chỉ có thế. Tuy vậy, cậu vừa được nếm trải mỹ vị đầu tiên của cuộc đời, mãnh liệt đến nhức nhối. Tưởng chừng không chịu đựng nổi.

Hai bác cháu đến tịnh xá khi ngày mới bắt đầu. Thầy U May đang thiền định trong sảnh lớn, xung quanh là các sư cụ. Dưới bếp, một sư thầy trẻ tuổi đang ngồi trên ghế đẩu, bẻ cành khô. Hai con chó nô đùa xung quanh. Tầm chục chú tiểu mặc áo cà sa đỏ, đầu mới cạo nhẵn thín đứng thành hàng cạnh cầu thang. Họ chào đón Tin Win và đưa bà Su Kyi một chiếc cà sa đỏ. Bà quần quanh thân hình mảnh mai của Tin Win. Đêm qua, bà đã cạo đầu cho cậu, và giờ đây, khi nhìn cậu đứng giữa dàn chú tiểu, bà nhận ra cậu cao hơn so với tuổi và vô cùng khôi ngô. Phần gáy rất đặc biệt. Cậu có cần cổ mảnh dẻ, mũi cao, nhưng không quá dài, răng trắng như những đóa hoa lê trước cửa nhà. Da cậu màu quế nhạt. Bao lần té ngã, trầy xước không để lại dấu ấn gì trừ hai vết sẹo trên đầu gối. Đôi tay xương xương, những ngón tay dài và thon thả. Có lẽ chẳng ai tin nổi chân cậu bé chưa bao giờ được đi giày.

Tuy cao lớn, trong mắt bà, cậu vẫn yếu ớt như chú gà con hốt hoảng chạy tán loạn trên sân. Nhìn cậu là bà lại mềm lòng, song bà nhất quyết không thương hại cậu. Bà muốn giúp cậu, nhưng thương cho roi cho vọt.

Bà không đành lòng để cậu lại dù chỉ vài tuần, song sư thầy U May đã đề nghị chăm nom cậu một thời gian. Thầy nghĩ có các chú tiểu bên cạnh sẽ tốt cho cậu. Thiền định và Phật pháp với sự an tĩnh cùng nhịp sống nề nếp trong tịnh xá, tất cả sẽ củng cố cảm giác an toàn lẫn tự tin nơi cậu bé.

Các chú tiểu cho cậu nhập bọn, ấn bình bát vào một tay và cây gậy trúc vào tay kia. Chú tiểu xếp hàng trước cậu kẹp một đầu gậy vào nách. Các chú định sẽ dắt Tin Win đi như thế. Lát sau, các chú tiểu rờn rần lên đường, đi từng bước nhỏ và cẩn trọng để cậu bé mù cũng dễ dàng đi theo. Cả nhóm bước qua cổng rồi quẹo phải, chậm rãi đi về

phía đường chính. Tuy Tin Win không để ý, mọi người đang hòa theo nhịp điệu của cậu. Cả nhóm tăng tốc nếu cậu đi nhanh hoặc hạ nhịp nếu bước chân cậu bối rối chậm lại. Gần như trước cửa nhà nào cũng có một thí chủ đứng cầm bát cơm hay rau họ tranh thủ nấu cho các chú tiểu lúc sáng. Cứ thế, các chú bước đi rồi dừng lại. Gia chủ sẽ cúng dường vào bát rồi kính cẩn cúi đầu.

Tin Win nắm chặt bình bát và cây gậy. Cậu không còn lạ gì việc dùng gậy lang thang khắp ruộng đồng khi chỉ có một mình. Thường, cậu vung vẩy từ trước ra sau như một cánh tay vươn dài rà soát vết rãnh, cành cây hay đá sỏi. Cây gậy tre trong tay cậu lúc này chẳng phụ thuộc riêng mình cậu nữa. Nó khiến Tin Win phải dựa vào chú tiểu đi đằng trước. Cậu buồn bã khi phải loanh quanh ngoài đường mà không có bác Su Kyi. Cậu nhớ đôi tay, giọng nói cùng tiếng cười của bác. Các chú tiểu này cứ im phăng phắc. Ngoài câu “Cảm ơn thí chủ” khi nhận thức ăn vào bình bát, các chú chẳng nói gì. Sự im lặng của mọi người lại càng khiến cậu lo ngại. Nhưng chỉ sau một giờ đồng hồ, Tin Win bắt đầu nhận thấy đôi chân trần của cậu tự tin hơn trên mặt đất ram ráp những cát. Cậu chưa vấp cũng chưa ngã lần nào. Ổ voi, ổ gà trên đường cũng không khiến cậu mất thăng bằng. Đôi tay cậu được nghỉ ngơi. Sải chân của cậu dài và nhanh hơn.

Về lại tịnh xá, các chú tiểu giúp cậu bước cầu thang lên thêm. Bậc thang dốc và hẹp, lại không có tay vịn, Tin Win ước giá như cậu tự leo được. Nhưng hai chú tiểu đã cầm tay cậu, thêm một chú đỡ từ phía sau, Tin Win vững chãi tiến từng bước một, học cách bước đi.

Cả nhóm ngồi xõm trong bếp ăn cơm và rau. Ngọn lửa tí tách trong lò, bên trên là ấm nước méo mó đầy bồ hóng đã sôi. Tin Win ngồi giữa các chú tiểu, không đói nhưng mệt lử. Cậu chẳng biết việc gì mệt hơn: đi bộ quá lâu hay phải dựa vào người đi đằng trước. Kiệt sức, cậu không theo được bài giảng của sư thầy U May, buổi chiều đang thiền định thì lại ngủ gật. Cậu bị đánh thức bởi tiếng cười của các sư thầy.

Đến tận tối, khi nằm thao láo, cậu mới nhớ lại âm điệu kì diệu của buổi sáng hôm ấy. Phải chăng đó là một giấc mơ? Nếu đôi tai không đánh lừa cậu thì những âm điệu ấy đâu rồi? Tại sao tập trung hết sức cũng chẳng nghe thấy gì ngoài tiếng ngáy của các sư thầy? Cậu khát khao cảm giác mãnh liệt vừa được trải qua cách đây vài giờ đồng hồ. Nhưng càng cố gắng, cậu càng chẳng nghe được gì, đến mức cuối cùng cả tiếng thở phì phò và tiếng ngáy của mọi người xung quanh cũng như văng lại từ xa xăm.

Những tuần sau đó, Tin Win gắng hết sức để hòa mình vào nếp sống trong tịnh xá. Cậu dùng gậy tre ngày một thành thạo hơn, cậu thoải mái dạo bộ quanh thị trấn mà không sợ vấp ngã hay gặp trắc trở. Cậu học được cách quét sân và giặt đồ. Nhiều hôm, cậu dành cả buổi chiều bên chậu với ván giặt, chà áo cà sa đến khi làn nước giá lạnh làm tay ê buốt. Cậu giúp dọn dẹp gian bếp, còn có biệt tài bẻ củi. Chỉ cần sờ thoáng qua là cậu đã biết mọi người nên dùng đầu gối bẻ gậy thanh gỗ hay phải dùng tảng đá. Không lâu sau, cậu nhận ra các sư thầy không chỉ bằng giọng nói mà bằng cả tiếng họ tặc lưỡi, ho hay ợ hơi, tiếng bước chân trên sàn hay trong rừng.

Cậu vui nhất vào những giờ được ở bên sư thầy U May. Các chú tiểu sẽ quây thành vòng bán nguyệt, Tin Win luôn được ngồi hàng đầu, cách nhà sư già chưa đến hai mét. Chất giọng của thầy vẫn giữ nguyên quyền năng và sự kì diệu rung động tâm khảm cậu như lần đầu cậu gặp thầy. Dù thầy U May không nói gì mà giao cho nhà sư trẻ trợ tá ra đứng lớp, Tin Win vẫn cảm nhận được thầy ở bên. Điều đó khiến cậu bình tâm. Khi các chú tiểu khác đã đứng dậy rồi đi, cậu vẫn thường nán lại, rón rén đến bên thầy U May và hỏi thầy hết câu này đến câu khác.

“Tại sao thầy lại không nhìn thấy ạ?” Một ngày nọ, Tin Win thắc mắc.

“Ai bảo ta không nhìn thấy?”

“Bác Su Kyi bảo ạ. Bác nói thầy mù lòa.”

“Ta mù ư? Quả thật, nhiều năm trước ta đã mất đi thị lực. Nhưng không có nghĩa là ta mù lòa.” Thầy dừng lại rồi hỏi cậu, “Còn con thì sao? Con có mù không?”

Tin Win suy nghĩ. “Con chỉ phân biệt được sáng tối thôi ạ.”

“Con có mũi để ngửi chứ?”

“Dạ có chứ.”

“Con có tay để sờ chứ?”

“Chắc chắn là có rồi ạ.”

“Con có tai để nghe chứ?”

“Có ạ.” Tin Win lưỡng lự. Cậu có nên kể với thầy U May không nhỉ? Dù gì chuyện ấy cũng đã xảy ra cách đây mấy tuần. Đôi khi cậu còn không dám chắc liệu có phải bản thân tưởng tượng ra tất cả.

“Con còn vọng cầu chi nữa?” Sư thầy hỏi. “Tinh túy của vạn vật vô hình dưới đôi mắt.” Im lặng hồi lâu, thầy tiếp, “Các giác quan luôn khiến ta lạc lối, trong đó, đôi mắt là kẻ dối lừa nhất. Con người phụ thuộc quá nhiều vào thị giác. Chúng ta nhìn mà không thể thấy. Ta phải học cách chắt lọc bản chất cốt lõi của vạn vật. Xét về mặt này, đôi mắt lại cản trở nhiều hơn hỗ trợ. Chúng khiến ta phân tâm. Con người ai cũng thích bị lóa mắt. Dựa dẫm vào thị giác, người ta sẽ bỏ bê các giác quan còn lại, không chỉ là thính giác, xúc giác hay khứu giác. Thầy đang nói về phần nội quan vô danh trong mỗi người. Ta hãy gọi đó là kim chỉ nam của thân tâm.”

Nhà sư già chìa tay ra, Tin Win bất ngờ sao tay thầy lại ấm áp nhường vậy. “Không có mắt nhất định phải cẩn trọng. Nghe thì dễ, làm mới khó. Bởi ta phải quán chiếu* từng cử động, từng hơi thở. Nếu tâm ta bất định hay miên man trôi theo suy nghĩ, các giác quan sẽ đưa ta vào mê lộ. Chúng đùa nghịch ta như những đứa trẻ hư đòi được quan tâm. Như khi ta mất kiên nhẫn, ta muốn mọi thứ diễn ra thật mau. Làm gì ta cũng hối hả. Ta đánh đổ trà hay bát canh. Ta không lắng nghe thật kỹ những lời mọi người nói vì tâm ta bị cuốn đi đâu đó trong suy tưởng. Hoặc khi tâm ta tức giận thét gào. Từng có lần ta giận

dữ với nhà sư trẻ, và ngay sau đó, ta sảy chân vào bếp lửa. Ta không nghe thấy tiếng lửa lách tách, ta cũng chẳng ngửi thấy mùi. Cơn giận khuấy đảo giác quan ta. Tin Win con, mắt hay tai không có gì sai. Mà là nộ khí khiến ta mù lòa, điếc đặc. Hoặc sợ hãi. Ganh ghét, hồ nghi. Thế gian co quắp và lệch lạc khi ta sân hận hay kinh hãi. Điều này đúng với tất cả chúng ta cũng như những người nhìn bàng đôi mắt. Chỉ là họ không nhận ra mà thôi. Con hãy kiên nhẫn.”

Tin Win quay sang vị hòa thượng.

“Phải kiên nhẫn,” cậu đáp lại.

Thầy U May dợm đứng lên. Tin Win vội bật dậy đỡ thầy. Nhà sư nương vào vai cậu, thế rồi hai thầy trò chậm rãi bước qua gian phòng ra ngoài hiên. Trời đang đổ mưa. Không phải mưa to mà chỉ là tấm màn mong manh, êm mượt của cơn mưa rào mùa hạ, nước mưa từ mái nhà chảy tong tỏng xuống chân. Thầy U May vươn người tới trước, mưa rơi trên mái đầu thầy, chảy xuống cổ, xuống lưng. Thầy đưa cậu học trò ra cùng. Mưa buông xuống trán, hai má rồi mũi của Tin Win. Cậu há miệng, thè lưỡi ra. Mưa ẩm áp và mẫn mẫn.

“Thế con sợ điều gì?” Thầy U May hỏi.

“Sao thầy lại nghĩ con sợ ạ?”

“Giọng con.”

Quả đúng là vậy. Tuy nhiên, Tin Win không biết cậu sợ điều gì; nỗi sợ đã luôn hiện diện, đuổi theo cậu như chiếc bóng ngày nắng. Đôi lúc, nỗi sợ nhỏ bé, gần như khó nhận biết, cậu kiểm soát được. Nhưng những ngày khác, sợ hãi trào dâng, gia tăng không tưởng, đến mức tay cậu ướt đầm mồ hôi lạnh, cả người run lên cầm cập như sốt rét.

Hai thầy trò lặng lẽ đứng cạnh nhau. Đàn chim bồ câu gù dưới mái hiên. Sau vài phút im lặng, nhà sư già lại cất tiếng hỏi, “Con sợ hãi điều gì?”

“Con không biết ạ,” Tin Win khẽ khàng đáp. “Con sợ con bỏ to tướng bò vào giấc chiêm bao và gặm nhấm đến khi con tỉnh giấc. Con

sợ những gốc cây nơi con ngồi lên, con cứ ngã mãi từ đấy, mà chẳng bao giờ chạm đất. Con sợ chính nỗi sợ.”

Thầy U May vuốt má cậu bằng cả hai tay.

“Chúng ta ai cũng biết sợ, con à! Nỗi sợ bủa vây ta như đám ruồi bu đông phân trâu. Nó đặt động vật vào thế trốn chạy. Chúng lồng lên, lao đi, bay hoặc bơi đi đến khi chắc chắn rằng mình đã an toàn hoặc ngã quỵ vì kiệt sức. Con người cũng vậy thôi. Chẳng nơi nào trên địa cầu cho ta chỗ ẩn náu khỏi sợ hãi, nhưng ta vẫn gắng gượng đi tìm. Ta cố sống cố chết đạt đến tiền tài danh vọng. Ta huyễn hoặc chính mình rằng ta mạnh hơn sợ hãi. Ta cố gắng làm kẻ cầm cương trước vợ con ta, hàng xóm ta, bạn bè ta. Tham vọng và sợ hãi có chung một đặc điểm: chúng không biết đến giới hạn. Tuy nhiên, tiền tài danh vọng cũng chỉ như thứ thuốc phiện ta từng thử hơn một lần thời còn trai trẻ, chẳng thứ nào biết đến giữ lời. Thuốc phiện không mang lại cho ta hạnh phúc bền lâu. Nó chỉ đòi hỏi ở ta ngày một nhiều. Tiền bạc hay danh vọng không chế ngự được nỗi sợ hãi. Duy chỉ có một thể lực mạnh hơn sợ hãi mà thôi.”

Đêm đó, Tin Win nằm bất động trên chiếu. Ngoại trừ sư thầy U May, các sư khác đều ngủ trong một căn phòng rộng thênh thang cạnh gian bếp. Mọi người trải chiếu ra sàn gỗ và đắp chăn bông. Sương gió lạnh lẽo của buổi đêm lùa qua kẽ hở trên sàn nhà. Tin Win căng tai ra nghe. Cậu nghe thấy một con chó sủa vánh lên và con khác đáp lại. Rồi một con, một con nữa. Ngọn lửa trong gian bếp vẫn lách tách. Trên nóc nhà, những chiếc chuông vàng con con leng keng kêu vang đến khi cơn gió thoáng dừng lại, rồi chúng cùng rơi vào thinh lặng. Tin Win cảm nhận lần lượt các sư thầy chìm vào giấc ngủ, lắng nghe hơi thở của mọi người khe khẽ và đều đều. Lát sau, mọi tiếng động nhất loạt biến mất. Sự tĩnh lặng bao trùm vạn vật, tròn đầy hơn bất cứ khi nào Tin Win từng trải qua. Tựa hồ thế gian đã tan về xa vắng. Tin Win lao xuống một vực thẳm, xoay vần trong không trung, lộn tròn, vươn cả hai tay quơ quàng thứ gì để níu lấy, một cành cây, bàn tay, cây

non hay bất cứ vật nào để chặn đứng cú ngã. Nhưng không có. Cậu rơi mỗi lúc một sâu hơn, và rồi bất thành linh, cậu lại nghe thấy tiếng hơi thở ngay bên cạnh. Là tiếng chó. Tiếng xe máy rầm rầm. Cậu vừa trôi vào giấc mơ sao? Hay vẫn thức nhưng không nghe thấy tiếng gì trong vài giây? Tại cậu vừa bị điếc ư? Cậu sẽ mất luôn cả thính giác chẳng?

Sợ hãi choáng ngợp, cậu lại nghĩ về sư thầy U May. Chỉ có một sức mạnh vượt trên sợ hãi. Nhà sư già đã xoa dịu cậu. Rồi cậu sẽ tìm thấy. Song cậu không được chủ động kiểm tìm.

Bà Su Kyi bước qua khoảnh sân của tịnh xá. Dưới bóng cây sung, sáu nhà sư cúi đầu chào bà. Bà trông thấy Tin Win đằng xa, cậu đang ngồi ở bậc thang trên cùng dẫn lên hiên, cuốn sách dày cộp đặt lên đùi. Ngón tay rê rê trên trang giấy, đầu nghiêng nghiêng, môi cử động như đang đọc thoại. Gần bốn năm nay, chiều nào tới thăm cậu ở tịnh xá, bà cũng thấy cậu đang đọc gì đó. Mới tuần trước, sư thầy U May lại khẳng định Tin Win đã thay đổi nhiều thế nào cũng như cậu có tài năng thiên phú ra sao. Không những là học trò giỏi và chăm chỉ nhất, cậu còn sở hữu khả năng tập trung phi thường, đưa thầy giáo đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác bằng trí nhớ siêu phàm, óc tưởng tượng, sức cuốn hút mà sư thầy U May chưa từng được chứng kiến ở cậu bé sắp tròn 15 tuổi nào. Tin Win có thể đọc lưu loát trọn vẹn nội dung bài học từ mấy hôm trước. Chỉ cần vài phút, cậu đã giải xong trong đầu những bài toán các bạn khác phải xoay xở đến nửa tiếng đồng hồ với bảng tính. Nhà sư già đánh giá cao Tin Win đến mức sau một học kì, thầy quyết định bồi dưỡng thêm cho cậu vào buổi chiều. Từ một thùng gỗ, thầy lôi ra đồng sách ghi bằng chữ Braille do một người Anh tặng rất nhiều năm về trước. Trong vón vện vài tháng, Tin Win đã nắm vững bảng chữ cái. Cậu đọc tất thảy những gì thầy U May tích góp được qua bao năm, và chẳng mấy chốc, cậu đã nắm lòng từng cuốn sách ở tịnh xá. May mắn thay, nhờ tình bằng hữu giữa sư thầy U May với một viên chức Anh đã về hưu có con trai bị mù bẩm sinh mà thầy có thể

cung cấp nguồn sách mới cho Tin Win đều đặn. Cậu ngẫu nhiên truyện cổ tích, tiểu sử, trải nghiệm du lịch, tiểu thuyết phiêu lưu, kịch, cả tiểu luận triết học. Gần như hôm nào cậu cũng khệ nệ vác về nhà một quyển sách mới, nói đâu xa, mới đêm qua bà Su Kyi lại bị tiếng lẩm rầm của cậu đánh thức. Bà thấy cậu ngồi bên cạnh trong bóng tối, sách để trong lòng, bàn tay lướt qua trang giấy tựa như vuốt ve, khe khẽ nhắm theo từng câu trong đó.

“Con làm gì thế?” Bà hỏi cậu.

“Con đang du ngoạn ạ.”

Bà mỉm cười, dù người mệt lử. Mới vài hôm trước, cậu đã giải thích với bà cậu không chỉ đơn thuần đọc sách mà còn du ngoạn cùng chúng, rằng sách đưa cậu đến những quốc gia cùng những lục địa lạ lẫm, và rằng nhờ sách, cậu luôn có cơ hội biết thêm những con người mới, thậm chí nhiều người trong số họ còn thành bạn hữu của cậu.

Bà Su Kyi lắc đầu, vì trong cuộc sống của cậu, ngoài sách ra, cậu không thể kết bạn với ai. Dù nhà trường có cố gắng tạo điều kiện thế nào, cậu vẫn giữ thái độ xa cách lẫn rụt rè. Thêm nữa, tuy dồn hết tâm sức vào bài giảng, cậu chỉ duy trì mối quan hệ xã giao và rời rạc với bạn bè đồng trang lứa. Cậu rất lễ phép với các sư tăng nhưng luôn giữ khoảng cách, điều này khiến bà Su Kyi lo sốt vó, e ngại sẽ chẳng ai có thể bước vào thế giới của cậu. Chẳng một ai, ngoại trừ bà và sư thầy U May, thậm chí điều này bà cũng không dám chắc. Không, Tin Win sống trong thế giới riêng của cậu. Đôi khi, bà lại vẫn vợ suy nghĩ liệu cậu đã thỏa mãn với điều ấy, liệu cậu có cần thêm một người bạn đồng hành?

Su Kyi đứng dưới chân cầu thang tặc lười nhưng Tin Win quá say sưa đọc sách nên không để ý. Bà chăm chú nhìn và lần đầu tiên nhận ra, ở cậu không còn sót lại nét trẻ con nào nữa. Cậu cao hơn hẳn các chú tiểu khác. Cậu có bắp tay cuộn cuộn cùng bờ vai rộng của người nông dân, song lại sở hữu đôi tay thanh nhã của người thợ kim hoàn.

Bà có thể mừng tượng hình ảnh chàng thanh niên tương lai từ những đường nét ấy.

“Tin Win con,” bà lên tiếng.

Cậu quay đầu về phía bà.

“Bác phải ra chợ mua vài thứ trước khi về nhà. Con muốn đi cùng bác hay đợi ở đây?”

“Con xin phép ở lại ạ.” Cậu rất khổ sở khi phải chen chúc trong đám đông giữa các sạp hàng. Quá nhiều người. Quá nhiều âm thanh lạ lẫm và những thứ mùi lạ lẫm khiến cậu bối rối và hay vấp ngã.

“Bác sẽ đi nhanh thôi,” bà Su Kyi hứa.

Tin Win đứng dậy. Kéo chiếc váy longyi mới màu lục thắt chặt quanh hông, cậu băng qua hàng hiên rồi bước vào sảnh của tịnh xá. Đang đi về phía bếp lửa, bỗng đâu cậu nghe thấy một âm thanh lạ lẫm. Ban đầu, cậu tưởng ai đó đang nện khúc gỗ theo nhịp đồng hồ, nhưng tiếng động này không đục và mạnh đến vậy. Đó là một âm điệu đều đều hoàn toàn dị biệt. Tin Win đứng im. Cậu biết từng căn phòng, từng góc nhỏ, từng thanh xà trong tịnh xá, song cậu chưa từng nghe qua tiếng động này. Dù là ở đây hay bất kì nơi nào khác. Rốt cuộc âm thanh ấy vang đến từ đâu? Giữa sảnh ư?

Cậu căng tai ra nghe. Cậu tiến một bước rồi khựng lại. Châm chú nghe. Lại là nó, to hơn, rõ hơn lúc nãy. Giống như tiếng gỗ, một tiếng gỗ nhẹ nhàng và khe khẽ. Vài giây sau, có thêm tiếng các sư tăng bước đi loẹt xoẹt, ợ hơi và đánh răng trong gian bếp, sàn nhà cửa mình cọt kẹt cùng cửa chớp ken két. Đàn bò câu gù dưới hiên. Tiếng lạo xạo trên đầu cậu: một con gián hoặc bọ đang bò qua mái nhà. Tiếng sột soạt trên tường là gì vậy? Đám ruồi cọ chân sau vào nhau ư? Có một thứ đang là là bay xuống. Là lông vũ. Đàn một gỗ gặm nhấm rầm rầm phía dưới. Một làn gió thổi qua sân cuốn tung cát lên không trung rồi lại đưa chúng đáp đất. Xa xa vẳng lại tiếng đàn bò ngoài đồng và tiếng người cười nói lao xao trong khu chợ. Cậu cảm thấy dường như tất

màn đã từ từ vén lên, một lần nữa hé lộ thế giới cậu từng bắt gặp trước đó nhưng rồi để vượt mất. Lãnh địa bị giấu kín của giác quan, thứ cậu khoắc khoải hoài mong nay đã trở về.

Hòa mình cùng tất cả những thanh âm lách tách, cọt két, thì thầm, gù gù, tí tách, ri ri, chiêm chiếp ấy là tiếng gõ rất êm không lẫn vào đâu được. Chậm rãi, an tĩnh và bằng lặng. Xét từ khía cạnh nào đó, nó như nguồn cội của mọi âm thanh, tiếng động cùng giọng nói trên thế gian. Nó mạnh bạo song lại thanh nhã. Quay về hướng âm thanh phát ra, Tin Win lưỡng lự. Cậu có nên tiến lại gần? Nhờ đâu cậu khiến nó sợ mà biến mất thì sao? Cậu cẩn trọng nhắc một chân lên. Nín thở. Căng tai nghe. Nó vẫn ở đó. Cậu dẫn thêm một bước, rồi bước nữa. Cứ thế cậu đặt chân này trước chân kia, thận trọng, như sợ chẳng may cậu sẽ giẫm lên vật ấy mất. Sau mỗi cử động, cậu dừng lại một chút, xác nhận mình chưa vượt mất nó. Tiếng động rõ hơn theo từng bước chân. Rồi cậu đứng im. Nó đang ở ngay trước mặt cậu.

“Có ai ở đó không?” Cậu thì thầm.

“Có. Em đang ở ngay dưới chân anh. Suýt chút nữa anh đã bước qua em rồi.”

Giọng một thiếu nữ. Nhưng cậu không biết là ai. Cậu lục tìm ấn tượng về cô nhưng thất bại.

“Em là ai? Tên em là gì?”

“Mi Mi.”

“Em có nghe thấy tiếng thành thịch không?”

“Em không.”

“Chẩn chẩn nó ở đâu đó quanh đây.” Tin Win quỳ xuống. Giờ đây, tiếng động như ở sát tai cậu. “Tôi nghe thấy nó mỗi lúc một rõ đây này. Tiếng đập rất nhẹ. Em không nghe thấy thật à?”

“Em không.”

“Em nhắm mắt lại thử xem.”

Mi Mi làm theo. “Vẫn không,” cô nói, lần giọng cười. Tin Win nhoài tới, nhận thấy hơi thở của cô phà lên mặt. “Tôi nghĩ tiếng động ấy phát ra từ em.” Cậu tiến lại gần cô hơn, đưa đầu tới ngay trước ngực cô.

Âm thanh ấy đây rồi. Là tiếng tim cô đập.

Trái tim của cậu cũng bắt đầu thốn thức. Cậu cảm thấy như thể mình đang nghe trộm, như thể cậu không có quyền chạm đến những thông tin ấy. Cậu thấy nổi sợ đang trào dâng, và rồi cô đặt tay lên má cậu. Hơi ấm thấm vào cơ thể, và cậu thầm ước phải chi cô không bao giờ buông ra. Cậu ngồi thẳng lưng. “Là trái tim em. Tôi đang nghe thấy tim em đập.”

“Từ đằng xa như vậy ư?” Cô cười khúc khích, nhưng không hề mỉa mai. Cậu nhận ra qua giọng cô. Đó là nụ cười đáng để gửi gắm lòng tin.

“Em không tin tôi sao?” Cậu hỏi.

“Em không rõ. Có thể. Vậy âm thanh ấy thế nào?”

“Tuyệt vời lắm. Không, còn đẹp hơn thế. Tựa như...” Lúng túng như gà mắc tóc, Tin Win lục tìm ngôn từ. “Tôi không tả được.”

“Đôi tai của anh chắc phải thính lắm.”

Cậu thoáng nghĩ hay cô cười nhạo khiếm khuyết của mình. Song âm điệu của cô cho cậu biết là không phải.

“Ừ. Mà không. Tôi không chắc tôi có nghe bằng đôi tai của mình không nữa.”

Trong một lúc, không ai nói lời nào. Cậu chẳng biết nói gì. Cậu sợ cô sẽ đứng lên mà đi mất. Có lẽ cậu nên nói liên tu bất tận, biết đâu cô lại thấy giọng cậu cuốn hút. Chừng nào cậu còn nói, Mi Mi sẽ ở lại lắng nghe.

“Tôi chưa từng...” Cậu bối rối lựa từ. “Để ý là em có mặt trong tình xá.”

“Còn em đã thấy anh nhiều lần lắm.”

Giọng một phụ nữ cắt ngang, “Mi Mi, con trốn đi đâu rồi?”

“Con ở trong sảnh, thưa mẹ.”

“Mình về nhà thôi.”

“Con đến đây.”

Tin Win nghe tiếng cô nhóm dậy nhưng chưa đứng lên. Cô vươn tay, một lần nữa vuốt má cậu thật nhanh.

“Em phải đi rồi. Gặp anh sau nhé,” cô nói, và cậu nghe cô rời đi, nhưng cô không bước mà bò bằng bốn chi.

Tin Win ngồi trên sàn, hai chân co vào người, đầu tựa gối. Cậu chẳng muốn làm gì ngoài ngồi đây đến hết ngày, hết đêm, qua cả hôm sau nữa. Tựa hồ bất cứ cử động nào đều có thể hủy hoại những gì cậu vừa trải nghiệm. Mi Mi đã đi nhưng nhịp đập trái tim cô vẫn vẫn vương bên cậu. Cậu nhớ về nó, nghe thấy nó như thể cô đang ngồi cạnh bên. Còn những âm điệu và tiếng động khác thì sao? Cậu ngẩng đầu, quay bên này bên kia, lắng tai nghe. Tiếng lạo xạo khe khẽ trên mái nhà. Tiếng sột soạt trên tường với tiếng một kèn kẹt vẫn ở đó. Tiếng trâu nước phì phò ngoài ruộng, tiếng cười đùa của khách trong mấy quán trà. Tin Win chắc chắn mình có thể nghe được chúng rõ ràng. Căn trọng đứng dậy, cậu gần như không tin nổi. Những âm thanh mãnh liệt ấy vẫn còn đây. Những tiếng ồn ào dù quen hay lạ vẫn ở đó. Một số oang oang, một số dịu dàng, nhưng sức mạnh cùng cường độ không hề tiêu giảm. Liệu chúng có giúp cậu tìm được con đường mình cần tiến bước?

Tin Win đi ra cửa, bước xuống bậc thang rồi băng qua sân. Cậu muốn tản bộ loanh quanh ngoài đường cái. Cậu muốn khám phá thị trấn, muốn lắng nghe thật sâu. Âm thanh huyền ảo khắp nơi dồn dập dội lại. Thế giới thành thị, bình bịch, răng rắc, xào xạc. Cậu nghe nó rít ré và ồ ồ, chít chít và ồm ồm, nhưng thác lũ của những dấu ấn ấy không khiến cậu thất kinh. Cậu hiểu, tai cũng hoạt động tương tự như mắt. Ngày trước khi nhìn vào rừng, thấy vài chục cái cây và hàng trăm

cành nhánh, hàng ngàn chiếc lá, chưa kể cánh đồng cỏ ngay trước mặt với những khóm hoa lẫn bụi cây, cậu vẫn không mảy may bối rối. Đôi mắt cậu tập trung vào một vài chi tiết trong toàn cảnh. Phần còn lại chỉ là phong nền. Với mỗi chuyển động nhỏ xíu của con người, cậu có thể đổi tiêu điểm và quan sát các chi tiết mới mà vẫn bao quát được tất cả. Trải nghiệm hiện tại chính là như vậy. Vô vàn âm thanh cùng vang lên, nhưng chúng chẳng hề hòa trộn vào nhau. Nếu trước đây, cậu điều chỉnh ánh nhìn vào cọng cỏ, đóa hoa hay chú chim thì hiện tại cũng tương tự, cậu có thể rèn cho đôi tai tập trung vào một âm thanh cụ thể, thư thái lắng nghe và cảm nhận những sắc điệu mới của nó.

Cậu bước dọc theo bức tường bao quanh tịnh xá, chốc chốc dừng lại để lắng nghe, chừng như vô vàn âm thanh vọng lại vẫn chưa đủ thỏa mãn. Từ ngôi nhà xa xa bên kia đường, có tiếng lửa reo tí tách. Ai đó đang bóc vỏ, rồi băm nhỏ tỏi, gừng, xát hành lá, cà chua, cho gạo vào nước sôi. Nghe như ở nhà cậu vậy, lúc bà Su Kyi đang nấu nướng. Cậu nghe thấy rất rõ dù ngôi nhà cách đó năm mươi mét là ít. Một hình ảnh hiện lên trong đầu cậu mà nếu nhìn bằng mắt cũng chẳng thể sống động nhường này, người phụ nữ đang lui cui trong gian bếp. Cậu nghe thấy tiếng con ngựa đang khịt mũi, ông chú trệu trạo nhai trầu rồi nhổ toẹt ra đường. Còn biết bao âm thanh khác mà cậu ghi nhận được thì sao? Giai điệu líu lo, nghiêng răng ken két, tiếng ồm ộp kia? Tuy nghe được âm thanh, cậu lại không biết chúng bắt nguồn từ người hay vật gì. Cậu nghe thấy một cành cây gãy răng rắc nhưng liệu đó là cành thông, cành bồ, cành sung hay hoa giấy? Còn tiếng lạo xạo dưới chân? Ấy là bộ? Rắn? Chuột? Hay thứ gì đó mà cậu chẳng thể tưởng tượng ra? Nhưng bản thân năng lực phi thường này lại chẳng mấy hữu dụng. Cậu cần được giúp. Những âm điệu này là từ vựng của một ngôn ngữ mới, còn cậu cần người phiên dịch. Một người cậu có thể trông cậy, tin tưởng gửi gắm, một người sẽ nói thật với cậu và không vui thú gì nếu đưa cậu lạc lối.

Đã ra đến đường cái. Điều đầu tiên cậu nhận thấy là những tiếng thành thị không dứt ập tới từ tứ phía. Trái tim của tất cả người đi đường. Cậu kinh ngạc phát hiện ra, chúng hoàn toàn khác biệt, như việc mỗi người lại có giọng nói riêng. Một số rõ ràng và nhẹ bằng như giọng trẻ em, nhưng một số lại đập điên cuồng, nện như chim gõ kiến. Nhiều tiếng nghe như gà con tung tăng chiếp chiếp, nhiều tiếng khác bình lặng và êm đềm khiến cậu nhớ đến chiếc đồng hồ treo tường trong nhà ông chú, hễ tối đến là bà Su Kyi lại đem ra vắn dây cọt.

“Tin Win, con ra đường cái một mình chi vậy?” Là Su Kyi, bà chạy lại bên cậu. Bà rất hoảng hốt. Cậu nghe thấy điều đó trong giọng bà.

“Con định ra ngồi một góc rồi đợi bác về,” cậu đáp.

Bà nắm lấy tay cậu, hai bác cháu đi xuống đường, băng ngang dãy hàng nước cùng một nhà thờ Hồi giáo, rẽ ra sau một ngôi chùa nhỏ rồi chậm rãi leo lên ngọn đồi nơi họ sinh sống. Bà Su Kyi đang huyền thuyên kể chuyện nhưng Tin Win không để tâm lắm. Cậu lắng tai nghe trái tim bà. Ban đầu, nó khá kì lạ. Nó đập không đều, nhịp mạnh, nhịp nhẹ, quá đối tượng phản với giọng nói thân thuộc, nên khiến cậu bối rối. Song chỉ sau vài phút, cậu đã quen với giai điệu ấy và thấy nó thật phù hợp với Su Kyi, một người mà tính khí và tâm trạng cũng hết như giọng nói, sáng nắng chiều mưa.

Về đến nhà, cậu háo hức muốn hỏi bà Su Kyi ngay lập tức. Cậu ngồi xuống chiếc ghế đầu trong bếp và lắng nghe. Bà Su Kyi đang bổ củi ngoài cửa. Đàn gà mái cục ta cục tác quanh bà. Thông rì rào trong gió. Lũ chim hót líu lo. Cậu nghe thấy và biết đó là những gì. Còn có nhiều tiếng lạo xạo rất êm, hay vo vo, rì rầm nhỉ? Một chú bộ hay một con ong? Nếu bà Su Kyi tìm được nguồn phát ra âm thanh ấy, cậu sẽ học được từ vựng đầu tiên của mình.

“Bác Su Kyi ơi, bác đến đây một chút được không ạ,” cậu thích thú la lên.

Gác rìu qua một bên, bà bước vào nhà bếp. “Gì thế con?”

“Bác có nghe thấy tiếng rì rầm không ạ?”

Hai bác cháu im lặng lắng tai nghe. Tim bà đập nhanh và vang vì gắng tập trung. Nhịp đập rộn ràng như mấy phút trước, lúc họ leo lên đồi.

“Bác không nghe tiếng rì rầm nào cả.”

“Nó phát ra từ đằng kia, phía trên cánh cửa ấy ạ. Bác có thấy gì ở đó không?”

Su Kyi bước lại gần cửa rồi căng mắt nhìn trần nhà, “Không con à.”

“Bác nhìn kĩ xem. Có gì không ạ?”

“Không có. Chỉ là mấy thanh gỗ và bụi bẩn thôi. Con đang tìm thứ gì?”

“Con không rõ, nhưng tiếng ồn phát ra từ đó, chắc là trong góc, chỗ tường giao với mái nhà.”

Su Kyi sẫm soi bức tường. Bà chẳng thấy có điều gì khác lạ.

“Bác thử đứng lên ghế xem. Nhỡ đâu mình thấy rõ hơn thì sao?”

Su Kyi leo lên ghế, xem xét xà gỗ. Quả thật mắt bà có hơi kèm nhèm, nhiều khi ở ngay trước mắt mà vẫn mờ mờ. Nhưng gần thế này thì bà có thể nhìn rõ: trong góc bếp bẩn thỉu chẳng có thứ gì khả dĩ phát ra âm thanh rì rầm như vậy cả. Chỉ có một con nhện to đang giăng tơ. Không còn gì khác.

“Không có gì cả. Thật đó.”

Tin Win đứng dậy. Cậu chán nản.

“Bác ra ngoài sân với con nhé?” Cậu đề nghị.

Hai người đứng trước nhà. Cậu nắm tay bà rồi cố gắng tập trung vào một tiếng động lạ lẫm đối với mình: tiếng hút rột roẹt, xì xụp.

“Bác có nghe thấy tiếng xì xụp đó không?”

Su Kyi nhận ra việc mình cũng nghe được âm thanh đó quan trọng với Tin Win đến nhường nào. Song bà chẳng nghe thấy ai uống hay húp gì cả.

“Chỉ có hai bác cháu mình thôi, Tin Win à. Không có ai uống gì trong sân cả.”

“Ý con không phải có người đang uống. Mà là con nghe thấy tiếng động như tiếng mút hay húp. Nó không xa lắm.”

Su Kyi tiến vài bước.

“Thêm chút nữa, một chút nữa ạ.”

Su Kyi bước xa hơn, gần đến hàng rào, bà lặng lẽ quỳ xuống đất.

“Bác đã nghe thấy chưa?” Đây không còn là câu hỏi nữa, mà là một lời thỉnh cầu, Su Kyi sẵn sàng đánh đổi cả tính mạng để đáp ứng. Khổ nỗi bà thực sự chẳng nghe thấy gì.

“Bác không nghe thấy.”

“Bác nhìn thấy gì ạ?”

“Hàng rào nhà mình. Cỏ. Cát. Hoa. Chẳng thứ gì có thể phát ra tiếng hút cả con à.” Bà nhìn những khóm địa lan vàng và một con ong đang chui ra từ đó.

Đất cát phủ đầy mặt. Dính trên môi và răng. Tin Win nằm sõng soài giữa mặt đường bụi bặm, bất lực như con cá mắc câu. Nước mắt ầng ậng. Không phải vì đau mà là vì nhục nhã và tức tưởi. Hôm ấy, cậu đã đề nghị bà Su Kyi dừng đỡ cậu dậy, và nói với bà, cậu muốn tự đi từ tịnh xá về nhà, ít nhất một lần. Cậu chắc mẫm trong bụng sau ngần ấy năm, mình sẽ tìm được đường.

Cậu chẳng biết mình vừa vấp phải tảng đá, rẽ cây hay rãnh nước. Cậu chỉ biết rằng mình vừa phạm phải sai lầm ngu ngốc nhất trên đời, đó là tự tin thái quá. Đầu óc lơ đãng, cậu cứ thế đặt chân này trước chân kia. Cậu chẳng rõ những kẻ sáng mắt có thể thực sự chú tâm vào nhiều thứ cùng lúc hay họ chỉ vỗ ngực huênh hoang thế thôi. Chứ cậu chào thua. Hơn tất cả, cậu thấy tức giận, mà riêng cảm xúc này đã khiến cậu bao phen khổ sở. Sư thầy dạy chí phải. Sân hận luôn làm thui chột giác quan của cậu, khiến cậu vấp té hay đâm sầm vào cây, vào tường. Tin Win dựng mình dậy, lấy váy longyi chùi sạch đất cát trên mặt rồi tiếp tục đi. Bước chân của cậu rụt rè. Được một bước, cậu

khựng lại, mò đường với cây gậy trong tay như thể sắp tiến vào lãnh địa quân thù.

Cậu muốn về nhà thật nhanh. Ban đầu, cậu định sẽ nghe theo tai mình, khám phá thêm vùng đất này, phát hiện thêm những tiếng động mới và phân tích chúng; thậm chí cậu còn tính tới việc bước vào khu chợ bà Su Kyi hay kể. Nhưng giờ đây, cậu chỉ cảm thấy sợ hãi trước tấm màn ồn ã xung quanh. Tiếng chiêm chiếp, xì xì, rào rào, lạch cạch... Mỗi tiếng động đều khiến cậu kinh hãi. Cậu co vùi và chỉ muốn chạy thật nhanh... Nhưng cậu phải lần từng bước tới trước, men theo bức tường và xuống đường cái. Cậu đành bấu víu vào cây gậy như chết đuối vớ được cọc. Rẽ sang phải, cậu thấy mặt đường dốc lên. Một người lạ gọi tên cậu.

“Tin Win. Tin Win ời.”

Cậu hít một hơi thật sâu.

“Tin Win ời.”

Cậu nhận ra giọng nói ấy.

“Mi Mi đấy ư?”

“Vâng.”

“Em làm gì ở đây vậy?”

“Em ngồi cạnh ngôi miếu nhỏ màu trắng đợi anh trai.”

“Thế anh em đâu?”

“Tuần nào chúng em cũng đi bán khoai tây ngoài chợ. Anh trai em đang mang bồ gạo và con gà cho bà dì, nhà ở ngay trên đồi. Dì em ốm. Lát nữa anh ấy sẽ xuống đón em.”

Tin Win rờ rẫm cẩn thận đến chỗ ngôi miếu, cậu vấp ngã nhiều đến nỗi như thể có ai đó đặt đá hoặc gậy gộc ngay giữa lối đi. Cậu chỉ còn nước cầu trời khấn Phật là không vồ ếch ngay trước mặt Mi Mi. Tiếng gậy báo hiệu đã tới nơi, thế là cậu ngồi xuống cạnh cô. Và rồi cậu lại nghe thấy nhịp tim cô rộn rã, mỗi tiếng đập càng khiến cậu thêm bình tâm. Cậu không tưởng nổi có thứ âm thanh nào đẹp đẽ hơn thế. Nhịp

tim của cô khác hẳn mọi người, mềm mại và du dương hơn. Tim cô không đập, mà cất lời ca.

“Áo và váy longyi của anh bẩn cả rồi. Anh bị ngã à?” Cô hỏi.

“Ừ. Nhưng không sao đâu.”

“Anh có đau lắm không?”

“Không đâu.”

Tin Win dần lấy lại tự tin. Những tiếng động đang trở về với âm lượng vốn có. Mi Mi nhích lại gần cậu. Mùi hương của cô gợi cậu nhớ đến những cây thông sau cơn mưa đầu mùa. Ngai ngái, nhẹ nhàng, mỏng mảnh như vô vàn lời thì thầm. Hai người ngồi đó, yên lặng hồi lâu. Tin Win lại lắng nghe thật kĩ. Cậu nghe thấy tiếng đập hoặc nhỏ giọt rất khẽ vọng lại từ phía sau miếu. Cậu có nên hỏi Mi Mi xem cô nghe thấy không nhỉ? Nếu cô nghe thấy, liệu cô có cất công tìm thứ đó để sau này cậu dễ phân biệt không? Cậu đắn đo. Nếu cô không thể nghe hay nhìn thấy gì thì sao? Như thế, cậu sẽ còn cảm thấy cô đơn hơn ngày hôm qua khi ở bên bà Su Kyi nữa. Mặt khác, cậu không muốn mình trở nên lỗ bịch trước mặt Mi Mi. Có lẽ nên thôi. Song khó mà cưỡng lại cảm dỗ này. Rốt cuộc, cậu quyết định sẽ thăm dò từng câu hỏi xem phản ứng của cô thế nào.

“Em có nghe thấy tiếng nhỏ giọt không?” Cậu băng quơ hỏi.

“Em không.”

“Có thể không phải tiếng nhỏ giọt. Nghe giống như tiếng gõ nhẹ nhàng hơn.” Cậu gõ nhanh đầu ngón tay lên cây gậy. “Như thế này này.”

“Em không nghe thấy gì cả.”

“Em thử nhìn thoáng qua sau miếu được không?”

“Chẳng có gì ngoài bụi cây cả anh ạ.”

“Trong bụi cây thì sao?” Cậu thấy thật khó mà che giấu sự háo hức. Giá cô có thể giúp cậu, ít nhất là giải ra câu đố này.

Mi Mi xoay người, lần mò phía sau miếu. Những bụi cây rậm rạp, cành nhọn cào xước mặt cô. Cô chẳng tìm được thứ gì phát ra tiếng động như Tin Win miêu tả. Chỉ thấy mỗi một tổ chim. “Không có gì hết anh ạ.”

“Nói chính xác tôi nghe những gì em thấy đi,” Tin Win đề nghị.

“Những nhành cây. Khóm lá. Một tổ chim.”

Tin Win cân nhắc, “Trong tổ chim có gì?”

“Em không biết, nhưng tổ chim bị bỏ rồi thì phải.”

“Tôi đoán chắc tiếng động xuất phát từ tổ chim ấy. Em nhìn gần hơn một chút được không?”

“Không được. Nó cao quá. Em không đứng lên được.”

Chẳng lẽ cô không thể đứng dậy và nhìn vào trong tổ sao? Nó ở ngay trước mặt cô cơ mà. Nhìn lướt qua là được rồi, một cái liếc nhìn đã đủ để cậu xác nhận có thể tin tưởng đôi tai mình hay không.

Cô bò lại chỗ cậu đang ngồi, “Chứ anh nghĩ có gì ở trong đó?”

Cậu khựng lại. Liệu cô có tin cậu không? Hay cô sẽ chế nhạo cậu? Nhưng cậu còn lựa chọn nào đâu cơ chứ?

“Một quả trứng. Tôi nghĩ, đó là tiếng tim đập của một chú chim.”

Mi Mi cười, “Anh đùa em ạ. Làm gì có ai nghe được âm thanh ấy.”

Tin Win lặng thinh. Cậu biết đáp lại thế nào cho phải?

“Nếu anh giúp em, em sẽ kiểm tra xem anh nói có đúng không,” sau một hồi im lặng, Mi Mi cất tiếng. “Anh cõng em lên lưng nhé?”

Tin Win khuyu gối xuống để Mi Mi vòng tay qua cổ cậu. Đặt cậu từ từ vươn dậy, khó nhọc đứng lên, người nghiêng ngả hết bên này sang bên kia.

“Em có nặng lắm không?” Cô hỏi.

“Không, em không nặng chút nào.” Cậu nhấp nhồm không phải vì cân nặng của cô mà vì cảm giác lạ lẫm khi cõng người khác trên lưng. Cô vắt chân qua hông cậu, còn cậu gập cả hai tay ra sau lưng để đỡ lấy

cô. Lúc này cậu chẳng còn tay nào để cầm gậy nữa cả, tức là cậu không thể xác định địa hình trước mặt. Đầu gối cậu bủn rủn.

“Anh đừng sợ. Em sẽ chỉ cho anh.” Tin Win tiến một bước nhỏ. “Đúng rồi. Anh đi tiếp đi. Cẩn thận, trước mặt có đá kìa. Đừng giật mình.”

Tin Win dùng chân trái cảm nhận hòn đá, thăm dò rồi bước qua nó, đoạn đặt chân xuống đất. Mi Mi dẫn cậu ra sau miếu. Cô dùng một tay gạt nhánh cây để chúng không đâm vào mặt cậu.

“Đến rồi. Một bước nữa. Thêm một bước nữa.” Cậu cảm thấy cô đang chống tay lên vai cậu, nâng người lên và cố gắng rướn về phía trước. Tim đập loạn, phải cố gắng lắm cậu mới giữ được thăng bằng.

“Có một quả trứng con con.”

“Em chắc chứ?”

Tin Win không buồn giấu giếm niềm hân hoan. Hai người ngồi lại bên vệ đường. Cậu bồn chồn bứt rứt khó tả. Mi Mi đã hé mở cánh cửa, một tia sáng le lói chiếu rọi màn đêm u tối trong cậu. Cậu chẳng mong gì hơn được cùng cô ngao du đây đó. Hai người sẽ tìm hiểu từng âm thanh, từng tiếng động mà cậu nghe được. Cậu đã học được từ mới đầu tiên. Lúc này đây, cậu đã biết tiếng tim đập của con chim còn trong trứng nước, và rồi một ngày kia, cậu sẽ khám phá ra cách nhận biết tiếng bướm bướm vỗ cánh, tiếng róc rách phát ra từ đâu, dù chẳng có nguồn nước nào ở gần, tiếng sột soạt trong không gian tĩnh mịch. Có Mi Mi trợ giúp, cậu sẽ giải hết câu đố này đến câu đố khác, và biết đâu đấy, cuối cùng, một thế giới mới sẽ mở ra.

“Mi Mi, sao lúc này em không tự mình nhìn vào tổ chim?” Tin Win thắc mắc.

Cô cầm tay cậu và đặt lên bắp chân cô. Chưa bao giờ Tin Win được chạm vào làn da nào mềm mại đến thế. Mềm hơn cả đám rêu trong rừng mà ngày xưa cậu rất thích cọ má vào. Những ngón tay cậu chạm rãi đưa xuống mắt cá chân cô. Chúng mảnh mai nhưng đồng thời dị dạng. Chân cô không cử động được, cứng ngắc và quặp vào trong.

Trong tâm tưởng của bà Yadana, khoảnh khắc hạ sinh cô con gái là phút giây đẹp nhất cuộc đời bà, dù lẽ dĩ nhiên bà cũng rất thương năm cậu con trai lớn. Có lẽ một phần lý do là vì trước đó, bà luôn nghĩ rằng tuổi của bà khó mà sinh nở, song bà luôn ao ước có thêm một cô công chúa. Hoặc phải chăng hiện giờ, khi đã 38 tuổi, bà trân trọng việc đưa bé chào đời và bản thân đứa bé vì đơn giản, đó là một món quà không gì sánh bằng. Hay vì suốt chín tháng đứa bé dần lớn lên trong bụng, bà không phải trải qua cơn ốm nghén nào. Hằng ngày, bà đều đứng giữa đồng một lát, dừng tay, nhắm mắt, vuốt ve bụng mà cảm nhận niềm hạnh phúc trào dâng. Khi đêm xuống, bà vẫn thường nằm im cảm nhận đứa trẻ đang dần lớn lên bên trong, xoay người, vặn vẹo, đá hay gõ vào thành tử cung. Không thời khắc nào diệu kì hơn thế. Nếu bà là một người nhạy cảm, hẳn bà đã chẳng ghìm nổi nước mắt. Hay bởi bà chẳng thể quên lần đầu tiên con gái ngược nhìn mình với đôi mắt màu nâu sẫm? Con bé mới xinh xắn làm sao! Làn da nâu của nó mềm mại hơn nhiều so với mấy đứa con trai của bà. Mái đầu nhỏ bé tròn trịa, không hề bị méo mó do ảnh hưởng khi sinh nở, khuôn mặt lại vô cùng cân đối. Ngay cả bà đỡ còn phải thốt lên rằng đời bà chưa bế đứa bé nào đáng yêu nhường ấy. Và Mi Mi nằm im trong vòng tay của Yadana, nhìn mẹ mình thật chăm chú. Phút giây ấy, bà cảm nhận được sự kết nối giữa hai mẹ con rõ rệt hơn bất cứ phút giây nào suốt chín tháng qua. Bỗng đứa bé nhoẻn miệng cười. Một nụ cười bà Yadana chưa từng thấy, trước đây và cả sau này. Sau đó, Moe, chồng bà, là người đầu tiên phát hiện bộ phận dị tật trên người đứa bé. Ông hét lên kinh hãi rồi chỉ cho vợ thấy đôi chân què quặt nhỏ xíu.

“Mọi đứa trẻ đều khác biệt,” bà bảo chồng. Với Yadana, câu chuyện kết thúc ở đây. Những lời xì xào bàn tán khắp làng suốt vài tuần sau đó cũng không lung lạc được bà. Nhiều người gièm pha rằng con gái bà là con lừa của một ông người Scotland đầu thai. Nó bị gãy hai chi trước nên phải băng bó cách đây vài tháng. Ai cũng nghĩ nó chỉ sống

được dăm bữa nửa tháng. Hàng xóm cho rằng con bé tội nghiệp ấy bù trừ cho những vụ mùa bội thu gia đình này gặt hái mấy năm gần đây, nhờ đó mà họ cất được căn nhà sàn bằng gỗ, mái lợp tôn. May mắn liên tục như vậy luôn đi kèm với một cái giá tương xứng. Nhiều kẻ lại đoán chắc rằng cô bé sẽ khiến đại họa ập xuống cả làng, thậm chí vài người trong số họ còn ngấm ngầm kêu gọi vứt bỏ đứa bé vào rừng. Gia đình nhà chồng ép bà Yadana đến gặp thầy bói. Thầy sẽ nhìn ra những oan nghiệt con bé phải chịu trong kiếp này và phán định, liệu rằng trói buộc cô bé vào số phận ấy có phải là độc ác hay không. Song Yadana nhất quyết không chịu. Xưa nay, bà luôn tin tưởng vào bản năng hơn trăng sao, và bản năng mách bảo bà rằng: Bà vừa hạ sinh một đứa bé vô cùng đặc biệt với những khả năng phi thường.

Phải đến gần một năm sau, chồng bà mới bắt đầu có những suy nghĩ tương tự. Ban đầu, ông còn chẳng dám chạm vào con, thậm chí cấm đoán anh trai lại gần con bé. Đến một đêm nọ, bà vợ nạt nộ, “Què có lây đâu mà anh sợ.”

Ông cố gắng ngọt nhạt với bà, “Rồi rồi, anh biết mà.”

“Vậy can cứ chi cả năm nay anh chẳng buồn nhìn mặt con gái?” Bằng vài cử động mau lẹ, bà kéo tấm chăn khỏi người Mi Mi.

Moe hết nhìn con gái lại nhìn vợ. Mi Mi nằm trước mặt ông, người không manh áo. Trời lạnh buốt, con bé run bần bật nhưng quyết không khóc, cứ nhìn cha với ánh mắt trông chờ.

“Anh nói xem?” Yadana gằn giọng.

Ông vươn tay ra chạm vào cái bụng bé xíu của con. Rồi ông vuốt dọc theo bắp đùi mảnh mai, hai đầu gối, mân mê xuống dưới, nắm trọn đôi chân tí hìn trong lòng bàn tay. Mi Mi mỉm cười với ông.

Cặp mắt của con gợi ông nhớ lại ánh nhìn của vợ vào lần đầu gặp gỡ. Cả nụ cười cũng ẩn chứa ma lực mà đến tận bây giờ, ông vẫn không thể cưỡng lại. Ông Moe cảm thấy thật hổ thẹn.

Bà Yadana bọc đứa trẻ vào chăn, đoạn vạch ti cho con bú.

Ít lâu sau, Moe nhận ra cô con gái không những thừa hưởng đôi mắt xinh đẹp của mẹ mà còn cả nét tính cách ôn hòa, nhu mì lẫn vui tươi từ bà. Con chẳng bao giờ khóc, hiếm khi ré lên, ngủ ngoan cả đêm. Con tạo ấn tượng mình là một cá thể vô cùng hòa hợp với bản thân và với thế giới xung quanh.

Hơn một năm sau, những điều đó cũng không hề thay đổi vào lần đầu tiên cô bé thử đứng dậy. Cô bé lê đến lan can ở cái hiên be bé trước nhà. Lúc này, Moe cùng Yadana đang cho gà và lợn ăn ngoài sân thì trông thấy cô con gái đẩy người lên thành lan can. Mi Mi kiểm tra sức nặng của mình trên đôi chân dặt dẹo, trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, cô bé đứng thẳng, trợn mắt kinh hãi nhìn cha mẹ rồi ngã rập xuống. Cô bé cố gắng hết lần này đến lần khác, ông Moe nhìn mà chỉ muốn chạy đến bên cạnh để giúp con, dầu ông chẳng biết giúp cách nào. Bà Yadana kiên định giữ ông lại, “Chân con bé không thể đỡ được thân mình. Nó phải tự vỡ ra điều đó.” Bà biết, chẳng ai thay đổi được sự thật này.

Mi Mi không khóc. Cô bé dụi mắt và kiểm tra lan can như thể mấy thanh gỗ có vấn đề. Cô thử lần nữa, trầy trật giữ thẳng bằng. Tuy nhiên, đến lần thứ sáu, sau khi ngã dúi dụi xuống sàn, cô bé bỏ cuộc, bò đến cầu thang, tì người dậy, nhìn cha mẹ rồi mỉm cười. Ấy là lần đầu tiên và cũng là duy nhất cô bé cố đứng lên để bước đi. Từ đó, cô di chuyển quanh nhà và ra sân trên cả bốn chi. Cô còn có thể leo lên bậc thang nhanh đến độ cha mẹ khó mà theo kịp. Cô bé hay rượt theo đàn gà. Và vào những ngày hè nóng nực, khi cơn mưa tưới ẩm lớp đất trong vườn nhà, cô thích vầy vùng trong bùn lầy. Cô còn chơi trốn tìm với các anh trai, rúc vào những góc sâu nhất của khu vườn mà hiếm người nào tìm ra.

Lớn lên, Mi Mi vẫn giữ được vẻ thư thái vốn có, dù càng ngày càng thấm thía đôi chân hữu dụng đến nhường nào. Ấy là khi cô bé ngồi bên hiên dõi theo đám trẻ nhà hàng xóm đùa nghịch trong vườn hay trèo lên hàng cây bạch đàn ngăn cách các mảnh đất với nhau. Yadana

cảm nhận được con gái mình đã chấp nhận khiếm khuyết tự nhiên của bản thân, song điều này không có nghĩa cô bé chối bỏ hay thu mình khỏi cuộc sống. Ngược lại, dầu đi lại hạn chế, sự ham học hỏi và tài năng của cô bé ở những khía cạnh khác lại rộng mở đến vô cùng.

Tuyệt vời nhất là giọng nói. Ngày còn nhỏ, phần lớn thời gian, Mi Mi được mẹ địu trên lưng, và bà Yadana lại có thói quen hát cho cô bé nghe những khi làm việc trên đồng. Chẳng bao lâu sau, Mi Mi thuộc nằm lòng các bài hát, hai mẹ con sẽ cùng nhau ca vang. Lớn lên, giọng của Mi Mi lại trong trẻo thêm bội phần, đến mức vào năm cô bé lên bảy, mỗi khi cô cất giọng ca lúc phụ mẹ làm cơm tối là y như rằng những người hàng xóm sẽ tụ tập trước nhà cô, im lặng lắng nghe một cách say sưa. Tuần này qua tuần nọ, số người cứ thế tăng lên. Ít lâu sau, họ ngồi chật cả sân, nhiều người còn phải đứng tít ngoài đường hoặc trèo lên ngọn cây gần đó. Thậm chí, vài người mê tín luôn miệng bảo rằng giọng ca của Mi Mi chứa đựng phép thuật. Họ hay truyền tai nhau chuyện bà góa phụ già yếu sống gần đó, cả hai năm nay chẳng hề rời khỏi nhà, song một ngày nọ, trong bóng chiều nhập nhoạng, bà hòa vào dòng người và bắt đầu nhảy múa. Hoặc chuyện cậu bé sống ở cái chòi bên kia đường mọi người hay gọi là Thăng Cá. Da cậu khô rang, cả người bong tróc và đóng vảy. Nhưng từ ngày bài ca của Mi Mi vang vọng trong ánh hoàng hôn, chưa đầy sáu tháng sau, mụn nước trên người cậu biến mất không còn tăm tích.

Khi cô bé cùng ra chợ mua khoai và gạo với mẹ, bài hát cô xướng lên kéo theo cả đám đông tụ tập khiến hai viên cảnh sát phải đến yêu cầu cô ngừng hát để giữ gìn trật tự trị an. Một ông nát rượu người Ireland nhờ cô tới hát vào phút cuối đời, ông này dù say xỉn tối ngày vẫn leo lên chức thiếu tá trong Lực lượng Vũ trang Hoàng gia và hiện giờ đang trải qua những năm xế chiều ở Kalaw. Người ta mời Mi Mi đến đám cưới, sinh nhật, đổi lại, gia đình cô nhận được không biết bao nhiêu trà, gà, thóc gạo. Tuy nhiên, lúc ông Moe đang tính toán đến

việc cho thuê ruộng thì Mi Mi tuyên bố với cha mẹ rằng mình sẽ không hát nữa.

Bấy giờ họ đang ngồi trên tấm ván ngoài sân. Trời chưa tối hẳn, nhưng cái lạnh buổi đêm đã lan tỏa khắp chốn. Bà Yadana choàng chiếc chăn dày quanh vai cô con gái. Mi Mi dùng chày nghiền vỏ cây thanakha* trong cối, còn mẹ cô rửa cà chua và hành lá. Con heo ụt ịt dưới gầm sàn, con trâu nước ỉa ngay trước cổng dẫn ra vườn. Từ chỗ đang ngồi, họ vẫn có thể ngửi thấy mùi hôi nồng nặc. Ông Moe chỉ nghĩ con mình đang đùa.

“Sao con không muốn hát nữa?”

“Vì hết vui rồi ạ.”

“Con nói vậy là sao? Có chuyện gì à?”

“Không có gì ạ.”

“Nhưng giọng con càng ngày càng hay cơ mà.”

“Con không nghe nổi nữa.”

“Tức là con sẽ ngừng cất tiếng ca luôn?”

“Con muốn để dành giọng hát.”

“Để dành ư? Làm gì kia chứ?” Ông Moe thắc mắc.

“Con cũng chưa rõ.”

Moe biết có tranh cãi với con gái cũng chỉ như nước đổ lá khoai. Cô bé bướng bỉnh y như mẹ. Nó hiếm khi đòi hỏi thứ gì, song một khi con bé đã quyết thì thuyết phục là điều không tưởng. Trong thâm tâm, ông rất phục con ở điểm này.

Bà Yadana để ý thấy dạo gần đây, Mi Mi thay đổi rất nhiều. Cô bé đã lên 14, cơ thể đang dần hình thành những đường nét của phụ nữ. Chất giọng của cô không phải thứ duy nhất ngày một đẹp lên. Phải, đôi mắt không còn đục chiếm khuôn mặt, nhưng vẫn lấp lánh như mọi khi. Cô bé sở hữu nước da nâu sáng cùng hai bàn tay vừa dài vừa thanh mảnh, không hề bề ra, gân guốc hay chai sần dẫu cô vẫn dùng

để nâng sức nặng cả người và di chuyển. Những ngón tay của cô bé thoăn thoắt đến mức bà Yadana khó lòng theo kịp mỗi khi Mi Mi phụ bà nấu ăn, gọt gừng rồi xát đều hay băm nhỏ. Hai năm trước, bà dạy con gái dệt vải và chằng mấy chốc, Mi Mi đã thành thục hơn cả mẹ. Song trên tất cả, điều bà Yadana khâm phục nhất ở con gái mình là sự tự tin của cô bé khi đi lại. Rất lâu rồi, Yadana từng gặp những cơn ác mộng trong đó bà nhìn thấy Mi Mi trườn bò như một con thú trong rác rưởi bẩn thỉu hoặc qua chợ giữa bao tiếng cười nhạo của đám người xung quanh. Đến tận bây giờ, thỉnh thoảng bà vẫn mơ thấy cảnh Mi Mi muốn lên tàu đi Thazi, cô bé đang mãi bò trên sân ga đến toa của mình thì cổ máy hơi nước đã bắt đầu lăn bánh. Mi Mi bèn cố gắng bò thật nhanh, nhanh hơn nữa. Song cô bé chẳng bắt kịp chuyến tàu.

Thậm chí, khi ngày rạng, đôi lúc bà Yadana lại thần người vì lo lắng, mai này trưởng thành, Mi Mi sẽ đón khách vào nhà thế nào đây. Chẳng lẽ bò trên bốn chi về phía họ sao? Thật khủng khiếp!

Nhưng bây giờ, bà gần như không thể tin nổi con gái mình lại duyên dáng và tự tin đến thế khi đi lại. Cái cách con di chuyển không có gì giống động vật hay nhục nhĩ. Con luôn mặc những bộ longyi tự dệt lộng lẫy, và dầu phải lê chân khắp sàn nhà bẩn thỉu, con luôn giữ được vẻ tươi tắn. Khi đi, con luôn cẩn thận, nhịp nhàng di chuyển tay và đầu gối, chưa kể từ con tỏa ra một niềm kiêu hãnh khiến mọi người ở khu chợ phải tránh đường và đối xử với con một cách tôn trọng.

5

Julia mà tôi biết từ trước đến nay sẽ bật dậy khi nghe tới đây. Cô sẽ tức điên người, ném ánh nhìn khinh miệt và gai góc về phía U Ba rồi chẳng nói chẳng rằng vớ lấy chiếc ba lô con con. Hoặc cười vào mặt ông mà xẵng giọng bảo tất cả chỉ là mớ chuyện ba xu. Cô sẽ bỏ đi.

Nhưng tôi lại không hề nhúc nhích. Dù tôi những muốn đứng dậy song đó chỉ là một thôi thúc vô hiệu, như một dạng phản xạ vậy. Tôi chẳng biết nên nghĩ gì về câu chuyện U Ba kể. Nó khiến tôi choáng váng. Làm sao tôi có thể tin được ngày còn trẻ, cha tôi từng mù lòa, chưa kể ông còn đem lòng yêu một người què quặt đây? Lẽ nào người phụ nữ đó là nguyên nhân khiến cha rũ bỏ chúng tôi, gia đình của ông, sau ba mươi lăm năm đăng đẳng? Và sau năm mươi năm cách biệt? Tôi thấy mọi chuyện rồi như mớ bòng bong. Cùng lúc, tôi cứ nghĩ mãi về một điều cha từng nói: Bất kể mục đích tốt xấu, chẳng có việc gì mà con người không làm được. Đó là lời ông thốt ra khi gia đình phát hiện bác họ tôi, vốn theo Thiên Chúa giáo và vô cùng sùng đạo, lăng nhăng với cô trông trẻ mới 16 tuổi. Mẹ tôi không tài nào chấp nhận nổi. Chẳng giống anh Walter chút nào, bà cứ lăm bằm mãi như thế. Cha tôi thì cho rằng đó là lẽ thường. Chừng như ông nghĩ rằng con người có thể làm mọi điều, hoặc ít nhất ông không loại trừ khả năng nào chỉ vì ông quen biết người ấy. Ngoài ra, ông nhấn mạnh đây không phải cách nhìn nhận thể giới của một kẻ bi quan cay đắng mà là ngược lại. Ông nói, trông đợi những điều tốt đẹp từ người khác để rồi thất vọng khi họ không đạt được kì vọng cao chót vót ta đặt ra còn tồi tệ gấp vạn lần. Kết cục, ta sẽ trở nên hận thù và khinh rẻ nhân loại.

Từ những đặc điểm lẫn cung cách mà U Ba miêu tả, tôi bắt đầu phác vài nét về cha mình. Chừng như tôi đang nghe lỏm một cuộc cãi cọ trong tâm tưởng. Giọng một nữ luật sư. Cô ta vẫn nghi ngờ. Cô ta muốn có thêm dữ liệu. Cô ta mãi mê đi tìm những bên có tội cùng một viên thẩm phán có thể đưa ra bản án hoặc ít nhất cũng dùng quyền hạn của mình mà chấm dứt trò nhố nhăng này. Giọng nói còn lại tôi chưa nghe thấy bao giờ. Khoan đã, nó ré lên, đừng trốn chạy. Đừng sợ hãi.

“Chắc cô đói rồi.” U Ba cắt ngang dòng suy tưởng của tôi. “Tôi đã mạn phép chuẩn bị chút đồ ăn.” Ông cất tiếng gọi một cái tên tôi không hiểu, và gần như ngay lập tức, một thiếu nữ bê chiếc khay bước ra từ nhà bếp. Cô cúi chào, khẽ khàng nhún gối. U Ba nhòem dậy rồi đưa cho tôi hai chiếc đĩa sứ mẻ. Một đĩa xếp ba lát bánh mì dẹt mỏng hình tròn. Đĩa còn lại đựng cơm, chan nước xốt nâu có thêm vài miếng thịt, ông cũng đưa tôi một chiếc khăn ăn màu trắng đã sờn cùng chiếc muỗng nhỏ cong vẹo.

“Cà ri gà kiểu Myanmar đấy. Vị thanh. Dùng kèm với bánh mì Ấn Độ. Tôi mong nó hợp khẩu vị của cô.”

Hắn tôi có vẻ ngần ngại nên U Ba mỉm cười trấn an, “Tôi đã nhờ người hàng xóm đặc biệt chú ý đến khâu vệ sinh khi chuẩn bị món ăn này. Tôi biết không phải món nào của đất nước tôi cũng hợp bụng du khách đến đây. Nói đâu xa, ngay cả chúng tôi cũng dính vài vố. Tin tôi đi, không biết bao lần trong đời tôi đã phải chết gí với nhà vệ sinh rồi đấy.”

“Chắc chẳng dễ chịu gì cho cam nhỉ.” Tôi đánh liều cắn thử một miếng bánh. Tôi đọc được trong cảm nang du lịch rằng phải hết sức cẩn thận với các món salad, trái cây tươi, nước lã và nước đá ở đây. Còn bánh mì hay cơm thì có vẻ không vấn đề gì. Tôi ăn chút cơm chung với nước xốt. Vị ngăm ngăm đắng, tương đối mộc mạc song không tồi. Thịt gà thì hơi dai, tôi trệu trạo nhai nhưng đành chào thua.

“Cha tôi ở đâu?” Sau một lúc im lặng dùng bữa, tôi lên tiếng. Câu nói vang lên gay gắt hơn tôi chủ định. Đó là giọng của một luật sư.

U Ba chăm chú nhìn tôi hồi lâu. Ông dùng miếng bánh mì dẹt còn lại vét sạch phần đĩa mình đang ăn. “Càng lúc cô càng đến gần ông ấy hơn. Cô không cảm thấy ư?” Ông lấy tấm khăn ăn đã cũ lau miệng, ông hớp ngụm trà rồi ngả lưng ra ghế bành. “Tôi có thể cho cô biết nơi ở của cha cô chỉ trong một câu. Song cô đã đợi lâu đến thế, hơn bốn năm trời, vậy thì thêm vài ba tiếng có gì khác biệt kia chứ? Cô sẽ chẳng còn cơ hội nào để hiểu được nhiều điều về cha mình như thế này đâu. Cô không muốn biết chuyện giữa ông ấy và Mi Mi có kết cục thế nào ư? Người phụ nữ đó thay đổi cuộc đời cha cô như thế nào? Tại sao bà lại quan trọng với ông như vậy? Và tại sao bà cũng sẽ thay đổi cuộc đời cô?”

U Ba không buồn đợi tôi đáp lại.

6

Su Kyi nhận ra ngay chuyển biến to lớn nơi Tin Win. Lúc ấy, bà đang ngồi trước cổng lo lắng đợi cậu về. Con đường hết sức gồ ghề. Mưa lớn liên tục trong hai ngày khiến đất nhão nhoẹt, đã thế xe bò lại cày thêm những đường sâu hoắm. Ánh nắng hong khô bùn lầy, và giờ đây mặt đất cứng lại, lồm chồm đầy ổ gà cùng vết lún, ngay cả người mắt sáng còn thấy khó đi. Liệu để thằng bé tự mình đi đứng vào một ngày thế này có phải ý hay? Nhưng rồi bà nhận ra chiếc váy longyi màu đỏ lẫn xanh cùng áo phông trắng của cậu dần tiến lên ngọn đồi. Song cách cậu bước đi đã đổi khác. Đó có phải Tin Win không?

Đêm ấy, cậu hoạt ngôn hơn tất thảy mọi ngày. Cậu ríu rít kể cho bà đủ mọi chuyện về sư thầy U May, về cảm giác thích thú khi một mình dẫn bước xuống đường từ cổng khu tịnh xá, về thói lơ dềnh nên vồ ếch và phát cáu, song từ nay về sau, cậu định sẽ tự đi mà không nhờ bà giúp. Cậu tâm sự về những náo động, những âm thanh của lông vũ cùng lá tre đang nhẹ nhàng liệng xuống mà cậu nghe thấy, những nhịp tim rộn rã tựa hồ tiếng xướng ca. Su Kyi thích thú trước sức tưởng tượng ấy.

Tin Win không hề nhắc đến Mi Mi, và bà Su Kyi bối rối chẳng biết chuyện gì đang xảy ra với cậu. Nếu thường ngày, cậu chỉ lặng lẽ ngồi ở góc nhà suốt vài giờ liền thì lúc này đây, cậu cứ nhấp nhồm không yên. Cậu đi tới đi lui, hết ra vườn lại vào nhà. Bỗng dưng, cậu trở nên hứng thú với khu chợ, cậu thắc mắc tại sao cứ năm ngày chợ mới họp một lần và luôn miệng hỏi khi nào mới đến dịp kế tiếp. Sức ăn của cậu sút kém, đến ngày thứ ba, cậu chỉ uống mỗi trà. Bà Su Kyi đành bó tay. Tin Win bị ốm, điều đó thì rõ rồi, song cậu khẳng khái mình

chẳng bệnh tật gì. Dần dà, bà đâm lo về chuyện cậu nghe thấy những tiếng ồn. Thằng bé phát điên mất rồi.

Tin Win đếm từng ngày, thậm chí từng giờ, từng phút, đến phiên họp chợ kế tiếp. Một ngày sao dằng dặc nhường này. Sao trái đất quay một vòng mà tưởng chừng vĩnh hằng như vậy? Thời gian trôi chậm tựa con ốc sên lùn mò qua thảm rừng già. Cậu chẳng thể làm gì để nó nhanh hơn sao? Sư thầy U May chỉ cười khi nghe cậu hỏi.

“Hãy kiên nhẫn,” thầy đáp. “Ngồi xuống thiền đi nào. Rồi thời gian sẽ không còn ý nghĩa.”

Mấy năm nay, thiền định luôn có tác dụng tốt với Tin Win, song hiện tại, nó chẳng giúp ích bao nhiêu. Cậu gắng ngồi thiền cùng các sư tăng trong tịnh xá, giữa bãi cỏ hoặc trên gốc cây ngay trước nhà. Nhưng đâu làm gì, ở đâu, cậu vẫn nghe tiếng con tim cô đập. Cậu nghe thấy giọng nói cô du dương. Cậu cảm nhận làn da và sức nặng của cô trên lưng.

Mùi hương của cô tràn ngập mũi cậu. Thứ hương thơm nhẹ dịu, ngọt ngào và không lẫn vào đâu. Đêm trước hôm họp chợ, cậu chẳng tài nào chợp được mắt. Cậu nghe thấy bác Su Kyi đặt mình xuống tấm chiếu bên cạnh, xoay người rồi kéo chăn lên tận tai. Chẳng mấy chốc, trái tim của bác chuyển về nhịp điệu buổi đêm. Nó đập chậm chạp và bằng lặng tựa như không bao giờ ngừng lại. Tim cậu rộn ràng trong lồng ngực. Nhịp đập dữ dội và bất tuân. Thậm chí cậu chẳng rõ điều gì kích động cậu nhường này. Ở thế giới ấy, mắt đánh mất vai trò trong quan sát còn chuyển động chẳng dựa vào chân.

Đâu là cách tốt nhất để xác định vị trí của Mi Mi giữa cơ man sạp hàng cùng biển người vào sáng mai? Từ những lời Su Kyi mô tả, Tin Win hình dung khu chợ như đàn chim đang sà xuống mảnh ruộng. Một hỗn tạp những giọng nói, âm thanh lẫn mùi hương. Cậu mừng tượng ắt nó sẽ đông đúc lắm, người ta sẽ xô đẩy nhau và chẳng ai để tâm đến mình. Nhưng thật kì khôi, suy nghĩ ấy không hề khiến cậu sợ hãi, dẫu bình thường cậu rất ngại đám đông. Cậu dám chắc mình sẽ

chóng tìm thấy Mi Mi. Cậu sẽ nhận ra nhịp đập con tim cô. Cậu sẽ đi theo mùi hương cô tỏa ra. Cậu sẽ nghe thấy giọng nói cô cất lên, ngay cả khi cô chỉ thì thầm thật khẽ vào tai anh trai.

Tin Win đứng im bên vệ đường tầm vài phút. Cậu thắt lại longyi. Mồ hôi lấm tấm trên trán, trên mũi. Khu chợ ồn ào và náo nhiệt hơn cậu tưởng, như dòng suối bị nuốt chửng bởi con nước hung hãn đầy hăm dọa. Làm cách nào cậu chống chọi được đây? Cậu không biết lối đi giữa các sạp hàng. Cậu chẳng rành địa hình nơi đây. Cũng không có giọng nói nào quen thuộc.

Cậu bước một bước, chậm rãi nhưng không do dự. Cậu để mình cuốn theo dòng người qua. Ai đó đẩy cậu từ đằng sau. Cậu cảm nhận cùi chỏ thúc vào mạng sườn. “Có biết nhìn đường không hả?” Một người đàn ông gắt lên với cậu. Vài người bồm bẻm nhai trầu rồi khạc nhổ xuống đường. Đứa trẻ thút thít khóc. Bao nhiêu tiếng nói cùng những trái tim đang gầm gừ, rên rỉ, húng hắng và nheo nhéo quanh cậu. Bụng của họ ùng ục. Âm thanh ấy to đến mức cậu không phân biệt nổi tiếng nào ra tiếng nào. Nhưng cậu sẽ tìm ra cô. Cậu biết thế. Chẳng gì có thể gây khó khăn cho cậu, ngoại trừ cái nóng. Lúc ở tịnh xá, cậu uống quá ít nước mà lại đổ mồ hôi nhiều hơn bình thường. Áo cậu ướt sũng còn miệng thì khô rang. Đột nhiên, cậu nhận ra dòng người đang rẽ về hai hướng, cậu gắng giữ nguyên vị trí song áp lực phía sau quá lớn. Cậu đành xuôi theo đám người rẽ về bên phải.

“Coi chừng,” một người đàn bà rít lên. Cậu nghe thấy tiếng nứt vỡ rồi nhận thấy có gì đó mềm mềm, ươn ướt trên mu bàn chân và giữa những ngón chân của mình. Là trứng.

“Mày mù à?”

Cậu quay về phía bà ta. Nhác thấy màu trắng sữa trong đôi mắt cậu, bà thất kinh, đoạn lăm bắm xin lỗi. Tin Win bị cuốn đi. Hẳn đây là hàng cá. Mùi cá khô tanh tanh. Tiếp đó, mùi rau ngò đặng đặng bay vào mũi cậu, theo sau là thứ mùi chua và cay nồng của mao lương hoa

vàng. Nếu cậu hít vào, nó sẽ xộc thẳng lên đầu và thiêu đốt niêm mạc. Cậu nhận ra hương quế, cà ri và ớt. Mùi lá chanh, mùi gừng. Chúng rải rác, quyện hòa với hương trái cây chín rục ngọt ngào, ngan ngát.

Cậu vừa dồn sức tập trung, dòng người bỗng thôi chèn ép cậu. Những người tiến đến từ phía sau tự vòng qua cậu, chừng như ý thức được có xô đẩy cũng chỉ tốn công. Tin Win căng tai lắng nghe. Đây rồi. Thật êm ái và mong manh nhưng đầm tĩnh lạ lùng. Giữa bao nhộn nhạo của thế gian, âm thanh ấy vẫn lọt đến tai cậu. Tít từ xa, cậu cảm nhận được làn da của cô, đôi tay cô vòng quanh cổ cậu. Rồi cậu rảo bước về phía tiếng đập vắng lại từ một góc khuất trong khu chợ.

Mi Mi ngồi cách xa lối đi, cạnh đồng khoai tây. Tay trái cô cầm chiếc ô con con để che nắng. Ô đỏ sậm, đổ ánh nâu, gần giống màu áo của các thầy tu. Cô đang vận chiếc váy longyi lộng lẫy nhất cô có, màu đỏ với họa tiết xanh, mới dệt xong đêm hôm qua. Cô tết mái tóc đen nhánh thành bím. Sáng hôm ấy, cô còn nhờ mẹ vẽ cho hai vòng tròn màu vàng lên má. Đó là cách các chị, các cô trang điểm, song Mi Mi cứ lừng khừng chưa làm bấy lâu nay. Mẹ tủm tỉm cười mà không hỏi han thêm. Khi Mi Mi đã yên vị trên lưng người anh, Yadana hôn lên trán con gái để tiễn cô. Bà luôn làm như vậy mỗi lần hai mẹ con tạm biệt, nhưng nụ hôn bữa nay thật khác. Mi Mi cảm nhận được, dù chẳng thể nói rõ khác biệt thế nào.

Lúc này đây, cô đang ngồi trên tấm chăn tự may và chờ đợi. Mà thật ra, cả bốn ngày nay, cô chẳng làm điều gì khác. Dẫn bò qua sân để nhặt trứng gà hay hái dâu tây sau nhà, giúp mẹ nấu ăn, phân loại khoai hay dệt vải, cô đều ngóng trông. Cô mong ngày họp chợ, mong gặp Tin Win.

Chờ đợi chẳng khiến cô bận lòng. Từ ngày còn bé, cô đã biết đó là điều hiển nhiên trong cuộc đời một kẻ không đi được và phải cậy nhờ người khác. Chờ đợi đan xen nhịp sống của cô dày đến mức cô sẽ không khỏi rối trí nếu có điều gì xảy ra ngay tắp lự. Cô bắn khoăn vì

sao mọi người luôn luôn hối hả. Thời gian mong chờ giúp cô có những phút giây, đôi khi là vài ba tiếng đồng hồ thành thời, thư thái, có khoảng không riêng cho bản thân. Và cô cần những quãng nghỉ ấy để chuẩn bị tinh thần trước mọi điều mới mẻ hay đối khác. Dù là viếng thăm bà di sống bên kia làng hay một ngày lo việc đồng áng. Hoặc họp chợ. Cô không hiểu nổi các anh trai lấy sức đâu ra mà lúc nào cũng ba chân bốn cẳng nơi này nơi khác, gặp hết người nọ đến người kia. Khi đột ngột bị đưa đi gặp mặt bạn bè ở ngọn đồi bên cạnh, cô luôn mất một khoảng thời gian để thực sự hiện diện. Vài phút đầu, cô thường ngồi trong im lặng, như thể tâm hồn mới đi tới thung lũng mà thôi. Cô cảm thấy bất cứ điều gì cũng cần một khoảng thời gian nhất định, giống như trái đất cần hai mươi bốn tiếng đồng hồ để tự quay quanh trục hoặc cần ba trăm sáu mươi lăm ngày để di chuyển một vòng quanh mặt trời. Các anh gọi cô là Sên Tí.

Tệ hại nhất phải kể đến xe lửa và ô tô mà mấy người Anh sử dụng để di chuyển trong Kalaw, nghe đâu chúng chạy đến tận thủ đô. Cô không kinh sợ âm thanh ầm ỹ và đình tai lúc chúng vụt qua làng, khiến gà bay tứ tán, trâu ngựa rúm rỏ. Cô cũng chẳng mấy khó chịu bởi mùi hôi vương lại. Thứ khiến cô hãi hùng chính là tốc độ. Liệu rút ngắn thời gian đi từ nơi này đến nơi khác hoặc từ người này đến người khác có phải việc khả dĩ? Sao người ta lại nghĩ vậy được nhỉ?

Mi Mi rất vui vẻ vì bốn ngày nữa mới tới phiên chợ, dù nếu được gặp Tin Win ngay ngày hôm sau thì thật tốt biết bao. Song chờ đợi đồng nghĩa với việc cô có thể thoải mái nghĩ về cậu lúc rỗi rãi, nhẩn nha hồi tưởng từng chi tiết trong lần gặp gỡ trước. Nó cũng cho cô cơ hội dẹp bỏ tạp niệm. Khi cô mặc dòng suy nghĩ chảy trôi, những hình ảnh sẽ hiện lên trong trí óc, cô sẽ ngắm nghía chúng như thể ngọc ngà cần kiểm định thật giả. Cô thấy Tin Win tiến lại, thấy cô trèo lưng cậu, thấy lát sau, cậu đang ngồi bên, khẽ run run vì phấn khích xen lẫn mừng vui. Khi ấy, cô cảm tưởng như cậu sẵn sàng cõng cô trên lưng và ngao du đây đó, theo đuổi muôn vàn điều ngoài tầm hiểu biết.

Rồi cô thử ngồi trên thềm nhà hồi lâu, mắt nhắm nghiền, cố bắt chước Tin Win. Cô lắng nghe thật sâu. Heo ụt ịt dưới sàn. Chó thở phì phò. Chim riu rít, hàng xóm léo nhéo... nhưng cô không bắt được nhịp đập trái tim chúng.

Cô muốn hỏi Tin Win bí quyết và nhờ cậu dạy cách lắng nghe. Chút sơ khởi thôi cũng được.

Cô kể với anh tư chuyện tổ chim, song anh trêu cô. Sao cô có thể tin ai đó nghe được đến mức ấy kia chứ? Hẳn có người đã mách trước với cậu ta về quả trứng trong tổ chim. Tin Win muốn ghi điểm với cô thôi.

Nghe vậy, Mi Mi tức giận, cô giận bản thân mình nhiều hơn giận anh trai. Lẽ ra cô phải biết rằng, có những điều một người đi qua thế gian trên đôi chân lạnh lặn không thể thấu hiểu. Bởi họ tin rằng chỉ có mắt mới nhìn được. Rằng bước chân sẽ khóa lấp khoảng cách.

Mặt trời ban trưa như thiêu như đốt cả khu chợ. Tin Win và Mi Mi tránh nắng dưới bóng ô, hai người ngồi sát lại gần nhau. Anh trai Mi Mi tổng đồng khoai còn lại vào bao tải, toan về trước rồi quay lại đón em gái sau.

“Anh cứ để tôi đưa Mi Mi về nhà. Như thế anh đỡ mất công vòng lại,” Tin Win đề nghị.

Người anh nhìn cô em gái, ngụ ý: Làm sao cậu trai mù lòa này có thể đưa em lên đồi đây? Mi Mi gật đầu, “Không sao đâu anh.”

Anh trai cô xốc tải khoai lên vai, lăm bằm vài câu rồi đi thẳng.

“Em có muốn cùng tôi đi vòng vòng quanh thị trấn không?” Tin Win hỏi.

“Đâu cũng được ạ,” Mi Mi đáp. “Anh công em cơ mà.” Cô cười, đoạn vòng tay quanh cổ cậu. Cậu chậm rãi nhòm dật.

Họ đi xuống con đường mòn lác đác xe bò cùng xe ngựa. Đàn ông, đàn bà ngược xuôi, xe chất đầy những tải gạo, tải khoai tây cùng giỏ trái cây. Gia súc chộn rộn. Ngựa hí vang, nện móng xuống đường.

Trâu ghé ọ, lắc thân mình khiến ách kêu cọt kẹt. Chúng mệt lử bởi nắng, bởi chực chờ, bụng thì đói lả, Tin Win thầm nghĩ. Cậu nghe thấy dạ dày chúng sôi lên òng ọc. Xe kéo rải rác đó đây, cộng thêm quá nhiều tiếng ồn lạ lẫm, như thế tạo thành một bức tường mà cậu sẽ đâm sầm vào bất cứ lúc nào. Đâu rồi người vẫn dẫn đường, giúp cậu tránh khỏi những tai nạn khủng khiếp nhất? Đâu rồi người chỉ cho cậu nào ổ gà, mương rãnh, nào sỏi đá, cành cây, nào nhà và cây cối, không thường trực nhưng có mặt khi cậu chú tâm? Hiện thời, cậu như đang lặn mò trong mê lộ đầy tường cao chắn lối, nơi những góc ngoặt và bờ mép khiến cậu nhụt lòng. Cậu bắt lực lạc lối. Làm thế nào cậu đưa Mi Mi về nhà an toàn được đây?

Từ trước đến nay, chưa khi nào việc mù lòa khiến cậu khổ sở đến thế. Đầu gối bủn rủn, người lung liêng. Cậu mất phương hướng. Cậu đang ở đâu? Liệu cậu có đang đi vòng không? Hay cậu đang bước về phía vực thẳm? Làm sao biết được, liệu bước chân tiếp theo có là bước cuối cùng? Chẳng chóng thì chầy, cậu sẽ không còn cảm nhận được mặt đất dưới chân. Cậu sẽ mất thăng bằng và ngã nhào vào khoảng trống khổng lồ cậu luôn hải hùng.

“Anh cẩn thận. Thêm hai bước nữa là va vào thúng cà chua đấy.” Giọng Mi Mi ngân lên bên tai. “Dịch qua bên trái một chút. Đứng rồi. Đi thẳng. Dừng lại nào.” Cô nhẹ nhàng xoay vai cậu sang phải. Cậu lừng khừng trong thoáng chốc rồi bẻ ngoặt một góc chín mươi độ. Chắc chắn trước mặt hai người có một con trâu. Quả tim bạo liệt đập từng hồi trầm đục như tiếng trống các sư thường đánh trong tịnh xá. Hơi thở của con vật phả lên da cậu.

“Đi thẳng sao em?”

“Mình đi thẳng.” Cậu lê chân chứ không dám nhấc hẳn lên. Đi được vài bước, cô khẽ kéo vai trái Tin Win nên cậu rẽ sang hướng ấy. Cậu va phải một thứ bằng gỗ và nhãn trán.

“Xin lỗi anh, chiếc xe kéo. Em tưởng mình đi qua nó rồi. Anh có đau không?”

Cậu lắc đầu, bước thật chậm, rồi lại rẽ khi bị cô kéo vai.

“Anh bước rộng lên, có một tải gạo đấy.”

Cậu nhắc chân, cảm nhận cái tải bằng các ngón chân và sỏi thật dài.

“Đúng rồi,” cô thoáng siết nhẹ lấy cổ cậu.

Hai người cứ thế đi tiếp, Mi Mi hướng dẫn cậu qua bao ngã đường, khéo léo như đang lèo lái con thuyền vượt thác ghềnh. Với mỗi vòng cung, ngã rẽ, vượt từng chướng ngại, bước chân của Tin Win dần trở nên vững chãi và tự tin hơn. Giọng cô thánh thót bên tai khiến cậu thật dễ chịu. Cậu tin lời cô chỉ dẫn. Cậu vẫn thường chẳng tin nổi giác quan của chính mình nhưng lại đang đặt trọn niềm tin nơi đôi mắt cô.

Cô dùng váy longyi lau cổ cho cậu.

“Em có nặng lắm không?” Cô hỏi.

“Không hề.” Làm sao cậu có thể giải thích được rằng cậu thấy nhẹ hơn khi có cô trên lưng?

“Anh khát nước không?”

Cậu gật đầu.

“Mình uống nước mía bên kia nhé.” Nước mía vốn đắt, song mẹ cho phép cô uống mỗi tháng một lần trên đường đi chợ về, và chắc chắn mẹ sẽ không phản đối nếu cô mời Tin Win. Cậu nhận ra hai người họ đã bước vào một bóng cây lớn. “Anh dừng lại đi,” cô nói. “Cho em xuống.”

Cậu quỳ một gối xuống đất. Cô từ từ trượt khỏi lưng cậu và ngồi lên ghế đẩu ở sạp nước mía. Cô đặt chiếc ghế khác sau lưng Tin Win rồi giật giật tay cậu. Cậu ngồi xuống không chút e dè.

Họ ngồi dưới bóng cây đa to, Mi Mi gọi hai cốc nước mía. Cậu nghe tiếng cây mía nghiền trong máy ép phát ra âm thanh lép bép như con gián bị giẫm bẹp trong nhà bếp. Mi Mi có để ý nỗi sợ hãi của cậu không? Mà thế thì làm sao? Cô đã dẫn cậu băng qua mê lộ. Hai người không va vào tường, cũng chẳng rơi xuống vực sâu. Cô đã dựng những cây cầu và đập đổ tường chắn. Cô như ảo thuật gia.

Mi Mi hớp ngụm nước mía, ngon không tả nổi. Cô nhìn Tin Win. Trước đây, có nằm mơ cô cũng không ngờ khuôn mặt với đôi mắt mù lòa lại đủ sức biểu đạt niềm vui dạt dào đến vậy. Cô mỉm cười và cậu cười lại. Thậm chí cô còn chẳng thấy chuyện đó có gì kì khôi.

“Tin Win, lúc này anh đang nghe thấy gì? Tim của em ư?” Mi Mi hỏi.

“Phải rồi.”

“Anh dạy em được không?”

“Dạy gì kia?”

“Cách nghe trái tim ấy.”

“Tôi e là không được.”

“Anh thử đi mà.”

“Tôi không biết bắt đầu từ đâu cả.”

“Nhưng anh biết cách đẩy thôi.”

Tin Win cân nhắc. “Em nhắm mắt lại đi.” Mi Mi nhắm mắt. “Em nghe thấy gì?”

“Giọng nói. Tiếng chân bước. Tiếng lục lạc kêu leng keng.”

“Còn nữa không?”

“À tất nhiên em cũng nghe thấy tiếng chim hót, tiếng người húng hắng ho và tiếng trẻ con khóc, nhưng em không nghe thấy tim ai đập cả.”

Tin Win im lặng. Mi Mi căng tai nghe. Sau vài phút, tất cả các ồn ã hòa vào nhau, nhạt nhòa như bức tranh trước đôi mắt đăm lẹ. Cô nghe thấy máu chảy rần rật trong tai nhưng nhịp tim của chính mình cô còn không nghe được, nói gì của Tin Win hay bất kì ai khác.

“Có lẽ ở đây ồn quá,” hồi sau, Tin Win lên tiếng. “Chắc phải yên tĩnh hơn. Đi thôi, ta tìm một nơi chỉ âm vang tiếng chim, tiếng gió và hơi thở của chính mình để thử lại nhé.” Cậu quỳ trước mặt Mi Mi. Cô quàng tay qua vai cậu. Cậu đứng dậy và cô quặp hai chân quanh bụng cậu.

Hai người đi vào con đường ít náo nhiệt hơn. Hơi thở của cô trên cổ. Cô nhẹ tênh. Suýt chút nữa, cậu đạp phải chú chó đang say ngủ dưới bóng râm của ngôi nhà nọ.

“Xin lỗi. Em không thấy nó,” cô nói.

“Tôi cũng vậy,” cậu đáp lại. Hai người cười vang.

Sau khi băng qua nhà ga, Mi Mi dẫn cậu rời đường chính. “Em biết lối đi tắt,” cô bật mí. Tiến thêm vài mét, họ đến một triền đồi nhỏ với những bụi dâm bụt bao quanh. Tin Win nhận ra ngay nhờ mùi hương ngọt gắt. Cậu sải chân tới và phát hiện cả hai sắp xuống dốc. Không quá dốc nhưng vẫn đủ khiến cậu mất thăng bằng.

“Có lẽ đi giạt lùi sẽ dễ hơn,” Mi Mi đề xuất, cô vốn quá quen lao xuống những ngọn đồi thế này chỉ trong vài bước trên vai các anh. Cậu xoay người rồi cẩn trọng đi. Mi Mi đưa một tay vào bụi cây, đoạn nắm thật chặt cành cây. Họ từ từ cùng nhau trượt xuống triền đồi. Chốc sau, Tin Win đã cảm nhận được đá tảng dưới chân.

“Mình đang ở đâu thế?” Cậu hỏi.

“Ngay cạnh đường ray. Mình có thể bước trên tà vẹt gỗ giữa hai thanh ray. Các anh của em làm như thế suốt.”

Tin Win đứng sững. Dẫu Mi Mi có nói đây là Mandalay, Rangoon hay London cũng được. Từ trước tới nay, đường ray xe lửa vẫn là một địa điểm nằm ngoài tầm với của cậu. Cậu chỉ biết đến nó qua chuyện kể của đám con trai ở trường. Chúng luôn mồm khoe những chiến tích trên đường ray trong lúc chờ khối động cơ hơi nước đen xì chạy tới. Chuyện chúng xếp các quả thông và nắp chai nhựa lên đường ray, rồi thử lòng gan dạ bằng cách tiến lại gần hết mức có thể khi đoàn tàu lướt qua. Ngày trước, Tin Win từng ước được tham gia cùng chúng bạn. Nhưng sau, cậu từ bỏ. Đường ray xe lửa không phải một phần thể giới của cậu. Nó thuộc về người sáng mắt.

Song phút giây này đây, cậu đang bước đi giữa hai thanh ray, và thoáng chốc, cậu đã tìm ra một nhịp điệu cho phép mình tự tin đặt chân xuống từng thanh tà vẹt. Cậu không cần lo ngay ngáy mình sẽ

đâm sầm vào gốc cây, bụi rậm hay vấp phải đá. Cậu đang leo ra khỏi một hang động ẩm ướt và lạnh lẽo. Thế giới bừng sáng, ấm áp hơn theo mỗi bước chân. Cậu rảo chân, bước qua hai tà vẹt rồi bắt đầu chạy. Mi Mi không nói gì cả. Mắt nhắm, cô ôm chặt cậu, lắc lư theo bước chân cậu như đang cưỡi trên lưng ngựa. Tin Win rải những bước thật dài, chạy nhanh hết mức có thể, chẳng lo lắng gì về khoảng cách giữa các thanh tà vẹt. Giờ cậu chỉ còn nghe tiếng tim mình rộn rã, nhịp đập càng thôi thúc cậu hơn. To hơn, mạnh hơn, dữ dội hơn, bất kham hơn bao giờ hết. Âm thanh vang vọng thung lũng, vượt rặng núi cao. Ngay cả tiếng tàu hỏa cũng chẳng to như thế, cậu thầm nghĩ.

Cuối cùng, cậu khựng lại, cảm giác như vừa tỉnh mộng. “Tôi xin lỗi,” cậu nói mà thở hồng hộc.

“Vì lẽ gì?” Mi Mi hỏi.

“Em không sợ à?”

“Sợ gì mới được?”

Cả hai nằm trên cỏ, Mi Mi ngược nhìn bầu trời. Chiều muộn. Lát nữa thôi, hoàng hôn sẽ buông xuống. Mi Mi nghĩ, đây là thời khắc đẹp nhất trong ngày, nếu không tính những buổi sớm mai. Ánh sáng rất khác, trong hơn, đường nét của cây cối, núi đồi cũng như nhà cửa chân thực hơn so với giữa ngày. Cô thích những âm thanh chạng vạng và mùi khói lam chiều.

“Em có biết tim đập thế nào không?” Tin Win hỏi.

Liệu cô đã từng nghe thấy tiếng tim đập bao giờ chưa nhỉ?

“Có một lần, em áp tai vào ngực mẹ vì muốn biết tiếng thành thịch ấy là gì. Nhưng chuyện đã lâu lắm rồi.” Hồi đó, cô còn nghĩ, có một con thú liên tục húc vào lồng ngực mẹ hòng thoát ra ngoài.

Đêm đó, Tin Win không tài nào ngủ được. Cả hai đêm sau cũng vậy. Cậu nằm cạnh bà Su Kyi mà lòng hướng về Mi Mi. Ba đêm liền chẳng

chợ mắt song cậu không hề mệt mỏi. Cậu thấy nhay hơn. Các giác quan, suy nghĩ và hồi tưởng tách bạch hơn bao giờ hết. Hai người đã bên nhau suốt buổi chiều. Một buổi chiều cậu trân quý như bùa hộ mệnh. Cậu nhớ từng từ họ trao đổi, từng nốt trầm trong giọng cô và từng nhịp tim cô rộn rã.

Buổi chiều hôm ấy, với Mi Mi trên lưng, giọng nói cô bên tai, chân cô quặp quanh bụng, lần đầu tiên trong đời cậu được nếm trải một trạng thái gần như an bình, xen lẫn tươi vui. Xúc cảm ấy sao quá đổi lạ lẫm, đến độ cậu chẳng thể gọi tên. Hạnh phúc, khoan khoái, hân hoan... đối với cậu chỉ là những từ sáo rỗng và vô nghĩa. Cậu bỗng nhận ra mỗi ngày mình đã phải cố gắng biết bao nhiêu. Tỉnh dậy giữa làn sương mù trắng sữa. Mò mẫm trong một thế giới đã quay lưng với mình. Cậu bỗng thấy nổi cô đơn bủa vây cậu bấy lâu trở nên quá ngưỡng chịu đựng, dẫu cậu vẫn có bà Su Kyi hay sư thầy U May. Cậu nhất mực tôn kính, tin tưởng cả hai và biết ơn vô bờ sự quan tâm, tình thương họ dành cho cậu. Song cậu vẫn không khỏi cảm thấy có một hố sâu kì dị ngăn cách giữa cậu và họ, giống như với bất cứ ai cậu từng gặp. Bao lần cậu quây quần quanh đồng lửa trong tịnh xá với các chú tiểu cùng các sư thầy mà ước ao mình thuộc về nơi đây, mình là một phần trong tập thể nào đó. Ước ao giá mình có chút cảm xúc với kẻ khác, yêu thương hay giận dữ cũng được, hoặc tò mò cũng chẳng hề chi. Bất cứ thứ gì. Nhưng cậu vẫn chỉ cảm thấy trống rỗng, dẫu chẳng hiểu tại sao. Tin Win không hề rung động dù người ta chạm vào, ôm vai bá cổ hoặc nắm tay cậu. Làn sương che đôi mắt cậu dường như đã chia cách cậu và thế giới.

Song với Mi Mi... Mắt cô nhìn thay cậu. Có cô giúp sức, cậu không còn cảm giác là kẻ lạ trong chính cuộc đời mình. Cô khiến cậu thấy mình cũng là một phần trong tổng thể. Những việc xảy ra ở khu chợ. Trong làng. Trong chính bản thân.

Có cô ở bên, cậu hướng về sự sống.

Những tháng sau, phiên chợ nào họ cũng quần quýt bên nhau, khám phá Kalaw cùng vùng lân cận như thể mới phát hiện hòn đảo chưa có ai đặt chân đến. Họ tìm hiểu nơi đây với sự tỉ mỉ của hai nhà khoa học, nghiên ngẫm từng cung đường, từng ngôi nhà. Đôi lúc, họ ngồi hàng giờ bên vệ đường. Trong phần lớn các chuyến du ngoạn, hai người chỉ quanh quẩn trên một con đường hoặc một trảng cỏ giữa cả cánh đồng.

Thời gian trôi qua, họ hình thành một nghi lễ cố định để mở những cánh cửa bí ẩn của thế giới mới mẻ này. Đi vài bước, họ sẽ dừng lại, lặng im bất động. Yên lặng có thể kéo dài vài phút, nửa tiếng, thậm chí lâu hơn. Tin Win chìm đắm giữa vô vàn âm thanh. Rồi cậu thuật lại chi tiết những gì mình nghe, còn Mi Mi sẽ đáp lại bằng thứ cô nhìn thấy. Như một họa sĩ, cô phác nên khung cảnh, ban đầu chỉ là đường nét thô sơ, dần dà tăng độ chính xác và chi tiết. Nếu hình ảnh và tiếng động không phù hợp, hai người sẽ bắt đầu tìm kiếm nguồn gốc của âm thanh xa lạ đó. Cô chui vào bờ giậu, lùm cây, lẩn lê qua các luống hoa, dưới những hiên nhà, tách những bức tường đá rồi gắn chúng lại cùng nhau. Cô lục tung đồng gỗ, lấy tay đào bới bãi cỏ, cánh đồng đến tận khi tìm được âm thanh Tin Win nghe thấy. Có thể là con rắn đang ngủ, ốc sên, giun đất hay bướm đêm. Từng ngày trôi qua, Tin Win lại hiểu thêm về thế giới. Nhờ những mô tả của Mi Mi, cậu đã có thể liên kết tiếng động với vật thể, cây cối và động vật. Thì ra tiếng vỗ cánh của bướm đuôi nhọn thanh hơn bướm chúa, tiếng lá dâu tằm xào xạc trong gió không giống lá ổi, hoặc tiếng một gỗ và tiếng sâu đo gặm nhấm cũng khác nhau, rằng mỗi con ruồi lại tạo ra một âm điệu riêng khi cọ hai chân. Đó là hệ mẫu tự hoàn toàn mới.

Âm thanh con người tạo ra thường rắc rối hơn. Không lâu sau khi mất đi thị giác, Tin Win tập chú ý đến giọng nói, cậu học cách phân biệt và giải thích chúng. Chúng trở thành kim chỉ nam dẫn lối cho cậu trong thế giới cảm xúc của con người. Nếu bà Su Kyi giận dữ hay mệt mỏi, cậu sẽ cảm nhận được điều đó trong giọng bà. Liệu đám bạn có

ganh tị với những kết quả cậu đạt được, liệu cậu có khiến các sư thầy bận lòng, liệu ai ghét hay quý cậu, tất cả đều được tiết lộ qua giọng nói của họ.

Từng giọng nói lại sở hữu kho tàng các phương thức biểu đạt riêng, mỗi trái tim cũng thế. Tin Win dễ dàng nhận ra một người thông qua nhịp tim sau hai ba lần gặp gỡ, dù không phải lần nào tiếng đập cũng giống nhau. Nó tiết lộ bao điều về cả cơ thể lẫn tâm hồn, thay đổi theo thời gian và tùy thuộc hoàn cảnh. Trái tim có thể phát tiếng trẻ trung hay già cỗi, tẻ nhạt hay chán ngán, bí ẩn hay trong tầm dự đoán. Nhưng cậu biết nghĩ thế nào khi giọng nói và trái tim một người lại tương phản, chúng kể những câu chuyện khác nhau, tuyệt đối trái nghịch? Thầy U May là ví dụ điển hình. Giọng thầy luôn mạnh mẽ và cứng rắn, tựa hồ thời gian không thể nào chạm đến. Tin Win luôn ngưỡng tượng thầy như cây thông cổ thụ sừng sững, ngay cả những cơn bão thỉnh thoảng quét qua cao nguyên Shan cũng chẳng đủ sức quật ngã. Thuở nhỏ, Tin Win luôn cảm thấy yên lòng và thích mê chơi đùa dưới những bóng cây như thế. Tuy nhiên, nhịp tim thầy U May lại khác. Nó mỏng manh và yếu ớt, kiệt quệ và mệt mỏi. Trái tim ấy gọi cậu nhớ những con trâu trơ xương cậu từng nhìn thấy ngày bé, đi ngang nhà cậu, nhọc nhằn kéo xe chất đầy những gạo và gỗ. Cậu đưa mắt dõi theo, tin chắc chúng sẽ gục chết trước khi leo đến đỉnh núi. Tại sao giọng thầy U May lại không hài hòa với trái tim thầy? Cậu nên tin bên nào đây? Giọng nói hay trái tim? Đây là những thắc mắc không có câu trả lời. Dù vậy, cậu vững tin bằng cách nào đó, cậu sẽ tìm ra đáp án nếu có Mi Mi trợ lực. Không hiểu hết thì cũng được đôi phần.

Mi Mi nhớ như in lần đầu nghe về Tin Win. Hai năm trước, một người anh của cô vào tịnh xá xin làm chú tiểu. Lần nọ, cô cùng mẹ đến thăm anh trai, anh kể chuyện xảy ra vào buổi sáng hôm ấy, một chú tiểu mù bị ngã lúc vẫn cầm bình bát trong tay. Sợ đánh đổ thức ăn, cậu

này không dám buông bát, rớt cuốc té đập mặt, mũi và miệng bê bết máu, đã vẩy cơm cho cả ngày hôm ấy vãi đầy xuống đất. Ai cũng nghĩ cậu ta rất vụng về, vì dù sao cậu ta cũng bị mù, nhưng trong lớp, cậu lại đứng nhất mới khiếp chứ. Câu chuyện khiến cô rất buồn, dẫu cô không rõ tại sao. Phải chăng tai nạn ấy gợi cô nhớ những khi bản thân gắng gượng chập chững trên đôi chân què quặt phía sau nhà, khi không ai trông thấy? Nhớ cơn đau và vón vện hai bước chân xiêu vẹo trước khi ngã xuống đất? Cô tự hỏi tại sao Tin Win lại vấp ngã, liệu cậu có hay gặp phải chuyện này, và với tình trạng đó, cậu đi lại bằng cách nào. Cậu cảm thấy ra sao, khi nằm giữa đất cát với đồ ăn đồ be bét xung quanh. Bỗng cô nhớ lại chuyện xưa, cô chơi bắn bi với bạn trước nhà. Đám nhóc xuýt xoa trước những viên bi thủy tinh ông người Anh tặng cô. Chúng bắn bi vào lỗ, còn Mi Mi vô cùng tự hào khi giảng giải cách chơi cho các bạn. Đột nhiên, một cô bạn đứng dậy chông lỏn than chán. Hay cả bọn chạy đua cho vui? Ai đến cây bạch đàn đầu tiên là người thắng cuộc. Cả đám vùng chạy. Mi Mi chậm chạp gom mấy viên bi. Lần đầu tiên cô tự hỏi tại sao? Và cô biết sẽ chẳng bao giờ có lời đáp. Đôi chân cô là chút sẩy tay của tạo hóa. Cố tìm lý do hay bất cần cũng chỉ thật ấu trĩ. Cô không cần nhả số phận. Song thứ gì đau thì vẫn đau.

Tôi tệ hơn nỗi đau kia chính là khoảng cách với gia đình mà thắng hoặc cô cảm thấy. Cô thương cha mẹ và các anh nhất trần đời, song mọi người không tài nào hiểu nổi những suy nghĩ trong đầu cô, điều này tạo hố sâu ngăn cách cô với mọi người chẳng kém gì đôi chân tật nguyền. Cô rất xúc động khi được các anh chăm sóc. Họ thay phiên đưa em gái ra đồng hoặc dạo quanh hồ, công cô đi khắp làng, dạo chợ hoặc thăm nhà bà con ở nông trang xa xa trong núi. Các anh không xem đó là hi sinh vì em gái mà như thói quen, giống sáng ra bổ củi, gánh nước hoặc đào khoai tây khi thu về. Dĩ nhiên họ không mong cô mang ơn. Những khi Mi Mi buồn rầu, chẳng rõ tại sao nước mắt tuôn rơi - hiện tượng hiếm hoi nhưng không phải không có - các anh chỉ

đứng đực xung quanh không biết xử trí ra sao. Với nét mặt rối bời, tựa hồ muốn nói: Bọn anh chẳng ngại gian khó để em sống không thua thiệt. Chẳng lẽ như thế chưa đủ hay sao? Vốn dĩ không muốn tỏ ra vô ơn, cô gồng mình nuốt nước mắt vào trong. Với mẹ cũng vậy. Yadana tôn sùng con gái. Mi Mi hiểu rõ điều đó. Bà luôn tự hào trước sự mạnh mẽ và nét yêu kiều mà Sên Tí sở hữu dầu chịu cảnh tật nguyền. Mi Mi muốn mình thật cứng cỏi, đôi khi chỉ để mẹ không thất vọng. Nhưng cô vẫn mong mỗi những khoảnh khắc được phép yếu đuối, khi cô không cần chứng tỏ điều gì với bất cứ ai. Kể cả cha mẹ. Hay các anh trai. Hoặc thậm chí bản thân cô.

Vài ngày sau, cô đang ngồi trên thềm tịnh xá thì anh trai chỉ cho cô Tin Win lúc này đang mài quét sân.

Mi Mi không thể nào rời mắt khỏi cậu. Cô kinh ngạc trước cung cách tỉ mỉ khi cậu quét một nơi bản thân không thể thấy. Thình thoảng, cậu dừng tay và nghiêng đầu, chừng như vừa nghĩ hay nghe gì đó.

Những ngày sau, cô thường xuyên nghĩ về cậu. Lần thăm tiếp theo, cô nán lại chỗ bậc thang để đợi nhìn thấy Tin Win. Cậu tiến lại, khệ nệ ôm bó củi, bước lên ngay bên cạnh rồi đi thẳng vào bếp mà không hề để ý có cô hiện hữu. Cô dò dẫm và dõi theo cậu từ đằng xa. Cậu bổ vài thanh củi rồi nhóm lửa. Đổ nước vào ấm, xong bắc lên bếp. Mọi cử chỉ đều thuần thực, nhẹ nhàng. Cô vô cùng ấn tượng trước cách đi lại điềm tĩnh đầy cẩn trọng, cùng phong thái tỏa ra từ cậu. Tựa như cậu trân trọng từng bước chân không té ngã, từng cử động không khiến cậu bị thương. Liệu cuộc sống mù lòa có dễ dàng với cậu như vẻ bề ngoài không? Hay nó cũng bắt cậu lao tâm khổ tứ như cuộc đời thiếu đôi chân của cô? Liệu cậu có hiểu những rối bời trong lòng cô khi bè bạn thi nhau chạy đến cây bạch đàn? Lúc mẹ nhìn cô đầy tự hào dù cô thấy mình yếu mềm xiết bao? Khi anh trai công cô lướt ngang những thiếu nữ hàng xóm ngồi với các cậu thanh niên bên vệ đường, cùng hát ca hoặc e thẹn nắm tay? Đã bao lần cô muốn bắt chuyện với cậu hoặc

bò vào giữa đường cậu đi, những mong cậu vấp té và để ý đến cô. Song cô kìm nén thôi thúc ấy. Không phải vì ngại ngùng, mà bởi cô dám chắc điều đó không cần thiết. Hai người rồi sẽ gặp nhau. Mỗi cuộc đời có một dòng chảy, nhịp điệu riêng, Mi Mi nghĩ ta chẳng thể can dự để khiến nó đổi thay.

Do đó, cô không chút bất ngờ khi chiều hôm ấy trong tịnh xá, đang trên đường đến nhà bếp thì Tin Win bỗng dừng lại và đổi hướng như thể truy tìm dấu vết, cậu đi thẳng đến chỗ cô rồi cúi xuống. Nhìn thẳng vào cậu, cô đọc được bao điều trong đôi mắt trắng đục ấy, nhiều hơn từ mắt cha mẹ cùng các anh. Cậu biết cô đơn là gì, và hiểu vì sao mưa có thể tuôn rơi trong lòng người dù bên ngoài nắng rạng, rằng nỗi buồn chẳng viện cầu nguyên nhân. Cô cũng không kinh ngạc khi cậu kể về nhịp đập trái tim cô. Cô tin từng lời cậu nói.

Lần đầu tiên trong đời cô thấy nôn nóng khi đợi chờ những phiên họp chợ. Cô đếm từng giờ, từng phút, bứt rứt không yên. Mong mỗi trong cô thiết tha đến mức sau vài tháng, cô muốn đến đợi Tin Win ngay khi cậu tan lớp ở tịnh xá. Liệu cậu có vui không, hay cô đã quá vồ vập? Cô có thể giả vờ tình cờ ghé qua cùng anh trai. Khi nghe thấy cô đang đợi dưới hiên, cậu sẽ bước thẳng đến chỗ cô. Nụ cười trên môi cậu hóa giải hồ nghi. Cậu vui mừng không thua gì cô. Cậu ngồi xuống bên cạnh, nắm tay cô mà chẳng nói điều chi. Kể từ đó, hôm nào hai người cũng gặp gỡ.

Cậu công cô đi khắp làng, băng ruộng, leo lên trèo xuống những ngọn núi không biết mệt mỏi. Cậu đưa cô đi giữa cái nắng rất buổi trưa và dưới cơn mưa trút nước. Trên lưng cậu, có cậu đồng hành, những tù túng trong thế giới nhỏ của cô bay biến hết. Cả hai tung hoành ngang dọc, vẫy vùng bù lại bao tháng ngày khi chân trời của cô chỉ dừng nơi hàng rào vườn nhà.

Suốt mấy tháng mùa mưa, vào những ngày ra đường không khéo sẽ bị sa lầy, cả hai ở tịnh xá, nấu mình trong đồng sách của Tin Win. Ngón tay cậu lướt qua bao trang giấy, và đến lượt cậu dẹt nên vô vàn

bức tranh trước mắt cô. Cậu đọc thành tiếng, cô nằm cạnh, hòa vào giọng nói của cậu, một chất giọng khó lòng cưỡng lại. Cô cùng Tin Win ngao du từ châu lục này đến châu lục khác. Một người thậm chí không thể tự đi sang làng bên như cô nay đã có thể chu du năm châu bốn bể. Cậu đưa cô lên cầu tàu, dạo chơi khắp các boong, bước cả vào khoang chỉ huy của thuyền trưởng. Khi thuyền cập bến ở Colombo, Calcutta, Port Said hay Marseilles, cờ hoa nhất loạt tung bay và nhạc tấu vang. Cậu cũng cô thăm thú Công viên Hyde, và bao người ngoái nhìn họ ở giao lộ Piccadilly Circus. Đến New York, hai người suýt nữa bị xe tông, Tin Win một mực cho rằng ấy là bởi Mi Mi mãi ngược nhìn phía trên trong khi đáng ra phải chú ý giao thông và hướng dẫn cậu giữa những con đường quanh co tựa hẻm núi. Cô không phải gánh nặng. Có người cần đến cô.

Tin Win nhẫn nại chỉ cô cách nghe. Lẽ dĩ nhiên, tai cô không nhạy bén như cậu. Cố gắng đến mấy cô cũng chẳng nghe được tiếng tim cậu đập trừ phi gối đầu lên ngực cậu. Và cô không thể phân biệt chuồn chuồn bằng tiếng chúng kêu ri ri hay lũ ếch khi chúng ộp ộp, song cậu đã dạy cô cách nhập tâm vào âm thanh và giọng nói, không chỉ nghe mà còn tỏ lòng tôn kính.

Giờ đây, khi nói chuyện với mọi người, đầu tiên cô sẽ tập trung vào âm sắc, mà cô hay gọi là màu giọng. Âm điệu tiết lộ nhiều hơn ngôn từ. Ra chợ, cô biết ngay khách mua hàng muốn kì kèo hay ưng thuận giá khoai cô đưa ra. Cô khiến các anh ngơ ngác khi biết ngày hôm ấy của các anh thế nào, mọi người vui vẻ, chán nản hay bức dọc chỉ sau dăm ba câu trao đổi vào buổi tối. Sên Tí trở thành Sên Tí Biết Tuốt.

Trưa nọ, bỗng dưng Tin Win không thấy Mi Mi đợi mình ở bậc thang tịnh xá, trong cậu liền có dự cảm không lành. Suốt hơn một năm nay, ngày nào họ cũng gặp nhau, chưa kể tối hôm trước, cô cũng chẳng đả động gì đến chuyện vắng mặt. Hay cô ốm? Tại sao anh cô không báo cho cậu biết? Cậu bèn đến nông trang nhà cô. Đêm qua mưa to, đường sá lầy lội và trơn trượt. Tin Win không buồn dỏng tai

nghe trước tiếng các vũng nước, cậu cứ thế lội xuống, băng qua khu chợ vắng tanh rồi thoăn thoắt lên núi. Cậu trượt chân mấy lần, vấp ngã song lại đứng dậy, mặc kệ váy sũng nước và đầy bùn. Cậu đâm sầm phải một bác nông dân. Nhưng đang nóng vội, cậu chẳng nghe thấy giọng nói lẫn nhịp tim người đàn bà ấy.

Nhà trống không. Cả con chó cũng chẳng thấy đâu. Hàng xóm không hay biết gì.

Tin Win gắng bình tĩnh lại. Liệu có thể xảy ra chuyện gì kia chứ? Chắc mọi người ra đồng, chốc lát sẽ về thôi. Nhưng không. Hoàng hôn buông, lo âu xâm chiếm tâm trí. Tin Win gọi tên cô. Cậu lắc tay vịn cầu thang đến khi gãy. Cậu tưởng như mình đang lấy lại thị giác. Một con bướm khổng lồ  bổ nhào từ thiên đường như chim săn mồi, đáp xuống bãi cỏ và từ từ tiến lại. Tin Win trèo lên cây. Những đốm đỏ lao về phía cậu. Cơ đau thấu trời chạy khắp người mỗi khi chúng đâm trúng cậu. Gắng sức né đòn, cậu vùng qua sân, trán và cằm đầy máu. Ba thanh niên nhà bên đưa cậu về.

Bà Su Kyi chưa bao giờ nghe tiếng hét nào bị thương đến thế. Nó âm vang, nhưng đó không phải điểm đáng lo hay kì quặc. Tiếng hét ấy không phải lời oán thán. Nó là lời phản kháng đầy bạo lực, tiếng gào thét của thịnh nộ và ngờ vực. Âm thanh ấy khiến hồn đau chứ không phải tai.

Bà bật dậy và quay sang nơi phát ra tiếng động. Ngồi cạnh bà là Tin Win, miệng há rộng, cậu đang tru lên âm ỉ. Bà gọi tên nhưng cậu không đáp. Chẳng biết liệu cậu có thức không. Bà chộp lấy vai cậu rồi lắc cật lực. Cơ thể cậu đơ ra, gần như cứng ngắc. “Tin Win, Tin Win con ơi,” bà la lớn, vuốt ve mặt và đưa hai bàn tay ôm lấy đầu cậu. Hành động ấy khiến cậu dịu lại. Sau vài giây, cậu từ từ ngã xuống chiếu, đoạn cuộn tròn, đầu gối sát ngực, thế rồi cậu chìm vào giấc ngủ, đầu tựa tay bà.

Rạng sáng, bà Su Kyi thức giấc, Tin Win đang rên rỉ bên cạnh. Bà thì thầm tên cậu song cậu chẳng trả lời. Bà mặc váy longyi, trùm áo thun và áo len qua đầu rồi đắp chăn cho cậu. Có thể là do cảm lạnh, bà nghĩ. Tận khuya hôm qua, cậu mới về nhà. Ba cậu trai trẻ đưa về. Nhìn cậu thật khủng khiếp: đầy bùn cát, máu me, đầu chi chít vết rách. Cậu nằm xuống chiếu mà chẳng nói lời nào.

Bà vào bếp nhóm lửa. Cháo gà, cơm và chút cà ri hôm qua còn dư chắc sẽ giúp cậu lại sức.

Mới đầu, bà không để ý tiếng nôn ọe kèm thở dốc. Song lúc bước vào buồng ngủ, bà thấy cậu quỳ sụp trước cửa sổ để ngó mà nôn thốc nôn tháo, chừng như cơ thể cậu ép bản thân phải loại bỏ tất những gì vừa ăn. Từng đợt nôn dồn dập kéo tới, càng ít ọe ra thì cơn ói lại càng dữ dội. Bà Su Kyi có thể thấy nó hành hạ cậu như thế nào, cuối cùng chẳng còn gì ngoài thứ dịch xanh chua loét thoát ra từ miệng. Bà kéo cậu lại giường rồi đắp chăn. Cậu mò mẫm tìm tay bà. Bà ngồi xuống bên cạnh, ôm đầu cậu vào lòng. Môi cậu giật giật. Hơi thở nặng nề.

Tin Win chẳng rõ mình đang tỉnh hay mơ. Cậu không ý thức được thời gian và không gian nữa. Các giác quan như bị bẻ ngược, cảm nhận sâu trong cơ thể thay vì thế giới bên ngoài. Làn sương trước mắt nhường chỗ cho màn đêm ma mị. Mũi cậu toàn mùi chua của dịch vị. Tai cậu không nhận biết được âm thanh nào ngoại trừ những tiếng động trong người. Máu cuồn cuộn chảy. Dạ dày lục đục và òng ọc, ruột ục ục. Tim thình thịch. Trên tất cả là nỗi sợ. Nó không có tên, cũng chẳng phát ra tiếng. Nó dừng dừng hiển hiện. Khấp chồn. Tựa hồ không khí cậu hít thở. Sợ hãi điều khiển cơ thể, nắm quyền kiểm soát suy nghĩ và giấc mơ của cậu. Trong giấc ngủ, cậu nghe thấy tim Mi Mi đập, cậu gọi cô nhưng không có hồi âm. Cậu kiếm tìm, chạy về hướng nhịp đập song mãi chẳng đến. Cậu chạy mỗi lúc một nhanh hơn song chẳng thể thu hẹp khoảng cách. Cứ thế, cậu chạy mãi, rồi quy ngã vì đuối sức. Hoặc cậu mơ thấy Mi Mi ngồi trên ghế đầu, cậu lại gần, bỗng dừng, mặt đất nứt toạc nuốt lấy cậu. Mọi thứ tối đen, cậu rơi

tự do, không biết bầu vú vào đâu. Người nóng dần lên, lúc lâu sau, cậu nhận ra mình đã đáp xuống và đang chìm trong vũng lầy ừng ực sôi. Thế rồi giấc mơ quay ngược về ban đầu. Tại sao không thể mơ mình chết đi cho rồi?

Nhưng cậu không sợ chết mà sợ những thứ còn lại. Từng cái chạm. Từng lời nói. Từng suy nghĩ. Từng nhịp tim. Hơi thở kế tiếp.

Cậu không thể đi lại hay ăn uống. Cậu phun hết trà bà Su Kyi rót. Cậu nghe thấy giọng bà nhưng sao quá xa xôi. Cậu cảm nhận tay bà nhưng chẳng dám chắc bà có đang chạm vào mình.

Hết lần này qua lần khác, lời thầy U May văng vẳng trong đầu. “Chỉ một thể lực đủ sức xoa dịu sợ hãi, Tin Win à.” Song thể lực nào có thể xoa dịu nỗi sợ thương yêu, thừa thầy U May?

Ba ngày sau, tình hình vẫn giậm chân tại chỗ. Su Kyi xoa bóp cho cậu hàng giờ liền. Bà chà lá thuốc. Suốt bảy mươi hai giờ, bà không rời nửa bước. Cậu không than đau, không ho, không sốt, thậm chí người còn hơi lạnh nữa. Bà không rõ căn bệnh gì đang giày vò cậu, nhưng bà dám chắc một điều: nó rất nghiêm trọng và mạng sống của cậu đang bị đe dọa. Bà tự hỏi nên xin ai lời khuyên. Bà đã ngán tận cổ đám y tá, bác sĩ ở cái bệnh viện bé tí tẹo, các thầy tử vi, thầy lang người Danu, Pao và Palong* rồi. Thầy U May là người duy nhất có thể giúp bà. Bà trộm nghĩ, lẽ nào Tin Win chẳng ốm đau gì. Phải chăng ma quỷ đã bị đánh thức. Bà Su Kyi hiểu rằng chúng luôn luôn trú ngụ trong mỗi chúng ta, chờ thời cơ chín muồi để ra khỏi hang ổ hoặc xuất đầu lộ diện. Bà hăm chút trà để bên chiếu Tin Win rồi hồi hả đến tịnh xá.

Bà kể lại tận tường ba ngày ba đêm vừa qua cho thầy U May, song chừng như câu chuyện bà kể không khiến thầy quá bận tâm. Thầy lầm bầm về một mầm bệnh, mầm bệnh của yêu thương mà nếu như bà hiểu đúng ý thì con người ai cũng có, nhưng chỉ ít người bị căn bệnh ấy giày vò. Tuy nhiên, một khi đã bột phát, thời kì đầu luôn đi kèm nỗi

khiếp sợ cùng những trạng thái hỗn loạn khuấy đảo cả hồn lẫn xác. Song hầu hết các trường hợp, đến một lúc nào đó, triệu chứng sẽ thuyên giảm...

Trong hầu hết các trường hợp, thầy bảo thế. Bà Su Kyi cứ nghĩ mãi chuyện ngày xưa, bà có ông bác nằm liệt giường suốt ba mươi bảy năm trời, bao năm bất động trên chiếu, chòng chọc đôi lên trần nhà, không nói tiếng nào, không chịu tự mình ăn uống. Ông thoi thóp qua ngày nhờ mấy người họ hàng với tấm lòng bồ tát bón cơm cho. Tất cả sự vụ phát sinh là vì cô con gái nhà hàng xóm, người ông bác thầm thương trộm nhớ từ thuở thiếu thời, đã bị cha mẹ gả cho người khác.

Còn một chuyện hao hao như thế, lần này là về thằng cháu bà Su Kyi, nó đem lòng yêu một thiếu nữ trong làng. Ngày nào cũng vậy, khi màn đêm buông xuống, nó đều ngồi trước nhà cô gái cất lên những bài hát tình tự. Việc này về căn bản chẳng có gì lạ lùng, bởi đây là tập tục của các đôi nam nữ ở Kalaw. Nhưng cháu bà cứ hát mãi không thôi, thậm chí ngay cả khi gia đình cô gái khó chịu ra mặt trước màn xướng ca. Một thời gian sau, nó hát cả tối lẫn sáng, dần dà, đêm khuya cũng say sưa hát, khiến các anh trai phải đến tận nơi lôi về dù nó nhất nhất không đi. Về đến nhà, thằng cháu trèo lên cây bơ ông ổng hát đến độ tắt tiếng suốt ba tuần sáu ngày, và chỉ còn mấp máy môi theo âm điệu, ca từ kể lại tình yêu bất diệt của mình. Càng nghĩ, bà càng nhớ ra những câu chuyện về bao người nông dân, sư thầy, tiểu thương, lái buôn, thợ rèn và phu xe, thậm chí cả vài người Anh, những kẻ đã hóa rồ như thế.

Hoặc bởi Kalaw có vấn đề. Biết đâu nơi đây là nguồn căn một khuynh hướng độc hại tột cùng. Có lẽ là do không khí và thời tiết miền núi. Vùng đất bình thường đến mức tầm thường ở Đông Nam Á này ẩn chứa yếu tố nào đó khiến khuynh hướng này trầm trọng hơn.

Thầy U May lại thấy chẳng việc gì phải lo.

Lúc bà về nhà, Tin Win vẫn nằm bất động trên giường. Bà Su Kyi nghiền lá bạch đàn trong cối rồi đắp dưới mũi Tin Win, những mong

chúng có thể kích thích khứu giác cậu. Bà hái dâm bụt cùng hoa nhài rồi làm tương tự. Bà xoa bóp hai chân và đầu cho Tin Win nhưng cậu không phản ứng. Tim cậu vẫn đập, hơi thở đều đều, song ngoài ra, cậu chẳng biểu lộ dấu hiệu nào của sự sống. Cậu đã thu mình vào thế giới bà không thể chạm đến.

Đến ngày thứ bảy, một thanh niên xuất hiện ở cửa nhà bà. Cậu ta công Mi Mi trên lưng. Từng gặp ở chợ nên bà Su Kyi nhận ra ngay, bà cũng biết Tin Win đã ở bên thiếu nữ này biết bao buổi chiều cùng những ngày cuối tuần.

“Anh Tin Win có nhà không ạ?” Mi Mi hỏi.

“Nó bệnh rồi cháu ơi,” bà Su Kyi đáp.

“Anh ấy bị làm sao ạ?”

“Bác chịu. Nó không nói cũng chẳng ăn uống. Nó mất ý thức rồi.”

“Cháu vào thăm anh ấy được không bác?”

Bà Su Kyi dẫn cô qua bếp vào buồng ngủ. Tin Win nằm bất động, mặt hốc hác, mũi xương xẩu, làn da nâu bợt bợt không còn sức sống. Phần trà và cơm chưa hề được đụng tới. Mi Mi tuột khỏi lưng anh trai rồi bò đến chỗ Tin Win. Bà Su Kyi chẳng thể nào rời mắt khỏi cô. Bởi từng cử chỉ tỏa ra nét duyên dáng bà Su Kyi chưa thấy bao giờ. Như thể đôi chân dị hình tạo một cảm giác rất khác lạ, làm nổi bật các chi và chuyển động của cô gái ấy.

Mi Mi dùng hai tay đỡ đầu Tin Win và đặt vào lòng. Cô gập người, khuôn mặt cậu biến mất dưới suối tóc đen nhánh. Cô thì thầm vào tai cậu. Người anh quay mặt đi ra ngoài. Su Kyi theo sau. Bà pha trà mời khách, tìm hạt hướng dương và hạt bí đã rang trong ống bơ, đoạn bước ra vườn ngồi dưới bóng cây bơ. Bà băng quơ nhìn khắp sân, nào đồng củi đã bổ xong, xếp gọn vào tường, nào gốc cây bà hay dùng để cắt tiết gà, nào vườn rau của hai bác cháu, nào chiếc ghế băng đang dần xuống cấp ngày trước cha Tin Win tự tay làm. Sáu con gà chạy quanh mớ tanh tách xuống đất. Bà nhận ra nỗi buồn lớn dần trong lòng. Su Kyi biết cảm xúc ấy. Bà ghét nó tận xương tủy và luôn cố sống cố chết

để phá vỡ nó, đa phần bà sẽ thành công. Song giờ đây, cảm xúc ấy càng lúc lại càng mạnh mẽ và da diết. Bà không rõ lý do, dẫu bà cho rằng buồn thảm vô căn cứ là tự thương hại, thứ bà chống lại suốt cuộc đời mình. Suy cho cùng, điều khiến bà phiền não đến thế liệu có phải là căn bệnh bí ẩn của Tin Win? Hay nỗi sợ mất cậu? Hay do sau chùng ấy thời gian, bà bỗng vỡ lẽ rằng mình cô độc, lạc lõng và thui thủi đến nhường nào? Cả Tin Win cũng vậy. Cả em gái bà. Mà thật ra con người ai cũng thế. Vài người cảm nhận được; vài người không.

Đúng lúc ấy, bà nghe thấy một bài hát. Nó vang lên trong nhà, mờ nhạt như vọng ra từ thung lũng. Giọng hát thanh thoát và nhẹ nhàng, ca vang giai điệu bà Su Kyi không biết. Bà chẳng nghe tròn lời mà chỉ tiếng được tiếng mất. Giai điệu và tình cảm dồn nén trong bài hát khiến bà xúc động khôn tả.

Đây là bài ca có thể chế ngự ma quỷ, bà Su Kyi thầm nghĩ. Bà ngồi im như tượng dưới bóng cây. Tựa hồ một chuyển động tinh vi nhất cũng đủ phá vỡ phút giây này. Giọng Mi Mi vọng từ nhà ra sân như mùi hương lan tỏa khắp chốn. Đối với bà Su Kyi, ngỡ như tất cả âm thanh khác - chim hót líu lo, ve râm ran, ếch ồm ộp - đang dần tắt đi đến khi chỉ còn bài hát ngân lên. Nó mang sức mạnh của thần dược. Nó đánh thức mọi tế bào, giác quan trong bà. Bà nghĩ về Tin Win. Bà chẳng cần lo cho cậu nữa. Bài hát này sẽ chạm được tới cậu, dẫu cậu trốn ở nơi thẳm sâu nhất trên thế gian.

Bà Su Kyi bất động dưới cây bơ đến khi mí mắt sụp xuống.

Cái lạnh buổi đêm đánh thức bà. Trời tối đen, bà rùng mình vì rét. Giọng hát còn ngân vang, vẫn nhẹ nhàng và tuyệt mỹ. Bà Su Kyi đứng dậy đi vào nhà. Trong bếp lẫn trong buồng ngủ, mỗi nơi có một ngọn nến đang le lói. Mi Mi ngồi cạnh Tin Win, đầu cậu vẫn gối trong lòng cô. Khuôn mặt cậu như đầy đặn hơn, da dẻ ít xanh xao hơn. Người anh trai đã về tự lúc nào. Bà Su Kyi hỏi han, sợ cô đói hay muốn nằm nghỉ. Song Mi Mi chỉ khẽ lắc đầu.

Bà Su Kyi ăn ít cơm nguội cùng một quả bơ. Một nhồi, bà thấy mình chẳng làm được gì nhiều. Bà quay lại buồng ngủ, sắp chiếu cho Mi Mi, trao cô áo khoác và chăn đắp rồi cũng đặt mình xuống.

Sáng hôm sau, khi bà Su Kyi tỉnh dậy, xung quanh vô cùng yên tĩnh. Bà nhìn quanh để chắc chắn mình không còn mơ. Tin Win với Mi Mi say ngủ ngay bên cạnh. Lúc nhòm dậy, bà thấy mình rần rởi và nhẹ bẫng dù chẳng rõ lý do. Nhẹ gì mà nhẹ quá, bà thầm nhủ khi đi vào bếp. Bà nhóm lửa, đun trà, xắt hành cùng cà chua rồi nấu cơm cho bữa sáng.

Tin Win và Mi Mi dậy trễ. Trời nóng nhưng không quá oi ả, lúc ấy, bà Su Kyi đang làm vườn thì trông thấy Tin Win nới cửa ra vào với Mi Mi trên lưng. Nhìn cậu già dặn hơn. Hoặc phải chăng bao mệt mỏi cùng căng thẳng đã in hằn lên cậu. Có vẻ Mi Mi là người đang chỉ lối, bởi cậu khéo léo vòng qua đồng lửa, ghế đầu và chiếc rìu như thể nhìn thấy tất cả. Hai người ngồi xuống băng ghế đặt sát tường bếp. Bà Su Kyi buông cào xuống, vội vã đến bên họ.

“Hai đứa đói chưa?” Bà hỏi.

“Dạ cũng hơi ạ,” Tin Win đáp lời. Giọng cậu trầm hơn bình thường, thậm chí có đôi nét xa lạ. “Con khát nữa.”

Bà Su Kyi mang cơm, cà ri và trà đến. Hai người thông thả ăn. Chừng như cậu cũng hồng hào, khỏe khoắn hơn sau mỗi miếng cơm.

Ăn xong, Tin Win bảo sẽ đi dạo cùng Mi Mi rồi đưa cô về nhà. Trông cậu rất khỏe mạnh, không còn chút mệt mỏi. Bà Su Kyi không cần lo lắng nữa. Đôi chân sẽ nâng đỡ cậu. Và Tin Win hứa sẽ về trước khi đêm xuống.

Tin Win và Mi Mi chọn con đường gồ ghề dẫn lên đỉnh rồi chạy dọc theo sống núi. Cậu tập trung tâm trí bước đi và tự hỏi, liệu sau này, cậu còn có cơ hội trao cả thân mình vào đôi tay cô và liệu cô có còn chèo lái đưa cậu qua những chướng ngại...

“Anh nhớ những ngày vừa qua không?” Im lặng một lúc, Mi Mi lên tiếng.

“Ít lắm. Hẳn tôi phải ngủ rất nhiều. Tôi chẳng biết mình đang tỉnh hay mơ. Tôi không nghe thấy gì, trừ tiếng vun vút, rù rì và ùng ục.”

“Anh bị làm sao thế?”

“Tôi chịu. Tôi bị thao túng.”

“Bởi?”

“Nỗi sợ hãi.”

“Anh sợ gì vậy?”

“Lúc đến nhà em mà không có ai, hàng xóm không biết mọi người đi đâu, tôi cứ tưởng sẽ chẳng bao giờ gặp lại em. Em đã đi đâu thế?”

“Nhà em đi thăm họ hàng trong núi. Dì em mới qua đời, nên trời chưa sáng, cả nhà đã phải lên đường rồi.” Cô kê miệng sát tai cậu. “Anh chẳng có gì phải sợ. Bởi anh không thể mất em đâu. Em là một phần của anh, cũng như anh là một phần của em vậy.”

Tin Win định đáp lại thì bước hụt chân trái, cỏ mọc um tùm, che lấp cái lỗ trên mặt đất, dẫu có để ý cách mấy Mi Mi cũng chẳng thể phát hiện. Tin Win đang đưa chân lên thì toàn thân cứng đờ, diễn biến như một đoạn phim quay chậm. Chân cậu khua khoảng, tưởng như chẳng bao giờ tìm thấy nổi mặt đất. Cậu vấp ngã, mất thăng bằng. Trong lúc chới với, thay vì đưa hai tay ôm mặt theo bản năng, cậu lại giữ Mi Mi chặt hơn. Cậu không biết mình ngã xuống tận đâu, khi nào dừng lại và sẽ bị đập vào cái gì, cỏ, đá hay bụi rậm. Cậu cứ chới với mãi, điều tồi tệ nhất là cảm giác mờ lung về những thứ đợi mình phía trước. Cậu ngoẹo đầu, gí cằm xuống ngực. Mi Mi bám chặt vào cậu. Hai người ngã, đầu chúi xuống đất. Tin Win che chắn cho Mi Mi và hai người cứ thế lăn lông lốc như khúc gỗ xuống con dốc phủ đầy cỏ.

Cú ngã kết thúc khi hai người lăn vào một chỗ trũng.

Mi Mi nằm phía trên. Đến tận lúc này, Tin Win mới nhận ra hai người bám chặt nhau thế nào. Cậu không muốn buông lời. Tim cô đập

loạn. Cậu không chỉ nghe mà còn cảm nhận nó trên lồng ngực mình. Mi Mi thật khác khi cô nằm trên cậu thế này. Cô nhẹ hơn nhiều so với lúc ở trên lưng, cậu cảm nhận không chỉ có tay cô vòng qua cổ cậu. Ngực tựa ngực, bụng kề bụng, váy longyi của cả hai xộc xệch, đôi chân lộ ra quăn quít vào nhau. Một cảm xúc lạ lẫm chiếm ngự cậu, niềm khát khao cháy bỏng. Cậu muốn sở hữu Mi Mi và muốn trao mình cho cô. Cậu muốn hòa với cô làm một, được thuộc về cô. Tin Win quay mặt đi, giật mình trước ham muốn của bản thân.

“Anh có đau không?” Cô cất tiếng.

“Hơi hơi thôi. Em thì sao?”

“Em không.”

Mi Mi phủ đất cát trên mặt cậu. Cô lau trán rồi chùi bụi nơi khoe miệng cậu. Trong khoảnh khắc, đôi môi hai người chạm nhau. Tin Win run rẩy.

“Anh đi được chứ?” Cô hỏi. “Em nghĩ trời sắp mưa rồi.”

Tin Win đứng dậy, rồi lại cõng Mi Mi trên lưng. Hai người băng qua đồng. Không lâu sau, họ nghe tiếng sông ào ào cuộn chảy, dữ dội và đầy tràn sau mấy trận mưa vài tuần qua. Dòng nước cao sâu xuống đất. Dưới hạ nguồn có một cây cầu nhưng từ đây đến đó cũng là cả vấn đề. Tin Win thử ước lượng mực nước từ tiếng dòng chảy ào ào. Phải đến ba mét. “Con sông rộng bao nhiêu hả em?”

“Chừng hai mét, có khi hơn.”

“Muốn đi qua phải làm sao?”

Mi Mi nhìn quanh. “Có một khúc cây bắc ngang con sông ở đằng kia.” Cô hướng dẫn Tin Win đi qua tảng đá. Hóa ra đây là khúc gỗ thông, nó nhỏ hơn Mi Mi tưởng, chẳng hơn bắp đùi cô là bao. Vỏ cây tróc hết cả, có người đã phạt hết cành cây. Mi Mi e dè.

“Sao hả em?” Cậu hỏi.

“Bờ bên kia xa quá anh ạ,” cô nhận xét.

“Vì em nhìn nên mới thấy vậy. Tôi thì không.”

Cậu mò mẫm đến khúc cây và đặt một chân lên. Lòng bàn chân cậu bám vào thân cây. Mi Mi gắng chỉ dẫn giúp cậu, song cậu lắc đầu, “Em cứ tin chân tôi.”

Cậu khẽ xoay người, chân này đặt trước chân kia. Cậu không bước từng bước mà nhích dần bàn chân phía trước chừng vài phân, thăm dò thân cây đến khi nắm được hình dạng, sau đó chuyển trọng tâm rồi lê chân còn lại theo. Cậu có thể nghe thấy tiếng tim Mi Mi đập thành thịch. Đồng thời, tiếng dòng nước cuộn trào lúc này cũng thật to và rõ. Ất cả hai đang ở giữa sông. Khúc gỗ nhỏ eo ọt, cong xuống dưới sức nặng.

Tin Win đi thật chậm nhưng không chùn bước. Dù chỉ một lần. Cảm thấy chóng mặt, cô nhắm tịt mắt. Cậu nói đúng. Như thế này dễ dàng hơn. Cô chỉ cần quên mình đang ở đâu là được.

Tin Win nhích dần, nhích dần đến khi tiếng ầm ào dịu lại. Hai người đã sang bờ bên kia. Mi Mi lắc lư trên lưng cậu một cách nhẹ nhõm, cô hôn lên má, lên cổ cậu. Đầu gối cậu bủn rủn vì phấn khích. Cậu loạng choạng, khó khăn lắm mới đứng vững. Được vài bước, bỗng hai người nghe thấy tiếng sấm rền bên tai. Cậu hoảng hốt. Bão tố luôn khiến cậu không yên.

“Ngay dưới thung lũng đằng kia có cái chòi,” Mi Mi la lớn. “Mình đến được đó trước khi trời đổ mưa đấy. Anh chạy dọc theo con sông đi.”

Tin Win bước nhanh nhất có thể. Mỗi khi cậu bước quá sát sông hay chệch xa khỏi bờ, cô sẽ kéo bên vai tương ứng. Rồi mưa đổ xuống. Nước mưa ấm áp dễ chịu. Mưa tuôn rơi trên mặt, nhỏ xuống mũi, chảy lên cổ và bụng. Mi Mi rúc vào người cậu, lúc ấy, cậu nhận ra khuôn ngực cô cọ vào tấm lưng ướt đầm của mình.

Chòi không cửa sổ, ghép lại từ mấy thanh gỗ, chẳng to hơn hai, ba cái chiếu ngủ là bao, trên sàn trải vài lớp cỏ khô. Mưa rả rích trên mái tôn như ngàn năm đắm nện dầm dề. Cơn mưa nặng hạt đến độ Mi Mi chẳng nhìn thấy con sông cách đó dăm mét. Bão tố thét gào ngay trên

đầu. Trước đây, cứ mỗi lần sấm chớp vang lên, Tin Win lại run rẩy cả người. Đây là lần đầu tiên có bão mà cậu không cảm thấy khó chịu. Sấm chớp ùng ùng, to đến mức Mi Mi phải bịt tai. Tin Win nhú mào nhưng không sợ hãi.

Bên trong chòi oi bức và ẩm thấp hơn phía ngoài. Mi Mi đuổi người trên đồng cỏ. Tin Win ngồi xếp bằng, để cô gối đầu giữa hai chân. Cậu đưa tay luồn vào suối tóc, lướt qua trán, cảm nhận hàng lông mày, mũi, miệng, vuốt ve gò má và cổ cô.

Đầu ngón tay cậu khiến cô tê đi. Tim cô đập mỗi lúc một nhanh theo từng cử động. Cậu cúi xuống, hôn lên trán, lên mũi cô. Lưỡi cậu lướt qua cổ và tai cô. Mi Mi chẳng tin nổi cơ thể mình lại thích thú đến thế ở từng nơi Tin Win chạm đến. Đôi tay cậu vuốt mặt, thái dương, sống mũi cô, lần theo bờ môi, mân mê đôi mắt và khuôn miệng cô.

Cậu đặt đầu cô ra cỏ và cởi áo thun. Mi Mi nhắm mắt, thở thật sâu. Cậu xoa chân cô. Ngón tay cậu khám phá những ngón chân, lướt qua móng chân và phần xương nhỏ bé dưới lớp da mỏng, chạm vào mắt cá. Cậu vuốt ve từ bắp chân cô đến chân váy longyi, rồi lần ngược trở xuống. Một lần. Hai lần. Mi Mi nhấc hông và kéo áo lên một chút, cầm tay cậu đặt lên phần bụng trần. Tim cậu đập thành thịch, không quá nhanh nhưng to và rộn rã.

Cậu nhận thấy nhịp thở của cô trở nên dồn dập. Những ngón tay cậu lướt qua cơ thể cô, gần như không tiếp xúc. Trên những đầu ngón tay dấy lên một cảm giác mãnh liệt hơn bất cứ đụng chạm nào. Cậu cứ thế mơn trớn, thấp dần, thấp dần, xuống dưới váy longyi cô mặc đến khi cảm nhận phần riêng tư của cô. Cậu quỳ trước cô. Cô nhìn thấy longyi của cậu dựng lên như chiếc lều nhỏ dưới bụng và rất kinh ngạc, không phải vì cảnh tượng ấy hay những ngón tay cậu, mà vì bất ngờ trước khao khát, hơi thở cùng nhịp tim mình, càng lúc càng nhanh và dữ dội. Hết sức cẩn trọng, cậu rút tay ra. Cô muốn nhiều hơn thế nên giữ lấy

cậu, nhưng cậu gối đầu lên ngực cô mà chẳng động đậy. Cậu chờ đợi. Trái tim cô rộn ràng đập mãi một lúc lâu.

Đó là âm thanh cậu sẽ trân quý mãi mãi. Niềm sùng kính và tôn trọng trước từng nhịp đập khiến cậu rung mình. Nó đang hiện diện ngay đây, chỉ cách tai cậu vài phân. Cậu có cảm giác mình đang chiêm ngưỡng cả thế giới qua khe hẹp.

Thời gian thấm thoát, Mi Mi và Tin Win bên nhau gần bốn năm. Trong vòng vài tuần sau ngày mưa ấy, hôm nào hai người cũng phải gặp nhau mới thỏa lòng. Cô đợi cậu tan lớp, không thì cậu đến chợ sau giờ học. Cuối tuần, mới sáng, cậu đã đến nhà đón cô đi. Yadana có lần nói, hai đứa đúng là như hình với bóng. *Như hình với bóng*. Như mọi khi, Mi Mi nghiền ngẫm rất lâu. Cô lật tới lật lui nó trong đầu, xem âm điệu thuận tai và phù hợp, thế rồi sau vài ngày, cô kết luận rằng chẳng còn miêu tả nào hoàn mỹ hơn thế. Họ là một đôi như hình với bóng. Chỉ cần nhắc thấy cậu, trái tim cô sẽ rung rinh ngay lập tức, không có cậu bên cạnh, cô như khuyết mất một phần cơ thể. Tựa hồ thiếu vắng Tin Win, trái đất sẽ ngừng quay. Sự thiếu vắng thấm vào từng tế bào. Đầu nhức ong. Tay chân nặng nề, trì trệ. Bụng và ngực đau buốt. Không có cậu, đến thở cũng khó nhọc.

Bên nhau qua ba mùa hạ, Mi Mi dẫn Tin Win dạo hồ và bơi lội, tự lúc nào nơi đây trở thành điểm náu mình ưa thích của cả hai. Trong bốn cái hồ, họ luôn đến cái nhỏ nhất. Nó cách đường chính một đoạn, ẩn sau rặng thông nhỏ. Đám thanh niên không bén mảng đến đây vì hồ nổi tiếng nhiều rắn nước. Cô đã tận mắt nhìn thấy hai con. Lần nọ, cô hỏi Tin Win liệu cậu có sợ rắn không, cậu chỉ cười và đáp rằng cậu chưa bao giờ thấy chúng.

Ngày hôm ấy, Mi Mi quan sát Tin Win thật kĩ. Trời nổi gió. Mặt hồ lăn tăn, Mi Mi nghe thấy những gợn sóng li ti vỗ vào tảng đá dưới chân. Cô ngồi trên bờ hồ, mắt dõi theo cậu. Bơi lội không phải sở trường của Tin Win. Cậu tạo cho mình một phong cách thật riêng, nằm

nghiêng trong nước, luôn luôn để một tay phía trước để phát hiện chướng ngại vật. Cậu rất cẩn trọng và thích ở gần bờ hơn, bởi ở đó, chân cậu vẫn chạm đáy. Đổi lại, cậu có sức bền nên lặn rất giỏi.

Mi Mi yêu làn nước. Ngay khi còn bé, cô hay cùng các anh dạo chơi ở bốn cái hồ cách Kalaw khoảng một tiếng đi lại. Các anh thay phiên công cô và từ sớm đã dạy cô bơi. Những chuyến đi ấy nằm trong số kỉ niệm đẹp nhất của Mi Mi. Hòa vào làn nước, cô có thể đua với các anh và chơi cùng chúng bạn. Vốn nhanh nhẹn lại khéo léo nên cô là người lặn giỏi nhất cả đám. Trong nước, chân không phải yếu tố to tát.

Tin Win bơi đến giữa hồ, ở đấy nhô lên một tảng đá đủ chỗ ngồi. Cậu leo lên, để gió và nắng hong khô người. Mi Mi cảm nhận được ham muốn dần chế ngự cô. Nỗi niềm ấy chỉ biến mất khi cô một lần nữa được cậu công trên lưng, được đặt tay quanh cổ cậu để cảm nhận bờ vai người thanh niên ấy. Chẳng chốn nào cô thấy an bình và hạnh phúc như thế.

Tâm tưởng trở lại buổi chiều bão tố khiến cả hai phải trú chân trong chòi. Đó là lần đầu tiên Tin Win thực sự chạm vào cô, và hành động của cậu đã thức tỉnh đam mê trong cô, một khát khao đôi khi còn mãnh liệt hơn tất cả xúc cảm khác cộng lại. Cô tự hỏi liệu có phải tất cả những cảm xúc ấy vẫn luôn say ngủ trong cô, và Tin Win chỉ làm thao tác khuấy động? Hay chúng đến từ nơi nào đó? Cậu đang bỏ bùa mê cô? Thứ gì đã bùng tỉnh nhờ nụ hôn của cậu vậy? Mỗi khi môi cậu chạm vào da cô? Mỗi lần những ngón tay cậu lướt qua cổ, ngực, bụng, đùi, cô cảm thấy lần đầu trong đời, cậu đang tiết lộ cho cô cơ thể của chính cô. Tin Win cũng phản ứng không khác là bao với đôi tay và bờ môi cô. Cô có thể khiến cậu rạo rực, cô sẽ vuốt ve và mơn trớn đến khi cậu giật nảy trong vờ òa mê đắm. Giữa những khoảnh khắc như thế, cô thấy mình tràn nhựa sống, đến độ cô chẳng biết lưu giữ hết thảy niềm vui sướng này vào đâu. Người nhẹ bẫng, không trọng lượng như đang dập dềnh trong gió, trong nước. Cô cảm nhận được một sức

mạnh không ngờ là có ở mình. Một sức mạnh chỉ Tin Win mới có thể đánh thức.

Cậu dạy cô cách tin tưởng, đồng thời cho cô không gian để yếu đuối. Khi ở cạnh cậu, cô chẳng cần chứng tỏ điều gì. Cậu là người đầu tiên và duy nhất cô thổ lộ về nỗi tủi hổ khi phải bò trên tứ chi. Rằng đôi khi cô mơ mình đi khắp Kalaw bằng đôi chân lành lặn và nhảy thật cao, cao hết cỡ vào không trung. Đơn giản là thế. Những lúc ấy, cậu không tìm cách an ủi cô. Cậu chỉ im lặng ôm cô vào lòng. Mi Mi biết rõ cậu hiểu ý cũng như cảm giác của cô. Càng nói về mong ước được bước đi trên hai chân, tâm tư ấy càng ít giầy vò cô. Và cô tin lời cậu khi cậu nói trên đời này chẳng có cơ thể nào diệu mỹ hơn cô.

Cô sẵn sàng cùng cậu đi đến cùng trời cuối đất.

Mi Mi nhìn cậu, đầu cậu chỉ cách cô hơn chục mét nhưng gần ấy thôi cô đã không chịu được. Cô trút bỏ áo, váy longyi, hòa vào dòng nước rồi mạnh mẽ sải tay bơi. Vầng dương sưởi ấm mặt hồ nhưng nước vẫn mát lạnh khiến cô rất sảng khoái. Cả hai người sẽ đủ chỗ trên tảng đá nếu cô ngồi giữa hai chân cậu và tựa vào người cậu. Cô bơi lại chỗ Tin Win. Cậu vươn tay kéo cô khỏi mặt nước. Cô dựa vào cậu. Cậu vòng tay ôm eo và giữ cô thật chặt.

“Làm sao em chịu nổi nếu không có anh,” cô thì thầm.

“Tôi luôn ở đây mà.”

“Em muốn cảm nhận anh. Em đã u hoài lắm.”

“Tại sao vậy?”

“Vì anh thật xa xôi, vì em chẳng thể chạm vào,” cô đáp, kinh ngạc trước ngôn từ của mình. “Từng phút giây cách xa anh làm em sầu muộn. Từng nơi em đến mà vắng bóng anh. Từng bước anh đi nhưng em không được đồng hành. Từng đêm đôi ta không say ngủ trong vòng tay nhau và từng buổi sáng ta không tỉnh dậy bên cạnh người kia.”

Cô xoay người lại rồi quỳ trước cậu. Cô ôm lấy đầu cậu, và cậu nghe tiếng lệ tuôn trên hai má cô. Cô hôn chân mày cùng đôi mắt cậu.

Cô hôn miệng và cổ cậu. Bờ môi cô vừa mềm mại vừa ướm át. Cô che kín cậu bằng những nụ hôn. Cậu kéo cô về phía mình, cô quặp chân quanh hông cậu. Cậu ôm cô thật chặt. Bởi nếu không, cô sẽ bay đi mất.

Nhịp đập giống như tiếng nước nhỏ giọt từ máng xối. Mấy ngày gần đây, quãng lặng giữa những nhịp đập vốn dài lại càng dài hơn. Nguồn nước tràn trề trước kia đang dần cạn.

Từ mấy tuần trước, Tin Win đã biết ngày này sẽ đến. Tiếng tim thầy U May vốn vẫn vang lên mỗi một và kiệt sức, song gần đây, nó còn yếu ớt hơn. Hai tuần nay, một nhà sư trẻ đã phải đứng lớp thay thầy, bởi thầy nằm liệt giường, suy nhược đến độ chẳng nhấc nổi mình. Mặc kệ cái nóng hầm hập của vùng nhiệt đới, thầy không ăn gì mà chỉ uống chút nước.

Mi Mi và Tin Win túc trực bên giường thầy mấy ngày đêm. Tin Win đọc cho thầy nghe đến khi đầu ngón tay sưng tấy. Mi Mi ngỏ ý hát tặng song thầy U May từ chối. Thầy bảo thầy biết sức mạnh kì diệu trong giọng hát của cô, nhưng không muốn dùng phương thức nhân tạo nhằm kéo dài cuộc sống. Nụ cười thoáng trên môi thầy.

Lúc này đây, tự thường vài phút nghỉ ngơi, hai người ngồi trong quán trà trên phố chính uống nước mía. Thời tiết oi bức. Đã hai tuần Kalaw hứng chịu đợt nóng mà chưa có dấu hiệu suy giảm. Trời đứng gió. Chẳng ai nói gì. Tin Win thầm nghĩ ngay cả lũ ruồi nhặng cũng vật vờ dưới cái nóng. Tiếng vo ve nghe uể oải và lờ đờ hơn. Cạnh hai người là các nhà buôn cùng mấy người bán hàng rong, ai nấy đều ca thán không dứt về thời tiết. Đối với Tin Win, điều này thật khó hiểu. Sư thầy U May đang hấp hối cách đó hai trăm mét, vậy mà người ta vẫn nhẩn nha uống trà. Vẫn sinh hoạt như thường. Vẫn chuyện phiếm về thời tiết.

Cậu nhận ra ngay tức khắc nhà sư đang tiến lại chỗ mình qua tiếng bước đi cà nhắc. Là thầy Zhaw, chân trái của thầy ngắn hơn chân phải

nên bước đi hơi tập tễnh song không quá lộ, ngoài Tin Win chẳng ai để ý thấy. Ất thầy Zhaw mang đến hung tin, bởi nhịp tim thầy hỗn loạn như con bê bị thương mà Mi Mi phát hiện cách đây không lâu. Rốt cuộc nó đã chết trên tay cô.

“Thầy U May hôn mê rồi,” thầy Zhaw thốt ra qua hơi thở hồng hộc.

Tin Win đứng dậy, quỳ xuống trước Mi Mi để cô leo lên, đoạn cả hai xuất phát. Cậu chạy xuống phố chính, Mi Mi dẫn lối để cậu không va phải người đi bộ hay những chiếc xe bò. Họ rẽ vào đường đến tịnh xá, hối hả băng qua sân rồi lên bậc thang.

Chư tăng cùng Phật tử trong vùng quây quần bên thầy U May. Mọi người ngồi trên sàn, kín nửa đại thiên đường. Khi thấy Tin Win và Mi Mi xuất hiện, tất cả dạt thành lối hẹp dẫn thẳng đến giường thầy U May. Mi Mi choáng váng. Mới có một tiếng mà mặt thầy đã hóp lại. Mắt thầy trũng xuống, tựa hồ mất dạng trong hộp sọ. Mũi thầy nhô ra, môi gần như biến mất. Lớp da phần gò má xanh xao và vô hồn như miếng da thuộc. Tay thầy xếp gọn trên bụng.

Hai người quỳ xuống cạnh giường, Mi Mi ở phía sau Tin Win, tay ôm ngực cậu.

Tin Win biết thời gian sắp cạn. Nhịp tim thầy U May chỉ khẽ khàng như tiếng đập cánh của con bướm nhỏ. Cậu cảm hờn phút giây này xiết bao. Bấy lâu nay, cậu chưa lần nào tưởng nổi đời mình khi vắng bóng sư thầy. Vắng giọng nói của thầy. Vắng những lời khuyên răn. Vắng bao niềm khích lệ. Thầy là người đầu tiên cậu giải bày cõi lòng. Thầy đã cố đưa cậu ra khỏi nỗi sợ hãi. “Cuộc đời nào cũng chứa hạt mầm của cái chết,” trong suốt những năm đầu tiên hai người thành bạn hữu, thầy đã bao lần nhắc với Tin Win điều này. Sinh tử là một phần cuộc đời, chẳng ai thoát được. Chống lại cũng vô nghĩa. Nên chấp nhận chúng như một quy luật tự nhiên hơn là sợ hãi.

Tin Win trân trọng lý luận của thầy, song cậu chưa hoàn toàn cảm thấy thuyết phục. Sợ hãi vẫn còn đó. Cậu sợ thầy U May qua đời, nhưng cũng sợ mình sẽ chết. Chẳng phải vì cậu thiết tha với đời hay

cho rằng đời cậu đáng sống hơn tất thảy. Chỉ là nỗi sợ luôn thường trực, lăm le những lúc cậu yếu lòng. Nó như dã thú, đặt cậu vào tâm thể con heo sữa ngày xưa cậu từng thấy cha giết thịt. Cảnh tượng ấy cậu sẽ chẳng bao giờ quên. Mắt nó trợn ngược. Tiếng tru khiến cậu nổi da gà, cảnh nó vùng vẫy trong vô vọng, thân thể co giật. Có lẽ sợ chết là một bản năng sinh tồn, sau này cậu nghĩ lại. Nó là một phần cốt yếu trong ta và trong vạn vật. Song đồng thời, ta nhất định phải vượt lên nỗi sợ ấy để nhắm mắt xuôi tay trong an lành. Đối với cậu, điều này là một mâu thuẫn không thể hóa giải. Suốt hai năm qua, chưa lần nào cậu ngẫm về cái chết, nhưng giờ cái chết đã gần kề thầy U May, cậu buộc phải nghĩ tới nó, vậy mà lòng cậu lại trầm lặng không ngờ. Khi cậu có thứ để mất cũng là lúc cậu chẳng còn sợ hãi. Cậu những muốn nhờ sư thầy giải thích song đã quá muộn. Đột nhiên, môi thầy mấp máy.

“Tin Win, Mi Mi, các con có đó không?” Thầy nói không ra hơi mà chỉ thều thào.

“Vâng,” Tin Win lên tiếng.

“Con còn nhớ ta muốn ra đi thế nào không?”

“Không sợ hãi với nụ cười trên môi, thưa thầy,” Tin Win đáp.

“Ta không sợ, con à,” thầy U May thì thầm. “Mi Mi sẽ cho con biết ta có đang cười hay không.”

Tin Win nắm tay và khấn cầu thầy im lặng, “Thầy giữ sức đi ạ.”

“Để làm chi?”

Câu nói như lời trắng trối. Tin Win cứ mong thầy sẽ thốt ra điều gì khác. Chẳng cuộc đời nào nên kết lại bằng câu hỏi. *Để làm chi?* Câu nói tựa như nỗ lực vô vọng. Tựa nghi hoặc. Một điều còn dang dở. Tin Win đếm số giây trôi qua giữa từng nhịp đập. Thở vào hít ra vài lần mới có một nhịp.

Thầy U May lại mở miệng. Tin Win rướn người về trước.

Và rồi lặng im. Tin Win chờ đợi. Tĩnh mịch. Tĩnh mịch vô biên, nuốt chửng tất cả, nhấn chìm mọi âm thanh.

Cậu nghe thấy trái tim của Mi Mi, rồi của chính cậu, giai điệu dần giao thoa, từng nhịp đập, cuộn vào nhau trong vài giây, dấu đối với cậu là quãng thời gian vắng lặng, cậu nghe thấy hai con tim chung một nhịp đập.

Có những khoảnh khắc trong đời mãnh liệt tới mức bà Yadana sẽ nhớ đến lúc chết. Lần đầu trông thấy Tin Win cũng vậy. Bà ngồi trên hiên nhà, đang tính bện một cái làn bằng cỏ khô. Đó là buổi chiều muộn, có mùi khói lam chiều và bếp lửa nhà bên reo tí tách, chén bát cùng nồi niêu va lanh canh. Bà chỉ có một mình. Chồng con bà vẫn ở ngoài đồng. Bỗng Tin Win xuất hiện trong sân, cõng Mi Mi trên lưng. Tận bây giờ, bà cũng chẳng rõ điều gì khiến bà xúc động như thế. Là vẻ bừng sáng trên khuôn mặt trẻ trung của Tin Win. Là điệu cười của cậu khi Mi Mi thì thầm vào tai. Là cách cậu cẩn thận leo lên bậc thang ngoài hiên, lần từng bước một, đoạn khụy gối để Mi Mi nhẹ nhàng tuột khỏi lưng. Hoặc đơn thuần là thứ ánh sáng trên mặt con gái bà với đôi mắt như hai vì sao đêm.

Từ đó, chiều nào Tin Win cũng đưa Mi Mi về nhà. Mới đầu cậu rất ít nói, chỉ để Mi Mi xuống rồi cáo biệt ngay. Nhưng sau vài tuần, cậu đã bắt đầu vào bếp phụ Mi Mi và ở lại dùng cơm.

Dần dà, bà Yadana gọi cậu là con trai út. Càng quen thân, bà lại càng quý cậu. Từ cung cách, sự chín chắn, nét dịu dàng khi cậu cư xử với Mi Mi. Đến óc hài hước và tính khiêm nhường. Cùng trực giác. Rất nhiều lần cậu đoán được cảm xúc của Yadana và mọi người trong nhà dấu chưa nói lời nào. Bà Yadana cũng chưa từng thấy cậu phiền lòng vì mù lòa, chứ đừng nói đến việc cõng Mi Mi. Thi thoảng, trông thấy hai đứa trẻ đi lên núi mà bà nhòa lệ xúc động. Dù nặng, Tin Win luôn bước thẳng lưng. Cậu không vác Mi Mi. Cậu nâng niu cô như một món quà, vui sướng pha tự hào. Con bé ngồi trên lưng cậu, cất tiếng hát hoặc thủ thỉ bên tai. Thường thì dấu chưa thấy bóng dáng

song bà Yadana đã biết hai đứa trẻ về đến nhà thông qua tiếng cười đùa.

Sau vài tháng, chồng bà gán cho chúng biệt danh “anh trai và em gái”, đến tận bây giờ, dẫu gần bốn năm trôi qua, ông vẫn gọi chúng như thế. Là ông thiếu sắc sảo khi lựa chọn ngôn từ, hay ông thực sự không nhận thấy điều đang lộ lộ trước mắt? Càng ngẫm, bà càng thắc mắc ông có ý thức lời mình nói không. Giống như nhiều đàn ông khác, ông thiếu sự tinh tế, thứ giúp ta nhìn thấu qua phần nổi của tảng băng trôi.

Rõ ràng Mi Mi và Tin Win đã vượt ngưỡng anh trai với em gái từ lâu rồi. Niềm hân hoan Mi Mi tỏa ra không còn nét trẻ thơ. Tin Win vẫn là một chàng trai ít nói, lịch thiệp và lễ phép, song hiện tại, trong giọng nói, cử chỉ, hành động của cậu ẩn chứa nhiều chín chắn và dịu dàng hơn. Đôi nam thanh nữ tú thân thiết không rời, đến độ bà Yadana còn thấy hơi ganh tị. Cả đời bà chưa từng trải qua điều đó với chồng mình, và thật lòng mà nói, bà chưa gặp cặp đôi nào có mối quan hệ khăng khít tương tự.

Giờ cả hai đã tròn 18, bà Yadana suy tính thời điểm thích hợp để bàn chuyện cưới hỏi. Khổ nỗi Tin Win mồ côi nên bà cũng chưa rõ phải đặt vấn đề với ai. Bà thầm nghĩ, hay cứ đợi Mi Mi hoặc Tin Win đề cập việc này. Vài ba tháng hay thậm chí một năm nào có khác gì? Bà chắc như đinh đóng cột rằng chẳng phải lo lắng về con mình hay Tin Win. Cả hai đã khám phá được bí mật côi người, thứ mãi lẫn lút đời bà dẫu bà luôn cảm nhận sự hiện diện của nó.

Một ngày hè, khi bóng tối vừa buông, Tin Win về đến nhà sau buổi chiều quanh quẩn ngoài hồ cùng Mi Mi. Bơi lội và dạo chơi mê mải khiến cậu mệt bã nhưng khoan khoái. Cả ngày oi bức nhưng được cái tối lại mát mẻ. Không khí hanh khô, dễ chịu. Ếch ồm ộp ở cái ao gần đó, lẫn át mọi âm thanh. Giờ này có lẽ bà Su Kyi đang đợi cậu về nhà dùng cơm. Vừa mở cổng, bỗng cậu phát hiện những giọng nói lạ. Hai

người đàn ông đang trò chuyện với bà Su Kyi. Họ ngồi gần ngọn lửa trước nhà. Cậu nghe thấy bà đứng dậy, tiến về phía cậu. Bà kéo tay cậu lại chỗ họ. Hai người vào thẳng vấn đề. Họ đã đợi Tin Win suốt buổi chiều. Bà Su Kyi đón tiếp vô cùng chu đáo, đem trà và hạt khô ra mời khách. Một bữa sau chuyến đi dài, họ chỉ mong sớm được về khách sạn. Nhất là khi ngày mai còn phải di chuyển nhiều hơn hôm nay. Hai người đến từ Rangoon. Chú của Tin Win, ông U Saw đáng kính, đã giao họ nhiệm vụ đưa cậu lên thủ đô nhanh nhất có thể. Chú sẽ trực tiếp nói chuyện cụ thể với cậu sau. Sớm ngày mai, họ phải bắt chuyến tàu đến Thazi, sau đó ba người sẽ lên chuyến tàu tốc hành ban đêm từ Mandalay để đến Rangoon vào buổi sáng kế. Vé đã mua xong, ghế đã đặt sẵn. Chuyến tàu đầu tiên rời Kalaw lúc 7 giờ. Họ sẽ đến đón cậu. Phiên cậu đợi họ lúc 6 giờ được không? Hãy chuẩn bị xong xuôi trước lúc ấy.

Mới đầu, Tin Win chẳng hiểu đầu của tai nheo gì. Đã thành thói quen, khi gặp mặt người lạ, đầu tiên, cậu luôn lắng nghe nhịp tim và giọng nói hơn là câu từ. Nhưng nhịp tim của họ không tiết lộ bao nhiêu. Còn giọng nói thì lãnh đạm đến kì khôi. Họ chẳng mấy để tâm đến việc họ đang làm ở Kalaw cũng như những điều đang nói.

Song tiếng thở dài náo nức của bà Su Kyi khiến cậu băn khoăn. Cả trái tim bà nữa. Nó đập nhanh hơn cần thiết, như thể bà mới leo núi. Nhờ có Mi Mi, Tin Win đã học được một điều: không phải cứ vận động thể lực mới khiến tim ta đập rộn. Người ta có thể ngồi im lặng, bên ngoài tĩnh tại song trái tim lại nện trong lồng ngực như con thú cố chạy thoát thân. Từ kinh nghiệm của mình, cậu biết những giấc mơ và trí tưởng tượng khiến ta lo sợ còn nhiều hơn thực tại, rằng trí óc có thể giày xéo con tim hơn cả công việc chân tay cực nhọc nhất.

Điều gì khiến bà Su Kyi lo sốt vó? Khi hai người đàn ông đã rời đi, bà lặp lại từng lời họ nói, giọng trầm dần. Tàu lửa. Lên thủ đô. Một mình.

“Sao lại thế? Chú ấy cần gì ở con?” Tin Win hỏi khi đã nắm được đầu đuôi câu chuyện.

“Bác chịu,” bà trả lời. “Người trong thôn đồn ông ta giàu nứt đổ đổ vách, quen nhiều người Anh tai to mặt lớn. Thậm chí cả quan chức nhà nước nữa. Bác nghĩ ông ta sẽ giúp được con.”

“Con không cần giúp đỡ.” Tin Win phi nhõ cái suy nghĩ người ta chìa tay giúp cậu chỉ vì chút thương hại.

“Biết đâu ông ta nghe chuyện mắt con có vấn đề nên muốn nhờ bác sĩ người Anh khám cho thì sao. Thôi nói gì thì nói, giờ bác cháu mình phải sắp hành lý để mai con mang đi kẻo không kịp.” Bà quay người đi vào nhà.

“Bác Su Kyi.” Nhịp tim của bà đã phản bội những lời bà nói vì muốn trấn an cậu. “Thực ra bác nghĩ sao ạ?”

“Ôi, Tin Win. Bác sẽ nhớ con nhiều lắm. Nhưng mục già ích kỉ như bác biết nói gì đây. Lý ra bác phải mừng cho con mới đúng.”

“Bác à!” Giọng cậu trách cứ. Rõ ràng bà đang cố giấu suy nghĩ thật của mình.

“Cùng lắm con đi có vài tuần chứ mấy,” bà tiếp lời như thể chẳng nghe thấy lời cậu.

Cậu quá đổi choáng váng. Đến tận lúc này, cuộc hành trình kia vẫn là thứ quá xa vời. Cậu chưa từng đi du lịch và cũng chẳng biết nó ra sao. Cậu sẽ phải rời Kalaw, đến một vùng đất mới, lạ lẫm, nên đầy hiểm họa, và cậu không rõ ở đó có gì. Cậu sẽ phải xoay xở mà không có bà Su Kyi, tịnh xá cùng các sư thầy, vắng bóng mái nhà thân thương và những ồn ào, mùi hương quen thuộc. Cậu sẽ thiếu vắng Mi Mi.

Ý nghĩ ấy quá đổi hoang đường nên mãi lúc này cậu mới vỡ lẽ. Vài giờ nữa thôi, cậu sẽ phải xuất phát dẫu không biết khi nào mới trở về. Vài tuần? Vài tháng? Hay không bao giờ? Cậu cảm thấy lũ quỷ ma đang thét gào trong ngực.

Tin Win chọn con đường mòn gập ghềnh băng qua đỉnh núi. Cậu nắm lòng từng tảng đá, từng chỗ lồi lõm trên đường. Cậu đi nhanh hơn, rồi bắt đầu chạy. Mới đầu còn e ngại, sau cậu sải chân rộng thêm, cuối cùng lướt như bay. Một sức mạnh nào đó đang đẩy cậu về phía trước, chẳng mấy may lo sợ vấp ngã dấu mù lòa. Cậu chạy qua hồ, rẽ ở rừng trúc nhỏ. Cậu lao xuống đồng cỏ rồi phi lên phía bên kia. Cậu chạy mà không vấp ngã, gần như chẳng cảm nhận mặt đất dưới chân. Liệu trí nhớ, bản năng hay chính khát khao đã dẫn lối cậu đến nhà Mi Mi một cách liêu lĩnh như vậy?

Cách nhà cô vài mét, cậu bước chậm lại, đứng thở một hồi sau giậu dâm bụt ngăn cách nhà cô với mặt đường. Cậu bước vào sân. Chó chạy ra mừng. Tin Win xoa đầu nó. Heo kêu ụt ịt dưới thềm. Trong nhà không tiếng động. Cậu chậm rãi leo lên bậc thang. Cửa không khóa, kêu cọt kẹt khi cậu mở ra. Nhịp tim của Mi Mi cho biết cô đang say giấc. Cậu cẩn trọng lần mò qua phòng đến chỗ chiếu của cô. Suýt chút nữa cậu đã vấp phải lon thiếc đặt giữa sàn. Cậu quỳ xuống rồi đặt một tay lên má cô.

Cô giật mình tỉnh giấc, “Tin Win, sao anh lại ở đây?”

“Tôi có việc cần nói với em,” cậu thì thầm. Tin Win đẩy một tay xuống dưới cổ cô, tay kia dưới đầu gối rồi nâng cô lên. Khuôn mặt hai người sát rạt. Xưa giờ chưa lần nào cậu bế cô. Hai người đi ra cầu thang, bước xuống rồi băng qua sân.

Cô vuốt ve mặt và cổ cậu, “Anh chảy mồ hôi này.”

“Do tôi chạy nãy giờ. Vì tôi phải gặp em.”

“Mình đi đâu thế?” Cô hỏi.

“Tôi chưa biết. Nơi nào đó chỉ có hai đứa, không làm ai thức giấc.”

Mi Mi ngẫm nghĩ trong giây lát. Qua vài ngôi nhà dưới kia là đến cánh đồng, ở đó có một căn chòi trú mưa. Cô dẫn đường cho cậu. Vài phút sau, hai người đã đến nơi rồi bò vào trong. Vách bên bằng cỏ, Mi Mi còn nhìn thấy mảng trời từ mái nhà thùng lỗ chỗ. Trời đêm trong

vắt, lấp lánh ánh sao và ấm áp lạ thường. Mi Mi thấy tim mình rộn ràng khắp khởi. Cô cầm lấy tay cậu đặt lên bụng mình.

“Mi Mi, sáng mai tôi phải lên Rangoon. Tôi có chú sống trên đấy, ông cho người đến đưa tôi đi.”

Mấy chục năm sau, câu nói ấy vẫn vang vọng bên tai Mi Mi. Mới vài tiếng trước, khi ở hồ, cô còn đang mơ về tương lai, về đám cưới của hai người. Cô cùng Tin Win sống chung một mái nhà với đàn con nô đùa ngoài sân, những đứa trẻ có chân đi và có mắt nhìn. Năm trong vòng tay cậu, cô thủ thỉ khung cảnh ấy cho cậu nghe. Cả hai thống nhất sẽ đề cập chuyện cưới xin với cha mẹ Mi Mi trong vài tuần tới. Vậy mà giờ, cậu lại phải lên thủ đô. Mi Mi biết rõ ý nghĩa của điều này. Rangoon là nơi cách xa muôn trùng. Rất ít người lên đó và số người trở về lại càng hiếm hoi hơn. Cô muốn hỏi lý do chú muốn gặp Tin Win, cậu sẽ đi bao lâu, và hà cớ chi hai người phải chia đôi ngả, nhưng đồng thời, cô cũng hiểu rằng, ngôn từ chẳng giúp ích được gì. Lúc này đây, cô khát khao cậu đến từng tế bào trong cơ thể. Cô cầm tay cậu kéo về phía mình. Đôi môi họ chạm nhau. Cô cời áo qua đầu, thế rồi cậu hôn lên ngực cô. Hơi thở ấm nóng của cậu phả lên da. Miệng cậu múa lượn dọc cơ thể. Cậu nói lỏng váy longyi cô đang mặc. Cả hai chẳng còn mảnh vải che thân. Cậu hôn chân, đùi cô. Cậu dùng lưỡi đùa bỡn. Cậu chưa từng sống động đến thế. Và cô cảm nhận bản thân mình. Sâu sắc, tuyệt mỹ hơn bao giờ hết. Cậu đang trao cho cô một cơ thể mới với từng chuyển động. Cô hình dung mình bay khắp Kalaw, ngang qua bao rừng núi, thung lũng, từ đỉnh núi này sang đỉnh núi nọ. Trái đất thu lại thành một quả cầu bé nhỏ, trên đó Rangoon và Kalaw cùng tất cả những thành phố khác, các đất nước khác cách nhau chẳng đến ngón tay. Cô mất kiểm soát toàn bộ cơ thể. Tựa hồ từng cảm xúc trong cô chột nổ tung, giận dữ, sợ hãi, hồ nghi, nhung nhớ, dịu dàng và thèm muốn. Trong một khoảnh khắc, trong vài nhịp tim, từng lời thề nguyện của thế gian trở nên tròn vẹn, chẳng thứ gì đủ sức kìm hãm cô.

Hành lý khá lèo tèo. Tin Win chỉ có vài bộ đồ lót, ba váy longyi, bốn áo thun, một áo chui đầu mà mặc còn không hết. Thủ đô nóng ẩm quanh năm. Bà Su Kyi bỏ đồ vào túi vải cũ bà nhặt được bên ngoài một trong những chốn ăn chơi của người Anh từ rất lâu về trước. Bà chuẩn bị cơm nắm và cà ri cá khô, vốn là món khoái khẩu của Tin Win, để cậu ăn dọc đường. Bà cất thức ăn vào hộp thiếc có nắp đậy rồi nhét giữa mấy chiếc longyi. Bà đặt miếng xương hổ của cha Tin Win dưới đáy túi. Kèm vỏ ốc cùng chiếc lông vũ Mi Mi tặng vài tháng trước. Su Kyi nhìn ra ngoài cửa sổ. Tầm này hơn 5 giờ rưỡi. Trời còn tối nhưng chim đã lú lo và bình minh sắp lên. Tin Win vừa về nhà cách đây vài phút. Giờ cậu đang ngồi trước gian bếp.

Lâu rồi bà Su Kyi mới lại thấy lo cho Tin Win. Từ ngày tình bạn giữa cậu và Mi Mi chấm dứt, cậu đã thay đổi theo hướng bà từng cho là màu nhiệm. Cậu khám phá ra sự sống. Sáng sảng, khi hai bác cháu ngồi ăn cùng nhau, bà thường có cảm giác như ngồi cạnh một đứa trẻ căng tràn niềm vui và năng lượng. Tựa hồ cậu đang bù lại bao tháng năm đã mất. Bà khó lòng tưởng nổi cậu sẽ xoay sở được ở nơi lạ mà không có Mi Mi. Bà chưa từng thấy quan hệ nào khăng khít và bổ khuyết cho nhau như vậy giữa hai con người. Thậm chí nhiều lúc, nhìn họ mà bà thầm nghĩ, suy cho cùng, có lẽ chẳng ai lẻ loi cả, và trong vài trường hợp, đơn vị nhỏ nhất của loài người tính bằng hai chứ không phải một. Biết đâu ông chú thực tâm lo lắng cho cháu mình thì sao. Biết đâu các bác sĩ trên thủ đô chữa được cho thằng bé. Tin Win đi mấy tháng rồi lại về thôi.

Bà ra khỏi nhà và nhìn thẳng vào cậu. Bà đã từng thấy người chết, từng gặp bao người khóc than sâu thẳm, song bà không thể nhớ nổi gương mặt nào phủ bóng đớn đau như thế. Bà dang tay ôm cậu, còn cậu đầm đìa nước mắt. Cậu nghẹn ngào đến tận lúc hai người đàn ông bước qua cổng. Bà lau dòng lệ trên mặt cậu rồi đề nghị tiễn họ ra ga. Được thôi, một người nói. Người kia xách túi.

Dọc đường, chẳng ai nói lời nào. Bà Su Kyi nắm tay Tin Win. Cậu run rẩy. Bước chân cậu loạng choạng và lóng ngóng. Cậu sợ sệt dò dẫm, vấp còn nhiều hơn đi như thế mới bị mù. Bà Su Kyi nặng nề lê chân. Nửa tỉnh nửa mê, khung cảnh hiện lên rời rạc. Bà nghe thấy tiếng xình xịch của đầu máy xe lửa đang đợi trong ga. Bà nhìn những vòng mây trắng bay khỏi cột đèn. Nơi này đông như mắc cửi, người người rống rít vào tai. Con nít ré lên. Một người phụ nữ vấp ngã. Cà chua lăn ra đường ray. Những ngón tay của Tin Win tuột khỏi tay bà. Hai người đàn ông dẫn cậu đi. Cậu biến mất sau cánh cửa.

Hình ảnh cuối cùng nhạt nhòa trong nước mắt. Tin Win ngồi cạnh cửa sổ mở, hai tay ôm đầu. Su Kyi gọi tên nhưng cậu không phản ứng. Còi tàu rít lên inh ỏi, đầu máy bắt đầu chuyển động. Su Kyi bước dọc theo dãy cửa sổ. Tàu nhanh dần. Tiếng xình xịch mỗi lúc một to và mạnh. Bà bắt đầu chạy. Vấp đến mấy lần. Húc vào ông nọ, nhảy qua sọt trái cây kia. Bà chạy đến cuối nhà ga. Hai chiếc đèn hậu sáng chói như mắt hổ trong đêm. Chúng từ từ biến mất sau khúc cua. Lúc Su Kyi quay lại, nhà ga đã vắng ngắt.

U Ba nói không ngơi nghỉ suốt mấy tiếng. Miệng ông hé mở. Đôi mắt chiếu thẳng vào tôi. Ông ngồi bất động nhưng ngực vẫn đều đặn phập phồng. Tôi nghe thấy hơi thở của bản thân và tiếng ong vo ve. Tôi đang nắm chặt thành ghế. Bình thường, tôi chỉ ngồi căng cứng thế này trên máy bay khi đi vào vùng thời tiết xấu hoặc chuẩn bị hạ cánh. Tôi từ từ thả lỏng rồi buông mình xuống phần nệm mềm mại.

Chúng tôi im lặng. Dần dà, căn nhà ngập đầy những âm thanh kì dị. Gỗ ken két. Thứ gì sột soạt dưới chân. Chim gù gù dưới hiên. Đâu đó gió thổi làm cửa chớp lạch cạch. Vòi nước trong bếp nhỏ tong tong... Và tôi đang ảo tưởng mình nghe thấy trái tim U Ba đập?

Tôi cố gắng hình dung về cha. Về nỗi cô độc cha phải chịu đựng, tuyệt vọng cùng bóng tối bủa vây trước ngày ông gặp Mi Mi. Ông đã giằng xé ra sao trước tương lai đánh mất mọi thứ bà trao gửi? Mắt tôi ầng ậng nước. Tôi chật vật kìm nén nhưng chỉ khiến tình trạng trầm trọng hơn. Thế là tôi mặc mình khóc, khóc như thể chính tôi đã đưa cha đến nhà ga đi Rangoon. U Ba đứng dậy và lại gần. Ông đặt một tay lên đầu tôi. Tôi u uất. Có lẽ đây là lần đầu tiên tôi thực sự rơi lệ vì cha. Mấy ngày sau khi ông biến mất, tôi nhớ ông da diết. Tôi âu sầu, ảo não. Hình như tôi cũng khóc thì phải. Nhưng tôi không dám chắc. Mà nếu có thì những giọt nước mắt ấy vì ai? Vì cha? Hay vì tôi, bởi tôi đã mồ côi cha? Hoặc ấy là nước mắt của thịnh nộ và thất vọng khi ông bỏ mẹ con tôi đi?

Nói trắng ra, ông chưa bao giờ chia sẻ bất cứ điều gì về hai mươi năm đầu đời, tức chưa từng cho chúng tôi cơ hội để khóc thương cùng

ông hay vì ông. Nhưng nếu ông kể, liệu tôi có muốn nghe? Ở vị trí của mình, liệu tôi có thể thông cảm với ông? Những đứa con liệu có muốn biết về cha mẹ chúng dưới tư cách những cá nhân độc lập? Liệu ta có thể chấp nhận con người họ trước đây, khi ta chưa chào đời?

Tôi lôi khăn tay ra khỏi ba lô lau mặt.

“Cô đói chưa?” U Ba hỏi.

Tôi lắc đầu.

“Có khát không?”

“Hơi.”

Ông lui vào bếp rồi quay ra với cốc trà đá trên tay. Trà có vị gừng và chanh, uống vào mát rượi.

“Cô mệt không? Hay tôi đưa cô quay lại khách sạn nhé?”

Dẫu kiệt sức nhưng tôi không muốn ở một mình. Mới nghĩ đến căn phòng mà lòng tôi đã lộn cộn. Trong tâm trí tôi, căn phòng sao mênh mông quá, rộng hơn cả sảnh ăn vắng tanh, chiếc giường sao to lớn quá, hơn cả khoảnh vườn khách sạn. Tôi thấy mình nằm trên giường, cô đơn và lạc lõng. “Tôi muốn nghỉ một lát. Ông có phiền nếu tôi... Chỉ vài phút thôi... nếu tôi...?”

U Ba ngắt lời tôi, “Tất nhiên rồi, Julia. Nằm xuống đi. Tôi sẽ lấy chăn cho cô.”

Tôi còn chẳng thể nhắc mình khỏi ghế, cả người tôi rệu rã. Trông vậy mà đi vắng vô cùng thoải mái. Tôi cuộn tròn trên nệm và lơ mơ nhận thức được U Ba đắp cho mình tấm chăn mỏng. Tôi thiếp đi ngay. Tôi nghe thấy đàn ong. Tiếng vo ve đều đều ru tôi vào giấc ngủ. U Ba đi ngang phòng. Chó sủa. Gà trống gáy. Lợn ụt ịt. Dãi nhều khỏi khoe miệng tôi.

Lúc tôi tỉnh dậy, trời tối và tĩnh mịch. Tôi mất vài phút xác định nơi mình đang ở. Thời tiết mát mẻ. U Ba đã đắp thêm tấm chăn dày hơn cho tôi và còn kê gối dưới đầu tôi. Trên chiếc bàn trước mặt là một cốc trà, đĩa bánh cùng bình hoa cắm bó nhài tươi rói. Tôi nghe tiếng

cánh cửa gỗ cũ kĩ nặng nề đóng sập lại, rồi xoay người, co gối, kéo chăn lên tận cằm ngủ tiếp.

Khi tôi mở mắt, trời đã sáng trưng. Trước mặt, làn khói nhẹ bốc lên từ cốc nước nóng. Bên cạnh để gói Nescafé, một viên đường, sữa đặc cùng bánh mới ra lò. Năng rót qua hai khung cửa sổ, từ ghế, tôi thấy một khoảng trời. Màu xanh đậm hơn và gần gao hơn bầu trời New York quen thuộc. Hương ban mai tinh khôi, khiến tôi bất giác nhớ về những ngày hè cuối tuần ở Hamptons, khi tôi còn là một cô bé, sáng sớm, tuy đã tỉnh ngủ song tôi sẽ nằm ườn trên giường nghe tiếng biển rì rào qua khung cửa sổ để ngủ, hít hà bầu không khí se se trong phòng, thứ không khí dù hơi lạnh nhưng vẫn báo hiệu ngày nắng nóng.

Tôi ngồi dậy rồi vươn vai. Lạ một điều là tôi không hề đau lưng, đau thông thường, nếu nằm giường lạ thế nào tôi cũng đau. Đêm qua tôi đã ngủ ngon lành trên chiếc đi văng cũ với lớp bọc sần rách. Tôi bước đến cửa sổ. Hàng rào hoa giấy rất lớn mọc quanh nhà. Mảnh sân quét tước sạch sẽ. Cũi xếp gọn giữa hai cái cây, ít đóm nhóm lửa đặt bên cạnh. Một con chó không rõ giống gì chạy lung tung, heo lăn lóc bên dưới.

Tôi vào bếp. Lửa âm ỉ cháy trong góc, bên trên bắc ấm nước. Khói bốc thẳng rồi biến mất qua lỗ thông trên mái nhà. Vậy mà mắt tôi vẫn cay sè. Kê sát tường là cái chạn để mở, trong có mấy chiếc bát thiếc, đĩa, ly cùng mấy cái nồi bám đầy bồ hóng. Ngăn thấp nhất xếp trứng, cà chua, bó hành to đùng, gừng và chanh.

“Julia?” Giọng U Ba vang lên từ căn phòng bên cạnh.

Ông ngồi ở bàn, xung quanh toàn là sách. Cả căn phòng ngập tràn sách. Trông chẳng khác nào thư viện cũ kĩ. Sách nhét kín các ngăn kệ từ sàn nhà đến trần. Sách đặt thành đống trên phản gỗ hoặc trên ghế bành. Chiếc bàn còn lại cũng xếp đầy sách. Nhiều cuốn mỏng cỡ đầu ngón tay, nhiều cuốn dày như từ điển. Bìa mềm cũng có nhưng hầu hết

là bìa cứng, thậm chí một số còn bọc da. U Ba gù người trước cuốn sách đang mở, giấy vàng ố, nhìn hao hao tấm thẻ bấm lỗ*. Ngay cạnh là đủ loại nhíp, kéo và hồ keo trắng đặc sệt. Hai ngọn đèn dầu để trên bàn cho thêm chút ánh sáng, U Ba liếc nhìn tôi qua cặp kính dày cộp.

“Ông làm gì vậy?”

“Tôi giết thời gian thôi.”

“Là gì?”

Ông dùng cặp nhíp dài mảnh nhấc miếng giấy nhỏ, nhúng nhanh vào keo rồi đặt lên một trong những cái lỗ bé xíu của cuốn sách. Ông lấy cây bút nhỏ màu đen viết lại nửa trên của chữ o. Tôi cố đọc đoạn văn chứa chữ cái ấy.

Ta mãi miết ngao d khá cốn

Cuố hành trình cũng là đếm bát đũa

Cảnh và người nà có khác đâu

Nhưng bỗng chốc ang một hình dng khác.

U Ba nhìn tôi và ngâm những dòng thơ trọn vẹn*.

“Một bài thơ trong tuyển tập của Eliot,” ông ôn tồn. “T. S. Eliot*. Tôi vô cùng tôn kính nhà thơ này.” Ông mỉm cười mẫn nguyện rồi cho tôi xem những trang đầu của cuốn sách. Trang nào trang nấy đầy những mảnh giấy bé tẹo. “Không được như sách mới song ít nhất vẫn đọc ra chữ.”

Tôi hết nhìn ông lại nhìn quyển sách. Ông nghiêm túc đẩy ư? Tôi dám chắc cuốn sách không dưới 200 trang thùng lỗ chỗ. “Ông tốn bao nhiêu thời gian cho một cuốn sách như vậy?”

“Đến tuổi này thì vài tháng. Trước đây từng nhanh hơn. Nhưng giờ mắt tôi không hợp tác nữa rồi, đã thế cúi người vài tiếng là lưng cũng kháng chiến luôn. Chưa kể nhiều khi tay cứ run lẩy bẩy.” Ông lật

những trang còn lại và buông tiếng thở dài. “Riêng cuốn này xuống cấp quá. Đến cả đám mọt sách cũng thích Eliot thì phải.”

“Nhưng chắc chắn vẫn còn những cách phục chế sách hiệu quả hơn mà. Làm vậy thì sức đâu ông chịu nổi.”

“Tôi e chẳng còn cách nào trong khả năng của tôi cả.”

“Vậy để tôi gửi tặng ông ấn bản mới từ New York của những cuốn ông thích nhất nhé,” tôi đề nghị.

“Đừng nhọc công. Tôi đọc hết mấy cuốn quan trọng khi chúng chưa nát rồi.”

“Vậy ông phục chế chúng làm gì?”

U Ba mỉm cười.

Chẳng ai lên tiếng nữa, tôi đảo mắt ngó nghiêng. Tôi đang đứng trong một căn nhà gỗ không điện, không nước, xung quanh là hàng nghìn cuốn sách. “Số sách này từ đâu ra thế?” Tôi tò mò hỏi.

“Từ mấy người Anh. Tôi đam mê sách vở ngay khi còn bé. Hậu chiến, rất nhiều người Anh không trở lại, và sau ngày giải phóng, số người rời khỏi đây hằng năm lại còn nhiều hơn. Những quyển nào không muốn mang theo, họ để cho tôi.” Ông đứng dậy, bước lại kệ và lấy một quyển to nặng bọc da rồi lật qua. Trang giấy đầy lỗ thủng. “Cô xem, biết bao cuốn sách đã chịu chung số phận buồn thảm với tập thơ Eliot. Thời tiết. Sâu mọt.” U Ba bước qua chiếc tủ con dưng sau bàn. “Những cuốn tôi đã hoàn thành đây.” Ông chỉ vào hơn hai chục cuốn sách trong tủ rồi lựa một cuốn đưa tôi. Cuốn sách bọc da chắc nịch, rất đẹp. Tôi mở ra xem. Cả trang đầu đề cũng lỗ chỗ mấy mẫu giấy. HỒN CỐT DÂN TỘC, nhan đề viết hoa. London, 1902.

“Nếu cô muốn biết thêm về đất nước tôi thì cuốn này là khởi đầu phù hợp.”

“Nhưng nó khá lỗi thời rồi,” tôi đáp, thoáng gắt gỏng.

“Quốc hồn quốc túy không suy suyển một sớm một chiều đâu.”

U Ba kéo kéo dải tai, nhìn xung quanh tìm kiếm, ông lôi vài cuốn sách từ ngăn bên dưới lên rồi lấy chiếc chìa khóa trong hộp sơn mài đỏ trên bàn và mở ngăn kéo. “Đúng như tôi nghĩ, tôi đã khóa nó lại,” ông nói, đoạn nhắc một quyển sách ra. “Sách viết bằng chữ Braille. Bà Su Kyi để lại cho tôi trước khi qua đời. Đây là tập một của bộ sách Tin Win yêu thích. Bà quên xếp nó vào hành lý ngày Tin Win đi Rangoon.”

Cuốn sách nặng và kì lạ. Gáy đã nát.

“Ai lại để cô đứng thế này. Theo tôi nào. Ta uống cà phê, còn cô cứ thông thả mà xem sách.”

Chúng tôi qua phòng khách, U Ba rót nước nóng từ phích và pha cà phê cho tôi. Tôi đặt sách lên đùi rồi mở ra xem. Các trang giấy toàn lỗ là lỗ, y như những quyển khác. Tôi lướt ngón trỏ trên mặt giấy, một cách băng quơ, như kiểu kiểm tra cái kệ bám bụi xem cô giúp việc đã lau sạch chưa. Tôi bối rối đóng sập lại, đặt lên bàn. Tiếng hát từ xa vắng lại. Nhiều giọng hòa vào nhau, nhạt nhòa, mỏng manh đến mức tưởng như sẽ tan biến đi trước khi chạm đến tai. Một cơn sóng chìm vào cát trước khi đánh tới chân tôi.

Tôi căng tai lắng nghe nhưng chẳng thấy được gì. Tôi bèn nín thở và ngồi im đến khi bài hát vang lên, lần này to hơn, đủ để tôi không mất dấu chúng nữa. Chỉ có thể là tiếng đọc kinh của các chú tiểu, lặp đi lặp lại, không biết mệt mỏi.

“Là các chú tiểu ở tịnh xá phải không?” Tôi hỏi.

“Không phải các chú ở tịnh xá trong thị trấn đâu. Trên núi còn một tịnh xá nữa, nếu gió thuận chiều, những sớm tinh sương, bài ca của các chú tiểu sẽ vang vọng đến tận đây. Cô đang nghe âm thanh Tin Win và Mi Mi nghe ngày xưa. Năm mươi năm nhưng vẫn như cũ.”

Nhắm mắt lại, người tôi run lên. Giọng của đám trẻ như đi qua tai, truyền đến cơ thể, chạm vào tôi, nơi không từ ngữ, không suy tư, không kẻ nào từng làm được.

Phép thuật này từ đâu mà có? Lời họ hát, một chữ bẻ đôi tôi cũng chẳng hiểu. Vậy cái gì khiến tôi rung động đến thế? Làm cách nào một con người có thể xúc động đến nhòa lệ bởi thứ cô ta không nhìn hay hiểu, còn chẳng chạm vào được, bởi thứ âm thanh gần như mất dạng ngay lúc vang lên?

Cha tôi thường nói âm nhạc là lý do duy nhất khiến ông có những lúc tin vào thần Phật hay thế lực siêu nhiên.

Đêm nào cũng vậy, trước khi đi ngủ, cha hay ngồi trong phòng khách, mắt nhắm nghiền, nghe nhạc bằng tai nghe. Đó là cách duy nhất để tâm hồn cha tìm thấy an yên lúc đêm về, cha thủ thi.

Tôi không nhớ nổi có buổi hòa nhạc hay opera nào cha tôi xem mà không rơi lệ. Nước mắt giàn giụa trên mặt ông như nước hồ, tuy lặng im nhưng ồ ạt tràn ra. Suốt lúc ấy, nụ cười không tắt trên môi ông.

Lần nọ, tôi hỏi cha sẽ mang thứ gì đến đảo hoang nếu phải chọn giữa âm nhạc và sách.

Tôi thầm ước giá tiếng ca của các chú tiểu sẽ không bao giờ dứt. Phải chi nó dập dìu bên tôi cả ngày. Cả đời. Và sau đó nữa. Đã khi nào tôi cảm thấy gần cha mình đến vậy chưa? Có lẽ U Ba nói đúng. Có lẽ cha luôn ở sát bên, chỉ là tôi không tìm mà thôi.

Tôi những muốn thăm căn nhà, nơi cha sống thời hoa niên và thơ bé. Biết đâu ông và Mi Mi đang nấu mình ở đó?

U Ba ngần ngừ.

“Giờ căn nhà đã đổ nát lắm, cô sẽ phải viện đến trí tưởng tượng rất nhiều mới lần theo nổi những mối liên hệ với tuổi thơ của ông đấy,” ông cảnh báo.

Nhưng ngay lúc này đây, tôi đã nghe thấy hơi thở cha chỉ cách mình vài mét. Ông đang hỗn hển sau một hồi công Mi Mi lên núi. Bà đã nặng hơn, còn ông đã già đi. Tôi nghe tiếng họ thủ thi. Thêm vài bước tôi sẽ lướt qua hai người.

Chỉ vài ba bước.

“Tôi có việc cần giải quyết,” U Ba ôn tồn. “Cô cứ đi trước nhé?” Ông chỉ đường và bảo sẽ đuổi theo tôi sau.

Thế là một thân một mình, tôi lê bước qua đỉnh núi. U Ba đã mô tả chi tiết về con đường đất đầy ổ gà và những vết bánh xe lún. Kì dị làm sao khi tôi lại thấy thật thân thuộc. Khép mi, tôi cố tưởng tượng cảnh cha bước dọc con đường. Tôi giật mình trước hăng hà sa số nào động bỗng dừng nghe thấy. Chim. Châu chấu. Ve. Đám ruồi vo ve to đến khó chịu, chó sủa gâu gâu đằng xa. Chân tôi giẫm trúng ổ gà và rãnh xe lầy lội. Tôi vấp nhưng không ngã. Không khí vương mùi bạch đàn với hoa nhài. Một chiếc xe bò vượt qua tôi. Nhìn đàn bò đến thắm. Trơ xương sườn, mắt lồi khỏi sọ như sắp sửa nổ tung vì kiệt sức.

Bên kia đỉnh núi nhác thấy bóng ngôi nhà. Tôi bước chậm lại. Đến cổng vườn, tôi dừng chân, lòng chùng xuống.

Cổng xô lệch, bản lề phía dưới đã long ra. Cỏ mọc lìa chia từ khe hở trên cột đá. Hàng rào gỗ um tùm bụi cây. Cứ cách vài ba thanh gỗ lại khuyết một thanh, cỏ trong sân úa vàng, cháy sém dưới ánh mặt trời. Ngôi nhà chính, một biệt thự phong cách Tudor hai tầng màu vàng, có ban công hoành tráng trên tầng hai, từ đó phóng tầm mắt xuống chắc chắn sẽ thấy cả thị trấn cùng núi non trùng điệp. Cột nhà, mái hiên, khung cửa sổ đều được chạm trổ. Có nhà kính sườn nằng và dầm ba vòm cửa đón sáng, cây đâm ra từ ống khói. Khung kèo mái nhà đôi chỗ lộ thiên do mất vài tấm ngói. Lan can ban công mất phân nửa số chấn song, mưa bão cũng khiến lớp sơn mặt tiền bạc màu hết cả. Đa số cửa sổ đều đã bể.

Những ngôi nhà hoang khiến lòng tôi nặng như chì, kể cả ở New York. Ngày còn bé, tôi tránh chúng như tránh tà, nhác thấy là sẽ qua đường ngay tắp lự. Chúng bị ma ám. Phía sau những ô cửa bít ván, đám ma quỷ đang âm thầm đợi tôi. Tôi chỉ dám đi qua nếu có cha song hành, nhưng cả mấy lúc ấy, tôi đều bước mé ngoài.

Biệt thự này cũng mang nét dị thường như thế. Sao không ai coi sóc nó nhỉ? Vẻ lộng lẫy một thời vẫn hiển lộ rành rành thế kia. Chẳng nhọc công họ cũng gìn giữ được cơ mà. Ấy là nếu có người.

Mà nếu vậy thì sao? Thứ gì lẫn bên trong? Hồn ma bóng quế? Hay hai cuộc đời không được sống?

Phía dưới ngôi nhà là căn chòi đồ nát, mái ẩm ngày xưa của bà Su Kyi và cha tôi. Nó còn nhỏ hơn phòng khách nhà chúng tôi ở New York. Tôi chẳng thấy cửa sổ, có mỗi khung cửa trống. Mái tôn lượn sóng màu nâu cũ gỉ, thạch cao bong tróc. Tôi thấy chỗ nhóm lửa, đồng củi hứng bao mưa nắng và băng ghế gỗ. Hai phụ nữ trẻ đang ngồi đó, bông con trong lòng. Họ nhìn tôi rồi nở nụ cười. Cạnh chòi phơi bốn bộ longyi. Hai con cún chạy rộn trong sân. Một con khác ưỡn lưng ị, đoạn rầu rĩ nhìn tôi.

Tôi hít hai hơi thật sâu rồi bước qua cổng. Trên bãi cỏ trước mặt có một gốc cây. Nhìn biết ngay đây từng là cây thông đại thụ. Kiến bò thành đường quanh lớp dày. Mặt gỗ nhẵn, đôi chỗ đã mục song lõi vẫn còn nguyên sau ngần ấy năm. Tôi trèo lên chẳng khó khăn gì. Gốc cây ẩm và chắc chắn. Cảnh vật phía thung lũng bị án ngữ bởi vài bụi cây lớn. Tôi vỡ lẽ lý do mình nửa muốn thấy nơi đây bằng mọi giá, nửa lại kinh sợ. Bởi chốn này là chìa khóa cho câu chuyện của U Ba. Khoảnh khắc tôi nghe giọng trẻ nhỏ ca vang ở tịnh xá, chuyện ông kể không còn là ngụ ngôn. Nó ngân trong tai tôi, thậm chí tôi còn ngửi thấy và chạm tay vào. Đây là gốc cây nơi cha tôi mỗi mùng chờ mẹ của ông, cũng là nội tôi. Nơi ông thiếu điều đói khát mà chết. Trong khoảnh sân này, ông đã mất đi thị lực. Trong thị trấn kì lạ chẳng mấy đổi thay sau năm mươi năm này, ông từng sinh sống. Ông và bà Mi Mi. U Ba đang đưa tôi đến chỗ hai người. Tôi nghe tiếng họ thì thầm. Giọng họ nói. Chỉ vài bước nữa thôi.

Sẽ thế nào nếu tiếp đây, họ sẽ bước đến và đứng trước mặt tôi? Mới nghĩ thôi mà người đã tê đi vì hoảng hốt. Có lẽ Mi Mi và cha tôi đang nường nấu trong căn biệt thự tàn tạ này. Biết đâu họ đã thấy tôi từ

khung cửa sổ? Liệu họ sẽ ẩn nấp, trốn chạy, hay bước ra đón chào tôi? Tôi sẽ nói gì nhỉ? Chào cha? Sao cha lại bỏ rơi cả nhà? Cớ chi cha không kể con nghe về Mi Mi? Con nhớ cha lắm.

Cha tôi sẽ phản ứng thế nào? Liệu ông có cău vì tôi truy tìm ông khi hai năm rưỡi rồi ông cố tình biến mất không để lại dấu vết? Đáng lý tôi phải tôn trọng ý nguyện của ông mà yên thân ở New York chứ? Dẫu vậy, liệu ông có ôm tôi vào lòng? Liệu tôi có thấy ánh lấp lánh trong mắt ông mà tôi hằng khắc khoải nhớ mong? Thật đau lòng khi tôi chẳng thể chắc chắn về thái độ của cha. Hà cớ gì tôi lại nghĩ ông có thể không vui khi thấy tôi?

“Mi Mi và cha cô không sống ở đây.” U Ba lên tiếng. Tôi không biết ông đã đến.

“U Ba, ông làm tôi hết hồn.”

“Xin lỗi. Tôi không cố ý.”

“Sao ông biết tôi nghĩ gì?”

“Liệu cô còn nghĩ điều gì khác nữa?” U Ba mỉm cười nghiêng đầu. Ánh nhìn của ông trao đầy trù mến, một ánh nhìn khuyến khích tôi liệu mình. Tôi muốn chìa tay cho ông. Và rồi ông sẽ dẫn tôi băng qua căn nhà ma này để về nhà. Về với an toàn.

“Cô sợ hãi điều gì?”

“Tôi không rõ.”

“Cô không có lý do gì phải e ngại. Cô là con gái Tin Win cơ mà. Sao cô lại nghi ngờ tình thương ông dành cho cô?”

“Cha đã bỏ chúng tôi mà đi.”

“Yêu thương thì nhất định phải cận kề ư?”

“Vâng.”

“Tại sao? Yêu thương mang nhiều bộ mặt mà trí tưởng tượng của chúng ta chưa được chuẩn bị để thấu tỏ tất cả.”

“Tại sao lại khó đến thế?”

“Bởi ta chỉ nhìn thứ ta đã biết. Ta quy chụp những định kiến của mình, dù tốt hay xấu, lên người khác. Sau đấy, ta nhìn nhận mọi thứ, đặc biệt là thương yêu, tương ứng với hình ảnh ta tự tạo nên. Ta mong được yêu thương như chính ta sẽ yêu thương, chút sai khác sẽ khiến ta khó chịu. Ta đáp lại bằng hồ nghi cùng ngờ vực. Ta ngộ giải những dấu hiệu. Ta không hiểu ý nghĩa của ngôn từ. Ta lên án. Ta quả quyết người kia không yêu thương ta. Song biết đâu chỉ là người ấy thương ta theo cách đặc biệt ta không đủ sức nhận ra. Tôi mong cô hiểu điều tôi muốn nói sau khi nghe trọn câu chuyện.”

Tôi chưa hiểu. Nhưng tôi tin ông.

“Tôi mới mua trái cây ở chợ. Nếu cô thích, ta có thể ngồi dưới cây bơ và tôi tiếp tục kể chuyện.” U Ba rào bước lên trước, đến chỗ hai phụ nữ trẻ rõ ràng có quen thân. Họ mỉm cười, nhìn về phía tôi, gật đầu rồi đứng dậy. U Ba cặp băng ghế gỗ trên tay, mang lại chỗ cái cây trong khi tôi đứng đợi dưới bóng râm.

“Nếu tôi không nhầm thì ông nội cô đã đóng chiếc ghế này. Gỗ tếch. Còn bền cả trăm năm là ít. Trước giờ tôi mới phải sửa một lần.” Ông lôi bình thủy cùng hai cái ly con khỏi túi rồi rót trà.

Tôi nhắm mắt. Cha đang trên đường đi Rangoon mà chưa gì tôi đã có linh cảm chuyến đi sẽ lắm chông gai.

Vờ như chết. Không nhúc nhích. Khẩn cầu cho thời gian trôi. Im thin thít. Không ăn không uống. Thở khẽ khàng. Hi vọng tất cả không phải là sự thật.

Tin Win thu lu trên tàu, chẳng nói chẳng rằng. Cậu tảng lờ câu hỏi của hai người đàn ông đến khi họ chịu thua và để cậu yên. Những câu trao đổi, tiếng tim đập của hành khách chung toa lướt qua không để lại ấn tượng gì, giống như cảnh đêm vút ngang cặp mắt người đi tàu vậy.

Không gian tĩnh lặng ở nhà chú khiến mọi chuyện dễ dàng hơn. Không cần chuyển tàu hay lờ tịt câu hỏi. Cậu chỉ có một mình. Cậu bất động trên giường, tay chân dang rộng. Giả chết. Song chẳng phải khi nào cũng thành công. Cậu khóc. Cậu không ngăn nổi những cơn run rẩy kéo dài mấy phút rồi mới từ từ giảm đi. Như nước biển rút dần khỏi bờ cát.

“Làm ơn,” nửa thẳm thì, cậu nói như thể có người trong phòng, “xin đừng để mọi sự thế này. Làm ơn hãy cho tôi tỉnh dậy.” Cậu tưởng tượng mình đang nằm trên chiếu ở Kalaw với bà Su Kyi. Cậu vẫn nằm ngủ lúc bà tỉnh giấc. Cậu nghe tiếng bà lục đục trong bếp. Cậu ngửi thấy mùi đu đủ xanh ngai ngái. Cậu nghe thấy Mi Mi ngồi ngay trước mặt cắn mút hạt xoài. Rangoon chỉ là cơn ác mộng. Là chút hiểu lầm. Xa thật xa tựa mây đông phía chân trời đang di chuyển về phương khác.

Nó giúp cậu trút bỏ một gánh nặng không gì đong đếm. Song nó đã đi rồi, tản mát như làn khói trước gió.

Có tiếng gõ cửa. Tin Win không trả lời, thế là tiếng gõ lại vang lên. Cửa mở và một người tiến vào. Một cậu bé, Tin Win thầm nghĩ, cậu phỏng đoán dựa trên cách đi. Nam nữ bước đi khác nhau. Đàn ông vụng về hơn, đi ồn ào hơn, uỳnh uych đáp đất bằng cả bàn chân, ngược lại phụ nữ thường bước từ gót đến ngón, phát ra tiếng êm dịu hơn. Họ vuốt ve sàn nhà bằng lòng bàn chân. Bước chân của cậu bé khá hoạt bát. Cậu ta đặt khay lên chiếc bàn cạnh giường. Mùi cơm với rau. Cậu bé rót nước trong bình ra cốc. Tin Win phải uống nhiều vào, cậu ta lên tiếng. Dù gì Tin Win cũng từ trên núi mới xuống nên chưa quen với cái oi bức thủ đô. Sau vài tuần điều chỉnh, cậu sẽ bắt được nhịp sống. Tin Win cứ nghỉ ngơi thoải mái và cần gì thì cứ gọi cậu ta. Chú hiện không có nhà nhưng đến giờ cơm tối sẽ về.

Còn lại một mình, Tin Win ngồi trên giường, với lấy khay. Cậu ăn vài miếng. Cà ri ngon nhưng miệng cậu nhạt thếch. Nước khiến cậu khoan khoái.

Vài tuần điều chỉnh. Những lời vốn để trấn an nhưng nghe như lời nguyên rủa. Cậu chẳng tưởng nổi phải trải qua bất cứ ngày nào vắng bóng Mi Mi.

Có gì đó vo ve trên đầu, thứ tạp âm chương tai hết mức, không giai điệu, đều đều đến gai người. Nó không suy suyễn, chẳng dịu đi cũng không to hay yếu hơn. Cùng lúc, cậu cảm nhận cơn gió phả từ trên xuống. Đến khi ấy cậu mới nhận ra trời nóng cỡ nào. Làn gió hiu hiu chẳng làm mát nổi bởi quá oi bức. Nóng thêm chút nữa, có lẽ nó đã thiêu cháy da cậu.

Tin Win đứng dậy khám phá phòng mình. Nín thở, cậu lắng nghe. Vài con kiến đang bò trên bức tường trước mặt. Dưới giường có con nhện lẩn khuất, một con ruồi đã mắc vào mạng nhện. Cậu nghe thấy nó vẫy vùng, nghe tiếng vo ve quần bách mỗi lúc một nhỏ. Nhện lại gần con mồi. Hai con thạch sùng bám trên trần nhà thi nhau tặc lưỡi. Chẳng tiếng động nào tiết lộ được chút thông tin. Cậu khua tay bước đi.

Ghế không có tiếng hay mùi. Mu bàn tay quơ trúng cạnh gỗ, cậu ré lên đau điếng. Cơn đau truyền ngay lên vai. Cậu khuyu xuống rồi bò quanh phòng. Bàn cũng không tiếng không mùi. Thế nào trên trán cậu cũng có vết bầm tím cho mà xem.

Như chuyên viên vẽ bản đồ nghiên cứu địa hình mới, Tin Win rờ rẫm từng góc phòng nhằm tránh bị thương lần nữa. Ngoài bàn ghế, sát tường có chiếc tủ to. Cạnh giường dựng hai cái bàn, cao mà nhỏ, để đèn. Phía trên bàn treo bức tranh. Hai cửa sổ cao hé mở, chạm gần sát đất. Cửa chớp đang đóng. Tin Win gõ tay lên sàn. Là gỗ tẻch chuyên dụng. Âm vang không lẫn vào đâu được. Cậu cân nhắc việc khám phá cả ngôi nhà, nhưng rốt cuộc nằm xuống đợi chú trở về.

Tiếng gõ cửa khiến Tin Win tỉnh giấc. Vẫn là cậu bé ban sáng. Người chú đang đợi cậu ra dùng bữa.

Tin Win ngập ngừng đặt chân này trước chân kia khi bước xuống chiếc cầu thang lượn hình cung rất lớn xuống tầng một. Độ vang của bước chân tiết lộ kích thước gian phòng. Ất hẳn nó rộng thênh thang, một dạng không gian mở thông lên tận giếng trời. Tin Win nghe tiếng cậu bé đi bên cạnh. Xuống đến bậc thang cuối, cậu bé nắm lấy tay Tin Win và dẫn cậu băng qua hai gian phòng lớn vào phòng ăn.

Trong lúc đợi cháu trai, U Saw pha cho mình cốc soda chanh rồi ra ngoài thềm ngắm nghía khu vườn sau nhà. Một chiếc lá cọ to bản màu nâu lủng lẳng trên cây. Tay thợ làm vườn chắc chắn đã bỏ sót rồi đây, làm ăn tắc trách thế này thật khó lòng chấp nhận, U Saw thầm nhủ, có lẽ đã đến lúc đuổi việc thêm một tên đầy tớ. Chẳng còn cách nào chắc ăn hơn thế nếu muốn chữa cái bệnh biếng nhác của đám còn lại, chí ít cũng được dăm ba tháng. Ông bước xuống bãi cỏ, cúi người kiểm tra xem cỏ cắt thẳng thơm chưa. Vài ngọn cỏ trời lên thấy rõ. Ngày mai ông sẽ lo liệu những chuyện cần thiết.

U Saw thuộc số ít người Myanmar đạt được giàu sang phú quý hơn bình thường dưới quyền cai trị của Anh Quốc. Nếu tính toán số dự án kinh doanh, bất động sản ở nước ngoài và lượng tiền mặt, ông là một

trong những người kéch sù nhất nước, tất nhiên không kể mấy người Anh và vài người châu Âu sống tách biệt chẳng dính dáng gì đến phần còn lại của Myanmar nên so sánh sẽ thành ra khập khiễng. Cơ ngơi ông sở hữu trên đường Halpin ngang ngửa những biệt thự lộng lẫy bậc nhất. Ngôi nhà với hơn hai chục phòng, bể bơi và sân chơi tennis không phải ở góc đường nào cũng có, ngay cả khu tập trung người da trắng cũng còn hiếm. Do bản thân không chơi tennis nên ông bắt lũ tôi tớ võ vẽ mà chơi. Sáng nào cũng vậy, khi bình minh vừa ló, hai trong năm tay thợ làm vườn sẽ đánh bóng qua lại trong một tiếng đồng hồ nhằm tạo ấn tượng vị chủ nhân dùng sân tennis thường xuyên. Bởi thế nên hàng xóm và khách đến nhà đều cho rằng ông là một người năng tập thể thao. Ngoài thợ làm vườn, U Saw thuê thêm hai đầu bếp, hai lái xe, vài bà lao công, ba bảo vệ gác đêm, một cậu tớ trai, một quản gia, một người quản lý tiền bạc và chuyện mua sắm.

Nhiều năm trước, thiên hạ đoán già đoán non về nguồn gốc sự giàu có của ông, nhưng tin đồn dần lắng xuống khi tài sản ông sở hữu càng ngày càng tăng. Địa vị xã hội nếu vượt ngưỡng nhất định sẽ cách ly người ta khỏi miệng lưỡi thế gian.

Về phần tiểu sử, ai trong thủ đô cũng biết thời thanh niên, vào những năm đầu thế kỉ, ông đã quen biết nhiều người Đức ở Rangoon. Ông nói trôi chảy ngôn ngữ ấy và sớm leo lên chức giám đốc một nhà máy xay gạo lớn của Đức. Thế chiến thứ nhất buộc tay chủ nhà máy và hầu hết đám người Đức phải rời bỏ thuộc địa Anh. Ông ta bèn chuyển nhượng việc kinh doanh cho U Saw, tất nhiên kèm điều kiện quyền sở hữu phải về lại tay ông này khi ông trở về sau cuộc chiến. Nghe đâu hai tay đại gia buôn gạo cũng góp mặt, họ bán xí nghiệp cho U Saw với cái giá vài rupee mang tính tượng trưng. Về sau, chẳng ai gặp những người này ở Rangoon nữa. Còn U Saw không hé nửa lời về bước ngoặt trời ban ấy.

Thập niên 1920, những dự án đầu tư của U Saw không ngừng mở rộng, đầu thập niên 1930, ông đã có những quyết định khôn ngoan để

hưởng lợi từ cuộc Đại Khủng hoảng, bởi ngay cả Đông Nam Á cũng chịu tác động của suy thoái. Ông mua lại ruộng đồng và các nhà máy xay gạo đang chật vật về tài chính, sau giành quyền quản lý cơ sở kinh doanh của một ông trùm gạo người Ấn, chẳng mấy chốc, ông thao túng luồng lúa gạo lưu chuyển từ gốc tới ngọn, sản xuất tới xuất khẩu, ông duy trì quan hệ hòa hảo với các đối thủ người Ấn cũng như dân Anh và nhóm người Hoa thiểu số. Từ sớm, ông đã thấy rõ không biết giao thiệp thì chỉ có thiệt mà thôi. Để xứng tầm với khối tài sản kếch sù, ông quyên góp cho hai tịnh xá lớn nhất Rangoon không biết bao nhiêu tiền. Tính đến nay, ông đã xây ba ngôi chùa mang danh nghĩa của mình, ở sảnh ngay lối vào nhà còn trưng bàn thờ Phật hoành tráng.

Tóm lại, ở tuổi 50, U Saw mãn nguyện không để đâu cho hết với bản thân và hạnh vận mình có. Ngay cả cái chết thương tâm của mẹ vợ hai năm trước cũng chẳng khiến ông vợ bất hài lòng. Kì thực, cưới nhau chẳng có mụn con nào nên với ông, đây chỉ là mối quan hệ đôi bên cùng có lợi. Vợ ông vốn là con gái đại gia hàng hải, do đó ông mong hôn phối sẽ giúp giảm chi phí vận chuyển. Nào ngờ vị đại gia sừng sỏ kia lại trên bờ vực phá sản. Mang tiếng là kết hôn nhưng hai người rất hiếm khi thân mật.

U Saw chẳng thể nói mình đặc biệt nhưng nhớ gì ở mẹ vợ. Điều khiến ông mất ăn mất ngủ là sự tình dẫn đến cái chết của mẹ này. Lúc ấy, thầy bói nhất mực cản chuyển công tác ở Calcutta của ông. Ông mà đi chuyển này, tai ương kinh khiếp sẽ giáng xuống đầu gia đình. Nhưng U Saw bất chấp. Hai ngày sau, người ta tìm thấy vợ ông trong giường với con rắn hổ mang bành cuộn tròn bên trên. Hẳn nó đã bò vào phòng ngủ qua cửa sổ mở.

Từ dạo ấy, khi ra những quyết định quan trọng, trước nhất U Saw sẽ tham vấn thầy tử vi hoặc thầy bói. Mới hai tuần trước, thầy bói đã phán U Saw chỉ có thể tránh một tai ương dính tới cá nhân và kinh doanh - ông chẳng hiểu chúng khác nhau ở đâu nhưng không yêu cầu thầy đi sâu - bằng cách giúp một thành viên gia đình trong cảnh khốn

cùng. Lời thầy khiến ông vài đêm mất ngủ. Ông chẳng biết họ hàng nào gặp khốn cùng cả. Chúng nó đứa nào cũng nghèo. Hở ra là tiền, nên ông đã cạch mặt từ nhiều năm nay. Nhưng cảnh khốn cùng ư? Nặng óc mãi, ông ngờ ngợ hình như từng nghe số phận thảm thương của người họ hàng xa bên đằng vợ, một cậu trai mồ côi cha. Đêm nọ, cậu thanh niên bỗng bị mù, mẹ thì đã bỏ đi từ trước. Nghe đồn cậu sống với bà hàng xóm, đồng thời là người coi sóc biệt thự của U Saw ở Kalaw. Muốn lấy lòng các chòm sao thì còn cách nào ưu việt hơn giúp một thằng nhóc mù lòa? Ông cũng đã khéo léo hỏi thầy bói liệu khoản duyên góp - dĩ nhiên là hậu hĩnh - cho tịnh xá thì có hóa giải được tai ách ấy chẳng. Như thế cho đỡ phức tạp. Không à? Thế dựng thêm một ngôi chùa thì sao? Hoặc hai ngôi? Không được. Tinh tú rạch ròi lắm.

Ngay hôm sau, U Saw gửi hai trợ lý tín nhiệm nhất xuống Kalaw.

Nghe giọng nói trong phòng ăn, U Saw quay vào nhà. Thấy Tin Win mà ông đứng như trời trồng, ông cứ tưởng thằng bé phải què quặt, hom hem cả về thể chất lẫn tinh thần, khốn khổ đến mũi lòng. Nhưng cháu trai ông lại là chàng thanh niên rắn rỏi, khôi ngô, cao hơn ông ít nhất hai cái đầu, tỏa ra sự tự tin kì lạ. Cậu mặc áo trắng và váy longyi xanh tinh tươm. Trông cậu chẳng có vẻ gì cần trợ giúp, U Saw thất vọng tràn trề.

“Cháu trai yêu quý, chào mừng cháu đến Rangoon. Thật mừng khi cuối cùng chú cháu ta cũng được gặp nhau.”

Giọng nói của U Saw khiến Tin Win khó chịu ngay từ câu đầu tiên. Cậu không thể lý giải nổi những thanh âm ấy. Hoàn toàn xa lạ. Nghe thì thân thiện đấy, không quá to hay quá trầm, nhưng Tin Win mơ hồ cảm nhận nó khuyết yếu tố nào đó. Nó gọi cậu nhớ đến tiếng vo vo trên trần nhà. Chưa hết, nhịp tim chú còn kì quặc hơn, vô hồn và đều đều, tựa tiếng đồng hồ treo tường tích tắc ngoài hành lang.

“Ta mong chuyển đi dài không quá nhọc sức,” U Saw tiếp tục.

“Không ạ.”

“Mắt cháu thế nào rồi?”

“Ồn ạ.”

“Ta tưởng cháu mù.”

Tin Win nghe thấy giọng chú xen lẫn bối rối. Cậu cảm nhận đây không phải lúc thích hợp để thảo luận về mù lòa hay thị lực.

“Cháu muốn nói mắt cháu không đau ạ.”

“Thế thì tốt quá. Chao ôi, dạo gần đây qua mỗi quen biết ở Kalaw ta mới biết tình cảnh cháu. Chứ không, ta đã cố giúp cháu sớm hơn. Ta quen thân với bác sĩ Stuart McCrae, bác sĩ chính ở bệnh viện quy mô nhất Rangoon và là trưởng khoa Mắt. Ta đã sắp xếp để một vài tuần tới ông ta khám cho cháu rồi.”

“Cháu rất biết ơn tấm lòng của chú,” Tin Win nói. “Cháu không biết cảm ơn thế nào cho phải.”

“Cháu đừng khách sáo. Nền y học đang tiến những bước dài. Có thể cắt kính hay phẫu thuật sẽ chữa được cho cháu,” U Saw đáp, tâm trạng đi lên thấy rõ. Ông nghe giọng điệu ngoan ngoãn của cháu trai mà mát lòng mát dạ. Nó chứa đựng lòng biết ơn. “Cháu muốn uống gì không?”

“Nếu được, cháu xin chút nước.”

U Saw rót nước vào ly, song không biết nên đưa thế nào, ông đặt cách một cái lên chiếc bàn bên cạnh. Tin Win quơ lấy ly và hớp một ngụm.

“Ta đã yêu cầu nhà bếp chuẩn bị canh gà và cà ri cá với cơm cho cháu rồi. Ta đoán chúng sẽ hợp khẩu vị của cháu.”

“Được ạ.”

“Cháu cần giúp gì khi ăn không?”

“Không ạ, cảm ơn chú.”

U Saw vỗ tay rồi gọi tên ai đó. Cậu bé xuất hiện dẫn Tin Win vào ghế. Cậu ngồi xuống, chạm vào các món đồ trên chiếc bàn trước mặt, đĩa dẹt cùng tô sâu lòng, bên cạnh là khăn ăn, muỗng, dao và nĩa. Ở tịnh xá, sư thầy U May có lần đã ấn những thứ này vào tay cậu, giảng

giải rằng người Anh dùng chúng chứ không ăn bốc. Dạo thử ăn cà ri buổi trưa bằng muỗng, Tin Win rất kinh ngạc khi phát hiện dùng muỗng dễ thế nào.

U Saw quan sát, nhẹ nhõm khi thấy Tin Win có thể xoay xở với muỗng nữa và rằng mù lòa không cản trở cậu ăn uống lịch thiệp. Cả phần canh cũng chẳng làm khó được cậu. Thế mà U Saw cứ lo ngay ngáy rằng thằng cháu sẽ cần bón dứt hăng ngày, rồi chảy nhớt dài, đánh đổ thức ăn lên bàn.

Không ai nói năng gì. Tin Win mãi nghĩ về Mi Mi. Cậu thầm hỏi cô sẽ miêu tả chú của cậu thế nào. Ngón tay múp míp? Béo phì? Giống nhà buôn mía ở Kalaw chẳng, cái ông có nhịp tim cũng bằng thừa ấy? Mắt ông có lấp lánh không? Hay ánh nhìn cũng chỉ vô hồn như tiếng đập trong lồng ngực kia? Ai sẽ giúp cậu giải mã thế giới mới mẻ vừa bước vào này? Bác sĩ ư? Người bạn của chú sẽ làm gì với cậu? Và liệu cậu có được phép trở về Kalaw khi họ bó tay? Nếu may mắn, cậu có thể về bên Mi Mi cuối tuần sau.

Nếu các bác sĩ khôi phục thị lực của cậu thì sao? Tin Win chưa từng nghĩ đến khả năng ấy. Suốt mấy năm qua cũng không, từ khi đến Rangoon cũng không. Mà nghĩ làm gì? Bởi cậu đã có mọi thứ mình muốn.

Tin Win thử tưởng tượng phẫu thuật thành công sẽ ra sao. Đôi mắt sáng. Những đường nét sắc cạnh. Những khuôn mặt. Liệu cậu có còn giữ được thuật thính tâm? Cậu hình dung cảnh mình nhìn Mi Mi. Cô nằm trước mặt cậu. Thân thể thon gầy, khuôn ngực nhỏ nhưng chắc. Cậu thấy phần bụng phẳng lì. Cặp đùi mềm mại cùng nơi riêng tư của cô. Thật lạ khi cảnh tượng ấy không kích thích cậu. Chẳng thứ gì tuyệt vời hơn được mơn trớn làn da cô bằng lưỡi, chạm vào ngực cô bằng môi và lắng nghe tim cô nhảy múa cuồng say.

Giọng người chú cắt ngang dòng suy nghĩ. “Mấy ngày tới, ta có nhiều việc phải làm nên không dành nhiều thời gian với cháu được.” U Saw đặt muỗng nữa xuống. “Tuy vậy, cậu người hầu Hla Taw sẽ túc

trực. Nó sẽ dẫn cháu dạo vườn hoặc cả trong thành phố nếu cháu muốn. Có gì cần, cháu cứ bảo nó. Nếu ta thu xếp được, chú cháu ta sẽ cùng ăn tối vào dịp cuối tuần. Cuộc hẹn với bác sĩ McCrae vào thứ Ba.” U Saw ngập ngừng. Thầy bói có bảo phải dành bao nhiêu thời gian với thành viên gia đình gặp khốn cùng không nhỉ? Ông không nhớ chi tiết nào như vậy. Song chiều mai ông sẽ đến thỉnh thầy cho chắc.

“Thưa chú U Saw, cảm ơn chú,” Tin Win đáp. “Cháu không xứng với tấm lòng trời bể của chú đâu ạ.”

U Saw đứng dậy. Ông vô cùng hài lòng. Cháu ông cư xử gia giáo đầy chữ. Cứ nghĩ đến việc khôi phục được thị lực cho cậu trai này là ông lại sướng rơn. Một hành động trượng nghĩa, đầy lòng trắc ẩn như thế đâu phải thứ hiển nhiên, làm gì có chuyện không được ghi nhận.

Tin Win thức trắng đêm và ngủ vùi vào ban ngày. Cậu bị tháo dạ. Phòng vệ sinh như xa tít tắp, nên suốt mấy tiếng liền, cậu ôm bụng trên sàn gạch trước bệ xí vì sợ chạy không kịp.

Những tiếng động lạ chế nhạo hoặc đe dọa cậu mọi lúc. Có tiếng rào rào, ùng ục đằng sau tường và dưới sàn nhà vệ sinh. Con nhện dưới giường ngấu nghiến. Đám ruồi quẩn quại chờ chết, chân gầy rảnh rảnh, tiếng mút nhai sồn sột của nhện khiến cậu ghê người. Sáng nọ, cậu nghe thấy tiếng rầm vào phòng. Nhịp tim khiến nó lộ mình. Cậu nghe thấy nó trườn đến. Bò vào giường cậu. Ngang qua chân cậu. Cậu cảm nhận cơ thể lạnh và ẩm qua lớp chăn mỏng. Nó kêu xì xì cạnh đầu cậu tựa hồ muốn kể chuyện. Mấy tiếng sau, nó biến mất qua khung cửa ngõ. Thạch sùng trên tường lồi cậu ra cười đùa. Cậu bịt tai và hét lên cầu cứu đến tận mấy lần.

Hla Taw đổ lỗi cho đồ ăn lạ và thời tiết nóng bức. Song thâm sâu Tin Win đã hiểu rõ. Khi ấy cậu ngồi trên gốc cây. Ngóng chờ. Sớm thôi, mẹ cậu nói.

Cậu hít một hơi dài rồi nín thở. Đếm số giây. 40. 60. Áp lực trên lồng ngực tăng lên. 90. 120. Cậu bắt đầu chóng mặt. Cơ thể cậu thét gào đòi oxy. Tin Win không chịu. Cậu nghe tiếng tim mình lạc nhịp. Cậu biết mình có khả năng bắt nó khựng lại. Tốt lắm.

Thần chết hiện ra đằng xa, hùng hổ tiến lại, thoắt ẩn thoắt hiện và rồi đứng ngay trước mặt Tin Win.

“Người đã gọi ta lên.”

Tin Win sợ chính mình. Gọi thần chết đến nhưng bản thân cậu chưa muốn chết. Không phải bây giờ, không phải ở đây. Cậu cần về bên Mi Mi, được cảm nhận cô, hơi thở của cô trên da, môi cô cạnh tai và bài ca trái tim cô cất lên.

Cậu hít thật sâu.

Cậu sẽ tìm xem chú muốn gì ở cậu. Cậu sẽ thực hiện điều chú yêu cầu rồi trở về Kalaw nhanh nhất có thể.

Bốn ngày sau, Tin Win đứng ở bậc thềm dẫn ra mái hiên và lắng tai nghe. Trời đang mưa. Không nặng hạt mà chỉ rì rào tí tê. Tin Win thích mưa, bởi nó là đồng minh của cậu. Cậu nghe trong tiếng mưa lời Mi Mi thì thầm, âm thanh ấy sao nhẹ nhàng đến thế. Nó tạo hình cho khu vườn và ngôi nhà, lật mở tấm voan che phủ dinh thự người chú. Nó vẽ nên những bức tranh. Ở mỗi góc sân, tiếng mưa rơi mỗi khác. Bên cạnh cậu, mưa lộp độp đập lên mái tôn nối gian bếp với căn nhà. Trước mặt cậu, nó tí tách rơi trên những phiến đá ngoài hiên, mà giờ cậu có thể xác định chính xác kích thước nhờ mưa. Mưa rơi thật nhẹ trên cỏ. Cậu nghe ra lối đi giữa mấy luống hoa, bụi cây, bãi cỏ. Mặt đất im lìm nuốt chửng nước mưa. Mưa đáp xuống đám lá cọ to bản, chảy dọc thân cây. Mưa xối xả trút xuống khóm hoa, làm giập cánh. Cậu để ý mặt sân không phẳng, bởi mưa róc rách chảy ra đường. Cậu có cảm tưởng đây là lần đầu mình tiến lại cửa sổ, mở cửa chớp và nhìn thấy toàn cảnh khu nhà.

Mưa to dần, tiếng mưa trên mái tôn mỗi lúc một ráo riết, thế rồi Tin Win bước ra ngoài hiên. Nước mưa nơi đây ẩm hơn ở Kalaw nhiều. Cậu dang rộng tay. Giọt mưa to và nặng. Cậu cảm thấy Mi Mi trên lưng. Cậu muốn cho cô thấy khu vườn này. Bước được vài bước, cậu chạy ào đi. Cậu cắt ngang hiên xuống bãi cỏ, né cây cọ, chạy quanh sân tennis, nhảy qua hai bụi cây nhỏ, chạy một vòng cung thật rộng theo hàng rào bao quanh khu đất rồi quành lại hiên. Thêm một lần, lại một lần nữa. Chạy giúp cậu trút bỏ xiềng xích. Chạy giải phóng phần năng lượng đã hao mòn suốt mấy ngày nay.

Mưa kéo cậu khỏi âu lo; mưa càng rơi, nhựa sống càng căng tràn trong cậu. Mi Mi hiện diện bên cậu. Bởi cô là người giúp cậu mở mắt, bởi cô, theo nghĩa đen, chính là người nhìn vạn vật cho cậu, do đó cô luôn song hành cùng cậu. Thứ ngăn trở hai người là sợ hãi và giằng xé nơi cậu. Thầy U May từng nói: Sợ hãi làm ta mù mắt và điếc đặc. Cuồng nộ, ganh ghét và đa nghi cũng vậy. Chỉ có một thể lực mạnh hơn nỗi sợ.

Tin Win chạy đến hiên nhà. Cậu thở hồng hộc, sũng nước mà rạng rỡ.

“Tin Win.” Là giọng của chú. Sao ông lại rời văn phòng sớm vậy?

“Bác sĩ McCrae đã có lời phúc đáp. Hôm nay ta sẽ gặp bác sĩ. Đi ngay thôi.” U Saw im lặng quan sát cháu trai trong một thoáng. “Ta thấy cháu vừa chạy. Có thực cháu mù không?”

Gần với sự thật song lại quá xa.

Cuộc kiểm tra chỉ tốn có vài phút. Y tá giữ đầu cậu. Ông bác sĩ với cánh tay chắc khỏe vạch phần da quanh mắt cậu ra. Stuart McCrae cúi người tới ngay trước mặt cậu. Hơi thở của ông toàn mùi khói thuốc.

Suốt quá trình khám, McCrae chẳng nói lời nào. Tin Win tập trung nghe nhịp tim của ông và tự hỏi liệu cậu có thể phỏng đoán được điều gì từ tiếng đập ấy. Nhịp điệu của nó cứ đều đều. Không gây khó chịu, chỉ hơi lạ. Âm thanh bằng bằng, đáng tin cậy. Giọng nói cũng tương

tự. McCrae nói gãy gọn từng câu ngắn bắt đầu bất ngờ và kết thúc cũng đột ngột không kém, chẳng lên hay xuống. Chất giọng ấy không gây khó chịu, chỉ là thiếu đi cảm xúc.

Ông chẩn đoán nhanh và đơn giản. Tin Win bị mù. Đục thủy tinh thể. Tuổi này hiếm gặp. Khả năng là do rối loạn gen. Có thể phẫu thuật. Được thì mai làm.

Phần tiêm thuốc là kinh khủng nhất. Họ cắm đầy những cây kim to dài trên mắt, dưới mắt và gần tai cậu. Kim loại lạnh lẽo xuyên sâu dần, sâu dần xuống thịt, tựa hồ họ đang cố sức đâm vào cậu. Sau đó, họ lấy thủy tinh thể ra. Tin Win cảm nhận được đường rạch nhưng không đau. Họ lấy thêm kim chỉ rồi khâu da lại. Như một miếng vải. Đầu cậu bọc băng kín mít suốt hai ngày sau.

Lúc này, đội ngũ y bác sĩ đang lanh canh với dao kéo, nhíp mổ, nói những lời Tin Win không thể hiểu. Họ bảo sẽ hồi phục thị lực cho cậu. Cậu sẽ cảm thấy như đứa trẻ sơ sinh. Tháo băng xong, cậu sẽ nhận biết được ánh sáng. Ấm áp và lung linh. Cậu sẽ thấy những đường nét và dáng hình mờ ảo, sau đó vài ngày, đeo kính vào, cậu sẽ nhìn được bình thường. Thậm chí rõ hơn trước khi mù.

Tin Win băn khoăn liệu có nên tin lời họ. Chẳng phải cậu nghi ngờ hay đa đoan, e họ lừa gạt mình. Họ nói thật, song như họ đang nói về một thứ khác. “Còn gì quý hơn đôi mắt kia chứ?” Trước buổi phẫu thuật, bác sĩ Stuart McCrae vừa hỏi vừa tự trả lời, “Không có. Bởi có nhìn mới có tin.”

Họ làm như thế đang giải phóng cậu khỏi chốn lao tù.

Như thế chỉ có một sự thật mà thôi. Y tá luôn miệng bảo cậu kiên nhẫn, còn Tin Win muốn nói với họ chẳng có gì phải vội vã vì cậu. Nếu cậu không nhẫn nại thì nguyên do duy nhất là vì cậu muốn gặp lại cô gái đi khắp nơi bằng hai tay và hai đầu gối. Cô biết người ta nhìn không chỉ bằng mắt, đo khoảng cách không chỉ bằng chân. Tuy nhiên, Tin Win nghĩ tốt hơn hết là không nói gì.

“Xong rồi đây.” McCrae tháo băng. Ông cuộn lại, không khí căng thẳng trong phòng bệnh tăng dần theo từng vòng cuộn. Ngay cả tim của McCrae cũng đập nhanh hơn bình thường một khắc.

Tin Win mở mắt. Ánh sáng đập vào mắt cậu như một cú đấm. Thứ ánh sáng chói lòa, sáng lóa. Không mờ ảo, không dùng đục, mà trắng sáng. Sáng khủng khiếp.

Ánh sáng quá mạnh. Nó thiêu đốt mắt cậu. Cậu cảm nhận cơn đau nhói lên trong đầu. Cậu nhắm nghiền mắt, trở về với màn đêm.

“Cháu thấy ta chứ?” Chú cậu thốt lên. “Cháu thấy ta chứ?”

Không, cậu không thấy mà cũng chẳng cần. Nhịp tim đã đủ lắm rồi. Nó đập như thể U Saw đang tự tàn dương bản thân.

“Cháu thấy ta chứ?” U Saw lặp lại.

Tin Win nheo mắt. Tựa hồ nheo mắt lại thì ánh sáng sẽ không còn làm cậu đau.

Tựa hồ mọi sự lại có thể trở về như trước.

Kính vừa khít vào tai và mũi.

Họ bắt cậu mở mắt. Như thể sau tám năm, điều đó dễ dàng lắm.

Cậu muốn đợi đến khi có Mi Mi ngồi bên. Muốn cô, chỉ cô, là hình ảnh đầu tiên cậu thấy. Cậu ti hí. Cậu hé mắt như nhòm ra từ chỗ trốn.

Tám màn không còn. Lớp sương xám trắng cũng đã biến mất.

Cậu thấy mọi thứ rõ mồn một. Độ sắc nét khiến nhãn cầu nhói lên, cơn đau chạy dọc chân mày, lan ra sau cổ. Bác sĩ McCrae và U Saw đang đứng trước mặt. Họ lom lom nhìn, tự hào pha lo lắng, làm như chính họ tạo một thế giới mới cho cậu.

Khuôn mặt chú. Ở ngay đây. Cậu thấy rồi.

Mắt cậu nhắm lại. Không phải vì đau. Chóng mặt. Hay vì cậu muốn nằm xuống. Chỉ bởi quá nhiều. Quá nhiều ánh sáng. Quá nhiều cặp mắt chĩa vào cậu. Quá nhiều kì vọng. Quá nhiều màu sắc. Chúng làm cậu khó chịu. Hàm răng trắng kem của U Saw với những kẽ màu nâu. Cây đèn trên bàn bác sĩ lấp lánh ánh bạc. Mái tóc và lông mày ông

màu hung. Đôi môi đỏ bầm của các y tá. Trước Tin Win sống trong thế giới trắng đen. Màu sắc không phát ra tiếng. Chúng không ùng ục, chiêm chiêm hay ồm ộp. Qua bao năm, kí ức về chúng đã nhạt phai, như kí hiệu trên trang giấy.

Cậu mở mắt ra đi. Tin Win lắc đầu.

“Cháu tôi gặp sự cố gì rồi?” U Saw nói.

“Không phải. Cậu ta đang sốc. Từ từ mới quen được.”

Cả hai đều đúng.

Tin Win ngồi chỗ tường gạch đỏ bên bờ sông Rangoon, cảng trải dài trước mặt.

Mở mắt ra đi. Cậu tự nhủ. Đã mười ngày ngập tràn ánh sáng. Mười ngày ngập tràn hình ảnh. Sắc như kim. Rực rỡ. Mà cậu vẫn chưa quen.

Nơi hạ nguồn, những cột thép trụ lúi lnh canh trượt tới lui trên đường ray. Đầu móc của chúng mất hút vào bụng tàu rồi lại trôi lên, gập theo chục bao tải. Hôm qua, người ta đưa con voi lên boong. Bọc trong vải dầu, cột bằng thừng, nó khua chân loạn xạ. Bất lực, như bộ phoi bụng. Trước các kho hàng chất đống thùng to thùng nhỏ, nơi đến ghi chữ đen. Calcutta. Colombo. Liverpool. Marseilles. Port Said. New York.

Tàu thuyền nườm nượp ra vào cảng. Cả thuyền buồm lẫn chạy động cơ. Nhiều chiếc chỉ có một người lái. Vài tàu đông nghẹt người, thúng, xe đạp, đến mức sóng vỗ nhẹ thể nào nước cũng tràn lên được. Nơi thượng nguồn, bao gia đình sống lênh đênh trên thuyền. Quần áo phơi giữa mấy cột buồm. Trẻ con chạy nhảy trên boong. Cụ già nằm võng chợp mắt.

Tin Win nhìn đàn hải âu sai cánh chao lượn trên không. Cậu chưa từng thấy loài chim nào thanh nhã đến vậy. Trời nóng ẩm dù gió vẫn hiu hiu thổi qua mặt sông.

Cậu lại nhắm mắt. Cậu nghe thấy tiếng piston của động cơ tàu. Tiếng một ken két trong tường nhà kho bên cạnh. Nhịp tim thoi thóp của con cá trong cái rổ dưới chân. Sóng vỗ thân tàu. Nghe qua là cậu biết thuyền bằng kim loại hay gỗ. Thậm chí cậu còn phân biệt được các loại ván khác nhau. Âm thanh đặc tả khu cảng chân thực hơn bất cứ thứ gì mắt trông thấy. Mắt ghi nhận vô vàn hình ảnh. Từng giây, từng chuyển động của đồng tử, từng cái quay đầu lại đem về những hình ảnh mới. Cậu nhìn chúng, nhưng không đọng lại. Cậu say mê quan sát, chỉ vậy thôi.

Thỉnh thoảng, mắt cậu dán vào một điểm suốt mấy phút, có thể là cánh bướm, mỏ neo, ca nô hoặc đóa hoa trong vườn nhà chú. Cậu dùng ánh nhìn chạm vào nó, cảm nhận nó, từng chỗ cong, rìa mép, bóng đổ, tựa như cậu có thể phân tách rồi ghép chúng lại để thấu tận bên trong. Cố khiến chúng sống động. Nhưng không được. Việc trông thấy một vật - chim, người, thuyền đánh cá - không làm nó thật hơn hay gần cậu hơn. Chúng chuyển động nhưng không hề thay đổi. Tin Win cảm thấy giữa cậu và những hình ảnh trông thấy xa cách lạ kì. Cặp kính sao bì được với đôi mắt Mi Mi.

Cậu tuột khỏi tường rồi bước dọc cảng. Lẽ nào cậu quá vô ơn? Cậu còn muốn gì chứ? Quả thật đôi mắt rất hữu dụng trong cuộc sống thường ngày. Cậu đi lại dễ dàng hơn, không cần lo tông vào tường, vào ghế, hoặc đập phải con chó đang ngủ hay gốc cây. Chúng là công cụ cậu sẽ mau thành thạo. Chúng giúp cậu sống an toàn, đơn giản và thoải mái hơn.

Có lẽ khoảng cách chúng tạo ra là cái giá ta phải trả. Thầy U May đã nói tinh túy của vạn vật vô hình dưới đôi mắt. Ta phải học cách lĩnh hội thứ tinh túy ấy. Về phần này, mắt sẽ cản trở ít nhiều. Ta bị phân tâm. Con người vốn thích lóa mắt. Tin Win nhớ từng từ.

Cậu thả bước dọc bờ sông Rangoon, ngang qua thuyền bè, cần trục. Quanh cậu, cừu vạn khuôn gạo từ cầu tàu vào kho. Họ oản mình, công bao tải trên lưng. Họ cột váy longyi lên tận đầu gối. Mồ hôi khiến mắt

họ dinh dính. Đôi chân đen sạm mảnh dẻ như sậy, cơ bắp căng lên dưới sức nặng theo mỗi bước chân. Họ lầm lũi làm việc. Chỉ khi nhắm mắt, khung cảnh mới khơi gợi xúc cảm trong cậu. Họ đang rên rỉ. Khẽ nhưng khổ nhọc. Bụng sôi lên vì đói. Phổi đòi không khí. Tim kiệt sức và mỏi mệt.

Vậy là, cậu vẫn giữ được thính giác đặc biệt của mình. Cậu sẽ xem thị giác như phần phụ trợ. Nó sẽ vô hại chừng nào cậu còn nhớ lời dặn của thầy U May.

Cậu xuống hạ nguồn rồi rẽ vào một cái ngõ. Ngột ngạt không tả nổi. Không gió cảng cũng chẳng thoáng đãng như phố của người Âu. Nhà chen chúc, đa số bằng gỗ, cửa sổ mở toang. Cậu cảm giác như vừa xuống hầm ngầm của thành phố. Dơ dáy, chật chội, ồn ào. Sức mùi mồ hôi và nước tiểu. Cống rãnh đầy hoa quả thối, đồ ăn thừa, rác rến và giấy báo. Nơi nào cũng thấy người ngồi ghế đẩu, những băng ghế xếp kín vỉa hè hẹp. Nhiều cái lẩn xuống đường. Dãy tiệm vồn vện một tầng chõng chất hàng hóa cao tới nóc: vải vóc, trà, thảo mộc, rau, mì và trên hết là gạo. Tin Win không ngờ chúng phong phú đến thế, mỗi loại có bọc riêng. Mọi người cười nói bằng thứ tiếng cậu không hiểu. Nhiều người nhìn cậu chòng chọc như thể cậu là kẻ không mời.

Tin Win lưỡng lự tính quay đi. Cậu bèn nhắm mắt. Cậu không nghe thấy chút đe dọa nào trong những âm thanh. Mỡ xèo trong bếp. Các cô nhồi bột, thái thịt, xắt rau. Trên tầng, trẻ con cười đùa, ôm tãi. Giọng nói trên đường không hề gây hấn.

Cả tim họ cũng thế.

Cậu cứ đi, lắng nghe âm thanh, cảm nhận mùi hương, ngắm nhìn khung cảnh, đặt mọi thứ vào đúng chỗ, gói những ấn tượng lại rồi cất đi để sau này sẽ chia cùng Mi Mi.

Cậu lang thang từ phố Tàu sang phố Ấn. Người dân cao lớn, da ngăm hơn, nhưng không khí vẫn tù đọng, đường phố đông đúc chẳng kém. Một phòng khác trong căn hầm. Mùi thức ăn quen thuộc hơn. Cà ri. Gừng. Lá chanh. Ớt chuông. Người ta lướt qua nhưng không để ý

cậu. Qua những nhịp tim, cậu không xác định được mình đang đi trên phố Tàu hay Ấn, đứng giữa người Anh hay người Myanmar. Tìm mỗi người mỗi khác, cho biết họ già trẻ, vui buồn, sợ hãi hay gan dạ, nhưng chỉ vậy mà thôi.

Như yêu cầu, tài xế đợi cậu lúc sẩm tối gần Chùa Sule*. Họ chạy ngang mặt hồ phản chiếu những đám mây chạng vạng màu hồng nhạt.

U Saw đợi cậu ở nhà. Từ ngày phẫu thuật, ngày nào hai chú cháu cũng ăn tối cùng nhau. Hôm đầu, Tin Win thấy mệt mỏi nên chẳng đụng vào phần cơm và cà ri của mình. Cậu xin bỏ dở, lấy lý do trời nóng, U Saw chẳng để tâm lắm. Ông muốn biết cháu trai làm gì ngày đầu nhận được món quà từ chính ông. Cháu thấy gì? Cháu đi đâu?

Những câu hỏi khiến Tin Win không thoải mái. Cậu không có nhu cầu chia sẻ với U Saw. Cậu dành chúng cho Mi Mi. Song đồng thời, cậu không muốn tỏ ra khiếm nhã hoặc vô ơn. Cậu phác sơ cảm nhận ngắn gọn nhất có thể. Buổi tối thứ năm, Tin Win thấy chú không tỏ thái độ gì khi cậu lặp lại những câu chuyện từ hôm trước, U Saw không nghe hoặc không hứng thú. Có khi cả hai. Vậy cũng tốt. Quấn quanh mấy câu hỏi và lời đáp ấy mà thôi. Thế rồi tối tối, cuộc hội thoại đến hẹn lại lên, và đúng hai mươi phút, người chú sẽ cắt ngang. Ông nhai nốt miếng cuối, đứng dậy rồi giải thích mình còn công việc. Ông chúc Tin Win ngủ ngon và ngày mới vui vẻ rồi biến mất.

Hôm nay thì khác, U Saw đứng trong hành lang đón khách. Hai người cúi chào nhau lia lịa và nói thứ ngôn ngữ Tin Win không hiểu. Thấy cậu tiến lại, chú vẫy tay bảo cậu vào phòng làm việc. Tin Win ngồi chờ trên mép ghế bành da. Phòng khá tối. Sách xếp dựa tường cao đến trần nhà. Trên chiếc bàn bọc da đặt cây quạt đang chạy vù vù. Mấy phút sau, U Saw bước vào. Ông ngồi sau bàn rồi nhìn Tin Win.

“Cháu từng theo học ở tịnh xá dưới Kalaw phải không?”

“Vâng ạ.”

“Cháu biết đếm không?”

“Biết ạ.”

“Đọc thì sao?”

“Cháu đọc bằng Braille. Cháu từng...”

“Viết thì sao?”

“Trước khi mù, cháu có thể viết.”

“Học lại sẽ nhanh thôi. Ta muốn để cháu học ở Rangoon.”

Tin Win chỉ mong tấm vé tàu về lại Kalaw. Không nhất thiết phải ngay ngày mai nhưng cũng nên trong vài hôm tới. Viễn cảnh ấy đã tiếp cho cậu sức mạnh để chịu đựng mấy ngày qua và khám phá thành phố. Vậy mà giờ chú bảo cậu đi học. Tại Rangoon. Ở lại đây. U Saw không đề nghị. Ông đơn thuần thông báo điều phải làm. Lòng kính trọng Tin Win dành cho bậc cha chú khiến cậu không thể làm gì ngoài tỏ vẻ khiêm nhường và biết ơn. Trong nhà này chỉ một người được đặt câu hỏi.

“Cháu không xứng với tấm lòng trời bể của chú đâu ạ.”

“Có gì mà khách khí. Ta quen hiệu trưởng trường Trung học St. Paul’s. Sáng mai cháu gặp thầy ấy. Tài xế sẽ đưa đi. Thật ra cháu hơi quá tuổi nhưng thầy vẫn đồng ý xét tuyển. Ta dám chắc thầy có thể giúp chúng ta.”

U Saw đứng dậy. “Giờ ta ra tiếp khách. Tối mai cháu báo ta nghe về trường St. Paul’s.”

U Saw bước ra phòng khách, nơi viên lãnh sự Nhật Bản đang đợi. Ông thâm nhủ liệu lòng biết ơn của Tin Win có chân thành. Nhưng sao chẳng được? Chẳng nào thầy bói cũng không cho ông lựa chọn. Món tiền khổng lồ quyên góp cho bệnh viện ở Rangoon cũng chẳng giúp được gì. Bắt buộc là họ hàng và phải gần bó lâu dài. Ông phải che chở cho cậu trai ấy. Với lại, lời thầy phán và tấm lòng trời bể của U Saw đã đơm hoa kết trái còn gì? Phẫu thuật cho đứa cháu được hai hôm, ông đã kí ngay hợp đồng buôn gạo với chính phủ mà ông nhắm nhe

bấy lâu đấy thôi? Không lâu nữa, chẳng phải toàn bộ quân đội Anh đóng ở thành phố này sẽ đều ăn gạo do ông cung cấp sao? Chưa kể, từ ngày Tin Win đến, phi vụ thương thảo mua lại mấy cánh đồng bông dọc bờ sông Irrawaddy* cũng cho thấy những triển vọng bất ngờ.

U Saw thầm nghĩ, có lẽ mình vừa rinh lộc vào nhà. Người cháu phải ở Rangoon ít nhất hai năm tới. Biết đâu U Saw tìm được đất dụng võ cho cậu trong việc mở rộng kinh doanh. Có khi Tin Win lại là trợ lý đắc lực thì sao? Giữ Tin Win ở lại đây cũng có mất gì đâu. Và lại, trên bàn ăn, cháu ông luôn kể những câu chuyện mới lạ và thú vị xiết bao.



Sáng nay em nghe thấy tiếng chim líu lo không, Mi Mi? Chúng kêu ríu ran hay chỉ rộ lên khe khẽ? Chúng hót có khác đi? Chúng có gửi em lời tôi nhắn nhủ? Đêm qua, tôi đã ra vườn thì thầm cùng chim, chúng hứa sẽ chuyển lời qua bụi rậm, cây cao, qua đồng bằng, đi lên Sittang và những ngọn núi trùng điệp dẫn về Kalaw. Chúng bảo sẽ đậu trên ngọn cây trước nhà mà nói với em.

Em thế nào rồi, Mi Mi? Tận tâm khám, tôi không nguyện cầu gì hơn rằng em vẫn khỏe. Tôi thường mượn tượng cảnh em làm những việc thường nhật. Tôi thấy em trong chợ, rong ruổi khắp Kalaw trên lưng các anh, hoặc lo cơm nước trong bếp. Tôi nghe tiếng em cười, và tôi nghe nhịp đập con tim em, âm thanh tuyệt mỹ nhất tôi từng biết tới. Tôi thấy em chịu khổ nhưng can trường. Tôi thấy em u hoài, nhưng không mất đi hân hoan, hạnh phúc. Tôi mong mình không ảo tưởng. Điều gì đó trong tôi mách bảo đôi ta cùng chung cảm xúc.

Mong em không giận, song tôi phải dừng bút. Hla Taw đang đợi. Sáng nào cậu ấy cũng mang thư đến bưu điện, còn tôi không muốn ngày nào trôi qua mà em không nghe tin tôi. Xin em gửi lời hỏi thăm của tôi đến bác Su Kyi, cha mẹ cùng các anh của em. Tôi luôn nhớ về họ.

Ôm hôn em,
Người yêu em hơn tất cả
Tin Win



Mi Mi thương yêu,

Ngẩng đầu nhìn trời đêm Rangoon, tôi thấy hàng nghìn ngôi sao, ý nghĩ đêm nào cũng có thứ ta cùng chia sẻ xoa dịu lòng tôi. Em và tôi cùng ngắm sao. Tôi hình dung từng nụ hôn của đôi ta hóa thành sao trời. Giờ đây chúng trôi theo ta từ trên cao. Chúng chiếu sáng đường tôi đi trong đêm tối. Và em chính là hành tinh rực rỡ nhất, là ánh dương của tôi...

U Saw ngừng đọc. Ông lắc đầu, để thư sang bên rồi lôi một cục bì thư mới từ chồng thư trước mặt.



Mi Mi thương yêu,

Cớ chi thời gian ngưng đọng khi tôi không có em cạnh bên? Ngày qua ngày quá đổi bất tận. Cả buổi đêm cũng chống lại tôi rồi. Tôi mất ngủ. Tôi trần trọc đếm từng giờ. Tôi cảm giác như dần quên đi thuật thỉnh tâm. Nhìn được bằng mắt nên tai tôi đang mất dần bén nhạy.

Nhìn thay vì nghe ư? Suy nghĩ ấy khiến tôi sợ hãi. Một sự trao đổi khốn khổ xiết bao. Tôi tin tưởng tai hơn mắt. Đến tận giờ, đôi mắt vẫn vô cùng lạ lẫm với tôi. Có lẽ tôi thất vọng với chúng. Chưa lần nào tôi dùng mắt mà thấy thế giới rõ ràng, sắc nét, yêu kiều và rực rỡ như qua đôi mắt em. Trong mắt tôi, vàng trắng khuyết chỉ đơn thuần là trắng khuyết, chứ chẳng phải quả dưa em đã ăn một nửa. Trong mắt tôi, đá chỉ là đá, chứ chẳng phải chú cá bị yếm bùa, còn bầu trời kia vắng bóng những con trâu, trái tim và khóm hoa. Mây, chỉ là mây.

Nhưng tôi nào dám than phiền. Bởi chú U Saw rất tốt với tôi. Tôi gắng học tập với niềm tin được về bên em khi năm học kết thúc.

Đừng quên nhắn gửi yêu thương của tôi cho bác Su Kyi, người phụ nữ đôn hậu. Ôm hôn em.

Mãi thuộc về em,

Tin Win



Mi Mi thương yêu,

Đã bảy tháng từ ngày chú U Saw đưa tôi đến trường. Hôm qua, thầy cô lại chuyển tôi lên lớp cao hơn, lần thứ ba rồi. Họ bảo tôi đã đạt đến cấp lớp ứng với tuổi. Chẳng ai hiểu nổi bằng cách nào một cậu trai mù học ở tịnh xá dưới Kalaw lại học được nhiều thế. Họ nào biết thầy U May...



Mi Mi thương yêu,

Tha lỗi cho tôi nếu thư mấy tuần nay lại u buồn đến thế. Tôi không muốn em nặng lòng vì nỗi hoài mong trong tôi. Em đừng lo về tôi. Chỉ là đôi lúc, thật khó khăn khi không biết phải gắng gượng bao lâu nữa mới được gặp lại em. Nhưng khi nghĩ về em, tôi không thấy khắc khoải hay sợ hãi. Thay vào đó là lòng biết ơn vô bờ bến. Em đã mở thế giới ra trước mắt tôi, và em đã trở thành một phần trong tôi. Tôi chiêm ngưỡng thế giới qua đôi mắt em. Em giúp tôi vượt qua sợ hãi. Nhờ em trợ lực, tôi học được cách đối diện với nó. Bóng đen không còn chế ngự tôi. Chúng tiêu biến bất cứ khi nào em chạm vào tôi, mỗi khi tôi cõng em trên lưng, khi bờ ngực em trên da, hơi thở em trên cổ. Chúng tiêu biến. Quy phục. Tôi dám nhìn thẳng vào mắt chúng. Em cho tôi tự do. Và tôi thuộc về em.

Yêu thương và trân trọng,

U Saw gấp thư lại. Đọc như vậy là quá đủ. Tình yêu kết thúc và điên cuồng bắt đầu ở đâu, ông tự hỏi khi nhét thư vào phong bì.

Tại sao Tin Win lại mê mải viết về lòng biết ơn và ngưỡng mộ đối với một người phụ nữ như thế? Dẫu có nặn óc, U Saw cũng chẳng nghĩ ra kẻ nào ông thực sự ngưỡng mộ. Ừ thì ông có kính nể vài trùm buôn gạo. Nhất là những tay thành công hơn ông. Ngoài ra, ông cũng tôn trọng nhiều người Anh, dù dạo gần đây có giảm đi chút đỉnh. Song biết ơn? Ông chẳng biết ơn ai. Xưa, ông chỉ biết ơn mẹ vợ những lúc mẹ biết ngậm mồm đủ lâu để ông bình yên dùng bữa tối.

Ông nhìn đồng thư trên chiếc bàn trước mặt. Cả năm nay, hôm nào cháu ông cũng viết thư cho cô gái tên Mi Mi sống ở Kalaw này. Suốt cả năm. Ngày nào cũng như ngày nào. Không sót một hôm. Dù chưa từng nhận được dẫu chỉ một lời hồi đáp. Tất nhiên là do ông luôn kiểm tra hằng ngày và lọc thư Mi Mi gửi khỏi đồng thư từ buổi chiều. Họ chẳng nghe hay đọc được tin gì của nhau, nhưng hai người không bao giờ ngừng viết. Điên loạn đến mức U Saw phải ré lên cười. Ông gắng kiềm chế, song vẫn hừ mũi, mắc nghẹn, sặc sụa và phì phò. Đến khi dịu lại, ông cất thư vào ngăn kéo trên cùng rồi mở ngăn dưới cùng, nơi ông giữ những lá thư của Mi Mi mà đến giờ chưa từng được lật giở. Ông lựa đại vài bức.

... Em mong anh đã tìm được người đọc anh nghe thư em. Hôm qua, mẹ bước đến và ngồi cạnh em trên hiên nhà. Mẹ cầm tay, nhìn vào mắt em và hỏi liệu em có ổn không. Trông mẹ như thể sắp báo với em mẹ chẳng còn sống được bao lâu. Mẹ à, cảm ơn mẹ. Con vẫn bình thường mà, em đáp. Không có Tin Win, con xoay xở thế nào, mẹ thắc mắc. Cậu ấy đã đi hơn một tháng. Em cố giải thích để mẹ hiểu em vẫn luôn có anh, rằng anh bên em từ giây phút em tỉnh giấc đến lúc chìm vào giấc ngủ, rằng em cảm thấy anh khi gió thổi về, nghe thấy giọng anh trong tĩnh lặng, nhìn thấy anh khi khép bờ mi, rằng anh chính là người khiến em cười vang hát ca khi em

biết không có ai xung quanh. Em thấy xót thương ánh lên trong mắt mẹ và lặng im. Có những sự hiểu lầm mà ngôn từ cũng vô tác dụng.

Thật dịu dàng làm sao, cái cách cả gia đình chăm sóc em. Các anh suốt ngày hỏi em có muốn đi đâu không và công em dạo khắp Kalaw. Trên lưng họ, em nghĩ về anh và khe khẽ hát. Mọi người thấy niềm vui của em thật khó hiểu, thậm chí đôi khi quái gở. Làm sao em giúp họ hiểu ý nghĩa của anh trong em và những gì anh trao gửi không phụ thuộc nơi anh đang lưu lạc? Rằng ta chẳng cần chạm tay đối phương để cảm nhận nhau?

Hôm qua chúng em đến thăm bác Su Kyi. Bác vẫn khỏe. Bác sẽ mừng lắm nếu anh gửi cho bác vài lời. Em bảo đến lúc thì sẽ nghe tin của anh, sẽ gặp lại anh thôi. Nhưng anh biết bác rồi đấy. Bác vẫn cứ lo...

Tin Win thương yêu, bé nhỏ mà to lớn và mạnh mẽ của em,

Mấy tuần nay em bắt đầu vấn cheroot*. Mẹ bảo em nên học lấy kỹ nghệ nào đó, đừng mai này kiếm được tiền lo cho bản thân. Em mơ hồ cảm thấy mẹ không mong ngày anh trở về. Nhưng mẹ không nói ra miệng. Cha mẹ em dạo này cũng xuống sức rồi anh à. Hai người bị đau chân, đau lưng, cha em thở ngày càng dồn dập. Giờ chẳng mấy khi cha ra đồng làm việc. Tai nghe ngày một kém. Nhìn cha mẹ già đi mà em xót quá. Cả hai đã ngoại ngũ tuần, cái tuổi chỉ ít người Kalaw chạm tới. Cha mẹ em may mắn xiết bao. Họ già đi bên nhau. Quả là trời thương! Nếu có một điều ước, em sẽ ước đôi mình cũng được hưởng ân phước ấy. Em muốn đầu bạc răng long cùng anh. Tay vấn thuốc lá, lòng em mơ về điều đó. Về anh và về cuộc đời đôi ta.

Công việc dễ hơn em tưởng. Một tuần vài lần, người từ thị trấn mang lá thanat khô, giấy báo cũ và vỏ ngô (em dùng làm đầu lọc), cùng túi đựng thuốc lá pha trộn. Chiều chiều, em ngồi tâm mấy tiếng trước hiên, đặt nắm thuốc lá lên phiến lá, khẽ nén, se se trong lòng bàn tay đến khi chắc nhưng không quá cứng, nhét phần lọc vào trong, gấp lá rồi cắt phần đuôi. Ông ta

bảo chưa thấy người phụ nữ nào vẫn cheroot nhanh và nhẹ nhàng như thế. Khách hàng của ông thích lắm, họ bảo cheroot em làm có mùi vị đặc trưng, khác hẳn xì gà của những phụ nữ khác. Bán buôn cứ thuận buồm xuôi gió thế này thì nhà em chẳng phải lo về tương lai...

Trời vừa đổ mưa. Mỗi lần mưa đông, em lại nổi cả da gà...

Hồ con thương mến của em,

Em tìm thấy xác chú bướm này trên hiên nhà vài tuần trước. Em đã ép lại. Đó là sinh vật có nhịp vẫy cánh mà anh yêu thích nhất. Anh từng nói nó gợi anh nhớ đến nhịp tim em. Chẳng có gì ngọt ngào hơn thế...

U Saw buông thư. Ông đứng dậy đi ra cửa sổ. Trời đang mưa. Trên mấy vũng nước, giọt mưa tạo những bong bóng thật to rồi vỡ tan trong chốc lát.

Tin Win và Mi Mi mất trí rồi. Không một lời cay đắng, dầu cả năm trời bật tin. Không chút trách cứ. Sao anh không viết cho tôi? Hồi âm đâu mất rồi? Tôi viết hàng ngày, còn em thì sao? Anh không yêu tôi nữa ư? Em có người khác rồi ư?

May là tình yêu chẳng phải thứ bệnh lây lan. Nếu không ông đã phải thiêu hết đám đầy tớ và khử trùng kĩ càng biệt thự cùng khu vườn. Lúc ấy có khi ông cũng bị nhiễm mà đâm đầu si mê một con đầy tớ... ý tưởng ông chẳng muốn nghĩ thêm.

U Saw cân nhắc liệu những cánh thư này có thay đổi kế hoạch của mình. Ông dám chắc tương tự chỉ là nhất thời. Chẳng cảm xúc nào đủ mãnh liệt để chống lại sức mạnh bào mòn của thời gian. Dưới tác động của khoảng cách và tháng năm, tình yêu này rồi cũng sẽ tan tành.

Ở những mặt khác, Tin Win ngày càng lộ rõ tài năng và hữu dụng. Chừng như cậu đã khiến tai ương thầy bói tiên đoán chệch sang hướng khác. Kinh doanh suôn sẻ hơn bao giờ hết, thậm chí trong bối cảnh kinh tế vĩ mô đang xuống dốc. Chưa kể, giáo viên trường Trung học

St. Paul's - tình cờ lại là ngôi trường danh giá bậc nhất ở Myanmar - nhận xét Tin Win là một học sinh vô cùng ưu tú. Ai cũng đoán rồi đây tiền đồ của Tin Win sẽ rất xán lạn. Thầy hiệu trưởng còn nghĩ sau tốt nghiệp, trong một năm cậu dư sức được nhận vào bất cứ trường đại học nào ở Anh và chắc chắn sẽ có học bổng. Sau này, đất nước sẽ rất cần đến những nhân tài như cậu.

U Saw mát lòng mát dạ, có điều chiến tranh ở châu Âu khiến ông lo ngay ngáy. Chiến sự sắp leo thang. Quân Nhật ngày càng bành trướng ở châu Á, và chỉ trong mấy tháng, hoặc có lẽ vài tuần, họ sẽ tấn công chính phủ thực dân Anh. Nếu thế, quân Anh liệu cầm cự trước quân Đức được bao lâu ở châu Âu? Đối với ông, việc quốc kì Đức phấp phới trên đỉnh tháp Big Ben chỉ còn là vấn đề thời gian. Kỉ nguyên mà London là kinh đô thế giới đang tiến dần đến hồi kết.

U Saw ấp ủ những dự định khác.

Tin Win vẫn nghĩ, lúc tàu hơi nước chở khách xuất hành là thời khắc đầy màu sắc lễ hội. Nhân viên trên tàu vận đồng phục trắng. Nhạc. Cờ đuôi nheo và băng rôn tung bay. Thuyền trưởng có khi còn phát biểu vài lời. Nhưng không, các thủy thủ chỉ lướt qua cậu trong trang phục lấm lem dầu mỡ. Không có ban nhạc nào. Cũng chẳng cờ bươm hay pháo giấy. Cậu tựa lan can nhìn xuống cảng. Khuất dưới bóng kho hàng có xe ngựa cùng vài chiếc xích lô, các bác tài đang thiu thiu ngủ. Ván cầu đã nhấc lên từ lâu. Đứng trước tàu, vài người đàn ông mặc đồng phục thuộc ban quản lý cảng vẫn tản mát chực chờ. Người nhà hành khách dõi theo thân tàu đen sì và vẫy tay lia lịa, nghênh cổ như đàn chim non. Tin Win chẳng thấy ai quen. Vâng lệnh U Saw, Hla Taw ở nhà chứ không tháp tùng. Tài xế đưa Tin Win ra cảng. Hai phu khuân vác xách va li lên tàu cho cậu. Họ cũng đã rời đi từ lâu.

Đêm hôm trước, cậu và U Saw ăn tối xong thì chú đưa cậu giấy tờ lên đường. Hộ chiếu kèm thị thực nhập cảnh Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Một vé đi Liverpool, vé thứ hai vượt Đại Tây Dương. Lá thư gửi đối

tác kinh doanh của ông, một nhà nhập khẩu gạo người Ấn ở New York, đây sẽ là người coi sóc Tin Win trong vài tháng đầu. Phong bì đựng tiền. Thêm một lần nữa, ông giải thích tường tận việc ông muốn cậu thực hiện. Ít nhất sáu lá thư một năm kèm báo cáo cụ thể. Tấm bằng cử nhân. Tốt nghiệp loại ưu. Rồi ông lại ca bài ca tương lai chờ đợi ngày cậu trở về. Cậu sẽ ngồi vào ghế quản lý, sau lên tầm đối tác. Cậu sẽ nằm trong số những người có tầm ảnh hưởng nhất thành phố. Cậu sẽ có tất cả.

U Saw cầu chúc cậu mã đáo thành công. Thượng lộ bình an, học hành tấn tới. Đoạn ông quay đi và bước về phòng đọc. Không một tiếp xúc da thịt giữa hai chú cháu. Họ không bao giờ gặp lại.

Nhìn theo ông, Tin Win tự hỏi phải tốn bao lâu cây con mới đâm sâu rễ sau khi bị bứng đi nơi khác. Vài tháng? Một năm? Hai năm? Ba năm? Sống ở Rangoon đã hai năm mà bấy lâu nay, cậu luôn thấy lạc lõng. Cậu vẫn là người lạ trong thành phố này. Cây có thể bị gió dữ kéo bật gốc cuốn đi.

Trên trường, giáo viên nể cậu vì những thành tích cậu đạt được. Bạn bè cùng trang lứa quý cậu ở tính sẵn sàng giúp đỡ. Song cậu không có tri kỉ. Chẳng ai níu chân Tin Win ở Rangoon này.

Cậu phóng tầm mắt nhìn hải cảng và thành phố. Xa xa, ngọn tháp vàng của Chùa Shwedagon lấp lánh dưới ánh tà dương. Trời xanh, không gợn mây. Mấy tuần trước ngày khởi hành, Tin Win dành ra nhiều đêm liên lang thang khắp phố. Dọc đường, cậu lượm lặt biết bao lời đồn đại quét qua thành phố như đàn châu chấu trên đồng. Mỗi giọng nói thầm thì ở một quầy bán đồ ăn lại cho cậu mẫu tin mới. Như thể người ta chẳng sống nhờ thứ gì khác. Cơn bão thế kỉ ở vịnh Bengal đang dần mạnh lên. Một con hổ đã bơi qua vịnh và ăn thịt gia đình năm người cùng con heo cảnh. Song bản thân chuyện này chưa đủ bi kịch, bởi hơn hết thảy, đây chính là điềm báo sắp có động đất, điều mà ai cũng biết, kể cả những kẻ chẳng mấy tin vào bói toán. Tin tức cho hay tàu chiến của Đức đang phong tỏa các cảng Anh Quốc, chưa hết,

Nhật sắp sửa tấn công Myanmar. Nước Anh bị sao xấu chiếu mệnh, cả ở châu Âu lẫn ở châu Á. Myanmar rồi đây sẽ thất thủ nếu cuộc xâm lược rơi trúng thứ Tư hoặc Chủ nhật.

Tin Win có để ý, cũng kể lại với vài người. Không phải vì tin mà vì cảm thức trách nhiệm của một công dân. Mấy chuyện ấy với cậu vô nghĩa. Phải, hành trình này sẽ đưa cậu qua vịnh Bengal và cập cảng Anh Quốc, song cậu không hề e ngại. Động đất cũng như quân Nhật. Bão tố hay tàu ngầm quân sự Đức.

Nỗi sợ trong cậu đã dần tan đi. Tin Win không biết bắt đầu khi nào và ra sao. Ấy là cả quá trình dài. Lần đầu cậu nhận ra là một ngày mùa hạ trời như lò lửa. Cậu đầm đìa mồ hôi trong công viên ở Hồ Hoàng gia. Cặp chim câu đậu trước mặt, rụt cổ, kiệt sức chẳng buồn cọ mỏ hay gù gù. Cậu lơ đãng nhìn làn nước và mơ về Mi Mi. Lần đầu trong đời, nghĩ về cô mà lòng không gợn lên nỗi nhớ khiến cậu tê dại, ám ảnh tâm trí hay vắt kiệt sức lực. Không còn sợ hãi. Cũng chẳng còn bi ai. Cậu yêu Mi Mi hơn bao giờ hết, nhưng tình yêu ấy không ngẫu nhiên khiến cậu. Nó không trói buộc cậu vào giường hay gốc cây.

Khi mưa bắt đầu xối xả, cậu nhắm mắt. Cơn mưa rào chóng vánh mà nặng hạt. Lúc mở mắt, ráng chiều đã buông xuống. Cậu thẳng người, đi vài bước và cảm nhận bằng cả cơ thể một thứ vừa thay đổi. Gánh nặng rơi khỏi cậu. Cậu đã tự do. Cậu không mong cầu thêm điều gì từ cuộc sống. Chẳng phải vì cậu thất vọng hay chua xót. Cậu không mong cầu bởi lẽ chẳng còn gì quan trọng mà cậu chưa nếm trải. Cậu sở hữu mọi niềm hạnh phúc con người có thể tìm ra. Cậu yêu và được yêu. Vô điều kiện. Cậu nói câu ấy thành lời, thật nhẹ, chỉ mấp máy môi.

Chừng nào còn thở, chừng ấy cậu còn yêu cô và được cô gửi gắm tình yêu. Dẫu cô cách cậu hai ngày đường. Dẫu cô không hồi âm thư và dẫu cậu đã từ bỏ mọi ước vọng gập lại cô trong mấy năm sắp tới. Cậu sẽ sống từng ngày tựa như mỗi khi thức dậy và đi ngủ, cậu đều có Mi Mi cạnh bên.

“Nhổ neo.” Giọng viên sĩ quan trẻ trên cầu kéo Tin Win khỏi dòng suy tưởng.

“Nhổ neo,” hai người đàn ông trên cầu tàu lặp lại. Thường buông thông xuống nước. Khói đen cuồn cuộn từ ống khói. Con tàu rung lên. Còi tàu to và trầm. Tin Win nhìn quanh. Ông cụ đứng cạnh ngắm nhìn Rangoon và thoáng chạm vào mũ, nỗi buồn vời vợi dâng trong mắt. Tưởng chừng ông đang để lại sau lưng không chỉ thành phố đông đúc này. Cách ông một quãng, hai thiếu nữ người Anh vẫy khăn trắng, lệ ướt đầm mi.

9

Tôi nhận ra sự mệt mỏi bao trùm khuôn mặt U Ba. Những nếp nhăn quanh miệng và trên trán sâu hơn. Má ông hóp lại. U Ba không động đậy, nhìn nhưng chẳng thấy tôi.

Tôi chờ.

Sau vài phút im lặng, ông cho tay vào túi rút ra bì thư đã cũ mà không nói lời nào. Nó nhàu nhĩ và sờn rách, nhìn là biết đã bị mở ra gấp lại vô số lần. Dấu bưu điện Rangoon, người nhận Mi Mi. Địa chỉ đã phai đi chút đỉnh nhưng tôi vẫn đọc được phần mực xanh, chữ to, lối viết hoa mỹ thái quá. Mặt sau phong thư là địa chỉ người viết: số 7 đường Halpin, Rangoon.

Chắc chắn không phải cha viết. Tôi mở thư.

Rangoon

Ngày 14 tháng Mười hai năm 1941

Gửi cô Mi Mi,

Tin Win cháu ta đề nghị ta báo với cô rằng nó đã xuất ngoại vài ngày trước. Lúc ta viết những dòng này, cháu ta đang trên đường đi Mỹ để theo học trường luật ở New York.

Suốt mấy tuần liền trước ngày khởi hành, do phải chuẩn bị cho chuyến đi nên cháu ta không thể trực tiếp liên lạc hay biên cho cô vài dòng. Song ta tin cô sẽ thông cảm. Tin Win nhờ ta thay mặt cảm ơn cô vì vô vàn những lá thư cô gửi hơn hai năm qua. Tiếc thay, chuyện học hành và các quan hệ cá nhân ở Rangoon khiến cháu ta không có thì giờ phúc đáp.

Bởi phải ít nhất vài năm nữa, Tin Win mới hoàn thành chứng chỉ và trở về, cháu ta đề nghị cô không thư từ thêm.

Cháu ta mong cô bảo trọng.

Trân trọng,

U Saw

Tôi đọc thư hai lần, rồi thêm lần nữa. U Ba nhìn tôi đợi chờ. Trông ông hoạt bát và thư thái trở lại. Tựa hồ kí ức chỉ phủ bóng xuống khuôn mặt ông trong thoáng chốc.

Tôi không biết nói gì. Khó mà tưởng nổi lá thư đã khiến Mi Mi đau đớn nhường nào. Ất bà cảm thấy bị ruồng bỏ và phản bội khủng khiếp. Hơn hai năm trời không nghe tin gì của cha tôi. Viết cả trăm lá thư chỉ để nhận lại những dòng hồi âm này. Quẩn quanh ở Kalaw, vấn xì gà, mơ về cha tôi, về cuộc đời có ông bầu bạn, chẳng biết liệu có ngày gặp lại, phải lệ thuộc những người anh trai không thực sự hiểu bà. Nỗi cô đơn ấy khiến tôi uất nghẹn. Lần đầu tiên lòng tôi dấy lên nỗi xót thương bà.

Đầu cuộc hành trình, Mi Mi chỉ là cái tên, chẳng dừng trên con đường tìm cha của tôi, không hơn. Song dần dà, bà mang một khuôn mặt và dáng hình. Bà là người phụ nữ què quặt đã cướp cha khỏi tôi. Giờ thì sao? Bà bị lừa dối trắng trợn. Lá thư này khiến tôi tức điên.

“Bà ấy tiếp nhận lá thư thế nào?” Tôi hỏi.

Từ túi áo, U Ba lấy ra phong thư thứ hai, thậm chí nhàu nhĩ hơn lá đầu. Dấu bưu điện đề Kalaw ngày 26 tháng Mười hai năm 1941.

Người nhận: U Saw, 7 đường Halpin, Rangoon

Người gửi: Mi Mi

Ngài U Saw kính mến,

Cháu biết cảm ơn ngài thế nào vì đã cất công biên thư cho cháu đây? Cháu không xứng để ngài nhọc công. Ngài thực sự không cần tốn sức như thế.

Cánh thư của ngài khiến cháu hân hoan đến độ khó tả thành lời. Anh Tin Win đang trên đường đi Mỹ. Anh vẫn khỏe. Còn tin nào vui hơn thế. Dẫu bận việc và phải gấp rút chuẩn bị lên đường, anh vẫn có thời gian nhờ ngài viết cho cháu. Giá ngài biết điều này khiến cháu hạnh phúc xiết bao. Một lần nữa, cháu xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc khi ngài thực hiện thỉnh cầu của anh.

Tất nhiên, cháu cũng sẽ làm theo lời anh yêu cầu.

Với tất cả lòng tôn kính,

Mi Mi

U Ba cho lại thư vào phong bì. Chúng tôi mỉm cười với nhau. Tôi đã xem nhẹ bà rồi. Tôi đã nhầm tưởng bà chỉ là nạn nhân bất lực, không biết tự bảo vệ trước mưu đồ của U Saw. Bà thông minh và mạnh mẽ hơn tôi nghĩ nhiều. Nhưng tôi vẫn thấy thương bà quá. Bà đã quạnh quẽ đến mức nào. Không có Tin Win bên cạnh, bà sẽ ra sao? Làm sao bà chịu thấu khi chia cắt muôn trùng với cha tôi?

“Mới đầu gian nan lắm,” không đợi tôi hỏi, U Ba lên tiếng. “Năm sau, cha mẹ bà qua đời. Cha bà đi trước, được hai tháng thì mẹ bà cũng mất. Người anh trai nhỏ tuổi nhất của bà tham gia phong trào độc lập rồi vào rừng đánh du kích. Từ dạo ấy bà không gặp lại. Người ta bảo anh đã bị quân Nhật hành hạ tới chết. Gia đình người anh cả thì mất mạng trong một đợt không kích của quân Anh năm 1945. Ngày ấy thật gian khó. Nhưng điều khiến tôi không thốt nên lời, Julia, đó là qua mỗi năm, bà lại càng mặn mà. Bà thương tiếc gia đình, tất nhiên rồi. Bà cũng nhớ Tin Win da diết, nhưng bà không đau lòng mà gục ngã. Nỗi đau ấy có thể in hằn cả đời trên khuôn mặt một người, nhưng Mi Mi thì không. Đường nét của bà không chai sạn cả khi về già. Nghe qua thì thấy khó hiểu, Julia ạ, song xa gần về vật lý với bà là vô nghĩa.

“Tôi thường thắc mắc đâu là nguồn gốc của vẻ đẹp ấy, sự tỏa sáng ấy. Chiếc mũi, màu da, bờ môi hay đôi mắt không làm ta đẹp hay xấu. Vậy thì là gì? Cô là phụ nữ, có thể nói tôi hay?”

Tôi lắc đầu.

“Julia ạ, đó là tình yêu. Yêu thương làm ta rạng ngời. Cô có biết kẻ nào yêu và được yêu, một cách vô điều kiện mà lại xấu xí không? Chẳng cần nghĩ làm gì. Bởi không ai như thế cả.” Ông rót trà rồi nhấp một ngụm.

“Tôi nghĩ ngày ấy, không chàng trai nào ở Kalaw này không muốn rước Mi Mi về làm vợ. Tôi không nói quá đâu. Sau chiến tranh, bao người từ khắp nẻo bang Shan đến hỏi cưới bà, có người còn lặn lội từ Rangoon hay Mandalay về. Tiếng tăm về sắc đẹp tuyệt trần của bà vang xa như vậy đấy. Họ mang theo bao sính lễ, vàng bạc châu báu, gấm vóc lụa là, những thứ sau này Mi Mi đem phân phát cho người trong làng. Bà từ chối mọi lời cầu hôn. Sau đó cũng vậy, dẫu Tin Win đã rời xa mười, hai mươi rồi ba mươi năm.

“Mi Mi sống trong căn nhà cha mẹ để lại với vài người bà con. Bà trông nom gia súc gia cầm: đàn gà, cặp heo, con trâu già còm cõi cùng con chó. Bà chẳng mấy khi rời nhà. Chiều chiều, bà ngồi trên hiên vắn cheroot, khẽ khàng lắc lư, mắt nhắm nghiền. Đôi môi bà mấp máy tựa hồ đang kể chuyện. Bất cứ ai hưởng đặc ân ngắm nhìn bà khi ấy sẽ không bao giờ quên nét duyên dáng đầy thanh nhã trong từng chuyển động.

“Quả thật cheroot bà vẫn có hương vị không lẫn vào đâu được. Chúng ngọt hơn, để lại vị vani nơi đầu lưỡi. Vài năm sau độc lập, tin đồn nổi lên rằng xì gà của bà không chỉ ngon tuyệt vời, chúng sở hữu cả năng lực siêu nhiên. Chắc cô chẳng còn lạ gì, Julia nhỉ. Cô đã thấy người Myanmar chúng tôi mê tín thế nào rồi đấy.

“Tối nọ, một người đàn ông góa vợ hút cheroot của bà. Đêm đến, cô vợ đã mất hiện lên chúc phúc cho đám cưới của anh với con gái nhà hàng xóm mà anh này thầm thương bấy lâu. Trước nay, cô gái kia luôn

thẳng thường khước từ mỗi lần anh ngỏ lời, nhưng sáng hôm sau, khi anh ngồi ở hiên nhà cô ca những lời tình tự như bao ngày, cô bước ra, ngồi xuống và bên anh suốt cả ngày lẫn tối hôm ấy. Lòng rộn ràng, đêm hôm sau, anh hút thêm một điếu xì gà Mi Mi vắn, để rồi lại thấy khuôn mặt vợ đang nhoẻn cười khích lệ giữa làn khói thuốc hư ảo. Sáng ra, cô gái tiếp tục ngồi với anh, được một tuần thì cô đồng ý lời cầu hôn. Anh góa vợ đoán chắc hạnh vận của anh đều nhờ cheroot Mi Mi vắn, kể từ đó, không đàn ông nào ở Kalaw lại quên hút ít nhất một điếu cheroot của bà trước khi đi theo tiếng gọi của con tim. Chẳng bao lâu sau, những điếu xì gà này được xem như tiên dược chữa bách bệnh, như rụng tóc, táo bón, tiêu chảy, đau đầu, đau bụng và hóa giải bất cứ lời than phiền nào.

“Năm tháng trôi qua, Mi Mi trở thành bậc tài nữ ở Kalaw, lòng tôn kính dành cho bà lớn hơn cả cho thị trưởng, các thầy bói và thầy lang gộp lại. Cả những người không tin thầy bói còn đến xin bà lời khuyên khi giải quyết xung đột giữa vợ chồng, anh em hay hàng xóm láng giềng.”

U Ba đứng dậy, cẩn thận gấp hai phong thư rồi nhét vào cặp váy longyi. Làm thế nào thư rơi vào tay ông? Ông biết nội dung thư giữa Mi Mi và Tin Win từ đâu? Chắc chắn không phải từ cha tôi, bởi suy cho cùng, cha nào hay biết về thư của Mi Mi. Có quá nhiều chi tiết trong dòng sự kiện U Ba mô tả mà cha không thể cung cấp.

“Ông cho tôi hỏi một câu được không?” Tôi nói.

U Ba chờ đợi.

“Ai đã kể cho ông chuyện Mi Mi và Tin Win chi tiết đến vậy?”

“Là cha cô.”

“Không thể chỉ có mình cha tôi. Ông miêu tả nhiều cung bậc cảm xúc mà cha tôi khó lòng biết được.”

“Khi nghe toàn bộ câu chuyện, cô sẽ có thể giải tỏa mọi thắc mắc.”

“Ông có hai lá thư từ đâu thế?”

“Từ bà Su Kyi. Đầu những năm 1950, U Saw có ghé Kalaw. Hậu chiến, vận may không còn mỉm cười với ông ta. Hoặc tôi nên nói hạnh vận đã cạn, dù hai điều này không phải là một. Trong khoảng thời gian quân Nhật chiếm đóng, ông ta hợp tác với chúng, một điều khiến hình tượng ông chẳng còn tốt đẹp dưới mắt người Anh và trong phong trào độc lập của Myanmar. Ngay khi người Anh giành quyền kiểm soát đất nước, một số nhà máy xay gạo của ông chìm trong biển lửa. Chẳng ai xác định được nguyên nhân. Vài năm sau độc lập, nhiều vụ ám sát nổ ra ở đất nước này, các đảng phái thanh trừng nhau liên miên, U Saw năm lần bảy lượt bị thất thế, một phần kha khá gia tài không cánh mà bay. Nghe đâu ông cố mua cho mình cái chức bộ trưởng. Ông ta đến Kalaw hai lần trong vài ngày. Chúng tôi đoán tình hình trên thủ đô càng ngày càng bung bét. Cả hai lần, ông đều mang theo rất nhiều hành lý, hầu hết là giấy tờ, tài liệu và hồ sơ cất giữ trong nhà. Và ông chẳng bao giờ quay lại nữa. Bà Su Kyi thấy lá thư trong tư trang của ông.”

“Ông ta chết thế nào? Bị ai đó giết sao?”

“Nhiều người quen biết ông ta sau ngấm lại cũng nói vậy. Ông ta bị sét đánh lúc đang chơi golf.”

“Ông có quen ông ta không?”

“Tôi từng gặp qua ở Rangoon.”

“Ông từng lên Rangoon à?”

“Tôi theo học trên đó một thời gian. Xưa tôi học cũng khá. Người quen của nhà tôi thương tình nên lo học phí ở trường Trung học St Paul’s cho tôi được vài năm. Tôi còn giành được học bổng học Vật lý ở một trường đại học Anh. Tôi có khiếu về khoa học tự nhiên lắm.”

“Thế ông qua Anh học sao?”

“Không. Tôi phải về Kalaw.”

“Tại sao vậy?”

“Mẹ tôi trở bệnh.”

“Nặng lắm ư?”

“Bệnh tuổi già ấy mà. Tuy không đau nhức nhưng càng ngày sinh hoạt càng khó.”

“Ông không có anh chị em sao?”

“Tôi không.”

“Cũng không còn họ hàng nào ư?”

“Có chứ.”

Tôi lắc đầu bối rối, “Vậy sao họ không chăm sóc mẹ ông?”

“Đó là việc tôi phải làm. Tôi là con trai bà.”

“Nhưng U Ba ơi! Mẹ ông có bệnh thập tử nhất sinh đâu. Học xong ông đưa bà qua Anh được mà.”

“Mẹ cần tôi ngay lập tức.”

“Bà nằm liệt giường à?”

“Không, sao cô lại nói thế?”

Chúng tôi nói qua nói lại một hồi. Từng câu trả lời lại khiến lòng tôi thêm trĩu nặng, cùng lúc, tôi hiểu ra cố giải thích theo lý lẽ của mình cũng chẳng đến đâu.

“Ông chăm sóc mẹ trong bao lâu?”

“Ba mươi năm.”

“Gì cơ?”

“Ba mươi năm,” ông lặp lại. “So ra ở Myanmar, bà đã sống rất thọ.”

Tôi tính toán. “Vậy trong khoảng 20 đến 50 tuổi, ông không làm gì mà chỉ chăm sóc mẹ thôi sao?”

“Luôn tay luôn chân đẩy cô ạ.”

“Tôi không có ý nói ông ăn không ngồi rồi đâu. Tôi, ý tôi... học đại học ở Anh cơ mà. Tiền đồ sẽ rộng mở.”

Đến lượt ông không hiểu tôi.

“Ông có thể nghiên cứu dưới tư cách nhà vật lý. Nếu may mắn, không chừng còn tìm được việc ở Mỹ.” Sao tôi lại rồi rít lên thế này?

“Tôi rất mãn nguyện với đời mình, Julia à. Dẫu người vợ tôi yêu thương vô vàn ra đi quá sớm. Song ở đâu trên thế giới này, có lẽ cũng thế mà thôi.”

Chúng tôi không cùng chung quan điểm. Ông ta thật không hiểu ý tôi sao? Mỗi câu hỏi lại khiến chúng tôi thêm cách biệt. Tôi càng hung hăng trong khi ông vẫn giữ vẻ bình thản. Như thế tôi mới là kẻ đã phạm cuộc đời mình.

“Ông chưa từng hối hận vì đã quay về Kalaw sao?”

“Tôi chỉ có thể nuối tiếc nếu tôi đưa ra quyết định chỉ dựa trên ý chí của mình. Cô có tiếc chuyện mình viết tay trái không? Điều tôi làm là lẽ thường tình. Bất cứ người Myanmar nào trong vị thế ấy cũng sẽ làm vậy.”

“Tại sao ông không trở lại Rangoon sau khi mẹ ông qua đời? Biết đâu vẫn còn cơ hội di cư qua Anh.”

“Để làm chi? Con người phải thấy cả thế giới mới được sao? Ở làng này, trong từng nhà, từng chòi, cô sẽ thấy mọi cung bậc cảm xúc của con người: thương ghét, sợ hãi, tị nạnh, ghen tuông và hạnh phúc. Chẳng cần tìm đâu xa.”

Tôi nhìn ông và chợt dâng lên niềm xúc động khôn tả: người đàn ông nhỏ thó, quần áo cũ nát, miệng móm mém, người chỉ cần thêm chút may mắn là đã có thể trở thành giáo sư với căn hộ xa hoa tại Manhattan hoặc nhà riêng ở ngoại ô London. Hai chúng tôi, ai mới là kẻ mất trí? Là tôi với bao truy cầu hay là ông với tính tri túc? Tôi chẳng biết mình đang cảm thấy thế nào về ông nữa. Không phải thương hại. Mà là một thứ tình cảm lạ kì. Tôi muốn che chở cho ông dẫu tôi thừa hiểu ông chẳng cần tôi bảo vệ. Đồng thời, tôi cảm thấy an tâm, gần như bình yên, khi có ông bên cạnh. Tựa hồ ông đang che chắn tôi khỏi điều gì đó. Tôi tin tưởng ông. Vậy mà trước giờ tôi cứ nghĩ ta phải biết ai đó mới thích hay gần gũi họ.

Cha con tôi đang đứng trên cầu Brooklyn ở New York. Tôi tám tuổi, chín tuổi. Ấy là một ngày thu gió se se báo hiệu cái lạnh đầu đông. Ăn mặc phong phanh nên tôi cóng cả người. Cha choàng áo khoác của ông lên vai tôi. Tay áo dài thoòng. Như bơi trong áo nhưng tôi ấm hẳn. Qua khe hở trên những thanh sắt dưới chân, tôi thấy vô vàn tia nắng nhảy múa trên mặt sông Đông tím bên dưới. Liệu cha có thể cứu tôi nếu giờ đột nhiên cầu gãy? Tôi ước lượng khoảng cách đến bờ. Cha tôi bơi rất giỏi, tôi không nghi ngờ gì. Chẳng biết bao lần cha con tôi cứ đứng đó như thế. Thường là trong im lặng.

Cha tôi yêu những phần của New York mà chỉ khách du lịch mới có hứng thú. Những chiếc phà Circle Line chạy quanh Manhattan. Tòa nhà Empire State. Tượng Nữ thần Tự do cùng mấy cây cầu. Như thế cha chỉ đang ghé qua nơi này. Hớp hồn cha nhất phải kể đến bến phà Staten Island Ferry. Thỉnh thoảng, sau ngày dài làm việc, ông lại tản bộ xuống cầu tàu chỉ để đi một chuyến tàu rồi vào lại.

Tôi nhớ lần nọ, chúng tôi đứng chỗ lan can phà, ngay trên dàn xe hơi, cha nói ông không cảm nhận được bến cảng và đường chân trời của thành phố đã đổi khác nhường nào. Nhắm mắt lại, ông vẫn thấy hình ảnh buổi sáng rét cóng tháng Giêng năm 1942, gió buốt đến độ chẳng ai đứng nổi trên boong tàu ngoại trừ ông.

Lúc ấy, tôi chẳng thể hiểu nổi, ông tìm kiếm điều gì ở những nơi dân New York chẳng bao giờ bén mảng trừ khi có khách phương xa đến. Về sau, tôi chán. Mười mấy tuổi đầu, cứ bám đuôi cha thì thật xấu hổ nên tôi thôi đi cùng ông. Giờ ngẫm lại, tôi chợt hiểu, giữa dòng khách du lịch, ông mới tìm được khoảng cách ông cần giữa bản thân và thành phố nơi ông chẳng thuộc về. Nơi chỉ còn ông và niềm mong nhớ. Phải chăng ở đó, ông gần với Mi Mi nhất? Ông thấy mình rời New York trên tàu hay bằng máy bay? Ông đã mơ về nó chẳng?

U Ba và tôi lần theo đường mòn cho trâu để lên dốc. Chiều dần buông. Lửa bập bùng cháy trước vài căn chòi, gió đưa làn khói bâng

lảng khắp sân. Giờ tôi đã quen với mùi gỗ cháy khi đêm về.

Tôi không biết mình đang đi đâu. U Ba bảo chỉ có thể kể nốt câu chuyện ở một nơi duy nhất. Ông đứng dậy, cho bình thủy và cốc nước vào túi, xếp ghế rồi ra hiệu cho tôi đi theo. Nhìn đồng hồ xong, ông bước chậm lại. Như thế chúng tôi có hẹn mà đến sớm quá.

Tôi bồn chồn.

“Chẳng còn mấy điều tôi có thể kể cho cô,” U Ba lên tiếng, dừng chân lại chốc lát. “Cô biết nhiều hơn tôi về khoảng thời gian cha cô ở Mỹ.”

Và nó lại trôi lên, câu hỏi tôi đề nén suốt hai ngày qua: Thực sự thì, tôi biết gì kia chứ?

Phải, tôi có kỉ niệm, những kỉ niệm đẹp tươi và êm đềm mà tôi trân quý vô cùng, nhưng chúng được tích sự gì trong việc thấu hiểu cha? Đó chỉ là thế giới qua đôi mắt trẻ thơ. Chúng không thể trả lời câu hỏi thường trực trong đầu tôi. Tại sao cha không trở về Kalaw sau chiến tranh?

Tại sao ông cưới mẹ tôi? Ông có yêu bà không? Ông phản bội mẹ tôi do có Mi Mi hay phản bội Mi Mi do có mẹ tôi?

“U Ba, tại sao học luật xong cha tôi vẫn ở lại New York?” Tôi giật mình trước giọng điệu của bản thân. Đó là giọng mẹ tôi những lúc cố kiềm cơn nóng giận.

“Theo cô thì sao, Julia?”

Tôi chẳng muốn giả định gì thêm nữa. Tôi cần câu trả lời. Cần sự thật. “Tôi không biết.”

“Cha cô còn lựa chọn nào ư? Nếu trở về Myanmar, ông sẽ phải răm rắp nghe theo lời chú. Vì cha cô mắc nợ ông ta. U Saw đã giành được vai trò người cha, mà phận làm con chẳng ai cãi lời phụ mẫu. Chờ đợi ông nơi Rangoon này không phải Mi Mi mà là cuộc đời vạch sẵn. Vợ trẻ. Công ty to. Muốn tránh né thì New York là cơ hội duy nhất.” Ông nhìn tôi như muốn xem xem có thuyết phục được tôi không. “Năm mươi năm trước cô à. Nước tôi thủ cựu lắm, xưa hay nay cũng vậy.”

Tôi nghĩ về quyết định chăm sóc mẹ thay vì học đại học của U Ba. Có lẽ tôi đã sai khi đánh giá ông hay cha tôi dựa trên những tiêu chuẩn của bản thân. Tôi lấy tư cách gì để đánh giá người khác chứ? Tôi đến đây để tìm cha, để hiểu ông hay để thử lòng ông?

“Cha tôi có thể trở về sau khi U Saw qua đời.” Nó là một gợi ý, một câu ngầm hỏi, không còn là lời buộc tội.

“U Saw mất vào tháng Năm năm 1958.”

Ba tháng trước khi anh tôi chào đời.

“Tại sao cha cưới mẹ tôi? Tại sao ông không đợi đến khi U Saw chết rồi trở về với Mi Mi?”

“E là tôi không thể trả lời câu hỏi này cho cô.”

Lần đầu tiên tôi nhận thấy sự khó chịu gai lên trong giọng nói của U Ba. Ông rối trí hơn là giận dữ. Tôi nhớ lại lời mẹ nói trước lúc tôi khởi hành. Cha không đồng ý kết hôn với mẹ suốt một thời gian dài. Ông đã cảnh báo bà về hôn nhân của hai người. Vậy tại sao cuối cùng ông lại thuận theo? Hay ông quá đơn côi sau bao năm vò võ nơi đất khách quê người? Ông tìm chốn xoa dịu? Ông hi vọng mẹ tôi sẽ giúp ông quên Mi Mi? Song từ những chuyện tôi biết, điều đó quá vô lý. Ông có yêu mẹ? Có lẽ không. Từ góc nhìn của mẹ thì không. Hay ông nuôi hi vọng rồi sẽ yêu được bà? Lẽ nào mong ước có một gia đình riêng mãnh liệt đến mức ông đã lung lay?

Biết đâu ông yêu bà, chỉ là bà không thấy, không tin, bởi nó không phải cách bà yêu thương.

Mẹ tội nghiệp của tôi. Tôi nhìn thấy khuôn mặt đặng cay và đánh lại của bà. Tôi nghe thấy giọng nói lạnh lùng và sắc như dao của bà khi cha lại về muộn vì bắt chuyến phà đến đảo Staten. Tôi hồi tưởng những ngày bà đều đặn giam mình trong phòng tối. Không rời khỏi giường vì căn bệnh lạ mà đứa trẻ như tôi không biết tên. Ngoài bác sĩ tư của gia đình, chẳng ai được vào thăm, kể cả cha. Giờ lớn tôi mới hiểu ngày đó bà bị trầm cảm. Cha mẹ tôi đều sẽ sống tốt hơn nếu không có người kia.

Tôi thấy tiếc cho họ. Dầu cha dành tình cảm gì cho mẹ, dầu có những lúc cha vui vầy bên chúng tôi, những đứa con ông đẻ ra, ông vẫn lạc lõng. Vì ông không có Mi Mi ở bên.

Liệu ông có đáng trách khi xuôi theo lời ngon ngọt của mẹ tôi? Hay bà mới là người sai, đòi hỏi ở cha thứ ông chẳng thể nào trao gửi?

Chúng tôi bước đi trong im lặng. Men theo con dốc thoải thoải rồi rẽ ngoặt trước bờ giậu um tùm. Chúng tôi tiếp tục đi thẳng, gạt cỏ vạch lối, băng qua đường ray xe lửa, đi hết đồng cỏ rồi rẽ vào con đường đưa cả hai đến một góc khá tách biệt của Kalaw. U Ba dẫn tôi qua vài khoảnh sân, nơi trẻ con đang vui đùa. Chúng tôi dừng trước một cánh cổng. Vườn tược được chăm chút cẩn thận. Sân mới dọn. Cắm gà mới đổ đầy máng. Dưới hiên xếp bó củi và đồng cảnh khô. Nhà không rộng nhưng khá chắc chắn. Tôi thấy trên hiên để nồi nhôm cùng chén bát, muống nĩa. Chúng tôi ngồi đợi trên cầu thang.

Tôi nhìn quanh sân. Cây bạch đàn phân chia ranh giới với nhà hàng xóm. Trước chuồng gà kê tấm ván để ngồi. Trước đó lại đặt cái cối đá. Tôi nhìn những thanh gỗ chắc chắn dựng thành lan can, một đứa trẻ có thể dễ dàng níu vào để đu mình lên. Trong một thoáng, các mảnh ghép dần rơi vào vị trí. Tôi biết mình đang ở đâu. Tôi bật dậy nhìn quanh.

Tôi nghe hơi thở của cha trong nhà. Tôi nghe Mi Mi bò trên sàn. Tôi nghe họ thầm thì. Giọng họ du dương. Tôi bắt kịp họ rồi.

U Ba quay lại câu chuyện.

10

Ai nấy trong quán trà đều lặng đi khi Tin Win kể xong chuyện. Có thể nghe rõ tiếng đèn nện cháy lách tách và hơi thở đều đều của khách khứa. Không ai nhúc nhích. Ruồi đậu trên bánh đường dinh dính cũng ngừng vo ve.

Tin Win bộc bạch tất cả. Giọng ông khản đặc. Môi mấp máy nhưng tiếng chẳng còn. Liệu sau này ông còn nói được không? Ông đứng dậy, nhấp ngụm trà nguội ngắt, vươn vai, đi ra cửa. Đến lúc rồi. Ông quay lại, nhìn quanh lần nữa và cất lời từ biệt. Nụ cười là hình ảnh cuối cùng họ thấy.

Xe tải chở lính bon bon trên đường. Những đứa trẻ mặc quân phục xanh. Không ai buồn để tâm, song tất thảy đều dạt ra cho xe chạy. Xe đang trễ.

Tin Win siết váy longyi rồi thông thả dạo xuống đường chính. Bên phải là tịnh xá. Trên tường, nhiều chỗ ván đã long ra, mái tôn gỉ sét chẳng có vẻ gì chống chịu được mưa gió. Duy những chiếc chuông chùa nho nhỏ vẫn leng keng như xưa. Một tốp sư thầy trẻ tuổi đi chân đất tiến về phía ông. Bụi đường khiến cà sa nâu đỏ của các thầy hóa xám. Ông mỉm cười. Các thầy cười đáp lại.

Ông đi qua chợ vắng, băng ngang đường ray chỗ nhà ga con con, đoạn chậm rãi bước lên khu đồi nhà bà. Ông dám chắc bà vẫn sống ở nhà cha mẹ. Chốc chốc, ông lại dừng chân nhìn xung quanh. Ông không vội. Năm mươi năm thì còn vội gì. Ông cũng chẳng hồi hộp. Phút giây chiếc Boeing 737 của hãng Thái Airway's đáp xuống Rangoon, mọi âu lo trong ông dạt về miền xa, và giờ phút này, ông

cho mình tận hưởng hạnh phúc. Một niềm hạnh phúc không gì đong đếm, chẳng vương sợ hãi hay đa đoan, trào dâng theo từng giây phút. Ông hòa theo dòng cảm xúc, nó đong đầy đến độ ông không kìm được nước mắt. Nửa thế kỉ đã qua. Ông về rồi.

Khung cảnh Kalaw khiến ông bất ngờ. Vừa lạ lại vừa quen. Ông vẫn nhớ những mùi hương. Ông biết thị trấn có mùi gì khi đông về và hạ đến, những hôm họp chợ hay lễ lạt, lúc đó trong nhà ngoài ngõ ngập tràn mùi nhang. Và ông biết nơi này cất tiếng ra sao. Kalaw của ông gầm gừ và khò khè. Nó rít ré và canh cách. Nó còn có thể hát và nỉ non. Nhưng ông không biết hình thù của nó. Ông thấy lần cuối khi còn bé, dấu chỉ qua đôi mắt đục mờ. Ông đến hội quán Người Anh, khu bể bơi trồng trái mọc đầy cây. Xa xa, ông trông thấy sân tennis, phía sau là khách sạn Kalaw phong cách Tudor với mái đỏ. Tất cả giống như lời Mi Mi miêu tả. Ất hẳn ông đã sống với bà Su Kyi đầu đó ở dãy nhà phía sau.

Ông đứng nơi ngã ba, chẳng biết chọn hướng nào. Đi thẳng hay rẽ trái lên con dốc? Xưa ông từng công Mi Mi đi trên con đường này suốt bốn năm mà chẳng cần nhìn. Ông khép mắt. Chúng không cần thiết nữa rồi. Chân ông sẽ nhớ, cả mũi và tai cũng thế. Thứ gì đó kéo ông về phía trước. Mắt nhắm nghiền, ông bước đi. Ông ngửi thấy hương xoài chín và hoa nhài. Tin Win nhận ra mùi. Đây chắc hẳn là chỗ có tảng đá phẳng hai người hay ngồi nghỉ. Ông tìm ra dễ dàng.

Ông nghe tiếng trẻ con nô đùa trong sân, ré lên cười. Không giống giọng như ngày ông còn trẻ nhưng bản chất thì vẫn thế. Ông ngạc nhiên thấy mình nhắm mắt mà vẫn có thể tiến bước tự tin đến vậy. Ông từng thử nhắm mắt ở New York, thì tông vào người đi bộ, va phải đèn đường và cây cối. Thậm chí suýt bị taxi cán.

Còn nơi đây, ông không vấp lấy một lần.

Ông dừng chân trước cổng vườn.

Mùi bạch đàn. Biết bao lần ông nhớ về cái cây này. Biết bao lần ông thao thức giữa đêm ở New York, mừng tượng mùi hương này trong

mũi.

Ông mở cổng. Biết bao lần ông đã hình dung phút giây này.

Ông bước vào. Hai con chó quẩn quýt quanh chân. Gà nhốt trong chuồng.

Tin Win nghe thấy tiếng nói trong nhà. Ông cười xằng đan. Chân ông nhớ mặt đất này. Đất mềm, ẩm, nhồn nhột giữa các ngón chân, ông lần mò tới cầu thang, tìm tay vịn. Tay ông nhớ thớ gỗ này. Mọi thứ vẫn như xưa.

Ông leo lên cầu thang, từng bậc một. Ông không vội. Năm mươi năm thì còn vội gì.

Ông đi dọc hiên nhà. Những âm thanh không còn nữa. Ông bước tới cửa, tất cả rơi vào thinh không.

Ông nghe thấy mọi người lướt qua ông rồi biến mất. Kể cả những con bướm đêm bu xung quanh bóng đèn cũng bay ra cửa sổ, chìm vào chạng vạng. Bọ và gián thoăn thoắt chui vào khe hở trên gỗ.

Tất thảy đều ngưng bật.

Ông tiến về chỗ bà mà chẳng mở mắt. Không cần thiết nữa rồi.

Có người đã đóng giường cho bà.

Tin Win quỳ xuống trước giường. Giọng bà. Lời bà thì thầm. Tai ông vẫn nhớ.

Đôi tay bà chạm lên mặt. Da ông vẫn nhớ.

Khuôn miệng và bờ môi ông vẫn nhớ. Ngón tay và mũi ông vẫn nhớ. Bao lâu nay ông khát khao mùi hương này. Ông đã xoay xở thế nào mà không có bà ở bên như vậy? Ông tìm đâu ra sức mạnh để lần hồi từng ngày vắng bóng bà?

Giường đủ chỗ cho hai người.

Sao bà lại nhẹ như thế.

Tóc bà lơ thơ trên mặt ông. Nước mắt bà.

Muốn sẻ chia, muốn trao đi quá đổi, trách sao thời gian quá ít ỏi.

Đến sáng, sức lực họ cạn kiệt. Mi Mi thiếp đi trong vòng tay ông.

Mặt trời sắp lên, tiếng chim ca báo Tin Win biết. Ông gối đầu lên bầu ngực bà. Ông không nhầm. Tim bà yếu ớt và mỗi một. Nó đã sẵn sàng dừng lại.

Ông đã đến kịp lúc. Vừa kịp lúc.

Đến trưa, một người bà con phát hiện. Lúc sáng anh này có ghé một lần nhưng tưởng họ còn ngủ.

Tin Win gối đầu lên ngực bà. Tay bà choàng quanh cổ ông. Khi anh này quay lại, hai người đã trắng bệch và lạnh ngắt.

Anh ta hốt hải xuống phố gọi bác sĩ trong viện.

Bác sĩ không lấy làm bất ngờ. Hơn hai năm nay, Mi Mi không rời nhà lấy một lần. Bà liệt giường suốt mười hai tháng qua. Bác sĩ biết sớm muộn bà sẽ qua đời. Âm thanh thu được từ ống nghe không mấy khả quan. Ông không lý giải được tại sao bà vẫn sống dầu tim yếu và phổi viêm như thế. Nhiều lần, ông đề nghị đưa bà lên viện. Tuy chăm sóc y tế ở đó cũng tồi tàn nhưng ít ra vẫn tốt hơn nơi đây. Song bà từ chối. Khi ông hỏi làm thế nào bà vẫn bền bỉ sống dù bệnh tật đầy mình, bà chỉ mỉm cười. Vài ngày trước, bác sĩ đến thăm và mang cho bà ít thuốc, ông kinh ngạc khi thấy bà tràn đầy sức sống. Tươi tỉnh hơn hẳn mấy tháng qua. Bà ngồi thẳng trên giường, khe khẽ hát với đóa hoa vàng cài trên mái tóc. Tựa hồ bà sắp có khách ghé thăm.

Bác sĩ không biết người đàn ông nằm chết cạnh bà là ai. Ông ta tầm tuổi bà Mi Mi, có lẽ cũng là người Myanmar, nhưng chắc chắn không phải dân Kalaw hay mấy vùng phụ cận. Tuy tuổi đã già nhưng răng của ông còn rất tốt. Bác sĩ chưa từng thấy chân ai mềm mại đến thế. Không phải của một người cả đời đi chân đất. Đôi tay ông ta cũng không phải tay nông dân. Ông ta còn mang cả kính áp tròng. Chắc ông từ Rangoon đến.

Trông ông ta có vẻ khỏe mạnh, do đó bác sĩ chỉ có thể phỏng đoán nguyên nhân cái chết.

“Suy tim,” ông viết vào mảnh giấy.

Tin Mi Mi qua đời lan khắp vùng nhanh chẳng kém lời đồn Tin Win trở về đêm trước. Chiều hôm ấy, người dân thị trấn tụ tập trong sân, tay cầm những vòng nhài tươi cùng những bó lan, lan Nam Phi, lay ơn và phong lữ. Họ đặt chúng trên hiên, đến khi hết chỗ thì xếp lên các bậc thang, trước nhà hoặc trong sân. Những người khác mang xoài, đu đủ, chuối, táo đến phúng viếng, xếp thành những mâm trái cây nhỏ. Mi Mi và người bà thương yêu không được thiếu thứ gì. Người ta đốt nhang rồi cắm lên đất hoặc vào mấy bát nhang đầy cát.

Nông dân rời đồng, nhà sư rời chùa, cha mẹ dắt díu con cái, ai già yếu không leo núi được thì nhờ hàng xóm hay bạn bè công tới. Đến tối, khoảnh sân đầy người và hoa quả. Đó là một đêm trời trong mát, khi ánh trăng chiếu xuống núi đồi, con đường cùng những ngôi nhà gần đó đông nghịt người đi viếng. Họ mang theo nến, đèn pin, đèn lồng chạy bằng ga, để rồi bất cứ ai nhìn từ hiên nhà Mi Mi sẽ thấy một biển ánh sáng. Không ai to tiếng mà chỉ rầm rì. Người nào chưa biết chuyện của Tin Win và Mi Mi thì được hàng xóm thì thầm cho nghe. Một số cụ ông, cụ bà già nhất vùng nói họ quen Tin Win và chưa từng nghi hoặc chuyện mai kia ông sẽ trở về.

Sáng hôm sau, các trường học, quán trà, kể cả tịnh xá đều vắng tanh, không ai ở Kalaw không biết chuyện xảy ra. Dòng người đi viếng vang vọng tiếng khóc, tiếng hát, nhảy múa và cả nói cười. Sau khi bàn với bên quân đội, sư trụ trì, các vị có chức sắc cùng thị trưởng đã cho cử hành tang lễ của Mi Mi và Tin Win theo một trong những nghi thức trọng thể nhất Kalaw: Di hài hai người được hỏa táng tại nghĩa trang.

Từ lúc ban mai ló dạng, hơn chục thanh niên đã gom góp củi khô, cành cây rồi chất thành hai đống. Tồn gần ba tiếng đồng hồ, dòng người đưa tang từ nhà Mi Mi mới đến được nghĩa trang bên kia thị trấn.

Không có lễ nghi hay bài phát biểu nào. Bởi họ chẳng cần an ủi.

Gỗ khô, lửa bén. Chỉ trong vài phút, hai thi hài đã rừng rực cháy.

Hôm ấy trời vắng gió. Những cột khói trắng tinh như màu đóa nhài.
Chúng vút thẳng lên trời xanh.

11

Nghe U Ba kể cha qua đời mà tôi bần thần. Tại sao kia chứ? Tôi đã có bao ngày rộng thảng dài. Nhưng thứ gì trong đời có thể chuẩn bị cho ta khi mất đi cha mẹ?

Mỗi giờ phút lắng nghe ông nói, tôi lại thêm tự tin. Chuyện ông kể khiến cha sống động hơn hẳn so với kí ức tôi. Cuối cùng, tôi đã đến gần ông đến mức tôi chẳng tưởng nổi ông đã mất. Cha vẫn sống. Chỉ là tôi sẽ không bao giờ được gặp lại ông nữa. Tôi ngồi cạnh U Ba trên bậc thang, đình ninh hai người họ vẫn ở trong nhà. Tôi nghe họ thì thầm. Nghe giọng họ nói.

Kết thúc câu chuyện. Tôi những định đứng lên, đi vào nhà. Tôi muốn chào họ và vòng tay ôm cha lần nữa. Mất mấy giây tôi mới hiểu được những lời U Ba vừa nói. Tựa hồ tôi đã không để tâm vào chương cuối cùng của giai thoại ấy. Chúng tôi không vào nhà. Tôi chưa muốn nhìn bên trong. Vẫn chưa.

U Ba đưa tôi về nhà ông, nơi tôi kiệt sức thiếp đi trên đi văng.

Hai ngày kế tiếp, tôi ngồi trên ghế bành trong phòng đọc nhìn ông phục chế sách. Chúng tôi nói chưa tới đôi câu. Ông ngồi khom lưng, toàn tâm toàn ý vào công việc. Xem xét trang sách. Nhúng những mẫu giấy vào keo. Sao chép chữ A rồi O. Xem thường mọi nguyên tắc hiệu quả.

Thái độ an nhiên của ông khi thực hiện thói quen này khiến tôi thấy yên lòng, ông không hỏi tôi câu nào, cũng chẳng đưa ra yêu cầu gì cả. Thỉnh thoảng, ông liếc nhìn tôi qua rìa kính rồi mỉm cười. Dẫu không chuyện trò nhiều nhưng tôi vẫn thấy an toàn và vô lo khi có ông.

Sáng ngày thứ ba, chúng tôi ra chợ. Tôi đề nghị nấu cho ông bữa cơm. Hồi ở Manhattan tôi cũng hay nấu ăn mời bạn bè. Ông có vẻ bất ngờ nhưng rất vui. Chúng tôi mua gạo, rau, rau thơm và gia vị. Tôi định làm cà ri chay, món tôi thường nấu cùng cô bạn người Ấn ở New York. Tôi hỏi ông đồ bào khoai. Ông chẳng hiểu tôi nói gì. Ông có mỗi một con dao. Nó cùn trơ.

Tôi chưa từng nấu bếp củi. Cơm bị khô. Cà ri sôi ùng ục, trào ra làm lửa tắt. Ông kiên nhẫn nhóm lại.

Thế mà ông vẫn khen ngon.

Chúng tôi ngồi xếp bằng trên ghế dùng bữa. Nấu ăn giúp tôi khuây khỏa. Giờ nỗi buồn đã trở lại.

“Cô đã nghĩ mình sẽ gặp lại cha sao?” Ông hỏi.

Tôi gật đầu. “Dẫu đau lòng lắm.”

U Ba không nói gì.

“Cha ông còn sống không?” Hồi sau tôi hỏi.

“Không. Cha tôi mất vài năm trước.”

“Ông bị bệnh à?”

“Cha mẹ tôi già rồi, ở Myanmar đã là thọ lắm.”

“Họ mất đi có khiến đời ông thay đổi không?”

U Ba ngẫm nghĩ. “Xưa tôi túc trực bên mẹ còn giờ ở một mình nhiều hơn. Ngoài ra cũng chẳng khác là mấy.”

“Bao lâu ông mới vượt qua mất mát đó?”

“Vượt qua à? Có lẽ tôi sẽ không dùng từ ấy. Khi vượt qua điều gì, ta tiến lên và bỏ chúng lại đằng sau. Ta bỏ người đã mất đằng sau hay ta mang họ theo cùng? Tôi thiên về hướng thứ hai. Họ song hành cùng ta. Họ ở bên ta, chỉ là trong hình thái khác. Chúng ta phải học cách chung sống cùng họ và sự ra đi của họ. Với tôi thì mất vài ngày.”

“Chỉ vài ngày thôi sao?”

“Khi hiểu mình chưa hề mất họ, tôi liền lấy lại được tinh thần. Tôi nghĩ về họ hằng ngày. Có dịp là tôi lại tưởng tượng lời họ sẽ nói. Tôi

vẫn xin họ lời khuyên, đến tận hôm nay, ở tuổi này, khi sắp đến lúc tôi nghĩ về cái chết của mình.” Ông xới thêm cơm rồi tiếp, “Tôi thấy không cần phải bi lụy vì cha mẹ mình. Họ đã già, sức yếu và sẵn sàng yên nghỉ. Hai cụ đã sống cuộc đời trọn vẹn. Cái chết không khiến họ khổ đau. Họ ra đi thanh thản. Tôi chắc chắn phút giây trái tim ngừng đập, cha mẹ tôi rất hạnh phúc. Còn cái chết nào đẹp hơn thế?”

“Chắc phải đến tuổi ngũ tuần thì mới chiêm nghiệm được như vậy.”

“Có lẽ. Thời trẻ thì khó khăn hơn. Phải một thời gian dài tôi mới chấp nhận được vợ tôi đã ra đi. Cô ấy nào đã già, còn chưa tới ba mươi. Chúng tôi chỉ mới xây căn nhà này và đang hạnh phúc bên nhau.”

“Vì sao cô ấy qua đời vậy?”

U Ba nghĩ một hồi. “Chúng tôi không cho phép bản thân đặt câu hỏi ấy bởi có đặt cũng chẳng mấy khi tìm được lời đáp. Cô thấy dân tôi nghèo thế nào rồi đấy. Cái chết là một phần cuộc sống nơi đây. Tôi đồ rằng người dân nước tôi chết trẻ hơn nước cô. Mới tuần trước, cậu con trai tám tuổi nhà hàng xóm sốt cao cả đêm. Hai ngày sau thì mất. Chúng tôi còn chẳng có thuốc chữa những bệnh đơn giản nhất. Tìm hỏi, điều tra nguyên nhân cái chết, tất cả quá đổi xa xỉ trong những trường hợp như thế. Vợ tôi mất trong đêm. Sáng ra, tôi tỉnh dậy và thấy thi thể cô ấy bên cạnh. Tôi chỉ biết có thế.”

“Tôi rất tiếc.”

Chẳng ai nói gì suốt một lúc lâu. Liệu tôi đã mất người thân nào khác ngoài cha chưa nhỉ? Ông bà ngoại còn sống. Anh trai một cô bạn bị chết đuối ở Đại Tây Dương năm ngoái. Chúng tôi hay cùng anh đến Sag Harbor và Southampton vào dịp cuối tuần. Tôi quý anh nhưng không quá thân. Tôi không đi viếng đám tang của anh. Nó trùng lịch một cuộc hẹn ở Washington. Mẹ người bạn đánh tennis chung với tôi mất do ung thư. Ngày còn bé tôi từng học piano với bà. Bệnh tật hành hạ bà suốt thời gian dài, tôi hứa vào bệnh viện thăm nhưng cứ lần lữa đến khi quá muộn. Rõ ràng cái chết không phải là một khái niệm

thường trực đối với tôi. Có thể giới người ốm sắp chết cùng thế giới người khỏe mạnh. Những người khỏe mạnh, tráng kiện không muốn biết gì về những người đang ốm đau hay hấp hối. Như thể hai bên chẳng có gì dính dáng. Như thể một bước sai trên băng mỏng, một ngọn nến bỏ quên không đủ để bắt ta từ thế giới bên này tống cổ sang bên kia. Hoặc tấm hình X quang với khối u trắng trên ngực.

U Ba mang đĩa vào bếp. Ông thổi phù phù vào lửa, đút thêm củi và đun nước.

“Không cần pha trà cho tôi đâu,” tôi gọi với rồi đứng dậy, quay ra cửa. “Ông đi với tôi nhé?”

“Tất nhiên rồi,” U Ba nói vọng ra qua bức tường gỗ. “Đi đâu thế?”

Chúng tôi bước chậm lại. Tôi hỗn hển nhưng không phải do ngọn đồi. Dốc chỉ thoải thoải. Chúng tôi đang trên đường đến điểm dừng cuối của cuộc truy tìm. Tôi đã đứng trước căn nhà nơi cha mất. Tôi đã ăn trong khu vườn cha sống thuở bé và thiếu thời. Giờ tôi muốn biết chốn ông kết thúc hành trình.

“Không có mộ bia gì cả. Gió cuốn tro cốt ông ấy đi khắp chốn,” U Ba nói trước với tôi. Tôi sợ cảnh nghĩa trang. Như thể tôi sẽ phải chấp nhận rằng hành trình của riêng mình rồi cũng khép lại.

Con đường lát gạch chật hẹp dần thay bằng đường đất, rồi thành lối đi gập ghềnh lầy lội. Một lát sau, tôi nhìn ra vài ngôi mộ lấp ló giữa bụi cây và cỏ úa. Những phiến bê tông nâu xám, nhiều phiến trang trí rất công phu, trên khắc tiếng Myanmar, số còn lại để trơn, không chạm trổ gì, vùi trong đất cát chẳng khác nào gạch ngói ở khu công trường bỏ hoang, cỏ mọc ra từ kẽ hở trên vài phiến đá. Một phiến khác mọc đầy thạch nam. Chẳng chỗ nào có hoa tươi. Chẳng mộ nào được coi sóc.

Chúng tôi leo lên và ngồi trên đỉnh đồi. Heo hút quá. Dấu hiệu duy nhất của con người là những đường mòn ngoằn ngoèo như kiến bò qua núi. Không gian tĩnh lặng. Đến cả gió cũng thôi rì rào.

Tôi nghĩ về những cuộc dạo bộ. Về cầu Brooklyn và bến phà Staten Island Ferry, về nhà chúng tôi và hương bánh quế cuộn nóng hồi buổi sáng.

Tôi cách Manhattan nghìn trùng. Vậy mà tôi không hề nhung nhớ. Thậm chí còn thấy yên bình đến lạ. Tôi nhớ lại những đêm cha kể chuyện cổ tích. Những buổi diễn opera ở Công viên Trung tâm. Ghế gập và chiếc giỏ dã ngoại nặng trĩu. Cha chúa ghét muông nĩa nhựa với cốc giấy. Ông đóng bộ vest đen như thể đi nhà hát Opera Metropolitan. Đêm hè ấm áp. Ánh nến. Lần nào tôi cũng ngủ quên trong lòng ông. Tôi nhớ lại giọng nói dịu dàng cùng nụ cười, ánh nhìn và đôi tay rắn chắc ném tôi lên không trung rồi chộp lại.

Tôi đã hiểu tại sao ông ở bên chúng tôi và tại sao ông trở về với Mi Mi sau năm mươi năm. Sức mạnh giữ ông lại New York lớn lao hơn hai từ trách nhiệm. Tôi chắc chắn ông thương gia đình, mẹ, anh trai và tôi, mỗi người theo một cách riêng. Và ông vẫn yêu Mi Mi. Ông thủy chung với cả hai tình yêu ấy, tôi biết ơn ông vì điều đó.

“Còn một chi tiết có thể cô sẽ hứng thú,” U Ba mở lời.

Tôi tò mò nhìn ông.

“Giàn thiêu của Mi Mi đằng này,” ông chỉ về một vòng tròn cách đó vài bước, “còn của cha cô thì bên kia, cách tầm hai mươi mét. Lửa bắt ngay. Gỗ khô, lửa rừng rực. Trời hôm ấy đứng gió. Hai cột khói bốc thẳng lên thiên không.”

Ông đã kể đoạn này, tôi tự hỏi tiếp theo sẽ tới đâu. “Và...?”

“Và tất cả thình lặng,” ông nói, miệng điểm nụ cười.

“Thình lặng?”

“Vạn vật. Dầu đông người như thế. Không ai nói lời nào. Kể cả lửa cũng ngừng lách tách mà chỉ âm thầm cháy.”

Hình ảnh cha hiện lên, ông ngồi bên mép giường tôi. Căn phòng màu hồng nhạt. Đèn ống sọc đen vàng đung đưa trên trần. “Và rồi động vật cất tiếng ca?” Tôi hỏi.

U Ba gật đầu. “Về sau nhiều người đi viếng bảo rằng họ nghe thấy động vật hát.”

“Không hiểu tại sao, song bất chợt hai cột khói bắt đầu lay động ư?”

“Bản thân tôi có thể làm chứng.”

“Dầu vắng gió, chúng vẫn bay về phía nhau, đến khi...?”

“Không phải sự thật nào cũng giải thích được, Julia à,” ông nói. “Và không phải cứ giải thích được thì là thật.”

Tôi nhìn nơi từng để đồng gỗ cùng hai thi hài rồi ngược lên trời. Trời xanh. Xanh ngắt, không một gợn mây.

Nửa đêm, tôi tỉnh dậy. Tôi nằm trên giường khách sạn. Giấc mơ khiến tôi thức giấc. Trong mơ tôi chừng mười hai, mười ba tuổi. Khi ấy là giữa đêm, ở nhà tôi tại New York. Tôi nghe có tiếng nói từ phòng cha. Giọng của anh và mẹ. Cha thở hắt ra, một âm thanh rất lớn, rùng rợn vọng khắp nhà. Mặc đồ ngủ trắng, tôi ngồi dậy và đi qua sảnh. Sàn gỗ lạnh ngắt dưới chân. Phòng cha bật đèn. Mẹ tôi quỳ cạnh giường ông. Bà đang khóc. “Đừng,” bà lắp bắp. “Vì Chúa, đừng. Đừng mà anh, đừng mà.”

Anh trai tôi lắc người cha, “Tỉnh lại cha ơi, tỉnh lại đi.” Anh quỳ xuống, ấn lồng ngực và hô hấp nhân tạo cho ông. Cha vùng vẫy. Mắt lồi ra. Tóc mượt mồ hôi. Ông quần quai. Ông không muốn ra đi.

Cha lại rên thật to. Ông bớt quơ quào. Tay ông co gập rồi bài hoại. Hồi sau chúng thông thượt buông khỏi giường.

Giấc mơ khiến tôi tỉnh ngủ, và tôi biết ơn khi hiện thực quá đổi nhân từ.

Tôi nhắm mắt, thử tưởng tượng giờ phút cuối cùng cha tôi bên Mi Mi. Song đành bất lực. Tôi buộc phải công nhận đó là phần về ông mà tôi không biết. Nhưng càng nghĩ, tôi càng hiểu mình không có lý do gì để than khóc. Tôi thấy thật gần cha, thứ xúc cảm khó lòng giải thích hay diễn tả. Đó là cảm giác thân thuộc của một đứa trẻ, tự nhiên và vô

tư lự. Ông mất, song đó chẳng phải tội cùng đau đớn, cả với tôi lẫn với ông. Ông không kháng cự. Ông ra đi yên bình. Ông chết vào lúc và ở nơi ông chọn. Cùng người ông chọn. Tôi không phải người kẻ bên cha cũng chẳng sao. Nó không khiến yêu thương ông dành cho tôi vơi đi. Vài phút sau tôi lại chìm vào giấc ngủ.

Tôi tỉnh dậy thì đã sáng bảnh mắt. Căn phòng oi bức nên tắm nước lạnh thật sảng khoái.

Nhân viên phục vụ gà gât phía góc phòng ăn. Có lẽ anh ta ở đây suốt từ 7 giờ sáng. Trứng rán hay ốp la. Trà hay cà phê.

Tôi nghe tiếng cô nhân viên lễ tân bước vào phòng ăn. Cô đến trước mặt tôi, máy móc cúi chào rồi đặt phong thư màu nâu lên bàn. Cô bảo U Ba mang tới lúc sáng sớm. Là thư thì quá dày. Tôi mở ra. Bên trong có năm tấm ảnh cũ, màu tô tay, gợi nhớ bưu thiếp từ những năm 1920. Ngày tháng ghi bằng bút chì ở mặt sau. Bức đầu tiên là năm 1949. Một thiếu nữ ngồi xếp bằng trước bức tường nhạ. Cô khoác trên mình chiếc áo đỏ và mặc váy longyi, mái tóc đen búi tó cài đóa hoa vàng. Miệng thoáng nụ cười. Ất là Mi Mi. U Ba không hề nói quá. Bà sở hữu nét duyên dáng và vẻ đẹp vô cùng ấn tượng, khuôn mặt ẩn tàng niềm an nhiên khiến tôi xúc động lạ kì. Ánh nhìn sắc sảo, như thể bà chỉ nhìn tôi chứ không ai khác. Cạnh bà là một cậu bé chừng tám, chín tuổi. Con của anh bà chẳng? Cậu bé nghiêm nghị nhìn vào ống kính.

Các bức hình cách nhau mười năm, luôn chụp Mi Mi ở cùng một tư thế. Trông bà chẳng già đi là bao trong bức thứ hai. Một chàng thanh niên đứng phía sau, tay đặt lên vai bà. Cả hai người mỉm cười, nụ cười vẫn thân thiện và cởi mở nhưng rõ nét u sầu.

Trong tấm kế, thời gian bắt đầu in dấu, dấu nó không thể cướp đi nét rạng ngời nơi người phụ nữ ấy. Tôi thấy Mi Mi khi về già lại càng đậm thắm hơn. Ở bên nhà, tôi chưa từng biết bất cứ người đàn bà nào không viện đến mỹ phẩm hay phẫu thuật để đẩy lùi, hoặc chí ít là che giấu, dấu hiệu lão hóa, dấu chỉ là cố đầm ăn xôi. Còn Mi Mi, bà đón nhận tuổi già như lẽ tự nhiên.

Người con trai kia vẫn xuất hiện trong hình.

Bức cuối chụp năm 1989, tức hai năm trước khi cha tôi trở về. Mi Mi gầy đi nhiều. Trông bà yếu và xuống sức. U Ba đứng cạnh. Liếc qua hai lần là tôi nhận ra ngay. Nhìn ông trẻ hơn bây giờ. Tôi trải hình ra trước mặt và xem xét từng tấm.

Đầu tiên là tìm tôi nhận ra nét tương đồng. Nó đập rợn đến mức phát đau. Não cần mấy giây mới đủ sức tượng hình cái suy nghĩ táo bạo và diễn đạt thành lời. Mắt tôi lia từ bức hình này sang bức hình khác. Người đàn ông trong tấm hình chụp năm 1969 là U Ba. Có lẽ người mười năm trước nữa cũng là ông, điểm giống nhau với cậu bé bên cạnh Mi Mi cũng rõ như ban ngày. Tôi nhắm tính. Tôi tưởng tượng U Ba đứng trước mặt. Cánh mũi dày. Nụ cười. Chất giọng nhỏ nhẹ. Cách ông gãi đầu. Tôi chợt hiểu ông gọi tôi nhớ đến ai. Sao ông không nói lời nào?

Tôi muốn gặp U Ba ngay. Nhưng ông không có nhà. Hàng xóm bảo ông lên phố. Trời đã xế chiều. Tôi hết đi lên lại dạo xuống đường chính tìm kiếm. Song chưa ai gặp ông.

Ông đã ghé qua quán trà. Nhân viên nhận ra tôi nên cho biết ngày nào ông cũng đến đó hai lần. Tuy nhiên, hôm nay chắc chắn ông sẽ không quay lại. Bởi hôm nay là 15. Cô biết đấy, Tin Win và Mi Mi mất vào ngày 15, hơn bốn năm nay, cứ vào 15 hằng tháng, người dân Kalaw lại tổ chức đêm tưởng niệm cặp tình nhân ấy. Có lẽ giờ này U Ba đang trên đường đến nhà Mi Mi. Tôi chỉ cần băng qua đường ray và đi theo dòng người.

May mà vừa kịp lúc. Khi đến ga, tôi trông thấy đoàn người rồng rắn lên đồi. Phụ nữ đội trên đầu thúng, rổ đựng cơ man nào chuối, xoài, đu đủ. Đàn ông cầm nén, nhang và hoa. Màu đỏ, lục, lam của váy longyi, màu trắng ngần của áo thun, áo khoác ánh lên dưới bóng chiều tà. Được nửa đường, tôi nghe thấy giọng đám trẻ. Hòa cùng tiếng chuông leng keng trong gió, chúng ca vang giai điệu tôi nghe văng lại từ tịnh xá trên núi mấy hôm trước.

Tôi không tài nào nhận ra nhà Mi Mi. Nhà được trang trí cờ bướm sắc sỡ. Giàn chuông con lủng lẳng dưới mái hiên. Khoảnh sân và thềm chập nhem, người ta mỉm cười chào tôi. Tôi cẩn thận lách qua đám đông. Đám trẻ ngồi ca bên hiên, nhiều người lớn lầm rầm hát theo. Từng tốp lần lượt bước lên cầu thang, biến mất vào ngôi nhà trong khi tốp khác quay lại sân. U Ba đâu rồi?

Tôi len tới trước, cùng dòng người bước lên hiên.

Ngôi nhà một gian rộng thênh thang, đồ đạc chẳng có gì ngoài chiếc giường. Cửa chớp đóng kín. Mấy chục cây nến thấp khắp sàn khiến căn phòng tắm trong ánh vàng đỏ ấm áp. Trên chiếc kệ trên cao đặt tượng Phật rất lớn. Hoa, đĩa trái cây, lá trà, cheroot và gạo xếp đầy chiếc giường dát vàng, từ cột giường, chân giường đến phần ván đầu giường, kể cả nan giường kê nệm cũng thế. Nó lấp lánh dưới ánh nến lay lắt. Các bát nhang cắm đầy và tô chậu trưng dụng đồ cúng xếp trên sàn. Không khí sực mùi nhang cùng mùi cheroot. Các cô các chị thay mới trái cây cũ, bỏ hoa héo và bày hoa tươi lên giường.

Họ lạy Phật rồi bước tới giường, nhắm mắt, giơ tay, lướt những ngón tay trên gỗ. Tựa hồ làm thế, họ sẽ đánh thức mầm bệnh. Thứ mầm bệnh lẫn khuất trong tất cả chúng ta.

“Chết,” U Ba từng nói, “không phải cái kết đời người mà là một chặng trong đời.” Ông chẳng cần giảng giải với bất cứ ai nơi đây.

Tôi thu mình, bất động. Bóng tối dần phủ lên khoảnh sân. Qua khe hở trên tường, tôi thấy cả căn nhà giờ đã lung linh trong ánh nến.

U Ba đứng cạnh tôi tự lúc nào. Ông mỉm cười như chưa hề có gì xảy ra. Tôi muốn lên tiếng, song ông đặt tay lên môi, ra hiệu cho tôi im lặng.

Lời tri ân của tác giả

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến các bạn tôi ở Myanmar, đặc biệt là Winston cùng Tommy, vì đã nhiệt tình giúp tôi tìm hiểu về Kalaw và Rangoon.

Đặc biệt, tôi vô cùng biết ơn vợ tôi, Anna, bởi nếu không có những góp ý, sự kiên nhẫn cùng tình yêu của em, cuốn sách này sẽ không bao giờ tượng hình.

MỤC LỤC

1. [Lời đề tặng](#)
2. [1](#)
3. [2](#)
4. [3](#)
5. [4](#)
6. [5](#)
7. [6](#)
8. [7](#)
9. [8](#)
10. [9](#)
11. [10](#)
12. [11](#)
13. [Lời tri ân của tác giả](#)

Table of Contents

[Lời đề tặng](#)

[1](#)

[2](#)

[3](#)

[4](#)

[5](#)

[6](#)

[7](#)

[8](#)

[9](#)

[10](#)

[11](#)

[Lời tri ân của tác giả](#)